HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VƯƠNG CƯỜNG

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG Ở BẮC NINH HIỆN NAY

(QUA TRƯỜNG HỢP LÀNG ĐẠI LÂM, XÃ TAM ĐA, HUYỆN YÊN PHONG VÀ LÀNG BẤT LỰ, XÃ HOÀN SƠN, HUYỆN TIÊN DU)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2023

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VƯƠNG CƯỜNG

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG Ở BẮC NINH HIỆN NAY

(QUA TRƯỜNG HỢP LÀNG ĐẠI LÂM, XÃ TAM ĐA, HUYỆN YÊN PHONG VÀ LÀNG BẤT LỰ, XÃ HOÀN SƠN, HUYỆN TIÊN DU)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS,TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM**

2. TS. NGUYỄN THỊ TUYẾN

HÀ NỘI - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Trịnh Vương Cường

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN	11
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	11
1.2. Cơ sở lý luận về biến đổi văn hóa làng	31
Chương 2: BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA Ở BẮC NINH VÀ SỰ BIẾN ĐỔI KINH TẾ, XÃ HỘI Ở LÀNG ĐẠI LÂM VÀ LÀNG BẤT LỰ	42
2.1. Bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Bắc Ninh	42
2.2. Biến đổi kinh tế - xã hội ở làng Đại Lâm và làng Bất Lự	48
Chương 3: BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở LÀNG ĐẠI LÂM VÀ LÀNG BẤT LỰ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA	75
3.1. Biến đổi không gian, cảnh quan làng	75
3.2. Biến đổi quan hệ gia đình, họ hàng, làng xã	82
3.3. Biến đổi di tích, tín ngưỡng, lễ hội và các phong tục, tập quán	93
3.4. Biến đổi lối sống, tiếp cận thông tin và các hoạt động giải trí	107
Chương 4: BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG ĐẠI LÂM VÀ BẤT LỰ: XU HƯỚNG, SỰ THÍCH ỨNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	125
4.1. Một số xu hướng cơ bản của quá trình biến đổi văn hóa ở hai làng	125
4.3. Sự thích ứng văn hóa của cộng đồng dân cư hai làng trong bối cảnh chuyển đổi	136
4.3. Một số vấn đề đặt ra từ sự biến đổi văn hóa ở hai làng	140
4.5. Kiến nghị và đề xuất	150
KẾT LUẬN	157
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	160
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	161
PHỤ LỤC	175

DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

CLB	:	Câu lạc bộ
KCN	:	Khu công nghiệp
KT - XH	:	Kinh tế - xã hội
NCS	:	Nghiên cứu sinh
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

		Trang
Bảng 2.1:	Nghề nghiệp của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự trước và sau năm 2007	58
Bảng 2.2:	Những ngành nghề đóng góp chính vào thu nhập của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự trước và sau năm 2007	60
Bảng 2.3:	Ý kiến đánh giá của người dân ở hai làng về mức sống của gia đình trước và sau năm 2007	63
Bảng 2.4:	Đánh giá của người dân về mức sống gia đình so với thời điểm trước năm 2007	63
Bảng 2.5:	Đồ dùng, tiện nghi trong các hộ gia đình (ở Đại Lâm và Bất Lự) trước và sau năm 2007	65
Bảng 2.6:	Sự tham gia của người dân vào câu lạc bộ, hội, nhóm ở Đại Lâm và Bất Lự thời điểm trước và sau năm 2007	68
Bảng 2.7:	Đánh giá của người dân về vai trò của sức khỏe của bản thân và gia đình	69
Bảng 2.8:	Ưu tiên đầu tư của các hộ gia đình hiện nay	70
Bảng 2.9:	Tiêu chuẩn về sự giàu có, thành đạt trước đây và hiện nay	71
Bảng 3.1:	Mức độ dựa vào sự trợ giúp của họ hàng mỗi khi có công việc của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với thời điểm trước năm 2007	88
Bảng 3.2:	Mức độ dựa vào sự trợ giúp của hàng xóm khi có công việc của các gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với trước năm 2007	91
Bảng 3.3:	Ý kiến của người dân về những thay đổi trong việc tổ chức cũng như trong các hoạt động diễn ra ở lễ hội làng hiện nay so với trước đây	100
Bảng 3.4:	Ý kiến của người dân về sự thay đổi của các phong tục tập quán (cưới xin, tang ma) ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với trước đây	102
Bảng 3.5:	Mức độ sử dụng các loại hình dịch vụ của người dân	113
Bảng 3.6:	Nguồn giúp đỡ chủ yếu của người dân khi gia đình có công việc	115
Bảng 3.7:	Đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt trong các hộ gia đình trước và sau năm 2007	119
Bảng 3.8:	Các nguồn tiếp cận thông tin chủ yếu của của người dân ở hai làng	119
Bảng 3.9:	Các hoạt động giải trí và sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân ở Đại Lâm và Bất Lự trước đây và hiện nay	120

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kể từ khi đổi mới đất nước, nhất là từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX cho đến nay, Việt Nam đã tham gia quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa với tốc độ ngày càng nhanh và quy mô ngày càng rộng. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh khiến cho nhiều vùng nông thôn bị lấy đi một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp và các loại đất khác để phục vụ cho xây dựng các nhà máy, khu chế xuất, khu du lịch, khu đô thị mới,… đồng thời kéo theo những biến đổi trên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội (KT – XH) của các cộng đồng dân cư nơi đây, từ không gian – cảnh quan, phương thức sản xuất, cơ cấu nghề nghiệp, tổ chức xã hội, phân bố dân cư,… Về thực chất đây là quá trình thay đổi từ cơ cấu tổ chức xã hội nông thôn sang tổ chức xã hội đô thị, từ hoạt động nông nghiệp là chủ yếu sang hoạt động phi nông nghiệp.

Đi cùng với những chuyển đổi về mặt KT – XH là những biến đổi trong đời sống văn hoá của cộng đồng dân cư nông thôn nói chung và ở nhiều làng quê nói riêng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, nhất là ở những nơi bị lấy đất làm các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất, khu du lịch, khu đô thị mới. Đó là sự thay đổi trong lối sống, sáng tạo văn hoá, hệ giá trị, chuẩn mực, các phong tục tập quán,… Sự xuất hiện của hàng loạt các KCN, khu chế xuất đã tạo nên bức tranh đa dạng, mới mẻ, nhiều màu sắc cho khu vực nông thôn nói chung và ở các làng quê nói riêng.

Tỉnh Bắc Ninh nằm ở khu vực châu thổ sông Hồng, từ ngàn xưa được xem như phên dậu phía Bắc của “Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội”, cái nôi của văn hóa Kinh Bắc, là vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa. Bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với lợi thế nằm trong vùng tam giác tăng trưởng kinh tế trọng điểm phía Bắc, mạng lưới giao thông thuận tiện, Bắc Ninh nhanh chóng trở thành điểm hấp dẫn đầu tư, địa bàn kinh tế năng động và có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh chóng vào bậc nhất của vùng châu thổ sông Hồng.

Nằm trong khu vực kinh tế năng động, lại vốn là những làng quê cổ có bề dày văn hóa và sớm tiếp xúc với hoạt động thương mại, nhiều làng quê Bắc Ninh đã có sự chuyển mình nhanh chóng và hiện nay trở thành những làng quê điển hình cho sự chuyển đổi và phát triển kinh tế hiệu quả của tỉnh Bắc Ninh nói riêng và khu vực châu thổ sông Hồng nói chung. Tuy nhiên, có một thực tế dễ nhận thấy, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường, một mặt, có tác động tích cực làm thay đổi diện mạo của các làng quê cũng như cải thiện đáng kể mức sống cho người dân nơi đây; tuy nhiên mặt khác, cũng có những tác động tiêu cực và đặt ra những thách thức về ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội gia tăng, những phức tạp trong quản lý xã hội, đời sống văn hoá tinh thần của các cư dân vốn cư trú trong các cộng đồng làng xã nay bị các luồng di cư làm xáo trộn, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đang đứng trước nguy cơ bị mai một,… Đó là một thực tiễn đang diễn ra phức tạp ở những cộng đồng nông nghiệp - nông thôn khi một phần đáng kể diện tích đất canh tác của họ bị chuyển đổi sang phục vụ cho các mục tiêu phi nông nghiệp.

Trong bối cảnh này, việc nghiên cứu thực trạng đời sống văn hóa ở các làng quê trong quá trình chuyển đổi từ cộng đồng có tính chất nông nghiệp - nông thôn sang cộng đồng có tính chất công nghiệp, đô thị, tìm ra những yếu tố biến đổi trong văn hoá làng, sẽ góp phần nhận diện đời sống văn hoá nước ta trong giai đoạn chuyển đổi toàn diện, mạnh mẽ hiện nay, đồng thời góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ cho việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như cho việc hoạch định, triển khai chính sách phù hợp với thực trạng của các làng.

Trong những năm gần đây, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến sự biến đổi văn hóa ở các làng quê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển đổi KT - XH, tuy nhiên, những công trình nghiên cứu chuyên sâu về chủ đề này từ góc độ tiếp cận của chuyên ngành văn hóa học chưa nhiều. Mặt khác, từ thực tiễn nghiên cứu về biến đổi văn hóa của các cộng đồng nông nghiệp, nông thôn những năm qua cho thấy, mặc dù không còn là chủ đề nghiên cứu mới và đã nhận được

nhiều sự quan tâm tìm hiểu từ những chuyên ngành khác nhau, song vẫn "còn khá nhiều vấn đề trong đó cần được nghiên cứu một cách thấu đáo hơn và cập nhật hơn với thực tế biến đổi văn hóa đang diễn ra nhanh chóng và phức tạp hiện nay", nhất là "nghiên cứu sự biến đổi văn hóa làng - một dạng thức văn hóa tồn tại lâu đời, bền vững và là nền tảng quan trọng của văn hóa Việt Nam - trong bối cảnh đô thị hóa và toàn cầu hóa..." [9, tr.13].

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu những biến đổi trong văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, luận án phân tích, làm rõ các xu hướng biến đổi cơ bản của văn hóa làng do tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm khuyến khích những thành công và giảm thiểu những hạn chế, góp phần vào sự phát triển của các làng quê Bắc Ninh cũng như bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa làng hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý thuyết và thực tiễn của biến đổi văn hóa của các làng quê Bắc Ninh hiện nay.

- Nhận diện, phân tích và đánh giá thực trạng biến đổi văn hóa làng ở Bắc Ninh hiện nay thông qua khảo sát những biến đổi trong đời sống văn hóa của hai làng Đại Lâm và Bất Lự trong bối cảnh có những tác động, ảnh hưởng của kinh tế thị trường cũng như sự thu hẹp một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp, đất thổ cư để phục vụ cho các mục tiêu phi nông nghiệp.

- Nghiên cứu những xu hướng biến đổi của văn hóa làng Đại Lâm và Bất Lự và những vấn đề đặt ra từ quá trình biến đổi văn hoá ở hai làng và ở Bắc Ninh hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình biến đổi văn hóa của làng Đại Lâm và Bất Lự trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian nghiên cứu

Luận án nghiên cứu biến đổi văn hóa ở hai cộng đồng làng Đại Lâm (huyện Yên Phong) và Bất Lự (huyện Tiên Du) từ năm 1997 - thời điểm tỉnh Bắc Ninh được tái lập và chính thức hoạt động theo đơn vị hành chính mới theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa IX ngày 06 tháng 11 năm 1996 về việc chia tỉnh Hà Bắc thành hai tỉnh là tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (có điều tra thông tin hồi cố trước năm 1997), trong đó tập trung hơn vào khoảng thời gian từ năm 2005 đối với Bất Lự và 2007 đối với Đại Lâm khi UBND tỉnh Bắc Ninh có các quyết định số 1179/QĐ-CT ngày 01 tháng 7 năm 2005 về thành lập KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn và Chính phủ có Nghị định số 60/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Yên Phong để mở rộng thành phố Bắc Ninh. Đây là giai đoạn các làng bị thu hồi một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp, đất thổ cư để phục vụ cho các mục tiêu phi nông nghiệp (Bất Lự) cũng như trở thành khu vực giáp ranh đô thị (Đại Lâm).

- Về không gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại hai cộng đồng làng ở Bắc Ninh có những khác biệt về "xuất phát điểm" và phương thức chuyển đổi trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa (và do vậy cũng có sự khác nhau về thời gian cũng như tính chất, mức độ chịu tác động, ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và nền kinh tế trị trường).

+ *Làng Bất Lự* (xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du) nằm ở khu vực giáp ranh giữa huyện Tiên Du với thành phố Từ Sơn và cách không xa thành phố Bắc Ninh. Năm 1998, xã Hoàn Sơn có quyết định thu hồi 320 ha đất nông nghiệp để phục vụ cho xây dựng KCN Tiên Sơn - KCN kiểu mẫu của miền Bắc. Đây chính là động thái đầu tiên, dấu mốc khởi đầu cho tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh kể từ thời điểm chính thức tái lập tỉnh (1997), đồng thời mở ra thời kỳ chuyển đổi mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc trong đời sống của cộng đồng dân cư nơi đây.

+ *Làng Đại Lâm* (xã Tam Đa, huyện Yên Phong) vốn là một làng cổ đa nghề, trong quá khứ được biết đến như một trong những làng quê trù phú bậc nhất của vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc. Từ năm 2007, sau khi có quyết định mở rộng địa giới hành chính thành phố Bắc Ninh (theo đó xã Vạn An, thuộc huyện Yên Phong trước đây, chuyển về thành phố Bắc Ninh), Đại Lâm trở thành làng ven đô thị, thuộc khu vực giáp ranh giữa nông thôn và đô thị. Đây là bước ngoặt quan trọng có tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống KT - XH và văn hóa của người dân trong làng.

- *Về vấn đề nghiên cứu*

Văn hóa là một khái niệm rộng, đa nghĩa và biến đổi văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê diễn ra đa dạng, trên nhiều phương diện, chiều kích khác nhau. Chính vì lẽ đó, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh (NCS) chỉ tập trung nghiên cứu, tìm hiểu những khía cạnh như: biến đổi không gian, cảnh quan; biến đổi quan hệ gia đình, dòng họ, làng xã; biến đổi di tích, tín ngưỡng, lễ hội và các phong tục tập quán; biến đổi lối sống, hoạt động tiếp cận thông tin và giải trí. Đó là những biến đổi căn bản, rõ nét và đặc trưng của bức tranh văn hóa làng trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường hiện nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được thực hiện dựa trên nền tảng quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó nhấn mạnh vai trò của phát triển kinh tế và vị trí, vai trò của phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của sự phát triển xã hội.

Tìm hiểu, đánh giá những biến đổi của văn hóa ở làng quê, luận án chọn cách tiếp cận văn hóa học, đề cao vai trò và tiếng nói của người dân ở các cộng đồng làng - những chủ thể sáng tạo và thực hành văn hóa.

Luận án cũng dựa vào một số lý thuyết nghiên cứu và luận điểm về biến đổi văn hóa, trong đó nhấn mạnh đến các quan điểm cho rằng quá trình biến đổi văn

hoá cần phải được đặt trong những bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội cụ thể, trong sự kết nối và tương tác văn hoá theo các chiều cạnh thời gian và không gian. Trong các lý thuyết, quan điểm phổ dụng về biến đổi văn hóa hiện nay, cần cân bằng giữa hai luồng ý kiến: các quan điểm cho rằng những biến đổi trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội là động lực cơ bản và chủ yếu đưa đến những thay đổi về văn hóa (Karl Marx, Daniel Bell, Ronald Inglehart và Wayne E. Baker); bên cạnh đó, nhiều tác giả lại nghiêng về quan điểm cho rằng các giá trị văn hoá có ảnh hưởng lâu dài và tự trị trong đời sống xã hội, nói cách khác những sự vận động và biến chuyển của văn hóa là mang tính tự thân (Max Weber, Samuel Huntington,…). Điểm tựa về mặt lý luận của luận án chính là quan điểm cho rằng sự biến đổi văn hóa là kết quả tác động và ảnh hưởng "kép" bởi cả hai nguyên nhân bên ngoài và bên trong: tiến trình phát triển KT - XH và quá trình vận động tự thân của văn hóa.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định tính (điền dã dân tộc học) và định lượng (bảng hỏi) để thu thập tư liệu. Việc sử dụng đồng thời hai phương pháp trên cho phép NCS, một mặt có được sự chia sẻ những trải nghiệm, cảm nhận và đánh giá xác thực của người dân ở các làng quê đối với sự biến đổi văn hóa làng; mặt khác có được cơ sở khoa học chân thực, xác đáng hơn trong việc đưa ra những luận giải về các chiều cạnh cũng như những đặc tính của sự biến đổi trong sự so sánh theo trục thời gian (thời điểm nghiên cứu và khoảng 10 năm trước đó) cũng như chỉ ra những sự khác biệt trong xu thế biến đổi ở thời điểm hiện tại.

4.2.1. Phương pháp điền dã dân tộc học

Đây là một trong những phương pháp chính được NCS sử dụng nhằm thu thập tư liệu phục vụ cho việc giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Để có thể thu thập được đầy đủ thông tin, phản ánh chân thực, sinh động và đa chiều cuộc sống cũng như các sinh hoạt thường ngày của cộng đồng dân cư ở hai làng, NCS đã sử dụng kết hợp, tổng hợp các kỹ năng như quan sát, quan sát tham dự, phỏng vấn, ghi âm, ghi chép, chụp ảnh,…

Quan sát là kỹ năng được NCS sử dụng xuyên suốt quá trình làm việc, trải nghiệm tại hai làng. Kỹ năng này một mặt giúp cho NCS đánh giá được cơ bản về các yếu tố như cảnh quan, không gian làng, các yếu tố về môi sinh, địa hình, cơ sở hạ tầng cũng như các thiết chế tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa - xã hội,… Ngoài ra, kỹ năng quan sát cũng giúp ích cho việc cảm nhận và đánh giá về thái độ, ứng xử của người dân ở làng trong các mối quan hệ gia đình, họ hàng, làng xã, từ đó có những nhận biết về đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư nơi đây.

Quan sát tham dự được NCS thực hiện khi tham gia vào các lễ tiết, lễ hội ở làng cũng như các đám cưới, đám tang và một số hoạt động kinh tế, hoạt động phong trào, tập thể khác,… Điều đó giúp cho NCS có được sự trải nghiệm để hiểu biết sâu sắc hơn đối với các sự kiện này. Đồng thời, quá trình tham dự vào các sự kiện văn hóa, xã hội của địa phương và của các hộ gia đình cũng giúp NCS có cơ hội tiếp cận, phỏng vấn người dân ở hai làng để hiểu hơn về những thay đổi trong việc tổ chức đám cưới, đám ma cũng như những thay đổi trong các hoạt động sinh kế, quan hệ xã hội của người nông dân ở làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Phỏng vấn sâu là phương pháp được NCS sử dụng trong suốt quá trình thu thập các tư liệu tại địa bàn nghiên cứu. Đối tượng NCS lựa chọn phỏng vấn bao gồm cả người dân (những người cao tuổi, chủ hộ am hiểu văn hóa) và lãnh đạo địa phương. Trong đó, có cả phỏng vấn hồi cố để có cơ sở liên hệ cũng như có cái nhìn chỉnh thể về bức tranh biến đổi văn hoá làng trong sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại.

Nội dung phỏng vấn tập trung vào những trải nghiệm, cảm nhận và đánh giá của người dân về những chiều cạnh biến đổi trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội,... ở làng hiện nay so với trước đây. Phương thức phỏng vấn được kết hợp linh hoạt giữa phỏng vấn sâu (đối với cán bộ chính quyền hay người dân có đặt lịch hẹn trước) và phỏng vấn thông thường (đối với những người dân gặp tại cộng đồng), trong đó tổng số phỏng vấn sâu được thực hiện ở cả hai làng là 20 người. Đối tượng được NCS lựa chọn phỏng vấn đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp, giới tính,… và phần lớn trong số họ là người dân gốc ở làng, chỉ một số ít là người từ nơi khác đến sinh sống, kết hôn với người dân ở địa phương trong khoảng 10 năm trở lại đây.

Thảo luận nhóm là phương pháp được sử dụng nhằm bổ trợ cho quá trình nghiên cứu, thực hiện thông qua việc tập hợp và tổ chức thảo luận, tương tác giữa người dân hay giữa các cán bộ thôn xã, đại diện đoàn thể trong làng về các chủ đề, khía cạnh liên quan đến đời sống văn hóa của người nông dân ở làng và biến đổi văn hóa làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa (ở mỗi làng, NCS thực hiện hai cuộc thảo luận nhóm: một với sự tham gia của người dân và một với đại diện lãnh đạo và các đoàn thể thôn).

4.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Bên cạnh phương pháp điền dã dân tộc học, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập các thông tin, tư liệu liên quan đến biến đổi văn hóa làng cũng như những vấn đề đặt ra được NCS sử dụng như một trong những công cụ nghiên cứu chính của luận án.

Bảng hỏi được thiết kế bao gồm các câu hỏi tập trung làm rõ những khía cạnh khác nhau trong đời sống kinh tế (hoạt động nghề nghiệp, thu nhập, nhà ở, phương tiện sinh hoạt,…) và đời sống xã hội - văn hóa (quan hệ gia đình - dòng họ - làng xã, tổ chức lễ hội, các phong tục tập quán, phương thức tiếp cận thông tin và các loại hình giải trí,…) của cộng đồng dân cư ở làng, ở thời điểm hiện tại cũng như có sự hồi cố lại thời điểm trước đó 10 năm. Chính vì lẽ đó, đa số những người được lựa chọn tham gia trả lời là người dân gốc ở các làng hoặc ít nhất cũng đã sinh sống lâu năm ở đây, đồng thời là những người có độ tuổi từ trung niên trở lên, do đó có thể cảm nhận, đánh giá được những thay đổi của làng quê nơi mình sinh sống trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Tổng số bảng hỏi được khảo sát tại hai địa bàn nghiên cứu là 222 bảng hỏi, bao gồm Đại Lâm 112 bảng hỏi, Bất Lự 110 bảng hỏi. Số lượng bảng hỏi ở mỗi làng được chia đều cho các xóm (trường hợp làng Bất Lự, số bảng hỏi được phân bổ tương ứng với tỷ lệ dân giữa hai thôn Bất Lự Làng và Bất Lự Núi). Những người được NCS lựa chọn trả lời bảng hỏi ở các làng đa số là chủ hộ/đại diện hộ (cân bằng tỷ lệ nam - nữ), độ tuổi từ 18 trở lên và có sự hiểu biết nhất định về làng quê nơi đang sinh sống.

Số liệu thu được qua các bảng hỏi tại các hộ gia đình ở hai làng được xử lý và tổng hợp bằng phần mềm SPSS. Việc kiểm định mối tương quan thống kê các số liệu này theo kỹ thuật xử lý định lượng nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng do tác động của các tác nhân cũng như những đặc tính, xu hướng biến đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư ở hai làng.

4.2.3. Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp

Luận án có phân tích, tham khảo, kế thừa các nguồn tài liệu có sẵn, bao gồm: các văn kiện, nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương liên quan đến đề tài nghiên cứu; kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, các tài liệu, báo cáo, thống kê của các tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

4.2.4. Phương pháp so sánh:

Luận án sử dụng phương pháp so sánh nhằm tìm hiểu, đánh giá sự khác biệt của các yếu tố, xu hướng biến đổi văn hóa ở hai làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. So sánh được thực hiện theo cả hai chiều lịch đại và đồng đại. So sánh lịch đại để thấy được sự khác biệt của cùng một yếu tố văn hóa trong thời điểm quá khứ so với hiện nay, so sánh đồng đại nhằm tìm ra những tương đồng và khác biệt trong sự biến đổi của các yếu tố văn hóa ở hai làng do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Bên cạnh đó, sự so sánh còn được thực hiện trên cơ sở những thay đổi về không gian cư trú, không gian sinh hoạt văn hóa - xã hội của người dân hai làng do tác động của các nhân tố kinh tế, qui hoạch dân cư.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, xin ý kiến chuyên gia,… nhằm thu thập và xử lý tư liệu một cách tốt nhất cho luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Xuất phát từ việc nghiên cứu, tiếp thu cơ sở lý luận về biến đổi văn hóa làng và kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án đưa ra một khung lý

thuyết phục vụ cho việc tiếp cận, phân tích các chiều cạnh và nội dung biến đổi của văn hóa làng ở tỉnh Bắc Ninh.

- Từ cách tiếp cận văn hóa học, thông qua tìm hiểu, khảo sát tại các điểm nghiên cứu, luận án góp phần làm sáng tỏ một số khía cạnh lý thuyết và thực tiễn về biến đổi văn hóa làng dưới tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng nhanh chóng, mạnh mẽ hiện nay. Từ đó, góp thêm những tư liệu và kiến giải nhằm bổ sung, hoàn thiện cho những nghiên cứu đã có về biến đổi văn hóa nông thôn nói chung và biến đổi văn hóa ở các làng quê nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

- Luận án bổ sung những ý tưởng mới cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về biến đổi văn hóa, nhất là biến đổi văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở nước ta hiện nay. Từ đó góp phần đem lại những cơ sở khoa học và thực tiễn có giá trị cho việc hoạch định và thực thi các chính sách cũng như phương thức quản lý phù hợp với thực tế các cộng đồng làng hiện nay.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận

Chương 2: Bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Bắc Ninh và sự biến đổi kinh tế, xã hội ở làng Đại Lâm và làng Bất Lự

Chương 3: Biến đổi văn hóa ở làng Đại Lâm và làng Bất Lự trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa

Chương 4: Biến đổi văn hóa làng Đại Lâm và Bất Lự: xu hướng, sự thích ứng và những vấn đề đặt ra

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Những nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nói chung

1.1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài

Biến đổi văn hóa được hiểu là quá trình vận động, biến đổi nói chung của mọi xã hội và "đây là một trong những đối tượng nghiên cứu trọng tâm" [8, tr.9] của khoa học xã hội. Từ khoảng nửa sau thế kỷ XX, cùng với sự mở rộng và gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa, nghiên cứu sự biến đổi văn hóa trong những tác động và chi phối của các dòng chảy kinh tế, thương mại, kỹ thuật, công nghệ, thông tin ở quy mô toàn cầu trở thành một khuynh hướng nghiên cứu hấp dẫn đối với các nhà khoa học. Ở phạm vi hẹp hơn, sự biến đổi văn hóa được tìm hiểu trong quá trình hiện đại hóa - mà dấu hiệu nổi bật của nó, đồng thời là tác nhân quan trọng của sự chuyển đổi xã hội là quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các quốc gia, đặc biệt ở những xã hội đang phát triển, được đặc trưng bởi quá trình chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại [8, tr.11]. Thực chất công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội với hệ thống công nghiệp và quá trình này diễn ra chủ yếu ở các khu vực nông thôn, nông nghiệp đang phát triển; chính vì lẽ đó mà có khá nhiều nghiên cứu về biến đổi văn hóa ở các khu vực nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, trong đó các nghiên cứu được tập trung chủ yếu thông qua việc khảo sát, phân tích những mẫu hình của sự tác động ở cấp độ làng.

Từ khoảng những năm cuối của thế kỷ XX, tìm hiểu về sự biến đổi văn hóa cũng như cuộc sống của người nông dân ở các làng quê trở thành khuynh hướng nghiên cứu hấp dẫn đông đảo các nhà khoa học xã hội với nhiều tên tuổi nổi bật: Joel M.Halpern (1967), S.M.Hafeez Zaidi (1970), James C.Scott (1976, 1985), Ronathan Rigg (1994), Min Han (2001), Ann Waswo and Nishida Yoshiaki (2003),… Các tác giả đã tập trung phân tích những khía cạnh của sự biến đổi ở làng

như cuộc sống cá nhân và gia đình, cấu trúc và phân tầng xã hội, chức năng của làng, niềm tin, tôn giáo, tín ngưỡng của người dân, những định hướng giá trị, sự giao lưu,… đồng thời chỉ ra những vấn đề cơ bản trong sự chuyển đổi nông thôn - đô thị, cuộc cách mạng ở nông thôn và tương lai của cộng đồng làng. Có thể thấy sự biến đổi về văn hoá - xã hội trong các xã hội truyền thống do tác động của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đôi khi dẫn tới sự mất cân bằng mà ở đó người nông dân dường như đang bị mắc kẹt trong mạng lưới những sự phát triển mới với tình huống, giá trị, niềm tin đang bị thay đổi dần, đe doạ đến sự ổn định truyền thống.

Nổi bật trong số các nghiên cứu về nông thôn và đời sống của người nông dân là những tìm hiểu của Jonathan Rigg (1994, 2014) về các làng quê châu Á trong tiến trình hiện đại hóa cũng như những biến đổi về văn hóa ở các làng quê nơi đây với nhiều kiến giải sắc sảo và nhận xét thú vị, đặt nền móng lý thuyết và thực tiễn cơ bản cho nhiều nghiên cứu sau này. Trong nghiên cứu *"Redefining the village and rural life: lessons from Southeast Asia"* (1994), Jonathan Rigg đã chỉ ra những đặc điểm làm nên sự khác biệt cơ bản giữa những ngôi làng truyền thống và làng hiện đại: cộng đồng làng truyền thống với các đặc trưng như tính quân bình, định hướng cộng đồng, sự tự lực và tinh thần đạo đức,… được xem như một "kiểu mẫu của đức hạnh"; còn ngôi làng hiện đại với sự mất công bằng, tính cá nhân, tính cạnh tranh mạnh, tính phụ thuộc và không đề cao đạo đức,… được nhìn nhận như là một phiên bản tồi của làng truyền thống. Nguyên nhân của những sự chuyển đổi này, theo tác giả, gắn liền với quá trình thương mại hóa, hàng hóa hóa hay nói cách khác chính là quá trình hiện đại hóa. Vẫn hướng sự tập trung vào quá trình chuyển đổi xã hội và văn hóa ở các làng quê, năm 2014, Jonathan Rigg viết "*More than the soil: rural change in SE Asia"* [153] trên cơ sở tập hợp tài liệu nghiên cứu trường hợp từ một số nước trong khu vực Đông Nam Á (đặc biệt là Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan). Từ việc xem xét các mặt xã hội, văn hoá, kinh tế và công nghệ,… trong quá trình chuyển đổi ở các vùng nông thôn của Đông Nam Á, tác giả cho rằng đời sống và sinh kế nông thôn ở Đông Nam Á đã trải qua những thay đổi cơ bản. Chính vì lẽ đó, không còn có thể cho rằng sinh kế nông thôn được hình thành trên nền tảng nông

nghiệp cũng như người nông dân dự kiến tương lai của họ trên nền tảng nông nghiệp. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự thâm nhập của nông thôn và thành thị, mức độ người dân nông thôn di cư giữa nông thôn và thành thị cũng như chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp,… đặt ra những câu hỏi cơ bản về cách chúng ta khái niệm vùng nông thôn Đông Nam Á và các hộ gia đình ở đó.

Trong một vài năm trở lại đây, chủ đề biến đổi đời sống xã hội và văn hóa ở các làng quê nông thôn châu Á do những tác động và ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa và hiện đại hóa, trong đó bao hàm chuyển đổi dần dần của các xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại vẫn tiếp tục là đề tài nghiên cứu hấp dẫn, thu hút sự quan tâm tìm hiểu của đông đảo các nhà khoa học.

Tập trung vào những tác động của quá trình hiện đại hóa và biến đổi của các giá trị truyền thống đối với sự định hình đời sống xã hội và văn hóa ở khu vực nông thôn Pakistan hiện nay là nội dung trọng tâm trong công trình *Impact of modernization and changing traditional values of rural setup in district khushab* (2015) của nhóm tác giả Muhammad Shahzad, Muhammad Nadir Shahzad, Summer Fatima, Shahid Hussain và Touqeer [148]. Theo các tác giả, những xã hội truyền thống khi tiếp nhận kiến thức khoa học từ các xã hội hiện đại phương Tây và áp dụng chúng vào xã hội của mình đã dẫn đến sự thay đổi rõ nét: hệ thống gia đình, mô hình văn hoá, tôn giáo, cấu trúc quy tắc,… của họ đã thay đổi theo các quy tắc và thủ tục nước ngoài. Nghiên cứu đã chỉ ra công nghệ hiện đại, một mặt, nâng cao vị thế xã hội của phụ nữ trong gia đình, mặt khác, đặt cơ sở cho sự san sẻ trong các mối quan hệ xã hội. Các thể chế tôn giáo cũng dần mất đi cơ sở của mình khi người dân ngày càng trở nên thế tục hóa và khoa học hóa. Cùng với đó, những tiến bộ trong công nghệ cũng tác động không nhỏ đến sự thiết lập truyền thống của xã hội khi các ưu tiên của người dân không còn như trước đây: số người sử dụng Internet đang ngày càng tăng và vai trò cố kết các cá nhân của mạng thông tin toàn cầu ngày càng trở nên rõ ràng trong khi tổ chức gia đình dường như bị ảnh hưởng và bỏ qua.

Có cùng mối quan tâm đến tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội trong quá trình đô thị hóa đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, nghiên cứu *The Impact*

of Urbanization on Agriculture Sector: A Case Study of Peshawar, Pakistan (2015) của các tác giả R Malik và M Ali [152] đã tập trung làm rõ những ảnh hưởng tiêu cực từ việc mất đất nông nghiệp - một hậu quả rõ ràng và tất yếu của quá trình đô thị hóa đối với đời sống KT - XH của cộng đồng nông thôn. Theo các tác giả, quá trình đô thị hoá gia tăng dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng của diện tích đất canh tác cũng như sản xuất nông nghiệp và điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh kế, đời sống văn hóa - xã hội của người nông dân ở khu vực nông thôn.

Lấy bối cảnh chuyển đổi ở Trung Quốc từ sau cải cách với đặc điểm nổi bật là sự giảm nhẹ "can thiệp" của nhà nước vào đời sống KT - XH, nghiên cứu *The rise of the community in rural China: Village politics, cultural identity and Religious Revival in a Hui Hamlet* (2014) của B Hillman được thực hiện dựa trên những khảo sát được tiến hành tại ngôi làng Hui ở tây nam Trung Quốc, hướng đến việc làm rõ những cách thức đặc biệt và sáng tạo trong đó người nông dân đã phản ứng với sự chuyển đổi đang diễn ra ở nơi đây. Theo tác giả, các quyền tự do ra quyết định của thời kỳ cải cách ở Trung Quốc đã mở ra những chân trời sáng tạo khi các cộng đồng nông thôn tìm kiếm những công cụ và cơ chế cần thiết nhằm khai thác và bảo vệ lợi ích của mình trong nền kinh tế thị trường. Những người nông dân đã huy động hiệu quả các nguồn vốn xã hội và văn hoá riêng biệt của họ thông qua việc xây dựng lại bản sắc cộng đồng xung quanh các gia tộc, dòng họ và những ảnh hưởng của nó đối với các mô hình quản trị cộng đồng. Từ đó tác giả đi đến nhận định: các cộng đồng nông thôn có thể tự khẳng định, tìm kiếm và tạo ra các cơ hội phát triển trong không gian kinh tế, chính trị và văn hoá mới.

Cùng đề cập đến những sự biến đổi và thích ứng của cộng đồng nông thôn trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi, nghiên cứu *The Village in Transition: Development and Cultural, Economic, and Social Changes in Mae Kampong Village, Chiang Mai, Thailand* (2016) của tác giả K.Harada [145] được thực hiện tại làng Mae Kampong (Chiang Mai, Thái Lan) đã tập trung làm rõ những thay đổi về văn hoá, kinh tế và xã hội diễn ra ở làng trong suốt quá trình phát triển

đương đại (cùng với sự chuyển đổi mô hình phát triển). Theo tác giả, đằng sau sự bùng nổ của nền kinh tế quốc gia trong vài thập kỷ qua, các cộng đồng nông thôn ở Thái Lan, trong đó có làng Mae Kampong - một nơi chịu ảnh hưởng lớn của chính phủ về phát triển, đã và đang trải qua sự chuyển đổi mạnh mẽ về phương thức phát triển kinh tế. Và đi cùng với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế là những biến đổi mạnh mẽ về mặt văn hoá, xã hội của cộng đồng dân cư nơi đây, song trong bối cảnh mới, các giá trị truyền thống có vai trò như những nguồn lực quan trọng trong việc chuyển đổi sinh kế cũng như sáng tạo các màu sắc văn hóa mới.

Bên cạnh những công trình mang tính tổng quát về sự biến đổi văn hóa ở các làng quê do tác động của quá trình toàn cầu hóa và hiện đại hóa, nhiều nghiên cứu đã tập trung vào những khía cạnh cụ thể của sự biến đổi như những thay đổi trong cơ cấu gia đình, cấu trúc và quan hệ giữa các thế hệ,…

Hướng sự tập trung vào mối quan hệ gia đình trong quá trình chuyển đổi, tác giả Zhao Shuang trong nghiên cứu *The Change of Family Intergenerational Relationship in Rural China:the Combination of Cultural and Structural Approach* (2010) [159] cho rằng có hai cách tiếp cận cơ bản để xem xét, nghiên cứu mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình ở nông thôn Trung Quốc hiện nay: phương pháp tiếp cận văn hoá hướng đến xem xét sự thay đổi của các quan điểm, ý tưởng là yếu tố chính; và phương pháp tiếp cận cấu trúc tập trung vào sự sắp xếp cơ cấu như là yếu tố chính cho sự thay đổi mối quan hệ giữa các thế hệ gia đình hiện nay. Cả hai cách tiếp cận này đều được tác giả vận dụng để tìm hiểu, nghiên cứu về mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình sau khi bị thu hồi đất đai và thực hiện tái định cư trên địa bàn tỉnh Liêu Ninh, đồng thời thảo luận về hiệu quả của từng cách tiếp cận. Theo tác giả, tiếp cận cấu trúc chính là chìa khóa để giải thích sự thay đổi mối quan hệ giữa các thế hệ gia đình ở nông thôn Trung Quốc hiện nay; đồng thời tác giả cũng đã chỉ ra những tác động của việc tiếp cận cấu trúc thông qua cách tiếp cận văn hoá đối với những biến đổi trong mối quan hệ gia đình.

Có cùng mối quan tâm với Zhao Shuang, nghiên cứu *The Structure of Intergenerational Relations in Rural China: A Latent Class Analysis* (2012)

[160] đã đi sâu phân tích các chiều cạnh của mối quan hệ giữa các thế hệ trong các gia đình ở nông thôn hiện nay thông qua một cuộc điều tra ở tỉnh An Huy (Trung Quốc). Trong nghiên cứu này, mô hình đoàn kết liên thế hệ được các tác giả sử dụng để phân loại mối quan hệ gia đình thành sáu chiều phân tích: Liên kết - Cấu trúc - Hỗ trợ - Tình cảm và cảm xúc - Đồng thuận - Quan hệ có tính quy chuẩn. Từ đó, các tác giả đi đến nhận định: quan hệ gia đình ở Trung Quốc đương đại được định hình theo bối cảnh kinh tế, địa lý và văn hoá rộng lớn hơn, đặc biệt chịu tác động rõ rệt bởi yếu tố di cư từ nông thôn ra thành thị.

Như vậy, có thể nói đời sống KT - XH của người nông dân và sự biến đổi văn hóa ở các làng quê, đặc biệt là làng quê châu Á trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu với nhiều cách tiếp cận đa dạng. Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã có tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến mọi mặt đời sống của cộng đồng làng, từ nền tảng sinh kế, mạng lưới cố kết xã hội, hệ thống các giá trị và niềm tin đến cuộc sống cá nhân và gia đình, đặc trưng và chức năng của làng, những định hướng giá trị, hệ thống các quy tắc,… Một số nghiên cứu chỉ ra, làng trong bối cảnh chuyển đổi và tái cấu trúc, được định hình và đặc trưng bởi sự thâm nhập, chuyển hóa giữa những đặc tính của nông thôn và thành thị, nông nghiệp và phi nông nghiệp,… đang thách thức nền tảng của các quan niệm và tiếp cận truyền thống về làng cũng như tương lai của người nông dân nơi đây. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cũng đã cho thấy, người nông dân ở làng, trong nỗ lực định hình lại bản sắc, đã có nhiều cách thức sáng tạo huy động hiệu quả các nguồn vốn xã hội và văn hóa trong việc tìm kiếm và tạo ra cơ hội phát triển để thích ứng với quá trình chuyển đổi.

Nằm trong khu vực có quá trình chuyển đổi KT - XH diễn ra sôi động, đặc biệt kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa vào loại cao nhất khu vực Đông Nam Á. Có lẽ vì thế mà nghiên cứu về biến đổi của các làng quê Việt Nam, nhất là làng quê châu thổ sông Hồng cũng như những biến đổi về văn

hóa của cộng động dân cư nơi đây trong quá trình đổi mới, hội nhập trở thành đề tài nghiên cứu hấp dẫn đông đảo các nhà khoa học đến từ khắp nơi trên thế giới. Từ nhiều chuyên ngành và góc độ tiếp cận khác nhau, các tác giả Lương Văn Hy, Nguyễn Tùng, Li Tana, Michio Suenari Micho, Shaun Kingsley Malarney, Oliver Tessier, Nelly Krowoski, Alain Fiorucci,… đã đến tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa Việt Nam và đóng góp nhiều nghiên cứu có giá trị, trong đó có không ít nghiên cứu tập trung vào các chiều cạnh biến đổi KT - XH và văn hóa ở các làng quê vùng châu thổ sông Hồng.

Nổi bật trong số các nghiên cứu về làng quê Việt Nam ngay từ những năm đầu sau đổi mới không thể không kể đến các công trình của học giả Lương Văn Hy về những thay đổi về kinh tế, xã hội và văn hóa của các làng quê và người nông dân vùng châu thổ sông Hồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Trong *Cuộc cách mạng ở làng: truyền thống và biến đổi ở miền Bắc Việt Nam* (1992), tác giả cho rằng, quá trình cải cách kinh tế, nâng cao đời sống người nông dân cũng chính là nguyên nhân đưa tới sự tái cấu trúc về mặt văn hóa của cộng đồng làng; điều đó được thể hiện một cách khá tập trung và rõ nét trong việc khôi phục, tăng cường cũng như cập nhật và sáng tạo các nghi lễ,... Tiếp tục mở rộng nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực và địa bàn khác nhau, trong "*Việt Nam sau chiến tranh: động thái của một xã hội đang chuyển đổi*" (2003), tác giả có nhận xét Việt Nam đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi kinh tế, xã hội và văn hoá rõ nét. Nền kinh tế thị trường ngày càng được khẳng định giúp gia tăng các năng lực về kinh tế cũng như đời sống văn hóa. Tuy nhiên đi cùng với sự biến đổi là hàng loạt những vấn đề nảy sinh: sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, những bất cập và rào cản trong mô hình quản lý, sự tác động của quá trình toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh có khá nhiều tranh luận sôi nổi xoay quanh các câu hỏi về phương thức và mức độ biến đổi của cấu trúc quan hệ họ hàng, bởi khuôn khổ kinh tế - chính trị rộng lớn hơn trong các nghiên cứu về quá trình chuyển đổi KT - XH cả ở trên thế giới và Việt Nam, học giả Lương Văn Hy tiếp tục có những tìm hiểu về "*Quan hệ họ hàng Việt Nam: Các nguyên tắc cơ cấu và sự chuyển*

đổi xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam" (2011) nhằm đánh giá tác động của bối cảnh chính trị xã hội đối với hệ thống quan hệ họ hàng, quan hệ giới và sự hình thành gia đình ở miền Bắc Việt Nam. Theo tác giả, dường như tồn tại hai mô hình đối lập nhau (định hướng nam giới và không theo định hướng nam giới) trong cấu trúc của hệ thống quan hệ họ hàng Việt Nam cũng như trong sự hình thành gia đình và quan hệ về giới trong đó. Những thay đổi về hệ tư tưởng và quan hệ sản xuất đã không tạo ra sự ảnh hưởng đáng kể nào đối với hai mô hình này. Tuy nhiên, xét trong sự tương quan giữa hai mô hình thì có sự thay đổi theo xu hướng mô hình không theo định hướng nam giới trở nên chiếm ưu thế hơn. Nhìn chung, các nghiên cứu của học giả Lương Văn Hy đã đem lại một cái nhìn chân thực, sinh động, đa chiều về một Việt Nam năng động và đa dạng trong sự chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế, chính trị và văn hóa trong giai đoạn hiện nay. Cùng với nhiều nghiên cứu có giá trị khác về các làng quê Việt Nam, nhất là các làng quê ở vùng châu thổ sông Hồng trong dòng chảy mạnh mẽ của sự chuyển đổi kinh tế, xã hội, văn hóa,… những kết quả nghiên cứu này đã đóng góp đáng kể cả về mặt nội dung và phương pháp nghiên cứu, cũng như tạo ra các lý thuyết và vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu những trường hợp cụ thể.

1.1.1.2. Nghiên cứu trong nước

Cũng tương tự như với các học giả nước ngoài, sự biến đổi đa dạng và nhanh chóng của các làng quê ở Việt Nam kể từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới đến nay đã trở thành đề tài hấp dẫn các nhà nghiên cứu khoa học xã hội trong nước. Đặc biệt trong giai đoạn hơn hai thập kỷ trở lại đây, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đang chứng kiến một quá trình chuyển đổi mạnh mẽ và nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có sự biến đổi về xã hội và văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê. Tìm hiểu về đời sống văn hóa của cộng đồng làng trong các chiều cạnh biến đổi, đồng thời chỉ ra những vấn đề nảy sinh, thách thức đặt ra cũng như nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình hội nhập - chuyển đổi này tiếp tục là chủ đề hấp dẫn, thu hút

ngày càng nhiều sự quan tâm của đông đảo các nhà nghiên cứu, các diễn đàn học thuật lớn.

Một cách tương đối, có thể chia những nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng ở Việt Nam giai đoạn từ sau đổi mới đến nay thành hai nhóm: i) Những nghiên cứu đề cập một cách khái quát về sự biến đổi văn hóa ở các làng quê trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, xã hội của đất nước nói chung, khu vực nông thôn nói riêng do tác động và ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường; và ii) Những nghiên cứu tập trung vào chiều cạnh cụ thể của sự biến đổi văn hóa ở làng trong đó lấy làng làm đơn vị khảo sát và phân tích chính.

Với những nghiên cứu mang tính khái quát về sự biến đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng làng, đem lại cái nhìn tổng thể về bức tranh văn hóa ở các làng quê Việt Nam trong dòng chảy kinh tế xã hội đổi mới của đất nước, có thể kể đến những công trình, bài viết của các tác giả: Phan Đại Doãn (1992), Diệp Đình Hoa (1998), Bùi Xuân Đính (1994), Nguyễn Trung Quế (1994), Tô Duy Hợp (2000), Nguyễn Đức Truyến (2003), Lê Thị Mai (2004), Lê Quý Đức (2005), Đặng Kim Sơn (2008), Hoàng Chí Bảo (2008), Đào Thế Tuấn (2008),…; một số chương trình, đề tài nghiên cứu lớn: *chương trình nghiên cứu về làng xã ở đồng bằng sông Hồng* (1996 - 1999) do Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội phối hợp với Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) thực hiện, *Chương trình các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay* (Phan Huy Lê và Vũ Minh Giang chủ biên, 1996), đề tài cấp Nhà nước *Phát triển nông thôn Việt Nam từ làng xã truyền thống đến văn minh hiện đại* (Vũ Trọng Khải, Đỗ Thái Đồng, Phạm Bích Hợp chủ biên, 2004),… Các nghiên cứu này đã xem xét làng Việt nói chung, trong đó có các làng quê đồng bằng sông Hồng trong những chiều hướng biến đổi, từ sự biến đổi tự nhiên đến những biến đổi do tác động và ảnh hưởng của các chính sách phát triển. Cùng với nhấn mạnh thực trạng biến đổi, các giai đoạn và tính chất của quá trình biến đổi, vai trò chi phối của nền tảng truyền thống,… các tác giả đặc biệt quan tâm đến những vấn đề mới phát sinh như chiến lược, chính sách phát triển, sự đồng bộ trong quy hoạch phát triển,... trong quá trình chuyển đổi và phát triển ở làng.

Một cách khái quát, những tác động và thách thức từ quá trình đổi mới đất nước, quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đối với khu vực nông thôn và đời sống người nông dân ở các làng quê Việt Nam được tác giả Hoàng Chí Bảo đề cập, phân tích với tính cách là một chiều kích biến đổi điển hình và phổ biến của *Những biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm đổi mới* (2008) [6]. Theo tác giả, cùng với sự biến đổi sâu sắc về xã hội, lối sống,… nói chung ở nước ta, các thiết chế và quan hệ xã hội ở khu vực nông thôn cũng có sự biến đổi do tác động của tiếp biến văn hoá từ quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá. Làng thời cổ truyền (làng tiểu nông) đã có lúc bị mai một, thậm chí bị "đánh mất" trong thời kỳ tập thể hoá nông nghiệp và có chiến tranh phá hoại song đã được hồi sinh, trở lại đúng với nghĩa là một thiết chế xã hội và mô hình văn hoá truyền thống với tất cả nét đặc sắc của văn hoá làng - cái gốc rễ, căn bản của văn hoá dân tộc với sức sống, sức sáng tạo của dân gian. Đồng thời với đó là quá trình biến đổi làng xã nông thôn dưới tác động của kinh tế hàng hoá, dân chủ hoá,… trong đó có sự phục hồi lễ hội văn hoá và hương ước. Trong không gian xã hội - văn hoá này, "tính lưỡng diện văn hoá" của người Việt Nam - tư duy và lối sống, ứng xử và hành xử bộc lộ rất đậm nét và nó cũng đang diễn ra sự biến đổi, vừa có sự mất đi vừa có sự thêm vào tạo nên những sắc thái văn hoá rất đa diện.

Quan tâm đến những tác động và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đối với khu vực nông thôn qua nghiên cứu trường hợp một làng cụ thể, các tác giả Đào Thế Tuấn và Đỗ Danh Huấn trong *Đô Thị Hóa và đô thị hóa ven đô Hà Nội - làng Hữu Bằng* (2008) [126] đem đến cho người đọc một góc nhìn khác, khá độc đáo về quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở nước ta. Theo các tác giả, không giống như ở nhiều vùng quê ven Hà Nội, quá trình đô thị hóa ở Hữu Bằng đã không gây nên hiện tượng mất việc làm đối với các nông hộ trong làng; ngược lại, nó đã giúp ích cho việc đẩy mạnh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở đây theo hướng công nghiệp hoá. Điều đó cho thấy, người nông dân Hữu Bằng đã nhạy bén trước cơ chế thị trường, khai thác tối đa những lợi thế và tiềm năng của quê hương. Từ đó, các tác giả

đi đến nhận xét: người Hữu Bằng đã sáng tạo và dựa trên những tiềm lực - nguồn vốn văn hóa của mình để chẳng những ứng phó hiệu quả với làn sóng đô thị hóa và công nghiệp hóa, mà còn trở thành "điểm sáng" trong phát triển kinh tế của khu vực ven đô.

Tập trung làm rõ *Những biến đổi của xã hội nông thôn Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đầu thế kỷ XXI* (2012) tác giả Phạm Văn Quyết [88] cho rằng: làn sóng đô thị hóa cùng với sự phát triển hạ tầng văn hoá xã hội, mở rộng mạng lưới thông tin đại chúng,… đã làm cho diện mạo nông thôn và đời sống tinh thần của các cộng đồng dân cư nơi đây ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Sự xuất hiện những yếu tố văn hoá đô thị mới mẻ, hiện đại, từ các sản phẩm, loại hình văn hoá có giá trị, đến lối sống, phong cách giao tiếp, ứng xử văn minh ở khu vực nông thôn đã làm cho bức tranh văn hóa làng quê có thêm những sắc thái mới. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cũng đang làm nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc cần tháo gỡ: sự mai một những giá trị văn hóa truyền thống của người nông dân và cộng đồng làng xã; một số sản phẩm, loại hình văn hoá, quan niệm, lối sống, cách ứng xử không phù hợp, thậm chí trái ngược với thuần phong mỹ tục đã lan về thôn quê.

Quan tâm đến mối quan hệ giữa *Văn hóa làng và nhân cách người Việt* (2017), tác giả Nguyễn Đắc Hưng [53] đi sâu tìm hiểu những đặc trưng mang tính bản sắc của đời sống văn hóa ở các làng quê cùng sự tác động, chi phối của nó đối với hình thành nhân cách của người Việt Nam. Theo tác giả, trong những thập niên gần đây, xu hướng mở cửa, hội nhập đã thúc đẩy nền kinh tế xã hội Việt Nam không ngừng phát triển. Sự nghiệp đổi mới đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng đã góp phần cải thiện đáng kể cuộc sống của đa số người dân. Bộ mặt các làng quê, nhất là những khu vực ven đô có nhiều khởi sắc. Người nông dân Việt Nam hiểu biết hơn, năng động hơn, nhạy bén và thích nghi nhanh hơn với cuộc sống mới. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động và xu hướng tích cực, mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập cũng dẫn đến những biến đổi đáng kể trong nếp sống, lối sống của người dân ở các làng quê

hiện nay. Trong đó, đáng chú ý là lối sống đô thị tràn vào làng quê đã thay đổi nhanh chóng từ cấu trúc, không gian làng, đến sự hấp thụ những yếu tố văn hóa không lành mạnh, thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội, làm nảy sinh nhiều vấn đề cần quan tâm: tình trạng thiếu việc làm do bị thu hồi đất sản xuất, những biểu hiện của văn hóa hưởng thụ ngày càng rõ nét, sự xuống cấp và suy giảm của nhiều di sản văn hóa, tính cố kết cộng đồng, sự gắn bó trong cuộc sống… Tình trạng này nếu không được ngăn chặn và điều tiết kịp thời sẽ là lực cản lớn đối với sự phát triển xã hội.

Có thể thấy, từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các nghiên cứu trên đã quan tâm đến làng quê Việt Nam nói chung, trong đó có làng quê vùng đồng bằng sông Hồng với các chiều hướng biến đổi do tác động (trực tiếp hoặc gián tiếp) của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Cùng với chỉ ra những chiều cạnh của quá trình chuyển đổi và phát triển ở làng, nhiều nghiên cứu đã cho thấy sự chủ động, linh hoạt của người nông dân trong việc ứng phó, thích ứng với sự biến đổi này, đồng thời quan tâm đến những vấn đề chính sách, chiến lược phát triển, sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình phát triển,…

Đi sâu tìm hiểu những chiều cạnh cụ thể trong bức tranh biến đổi văn hóa đa dạng ở các làng quê Việt Nam hiện nay, đặc biệt là các làng quê vùng đồng bằng sông Hồng, các tác giả Ngô Văn Giá (2007), Hoàng Bá Thịnh (2008), Nguyễn Văn Sửu (2008, 2013), Nguyễn Thị Phương Châm (2009, 2016), Trần Thị Hồng Yến (2013), Vũ Thị Phương Hậu (2018), Nguyễn Thị Phương (2020)… đã đóng góp những nghiên cứu có giá trị, tập trung khắc họa rõ nét các chiều cạnh biến đổi của đời sống xã hội - văn hóa của người nông dân ở làng quê do tác động và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, qua đó đem lại cái nhìn sâu sắc, đa diện về một hiện thực biến đổi văn hóa làng sinh động và phức tạp ở Việt Nam hiện nay.

Hướng sự quan tâm đến *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới* (2007), tác giả Ngô Văn Giá [26], thông qua việc khảo sát tại hai làng Quán Tình (quận Long Biên) và Lỗ Khê

(huyện Đông Anh) đã tập trung tìm hiểu các chiều cạnh biến đổi trong quan niệm và định hướng giá trị của cộng đồng dân cư nơi đây trước những tác động và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và nền kinh tế thị trường, tập trung vào sự biến đổi của giá trị cộng đồng làng, biến đổi của giá trị cộng đồng gia đình và dòng họ và biến đổi của giá trị đạo đức cá nhân…

Tập trung phân tích, làm rõ những biến đổi trong đời sống gia đình của cộng đồng dân cư nông thôn trước những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa là nội dung trọng tâm của nghiên cứu *Công nghiệp hóa nông thôn và những biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam* (2008) của tác giả Hoàng Bá Thịnh [106]. Theo tác giả, quá trình công nghiệp hóa nông thôn với sự thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, cải thiện mức sống, tạo thêm những việc làm mới, giảm lao động nông nghiệp và tăng lao động phi nông nghiệp,… đã góp phần tạo nên những biến đổi nhiều mặt trong đời sống gia đình ở nông thôn hiện nay: từ quy mô gia đình, cơ cấu nghề nghiệp đến vai trò về giới. Đáng chú ý trong đó là việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp đã tạo nên áp lực lớn về lao động việc làm ở nông thôn cũng như gây ảnh hưởng tới đời sống của nhiều hộ gia đình. Tác giả lo ngại rằng: thế hệ nông dân hiện tại được xem là tầng lớp "quá độ" chịu tác động của công nghiệp hoá nông thôn và tác động này sẽ còn ảnh hưởng đến thế hệ tương lai khi con em những người nông dân hôm nay lớn lên không còn đất canh tác nhưng nếu không được học hành tử tế, không được đào tạo nghề thì trong tương lai gần áp lực đối với thế hệ trẻ về việc làm và cuộc sống thật khó hình dung hết.

Quan tâm đến đời sống tín ngưỡng của người dân nông thôn, nghiên cứu *The cult of village guardian deities in contemporary Vietnam: the reinvention of a tradition* (2016) của tác giả Nguyễn Gia Hùng [142] tập trung tìm hiểu tục thờ thành hoàng ở các làng quê vùng đồng bằng sông Hồng Việt Nam hiện nay. Theo tác giả, kể từ khi bước vào Đổi mới, đặc biệt trong những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến một sự "hồi sinh" của nhiều tôn giáo phổ thông cũng như các nghi lễ và lễ hội làng. Theo đó, tín ngưỡng thờ cúng thành hoàng ở các làng quê Việt Nam hiện nay, đặc biệt là các làng quê vùng đồng bằng Sông

Hồng ngày càng được củng cố một cách phổ biến bởi nó đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc truyền thống của văn hóa dân tộc nói chung cũng như của các vùng quê. Mặt khác, đó là kết quả của sự tác động từ những chính sách đổi mới văn hoá và tôn giáo ở Việt Nam nhằm hướng đến xây dựng, bảo tồn một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Quan tâm đến quá trình đô thị hóa theo phương thức chuyển xã thành phường, từ góc độ dân tộc học/nhân học, nghiên cứu *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội* (2013) của tác giả Trần Thị Hồng Yến [139] đi sâu phân tích thực trạng và các dạng thức biến đổi của đời sống xã hội và văn hóa ở những làng quê thuộc các xã được chuyển thành phường trên địa bàn Hà Nội. Theo tác giả, quá trình chuyển đổi từ xã thành phường một mặt phá vỡ tính trì trệ, khép kín của người nông dân, góp phần tu bổ hệ thống các công trình tín ngưỡng… nhưng mặt khác cũng khiến cho nhiều di tích bị xâm hại, biến dạng, thậm chí mất đi; các phong tục, tập quán có sự thay đổi đáng kể để thích ứng với lối sống đô thị và kinh tế thị trường; nhiều vấn đề nảy sinh, trong đó đáng chú ý là mối quan hệ giữa cư dân gốc của làng với dân nhập cư;... Từ đó tác giả đi đến nhận định: quá trình đô thị hóa ở Việt Nam thời gian qua không mang tính bền vững. Chính sách đô thị hóa mở rộng làm cho nhiều làng, xã trở thành phường, tuy nhiên việc quy hoạch và quản lý còn thiếu các chiến lược để giúp các làng này thích nghi, hoà nhập trong môi trường mới, dẫn tới thực trạng nhiều làng, xã phát triển một cách tự phát, đôi khi đưa đến những chiều hướng và kết quả không mong muốn.

Đề cập trực tiếp đến những *Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng đô thị hóa* (2013), tác giả Nguyễn Đình Tuấn [123] thông qua nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh Khai (Hà Nội) đã tập trung phân tích những chiều cạnh của sự biến đổi trong đời sống văn hóa của người dân vùng đô thị hóa với sự đan xen giữa đời sống văn hóa nông thôn với đời sống văn hóa đô thị, giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại. Theo tác giả, cơ cấu cũng như các mối quan hệ gia đình và rộng hơn là quan hệ họ hàng, làng xóm đang ngày càng biến đổi theo xu hướng ít "gần gũi" và kém thân thiện hơn. Điều này được

lý giải bởi sự thay đổi về điều kiện sống, không gian sinh hoạt, nghề nghiệp và thời gian làm việc của các thành viên trong gia đình: người dân ngày càng bận rộn hơn, ít có thời gian dành cho nhau; kiến trúc nhà ở hiện đại tạo ra sự ngăn cách trong quan hệ xóm giềng; sự đa dạng của các dịch vụ xã hội khiến cho con người ít phụ thuộc vào nhau hơn;… Nghiên cứu cũng đã chỉ ra, một số giá trị trong hôn nhân gia đình, phong tục cưới xin, ma chay, tổ chức lễ hội, sử dụng thời gian rỗi vào giải trí,… đã có sự thay đổi theo xu hướng "thành thị hóa"; bên cạnh đó, một số sinh hoạt văn hóa được phục hồi như việc tổ chức các lễ hội truyền thống...

Tác giả Phạm Quỳnh Chinh trong khi đi sâu tìm hiểu *Văn hoá làng trong quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng hiện nay* (2016) [11] đã có những nhận xét thú vị. Theo tác giả, thực trạng biến đổi đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng làng do những tác động và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa hiện nay cho thấy: ở mỗi lĩnh vực đều có những giá trị, truyền thống tiếp tục được phát huy, nhưng cũng có những giá trị bị lu mờ dần, được thay thế bởi những yếu tố hiện đại nhưng đôi khi điều này lại đưa đến những phản văn hóa, phản giá trị. Nguyên nhân của những biến đổi đó không nằm ở bản thân quá trình đô thị hóa, cũng không thuộc về kết cấu KT - XH truyền thống của làng, mà chính là ở con người - cư dân làng, chủ thể tham gia vào quá trình đô thị hóa. Cũng theo tác giả, sự bị động đến mức rụt rè hoặc chủ động thái quá của cư dân làng trong quá trình đô thị hóa đều có thể tạo ra những lực cản kìm hãm sự phát triển tiến bộ, bền vững của làng Việt Nam.

Đề cập trực tiếp đến vấn đề biến đổi văn hóa của cộng đồng làng trong quá trình đô thị hóa, các tác giả Nguyễn Thị Phương Châm và Đỗ Lan Phương trong *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa* (2016) [9] đã tập trung phân tích, làm rõ những chiều cạnh biến đổi trong đời sống văn hóa của làng Xuân Đỉnh (Từ Liêm, Hà Nội) trước những tác động và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng. Trong nghiên cứu này, bức tranh biến đổi văn hóa phức tạp, đa chiều của cộng đồng làng được các tác giả tập trung khắc họa trên một số bình diện cơ bản: i) Không gian - cảnh quan, sinh kế, lối sống, tiếp cận thông tin và các hình thức giải trí; ii) Phong tục, tập quán; iii) Di tích, tín ngưỡng, lễ hội…

Nhìn chung theo các tác giả, quá trình biến đổi văn hóa của cộng đồng làng trong bối cảnh đô thị hóa và nền kinh tế thị trường có sự pha trộn, đan xen giữa các yếu tố, đặc trưng văn hóa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, nông nghiệp - nông thôn và công nghiệp - đô thị; đồng thời cho rằng quá trình đô thị hóa không hẳn chỉ khiến cho văn hóa truyền thống bị mai một đi, thậm chí là bị triệt tiêu như quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, trái lại nó còn có thể đóng vai trò động lực cho sự hồi sinh của các thực hành văn hóa truyền thống đáp ứng nhu cầu của dân làng trong xã hội đương đại. Có thể nói nghiên cứu này đã đem lại một cái nhìn sâu sắc, đa chiều về bức tranh biến đổi văn hóa phức tạp của cộng đồng làng trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

Có cùng quan điểm với các tác giả Nguyễn Thị Phương Châm và Đỗ Lan Phương về sự bền bỉ của các giá trị văn hóa làng, tác giả Vũ Thị Phương Hậu trong *Một số biến đổi trong văn hóa làng ở đồng bằng Bắc Bộ* (2018) [34] cho rằng, những đặc trưng của văn hóa làng truyền thống ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ hiện nay tuy có sự biến đổi nhưng không hề đứt đoạn với quá khứ mà có sự nối tiếp một cách sống động trong lối sống, nếp nghĩ, các sinh hoạt cộng đồng, phong tục tập quán,… Trong nghiên cứu này, cùng với chỉ ra những chiều cạnh biến đổi của văn hóa làng ở những phương diện đặc trưng, tiêu biểu như: thiết chế gia đình, dòng họ, thành tố tín ngưỡng, lễ hội, hương ước,… do các tác động của điều kiện KT - XH mới, tác giả cho rằng, mặc dù có những biến đổi nhất định về cơ cấu, chức năng và quy mô nhưng các yếu tố như gia đình, dòng họ, lễ hội, tín ngưỡng vẫn là những hằng số văn hóa trong đời sống tinh thần của cộng đồng làng; những hằng số văn hóa này có vai trò gắn kết các cá nhân trong không gian làng xã thành một cộng đồng "cộng sinh", "cộng cảm"; đồng thời nhấn mạnh trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay, văn hóa làng là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển KT - XH, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy văn hóa làng với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Đi sâu vào những *Biến đổi của gia đình nông thôn trong trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay* (2020) [83], đồng thời đặt trong trong bối cảnh

tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội thời kỳ hội nhập, tác giả Nguyễn Thị Phương cho rằng, các gia đình nông thôn vẫn duy trì những chức năng và vai trò cơ bản nhưng với mức độ cao và hoàn hiện hơn; quan hệ giữa các thành viên trong gia đình có xu hướng bình đẳng hơn, lối sống và lựa chọn nghề nghiệp có nhiều thay đổi; các giá trị gia đình truyền thống được coi trọng bên cạnh sự tiếp thu các yếu tố mới của gia đình hiện đại;… Cùng với những thay đổi tích cực, sự biến đổi trong gia đình nông thôn hiện nay cũng cho thấy những chiều hướng và yếu tố tiêu cực, làm biến dạng nhiều giá trị của gia đình truyền thống: lối sống thực dụng, đề cao sự hưởng thụ; sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình ngày càng suy giảm; xu hướng sống khép kín và nhu cầu giao lưu văn hóa ít đi khiến cho gia đình không còn đóng vai trò trung tâm của các hoạt động. Thực trạng đó tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, đứt gãy trong cơ cấu gia đình và xã hội nông thôn hiện nay.

Như vậy, quá trình biến đổi văn hóa ở các làng quê, nhất là các làng quê vùng châu thổ sông Hồng do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay đã được đông đảo các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Nhìn chung, theo các tác giả, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, trong đó có việc chuyển đổi một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp sang phục vụ các mục tiêu phi nông nghiệp, là nguyên nhân cơ bản đưa đến những chuyển biến sâu sắc trong đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê hiện nay: từ đặc điểm, tổ chức, vai trò của làng đến sinh kế, lối sống, tín ngưỡng, cấu trúc và quan hệ gia đình, mạng lưới xã hội, các quan niệm và định hướng giá trị của người nông dân,… Bên cạnh những biến đổi mang tính tích cực, hợp quy luật là những sự thay đổi làm biến dạng nhiều giá trị văn hóa truyền thống, gây ra những bức xúc trong đời sống xã hội ở nhiều làng quê hiện nay. Từ thực trạng biến đổi đa dạng, phức tạp của đời sống văn hóa ở các cộng đồng làng, nhiều tác giả đã đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm xây dựng, phát triển đời sống văn hóa cho cộng đồng dân cư nơi đây trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tiếp thu, sáng tạo những nét văn hóa mới.

1.1.2. Những nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng ở Bắc Ninh

Nằm trong khu vực kinh tế năng động, lại vốn là những làng quê cổ có bề dày văn hóa và sớm tiếp xúc với thương mại, nhiều làng quê Bắc Ninh đã có những sự chuyển mình nhanh chóng và hiện nay trở thành những làng quê điển hình cho sự chuyển đổi và phát triển kinh tế hiệu quả của tỉnh Bắc Ninh nói riêng và khu vực đồng bằng sông Hồng nói chung. Tuy nhiên trước tác động của sự biến đổi kinh tế, khoa học - kỹ thuật, của quá trình đô thị hóa và giao lưu diễn ra sâu rộng trên mọi mặt của đời sống xã hội, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, nhất là các giá trị văn hóa làng xã - nông nghiệp ở nhiều vùng quê nơi đây đang trước nguy cơ bị mai một. Có lẽ vì thế mà nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa Bắc Ninh nói chung, sự biến đổi văn hóa - xã hội ở các làng quê nơi đây nói riêng do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà khoa học xã hội cả ở trong và ngoài nước.

Từ nhiều góc độ tiếp cận và chuyên ngành khác nhau, các tác giả Bùi Xuân Đính, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Đình Luyện, Nguyễn Khang, Chử Văn Long, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm, Iwai Misaki, Lê Thúy Nga, Trần Minh Chính, Chu Thu Hường,… đã có những tìm hiểu, phân tích và kiến giải thú vị về đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập sâu rộng. Các kết quả nghiên cứu được thể hiện đa dạng với nhiều bài báo, tạp chí, bài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án, sách,… trong đó đề cập và mô tả khá sinh động nhiều lĩnh vực, khía cạnh khác nhau về đời sống văn hóa của cộng đồng làng, từ các di tích, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán, đến nghề nghiệp, các truyền thống, sinh hoạt văn hóa đặc trưng của làng. Dù đề cập đến bức tranh văn hóa làng trên những nét khái quát, hay đi sâu tìm hiểu, phân tích những lĩnh vực, chiều cạnh cụ thể, các nghiên cứu đều có điểm chung: đặt làng và văn hóa làng trong dòng chảy KT - XH sôi động với bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế. Trong đó nhiều nghiên cứu đã tập trung khắc họa sinh động, rõ nét những chiều kích của sự biến đổi xã hội,

văn hóa ở các làng quê đang diễn ra hết sức sôi nổi hiện nay. Đó thực sự là những công trình có giá trị, góp phần định hình nền tảng lý thuyết, đồng thời hàm chứa những gợi ý quan trọng về phương pháp tiếp cận cũng như tìm kiếm những khoảng trống cần bổ sung cho những nghiên cứu tiếp theo, mang tính cập nhật hơn về chủ đề biến đổi văn hóa ở các làng quê Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Nổi bật trong số những nghiên cứu về đời sống văn hóa của cộng đồng làng trong các chiều cạnh biến đổi với những tác động, ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong những năm gần đây có lẽ phải kể đến nghiên cứu *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay* (2009) của tác giả Nguyễn Thị Phương Châm. Qua việc khảo sát, phân tích những biến đổi trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng dân cư tại ba làng Đồng Kỵ, Trang Liệt, Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh, tác giả làm rõ những thay đổi về mặt văn hóa ở các làng quê này trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa hết sức sôi nổi, mạnh mẽ hiện nay. Từ đó, tác giả đã chỉ ra các xu hướng biến đổi cơ bản, đó là: sự hồi sinh của các yếu tố văn hóa truyền thống trong bối cảnh cuộc sống đương đại; sự gia tăng các nhu cầu văn hóa liên quan đến đời sống tâm linh của người dân ở các làng; sự tái cấu trúc và sáng tạo văn hoá dựa trên nhu cầu và quá trình thích ứng của dân làng trong bối cảnh mới,… Tác giả cũng đưa ra những gợi ý, giải pháp cho sự phát triển bền vững của các làng hiện nay.

Hướng sự quan tâm đến những *Biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh* (Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, 2016), tác giả Đinh Công Tuấn [127], thông qua nghiên cứu ba làng nghề, đó là: làng gò, đúc đồng Đại Bái, làng gốm Phù Lãng và làng nghề chạm khắc gỗ Phù Khê, đã khắc họa chân thực, sinh động thực trạng và những xu hướng biến đổi của bức tranh văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh công nghiệp hóa và nền kinh tế thị trường. Theo tác giả, các thành tố cơ bản của văn hóa làng nói chung cũng như của văn hóa làng nghề nói riêng đang có những biến đổi rõ rệt. Điều đó góp phần tạo ra cơ hội để các làng nghề có thể thích ứng

được trong điều kiện mới, cũng như có khả năng tồn tại trong nền kinh tế thị trường. Song quan trọng hơn, người dân ở các làng nghề đã thể hiện vai trò chủ thể văn hóa của mình một cách rõ rệt khi họ tỏ ra khá linh hoạt, sáng tạo và chủ động tạo ra những sự thay đổi phù hợp với tình hình thực tế sao cho có lợi nhất trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Đi sâu tìm hiểu những biến đổi của không gian làng trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tác giả Chu Thu Hường, trong nghiên cứu *Biến đổi không gian làng Đồng Kỵ (Từ Sơn – Bắc Ninh)* (Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Nhân học, 2021), đã tập trung phân tích sự biến đổi của không gian làng ở ba chiều cạnh: không gian cư trú, không gian sản xuất và không gian thiêng trong bối cảnh Đổi mới. Theo tác giả, các yếu tố nội tại của cộng đồng làng cùng với những tác động chính sách, nhất là chính sách về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa là động năng phát triển, thúc đẩy làng Đồng Kỵ truyền thống thành một ngôi làng hiện đại. Sự phát triển về kinh tế, xã hội và văn hóa ở đây đã đưa đến những biến đổi về cấu trúc không gian làng theo hướng mở rộng không gian cư trú, thu hẹp và dần biến mất không gian canh tác đồng thời hình thành những không gian mới. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra, sự thay đổi, chia cắt trong cấu trúc không gian làng do tác động của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, một mặt cho thấy vai trò của nhà nước và cộng đồng làng, mặt khác hàm chứa quá trình phục hồi mạnh mẽ của truyền thống thông qua những nỗ lực bảo tồn các di tích, kiến trúc tôn giáo cũng như các thực hành tín ngưỡng, lễ hội truyền thống. Bên cạnh đó, những biến đổi của không gian làng trong bối cảnh chuyển đổi cho thấy cộng đồng dân cư nơi đây đã có cách thức ứng phó với các chính sách theo hướng ngày càng linh hoạt, đa dạng hơn nhằm tìm kiếm một "hệ sinh thái" phát triển phù hợp với cấu trúc sinh kế và mạng lưới xã hội mới.

Có thể nói, cùng với làn sóng công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng lan rộng, tìm hiểu những biến đổi trong đời sống văn hóa ở khu vực nông thôn nói chung và ở các làng quê nói riêng, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển đã trở thành khuynh hướng nghiên cứu hấp dẫn đông đảo các nhà khoa học trên thế giới cũng như

ở Việt Nam. Nhìn chung, các nghiên cứu đã đặt làng và văn hóa làng trong dòng chảy KT - XH sôi động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, đồng thời đi sâu phân tích những chiều cạnh biến đổi khác nhau của đời sống văn hóa cộng đồng làng: từ không gian, cảnh quan, các di tích, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán, đến nghề nghiệp, lối sống,... với nhiều kiến giải thú vị. Mặc dù chưa thực sự nhiều, song có thể nói các nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng ở Bắc Ninh hiện nay là những công trình có giá trị, không chỉ cung cấp những chỉ dẫn quan trọng về mặt lý thuyết, mà còn chứa đựng nhiều gợi mở về nội dung cũng như phương pháp tiếp cận cho những nghiên cứu tiếp theo, mang tính cập nhật hơn về chủ đề biến đổi văn hóa làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa sôi động hiện nay.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

- Biến đổi văn hóa

Biến đổi văn hóa là khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, nghiên cứu văn hóa nói riêng. Biến đổi là thuộc tính của văn hóa. Văn hóa không tĩnh mà luôn vận động trong thời gian và không gian dưới tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường,…

Biến đổi văn hóa có thể tự thân hay bằng cách tiếp thu/vay mượn các yếu tố văn hóa của tộc người khác. Hiểu một cách rộng nhất, biến đổi văn hóa là *một sự thay đổi so với một tình trạng văn hóa hoặc một nền văn hóa có trước dưới những tác động của những nhân tố chính trị - KT - XH*. Trong một phạm vi hẹp hơn, người ta cho rằng sự *biến đổi văn hóa được đề cập đến là sự biến đổi về cấu trúc của văn hóa, về các thành tố của văn hóa và các giá trị văn hóa*. Và sự biến đổi này ảnh hưởng sâu sắc đến phần lớn các thành viên của một xã hội [5, tr.36]. Để có sự biến đổi văn hóa cần phải có cơ sở và điều kiện để thúc đẩy. Về cơ sở để biến đổi văn hóa bao gồm một số nhân tố cơ bản như: biến đổi kinh tế; biến đổi khoa học và kỹ thuật - công nghệ; tư tưởng; phát triển dân số về quy mô, cơ cấu, chất lượng; thiết chế xã hội - văn hóa theo hướng phát triển nhiều dạng thiết chế của Nhà nước và của xã hội; giao lưu văn hóa. Còn điều kiện biến đổi gồm: thời gian, không gian và nhu cầu văn hóa [125, tr.45].

Trong nghiên cứu này, biến đổi văn hóa được hiểu là quá trình vận động, biến đổi của văn hóa theo thời gian, do tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Đó là sự thay đổi về phương thức sống, các sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán, hệ thống giá trị, niềm tin,… của mỗi cộng đồng thể hiện trên các lĩnh vực: văn hóa mưu sinh, văn hóa xã hội, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

- *Làng*

Làng là đơn vị tụ cư truyền thống ở nông thôn Việt Nam, nơi bao đời nay người Việt cư trú, lao động sản xuất và tổ chức các hoạt động văn hóa tinh thần. Làng đồng thời là nơi cố kết quan hệ dòng tộc, xóm giềng, hình thành nếp sống cộng đồng riêng có, tạo ra văn hóa làng, một yếu tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn còn khá nhiều quan niệm không giống nhau khi định nghĩa về làng. Có người coi làng như một cộng đồng, có người coi làng như một đơn vị cư trú trên một địa vực nhất định. Theo Bùi Xuân Đính, "làng là đơn vị tụ cư truyền thống của người nông dân Việt, có địa vực riêng, cơ cấu tổ chức, cơ sở hạ tầng, các tục lệ (về cheo cưới, tang ma, khao vọng) thờ cúng riêng, tâm lý tính cách riêng và cả "thổ ngữ" (tiếng làng) riêng, hoàn chỉnh và tương đối ổn định trong quá trình lịch sử" [18, tr.97]. Nhiều chuyên gia phương Tây đã nêu lên 3 đặc trưng cơ bản của làng cổ truyền: về mặt chính trị là sự tự quản; về mặt kinh tế là tự cấp tự túc và về mặt xã hội là thuần nhất, cộng đồng. Và như thế có thể đồng nhất khái niệm làng cổ truyền với khái niệm công xã nông thôn [76].

Theo Nguyễn Quang Ngọc, làng Việt bắt đầu xuất hiện cùng với quá trình tan rã của công xã thị tộc hình thành công xã nông thôn, cách ngày nay khoảng 4000 năm. Mỗi làng bao gồm một số gia đình sống quây quần trong một khu vực địa lý nhất định. Ở đây, bên cạnh quan hệ địa lý - láng giềng, quan hệ huyết thống vẫn được bảo tồn và củng cố tạo thành kết cấu vừa làng vừa họ, hay kết cấu làng họ rất đặc trưng ở Việt Nam. Những tiêu chí để nhận diện một làng truyền thống, bao gồm: i) Địa vực nhất định coi như không gian sinh tồn gồm

khu cư trú, ruộng đất, đồi gò, núi sông, ao đầm… do cộng đồng làng hay các thành viên của cộng đồng làng sử dụng. ii) Cư dân trong làng là thành viên của một cộng đồng gắn bó với nhau bằng nhiều mối quan hệ như quan hệ láng giềng (làng, xóm, ngõ…), quan hệ huyết thống (gia đình, dòng họ), quan hệ nghề nghiệp, quan hệ tín ngưỡng, quan hệ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau (phường, hội, họ…)… iii) Về mặt văn hoá mỗi làng thường có đình làng thờ thành hoàng làng, có chùa, đền, miếu, am, quán, có cơ sở sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng và lễ hội chung (riêng các làng theo Thiên chúa giáo các sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng tập trung ở nhà thờ). Và iv) Về mặt quản lý thời kỳ đầu có thể chỉ là hội đồng già làng, chủ yếu tổ chức, quản lý theo tục, sau đó đến Hội đồng kỳ mục rồi Hội đồng tộc biểu…, quản lý thông qua hương ước [76]. Như vậy, làng là đơn vị tụ cư nhỏ nhất nhưng khá hoàn chỉnh của người nông dân Việt Nam; đó một tế bào của xã hội nông thôn cũng như của xã hội Việt Nam, có quá trình hình thành gắn liền với sự biến thiên của lịch sử dân tộc.

Với tính cách là một thiết chế xã hội của nông thôn Việt Nam, làng có cơ cấu tổ chức phong phú nhưng chặt chẽ, có tính cộng đồng và tự trị cao. Một mặt làng Việt mang tính khép kín, bản vị, song nó lại chính là nơi lưu giữ, bảo vệ văn hoá làng chống lại sự xâm lăng, đồng hoá của văn hoá ngoại lai. Cộng đồng dân cư sống trong làng biết cách giảm sự can thiệp từ bên ngoài vào làng, thậm chí với cả sự can thiệp của chính quyền trung ương thời phong kiến "Phép vua thua lệ làng". Mặt khác, làng trở nên quan trọng vì nó gắn liền với mối liên kết cộng đồng: dòng họ, phe giáp, phường thợ [105, tr.89-93]; đồng thời là nơi tụ cư của một cộng đồng về văn hóa xã hội với các phong tục, tập quán chặt chẽ, các giá trị và chuẩn mực chung về sinh hoạt, lối sống, tâm lý, tư tưởng, đạo đức, phương thức ứng xử trong gia đình, cộng đồng cũng như phương thức ứng xử với tự nhiên, môi trường sinh sống,… Mỗi làng đều thờ một vị thần được tôn làm Thành Hoàng làng, biểu trưng cho "sự thống nhất vận mệnh" của cả cộng đồng, cai quản và bảo vệ cho cuộc sống của tất cả mọi thành viên trong làng. Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng, hội làng là biểu hiện của tính toàn thể, tính thống nhất, tính riêng biệt của cộng đồng làng. Với đặc trưng vừa mang tính cộng đồng

vừa mang tính tự trị cho nên làng của người Việt có tinh thần đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau nhưng cũng luôn khép kín bảo thủ.

Trong quá trình tồn tại, do ảnh hưởng của những tác động từ bên ngoài cũng như do những nhu cầu biến đổi tự thân, làng luôn có xu hướng thay đổi và chuyển hóa. Làng ở Việt Nam được hiểu như một thực thể xã hội với cấu trúc động, nó được hợp chỉnh bởi nhiều thành tố như: kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng và cảnh quan môi trường tự nhiên. Trong các thành tố trên lại chứa nhiều thành tố nhỏ như: gia đình, dòng họ, phe, giáp, hội phường, hương ước, tục lệ,… Quá trình tồn tại, các thành tố đó có sự tương tác lẫn nhau. Hơn nữa, trong cơ chế vận hành, chúng còn có sự tương tác với các thực thể ngoài làng - điều đó tạo nên những quan hệ mang tính liên làng (Inter-villages) [45, tr.15-23]. Theo Nguyễn Quang Ngọc, làng Việt Nam không phải là hệ thống cố định, đóng kín mà tồn tại, vận động trong sự kết nối mang tính "liên làng", "siêu làng" và chính mối quan hệ liên làng và siêu làng đó đóng vai trò là ngoại lực tác động và chi phối khiến cho làng luôn vận động và biến đổi. Chính vì thế, không nên nhìn nhận làng Việt như một cơ chế cô lập và bất biến mà trái lại, phải coi đó như một cấu trúc động, vận hành trong sự tác động của các mối quan hệ bên trong, bên ngoài và luôn biến đổi, chuyển hóa theo tiến trình lịch sử.

- *Văn hóa làng*

Văn hóa làng được sản sinh từ các làng tụ cư cổ truyền ở nông thôn của người Việt. Từ khi xuất hiện làng của người Việt cổ cũng là lúc xuất hiện văn hóa làng, bởi vì văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng cư dân sáng tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển. Đó là những phong tục, tập quán, lối sống, nếp sống, tín ngưỡng, tôn giáo, giá trị, niềm tin,… Tác giả Vũ Ngọc Khánh cho rằng, văn hóa làng đã hình thành và phát huy tác dụng như một thực thể trong lịch sử văn hóa Việt Nam, trong các tập thể cộng đồng và các cá nhân. Khi nghiên cứu nội dung văn hóa làng nên khai thác qua các bình diện văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng, văn hóa nghệ thuật. Trên từng bình diện ấy ở nông thôn xưa đã xuất hiện nhiều hiện tượng văn hóa, có cái đã thành biểu trưng mang giá trị truyền thống. Từ đó hình thành văn hóa

của các làng khác nhau mà không làng nào giống làng nào, mặc dù họ sống rất gần nhau về địa lý và thành phần dân cư.

Tác giả Hà Văn Tấn đặt vấn đề rằng: "Văn hóa xóm làng là văn hóa nông dân hay văn hóa nông thôn? Đó là văn hóa được biểu hiện ra trong xóm làng hay là văn hóa được đặc trưng bằng kết cấu xóm làng? Vì không có định nghĩa rõ ràng, hiện tại chúng ta không thể "đánh giá sự đánh giá" cái gọi là văn hóa xóm làng" [97, tr.35]. Theo ông, văn hóa làng chính là văn hóa nông thôn mà diện mạo của nó là cây đa, bến nước, xóm ngõ, đình làng, là tâm tính của những người nông dân biểu hiện trong kho tàng văn hóa dân gian, trong đất lề quê thói vốn là sản phẩm của kết cấu xóm làng với vô số những quan hệ khác nhau. Học giả Trần Quốc Vượng khẳng định: "Văn hóa Việt Nam cổ truyền, về bản chất, là một nền văn hóa xóm làng. Là sức mạnh, vừa là điểm yếu của truyền thống Việt Nam cũng là ở đó" [137, tr.80]. Sức mạnh được biểu hiện qua sự gắn bó ngàn đời của các thành viên trong cộng đồng qua những biểu tượng văn hóa truyền thống, song ở một bình diện khác lại là mặt hạn chế của những cấu kết có tính bảo thủ, trì trệ và chậm đổi mới. Tác giả Phan Đại Doãn nhấn mạnh thêm: "Văn hóa làng có nội dung cực kỳ phong phú. Nhiều khi làng đã giải thể nhưng văn hóa làng thì vẫn tiếp tục tồn tại lâu dài" [17, tr.19]. Qua đó để thấy sức sống lâu bền của văn hóa làng trong mỗi con người cá thể và trong cộng đồng làng.

Như vậy, văn hóa làng ở Việt Nam được phát sinh và tồn tại cùng với sự xuất hiện của cộng đồng cư dân làng xã, nó xuất hiện vào thời cổ đại và tồn tại trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Một cách khái quát, có thể hiểu đó là *tổng thể - hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành, bồi đắp qua quá trình tổ chức, đấu tranh bảo vệ, gìn giữ cuộc sống của người nông dân ở các làng quê, bao gồm cách tư duy, quan niệm, chuẩn mực, tâm tính và hành vi ứng xử, bộc lộ trong trong lối sống, phong tục, kho tàng văn hóa dân gian, luật tục, hương ước, thực hành tín ngưỡng - tôn giáo và thể hiện ra ở đình, chùa, cây đa, bến nước, lũy tre,…* Các yếu tố trên không tồn tại riêng biệt mà hòa quyện vào nhau tạo thành đặc trưng, bản chất, bản sắc của văn hóa làng và được lưu truyền qua các thế hệ, trong đó nổi bật là ý thức cố kết cộng đồng, từ đó hình thành nên những phong tục, tập quán, nếp

sống riêng tạo nên sự độc đáo, ràng buộc theo kiểu "đất lề quê thói"... Tuy nhiên, trên thực tế văn hóa làng là một thực thể luôn vận động và phát triển qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Các thế hệ kế tiếp luôn có ý thức sáng tạo, phát huy, phát triển nền tảng văn hóa cổ truyền để phù hợp với cuộc sống, xã hội hiện đại.

- *Biến đổi văn hóa làng*

Biến đổi văn hóa làng có thể được hiểu là quá trình vận động, biến đổi của toàn bộ chỉnh thể văn hóa làng nói chung cũng như của các yếu tố, bộ phận trong đời sống văn hóa của cộng đồng làng nói riêng (bao gồm cả các yếu tố vật chất và các yếu tố tinh thần). Biến đổi văn hóa làng diễn ra có thể do những tác động và ảnh hưởng của các nhân tố *bên ngoài* như kinh tế, xã hội, chính trị, thông tin - truyền thông,… hoặc/và là kết quả của quá trình vận động *tự thân* của văn hóa. Trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa nông nghiệp, nông thôn mạnh mẽ, rộng khắp như hiện nay, sự biến đổi văn hóa ở các làng quê cũng đang diễn ra ngày càng rõ nét: từ lối sống (bao gồm nếp ăn, mặc, ở,…), các sinh hoạt văn hoá, đến tư duy, hệ giá trị, chuẩn mực, các phong tục tập quán, hệ thống niềm tin và tôn giáo,… Đó là một quá trình chuyển đổi cơ cấu văn hóa tinh thần do những biến đổi trong đời sống kinh tế, xã hội, với sự xuất hiện của hàng loạt các KCN, khu chế xuất, khu đô thị - dân cư mới,…

Biến đổi văn hóa ở các làng quê là quá trình mang tính quy luật trong sự vận động, phát triển của văn hóa. Quá trình này diễn ra một cách tự nguyện, tự giác, thể hiện sự tiếp biến văn hóa, trong đó có vai trò *tự điều chỉnh văn hóa* của mỗi cá nhân, mỗi nhóm người trong cuộc sống cộng cư của họ để cùng thích ứng với xã hội hiện hữu. Một người nông dân dần chuyển thành một "thị dân", do vậy, cũng là biểu hiện của vai trò tự điều chỉnh văn hóa; điều đó giúp cho họ có thể thích ứng, phù hợp với môi trường sống đô thị hóa. Quá trình biến đổi văn hóa làng, nhìn chung, có hiệu ứng tích cực đối với sự tiến bộ và phát triển của xã hội cũng như của văn hóa nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người nông dân ở các làng quê; tuy nhiên mặt khác, quá trình này cũng cho thấy nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của cộng đồng dân cư ở

các làng quê, không chỉ gây cản trở đến sự phát triển văn hóa nông thôn mà còn dẫn đến những tiêu cực xã hội khác cần phải quan tâm.

Có thể nói, biến đổi văn hóa làng là khái niệm có nội hàm rộng và bao trùm, trong luận án này, sự biến đổi văn hóa của cộng đồng làng được hiểu là quá trình trong đó diễn ra những thay đổi về phương thức sống, hoạt động sống, thay đổi trong lối sống, các phong tục tập quán, chuẩn mực và giá trị,... của người nông dân ở các làng quê do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Những biến đổi này diễn ra mạnh mẽ và rõ nét với biểu hiện đa dạng, phong phú, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm trong thực tiễn phát triển KT - XH hiện nay.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết về biến đổi văn hóa

Biến đổi văn hóa là quá trình vận động của văn hóa trong đó diễn ra đồng thời các khuynh hướng kế thừa, tiếp nối và hình thành những yếu tố mới. Trong hiện thực lịch sử của nhân loại, sự biến đổi và phát triển là quy luật tất yếu của mọi hình thái xã hội mà ở đó biến đổi văn hóa là một nội dung căn bản.

Các lý thuyết về biến đổi văn hóa chủ yếu được hình thành trên nền tảng lý thuyết về biến đổi xã hội do các học giả phương Tây khởi xướng trong lĩnh vực nhân học và xã hội học. Theo đó, văn hóa với tư cách là một bộ phận của đời sống xã hội, không ngừng biến đổi theo thời gian. Bất cứ xã hội nào và nền văn hóa nào cũng đều tồn tại trong trạng thái biến đổi; sự ổn định có chăng chỉ là bề ngoài, tạm thời và tương đối, còn trong thực tế và từ bên trong, nó luôn vận động, biến đổi không ngừng. Biến đổi xã hội nói chung và biến đổi văn hóa nói riêng là khuynh hướng phổ biến nhưng biểu hiện đa dạng và chứa đựng sự khác biệt giữa các xã hội và các nền văn hóa. Sự biến đổi diễn ra có thể là kết quả hoạt động mang tính hướng đích của các chủ thể trong xã hội hay là một tiến trình vận động tự nhiên, nói cách khác là sự biến đổi tự thân mang tính khách quan.

Biến đổi văn hoá được đề cập đến như một chủ đề trọng tâm của ngành khoa học xã hội thế kỷ XX và XXI. Lewis Henry Morgan (1877) và Edward B.Tylor (1871), những nhà khoa học khởi xướng thuyết *tiến hóa văn hóa* được coi là những người đầu tiên đề cập đến vấn đề biến đổi văn hóa. Theo thuyết tiến

hóa văn hóa, mọi xã hội loài người đều biến đổi với một mô thức với hướng biến đổi từ thấp đến cao (từ xã hội nguyên thủy đến xã hội văn minh). Thuyết này đồng thời đề cao văn hóa phương Tây hơn so với văn hóa phi phương Tây khi cho rằng văn hóa phương Tây văn minh hơn, biến đổi nhanh hơn. Mặc dù bị phản đối rộng khắp trong giới Nhân học thời bấy giờ song học thuyết này cũng đã tạo tiền đề quan trọng cho việc ra đời và phát triển của các lý thuyết khác nghiên cứu về biến đổi văn hóa cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX như thuyết *truyền bá văn hóa*, thuyết *vùng văn hóa*, thuyết *tiếp biến văn hóa*, thuyết *chức năng*,...

Sự xuất hiện các quan điểm khác nhau về biến đổi văn hóa đã giúp cho việc nhìn nhận về văn hóa và biến đổi văn hóa trở lên phong phú và đa dạng hơn, trong mỗi thời kỳ các quan điểm lý thuyết này đều có ý nghĩa nhất định trong việc nhìn nhận về biến đổi văn hóa. Thuyết *truyền bá văn hóa* có ý nghĩa quan trọng trong tiếp cận, nghiên cứu về biến đổi văn hóa vào những thập niên đầu thế kỷ XX. Những người theo thuyết truyền bá văn hóa cho rằng, trọng yếu của biến đổi văn hóa chính là sự truyền bá hay vay mượn những đặc trưng văn hóa của xã hội này sang xã hội khác. Cùng với thuyết *truyền bá văn hóa*, thuyết *Tiếp biến văn hóa* là một trong những tiếp cận biến đổi văn hóa phổ biến của ngành nhân học Mỹ. Theo thuyết này, quá trình biến đổi văn hóa diễn ra khi có sự tiếp xúc giữa hai nền văn hóa độc lập nhau, sự tiếp xúc đó sẽ làm tăng những đặc tính của nền văn hóa này với nền văn hóa kia. Một phương pháp tiếp cận biến đổi văn hóa có ảnh hưởng trong những năm 1920 đến 1950 ở Anh là *thuyết chức năng*. Những người có đóng góp xây dựng thuyết chức năng trong ngành nhân học là Bronislaw Malinowski và Radcliffe Brown. Theo thuyết này, mọi nền văn hóa đều có sự hòa nhập tương đối tốt và ổn định, do đó văn hóa sẽ ít có những thay đổi và nếu có thì chủ yếu là do những tác động từ bên ngoài. Quan điểm này cho thấy, những người theo thuyết chức năng chủ yếu quan tâm đến các mối quan hệ qua lại giữa các chức năng của hệ thống xã hội và văn hóa chứ chưa chú ý nhiều đến sự thay đổi của xã hội và văn hóa.

Lý thuyết *biến đổi văn hoá (culture change)* phổ biến rộng rãi vào thập niên 50 của Thế kỷ XX do nhà nhân học người Mỹ J. H. Steward khởi xướng. Triết lý

căn bản của thuyết biến đổi văn hoá là trong tiến trình tồn tại và phát triển, văn hoá, hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả xã hội và các khía cạnh của xã hội, không đứng yên mà luôn biến đổi. Đứng yên chỉ là trạng thái tương đối, biến đổi mới là trạng thái tuyệt đối của văn hoá. Thuộc tính biến đổi nằm trong chính nội hàm của thuật ngữ văn hoá. Văn hoá theo nghĩa tiếng Anh (culture, bắt nguồn từ thuật ngữ cult: trồng trọt, gieo trồng) hàm nghĩa sự biến đổi, phát triển đi lên của kiến thức, nhận thức con người về bản thân và về thế giới xung quanh.

Trong những năm gần đây, cùng với sự tác động và chi phối mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa đối với mọi mặt đời sống xã hội, nghiên cứu về biến đổi văn hóa cũng được đặt trong bối cảnh sự giao lưu - tiếp biến của các dòng chảy kinh tế, xã hội trên phạm vi toàn cầu, của sự hội nhập, công nghiệp hóa và đô thị hóa. Dù còn những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về biến đổi văn hóa, song các nhà khoa học đều tương đối thống nhất khi cho rằng biến đổi văn hóa là một xu hướng tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và nó đang diễn ra đa dạng với nhiều chiều hướng, cấp độ khác nhau. Điều này thể hiện khá rõ ở những xã hội đang trong giai đoạn chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp, từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Nhìn chung, quá trình biến đổi văn hóa được thúc đẩy bởi những thay đổi trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, trong đó đáng chú ý là sự thay đổi về phương thức, phương tiện sản xuất, đồng thời bao hàm những sự chuyển đổi về lối sống, nếp nghĩ, cách quan niệm, tư duy nhằm thích ứng và phù hợp với những điều kiện kinh tế, xã hội mới.

Ở Việt Nam, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành bối cảnh nghiên cứu đặc thù cho các tìm hiểu về biến đổi văn hóa tại các cộng đồng nông nghiệp - nông thôn. Trong đó nổi lên khuynh hướng tiếp cận coi biến đổi văn hóa là hệ quả tác động của những thay đổi trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội. Sự biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội được đặc trưng hoá bởi sự thay đổi trong phương thức sinh kế, cấu trúc dân cư cũng như những thay đổi về phương diện chính sách đất đai, nông nghiệp,... là các tiền đề cơ bản đưa đến sự thay đổi về mặt văn hóa. Một trong những nghiên cứu điển hình về chủ đề này là công trình *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa* của các tác giả Nguyễn Thị

Phương Châm và Đỗ Lan Phương. Trong nghiên cứu này, các tác giả đã đưa ra mô hình phân tích, theo đó sự chuyển đổi về nghề nghiệp trong quá trình đô thị hóa và đi cùng với nó là sự thay đổi của đời sống xã hội là tiền đề, tác nhân chính yếu đưa đến những biến đổi về văn hóa của cộng đồng dân cư ở làng. Quá trình biến đổi chứa đựng sự đan xen, pha trộn giữa các đặc tính, yếu tố văn hóa cũ - mới, nông thôn - đô thị. Quá trình biến đổi cũng bao hàm sự tái cấu trúc các yếu tố truyền thống trong bối cảnh đương đại.

Từ việc tham khảo và vận dụng hệ thống các lý thuyết và quan điểm về biến đổi văn hóa như đã trình bày, luận án tìm hiểu quá trình biến đổi văn hóa của hai cộng đồng làng ở Bắc Ninh trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở đây. Những sự thay đổi diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ vừa do những tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài và vừa do những nhu cầu vận động từ bên trong. Chúng tôi lập luận rằng quá trình biến đổi văn hoá ở hai làng quê này được thể hiện một cách đa dạng, đa chiều với sự đan xen của nhiều yếu tố tác động, những sự tương tác giữa văn hoá nông nghiệp và công nghiệp, văn hoá nông thôn và đô thị, tương tác giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại. Chính trong quá trình đan xen, tương tác ấy, vai trò của người dân nổi lên với những sự thích ứng, lựa chọn, dung hoà và vì vậy quá trình biến đổi văn hoá ở các làng quê này dù diễn ra một cách nhanh chóng và nhiều thách thức song cũng mang lại khá nhiều cơ hội và những sự năng động cho người dân. Mặc dù còn nhiều những vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi song người dân ở các làng quê vẫn đang tham gia tích cực vào các dòng chảy biến đổi và tạo nên các xu hướng biến đổi văn hoá sôi nổi hiện nay. Theo đó, luận án này sẽ góp thêm một trường hợp nghiên cứu về biến đổi văn hoá làng trong góc nhìn đa chiều và đề cao vai trò chủ động, tích cực và năng động, linh hoạt của người dân cũng như vai trò nền tảng quan trọng của văn hoá làng truyền thống.

Tiểu kết chương 1

Quá trình toàn cầu hóa và làn sóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ XX đã trở thành bối cảnh nghiên cứu hấp dẫn các nhà khoa học về chủ đề biến đổi văn hóa ở khu vực nông thôn, đặc biệt là tại các cộng đồng

đang trong giai đoạn chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Nhiều nghiên cứu nổi bật của các tác giả Joel M.Halpern, James C.Scott, Ronathan Rigg, Min Han,… đã đem lại hiểu biết và cái nhìn chân thực, đa chiều về cộng đồng làng cũng như cuộc sống của người nông dân trong quá trình chuyển đổi. Nhìn chung các tác giả cho rằng, quá trình biến đổi văn hóa diễn ra như một xu thế tất yếu, ở đó đôi khi xảy ra những sự va chạm và xung đột đe doạ đến sự ổn định của các xã hội nông thôn truyền thống. Sự chuyển động và thâm nhập giữa nông thôn và thành thị, nông nghiệp và phi nông nghiệp với những giá trị, niềm tin đang bị thay đổi dần đang thách thức những hiểu biết truyền thống về xã hội nông thôn cũng như cộng đồng dân nơi đây, từ nền tảng sinh kế, mạng lưới cố kết xã hội, cuộc sống cá nhân và gia đình đến đặc trưng và bản chất của làng, những định hướng giá trị, hệ thống các quy tắc,…

Ở Việt Nam, quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa đưa tới những đổi thay mạnh mẽ của khu vực nông thôn và các làng quê khiến cho sự biến đổi văn hóa của các cộng đồng dân cư nơi đây trở thành đề tài thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà khoa học trên thế giới cũng như ở trong nước. Từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các tác giả Lương Văn Hy, Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm,… đã có những nghiên cứu có giá trị, đem lại cái nhìn chân thực, sinh động và đa chiều về các làng quê trong dòng chảy của sự chuyển đổi kinh tế, xã hội, văn hóa. Cùng với xem xét làng quê Việt Nam, nhất là các làng quê vùng châu thổ sông Hồng trong những chiều hướng biến đổi, nhấn mạnh các giai đoạn và tính chất của quá trình biến đổi cũng như vai trò chi phối của nền tảng truyền thống, các tác giả đã chỉ ra những vấn đề mới phát sinh liên quan đến chính sách, sự đồng bộ trong quy hoạch và cả những hệ quả không mong muốn từ quá trình chuyển đổi và phát triển ở làng. Những kết quả nghiên cứu này có đóng góp đáng kể cả về nội dung cũng như phương pháp tiếp cận, lý thuyết nghiên cứu và sự vận dụng trong tìm hiểu về biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay.

Chương 2
BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA Ở BẮC NINH VÀ SỰ BIẾN ĐỔI KINH TẾ, XÃ HỘI Ở LÀNG ĐẠI LÂM VÀ LÀNG BẤT LỰ

2.1. BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA Ở BẮC NINH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Bắc Ninh

Bắc Ninh là tỉnh nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây giáp thành phố Hà Nội. Là một tỉnh đồng bằng với khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hệ thống sông ngòi với các sông lớn chảy qua như sông Đuống, sông Cầu và sông Thái Bình, chưa kể mạng lưới sông ngòi nội địa dày đặc như sông Ngũ Huyện Khê, sông Dâu, sông Đông Côi, sông Bùi, ngòi Tào Khê,… nên Bắc Ninh rất thích hợp cho trồng lúa và các cây công nghiệp, cây thực phẩm, nhất là rau, hoa quả. Với địa hình khá bằng phẳng, có hướng dốc chủ yếu từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, nhìn chung vùng đất Bắc Ninh hội đủ các điều kiện thuận lợi để trở thành cái nôi sản sinh và phát triển của các làng Việt cổ.

Thực tiễn điều kiện địa lý của Bắc Ninh cho thấy, tỉnh tiếp giáp các tuyến giao thông quan trọng như: QL 1A, QL 1B, QL 18, QL 38, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và 11 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài trên 350 km, ngoài ra còn có các tuyến đường sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình,… khiến cho nơi đây trở thành nơi gặp gỡ, giao hội của các mạch giao thông thuỷ, bộ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Bắc Ninh sớm trở thành trung tâm kinh tế - văn hoá với một vị trí đặc biệt trong lịch sử dân tộc và văn hoá Việt Nam.

Bắc Ninh là tỉnh nhỏ nhất cả nước với tổng diện tích tự nhiên khoảng 822,7 km^2, trong đó đất nông nghiệp chiếm khoảng 60,23%; là tỉnh nghèo về tài nguyên khoáng sản nhưng có dân số đông và mật độ dân số cao. Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2019, toàn tỉnh có số dân là 1.368.840 người (đứng thứ 6 vùng đồng bằng sông Hồng), dân số phân bố khá đồng đều với mật độ trung bình là 1.664 người/km^2, đứng đầu các tỉnh và thứ 3 cả nước (chỉ thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội) [15].

Bắc Ninh có dân số trẻ với số người trong độ tuổi lao động (từ 15 - 60 tuổi) là 665.236 người, chiếm 64,93% tổng dân số, đây là dấu hiệu cho thấy tỉnh đang trong giai đoạn "dân số vàng". Mức gia tăng dân số trong tuổi lao động tăng hàng năm cao với tốc độ tăng bình quân trên 5%/năm. Chất lượng nguồn lao động không ngừng được cải thiện, tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo đạt 75%, số lao động có trình độ từ chuyên môn kỹ thuật bậc trung và bậc cao trở lên chiếm gần 14% [103]. Điều này tạo lợi thế cho Bắc Ninh trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển KT - XH.

Đời sống dân cư, nhất là người dân ở khu vực nông thôn ngày càng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo đạt nhiều bước tiến đáng khích lệ. Bắc Ninh là địa phương đứng trong nhóm dẫn đầu cả nước về chỉ số tiếp cận và phổ cập giáo dục. Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đang hướng tới hoàn thiện phổ cập giáo dục trung học, tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp ở tất cả các cấp học đều đạt 100% [95]. Hệ thống y tế cơ sở, mạng lưới khám, chữa bệnh ngày càng được mở rộng, hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân. Hoạt động thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội đạt nhiều kết quả, trong đó nổi bật là chính sách hỗ trợ người cao tuổi, hỗ trợ điện chiếu sáng khu vực nông thôn,… Tỷ lệ hộ nghèo giảm dần qua các năm (năm 2019, số hộ giảm hộ nghèo xuống 1,27%) [15].

Trong bối cảnh "đất chật, người đông", điều kiện giao thương thuận lợi nên ngay từ khá sớm, người dân ở các làng quê Bắc Ninh bên cạnh chú trọng canh tác nông nghiệp đã hướng đến phát triển nghề thủ công để giải quyết việc làm và đảm bảo được đời sống của dân cư. Chính vì lẽ đó, vùng đất Bắc Ninh còn được mệnh danh là đất "trăm nghề" với nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng: làng tranh dân gian Đông Hồ (thị xã Thuận Thành), làng gốm Phù Lãng (thị xã Quế Võ), làng rèn Đa Hội, làng chạm khắc gỗ Phù Khê, đồ gỗ Đồng Kỵ (thành phố Từ Sơn), làng đúc đồng Đại Bái, làng nghề tre trúc Xuân Lai (huyện Gia Bình),…

Không chỉ nổi danh là vùng đất trăm nghề, Bắc Ninh còn được biết đến là vùng đất giàu truyền thống văn hiến và cách mạng, một trong những cái nôi của nền văn hoá Việt cổ. Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 500 di tích lịch

sử, văn hóa và cách mạng được cấp bằng công nhận di tích cấp quốc gia và cấp địa phương [120]. Bên cạnh đó, Bắc Ninh còn được biết đến với nhiều lễ hội trong đó có những lễ hội có ý nghĩa đặc biệt và có tầm ảnh hưởng lớn như hội Lim, hội chùa Dâu, hội đền Đô, hội đền Bà Chúa Kho,… Ngoài ra, nói đến Bắc Ninh, không thể không nhắc đến những làn điệu dân ca quan họ - nét văn hóa nổi bật và đặc sắc của vùng đất Bắc Ninh - Kinh Bắc đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Theo sự sắp đặt hành chính hiện nay, Bắc Ninh có các đơn vị hành chính bao gồm: thành phố Bắc Ninh và thành phố Từ Sơn, các huyện, thị xã: Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du, Thuận Thành, Lương Tài và Gia Bình với 126 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 70 xã, 52 phường và 4 thị trấn.

2.1.2. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Bắc Ninh

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được thực hiện từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, ngay sau khi có quyết định chính thức tái lập tỉnh Bắc Ninh từ tỉnh Hà Bắc (1996). Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 1997 - 2000), sau đó là Nghị quyết Đại hội XVI (nhiệm kỳ 2001 - 2005) xác định: Khai thác, tập trung mọi nguồn lực để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đặc biệt chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ cao trong các KCN [117]. Để hiện thực hóa chủ trương trên, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển KT - XH nông thôn như hỗ trợ phát triển nông nghiệp; khuyến khích các đơn vị kinh tế, hộ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; ưu đãi các doanh nghiệp với giá thuê thấp nhất theo khung giá đất KCN; hỗ trợ xây dựng, nâng cấp đường giao thông nông thôn, đầu tư chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường; khuyến khích khôi phục và mở rộng làng nghề truyền thống;… Nhờ đó, ngay từ những năm đầu sau tái lập, KT - XH của Bắc Ninh liên tục phát triển với tốc độ khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng tương ứng khu vực nông

nghiệp; năng lực kết cấu hạ tầng và đô thị được tăng cường, các lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống người dân, nhất là các cộng đồng dân cư nông thôn không ngừng được cải thiện.

Các hoạt động công nghiệp, thương mại và dịch vụ ở khu vực nông thôn có bước phát triển đột phá, trong đó đáng chú ý là hoạt động công nghiệp tập trung ở các vùng nông thôn. Tính đến năm 2021, Bắc Ninh có 16 KCN với tổng diện tích 6.397,68 ha, tổng vốn đầu tư 896 triệu USD, trong đó có 10 KCN đang triển khai xây dựng và đi vào hoạt động với vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hơn 500 triệu USD [13]. Các KCN được khai thác, đi vào hoạt động đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển KT - XH trên địa bàn tỉnh. Nhờ sự hoạt động mạnh mẽ và có hiệu quả của các KCN, giá trị sản xuất công nghiệp của Bắc Ninh đã vươn lên đứng thứ 6 cả nước và thứ 2 trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ [117]. Hằng năm, các KCN tập trung tạo ra một khối lượng lớn việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động; đồng thời góp phần đáng kể đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Hoạt động thương mại và dịch vụ nông thôn có bước phát triển mạnh mẽ. Các hoạt động thương mại đã có sự biến đổi đáng kể cả về tổ chức, phương thức hoạt động cũng như lực lượng tham gia thị trường, trong đó đặc biệt phải kể đến sự hình thành và phát triển nhanh chóng của hệ thống chợ nông thôn. Bên cạnh đó là xu hướng đa dạng hóa của các hoạt động dịch vụ nông thôn, trong đó đáng chú ý là sự phát triển của các hoạt động dịch vụ, kinh doanh, chuyển giao công nghệ, vận chuyển hàng hóa, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tín dụng, tham quan du lịch,…

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn tiếp tục được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Trong đó nổi bật là những công trình phục vụ nông nghiệp, nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính viễn thông. Công tác đầu tư xây dựng các KCN tập trung, khu, cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề được đẩy mạnh, hình thành nhiều nhà máy sản xuất công nghiệp,

công nghệ cao,… góp phần đáng kể thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn và nhiều làng quê.

Kết cấu hạ tầng văn hóa - xã hội, phát triển nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe của người dân có nhiều bước tiến đáng kể. Cơ sở vật chất cho sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao ở khu vực nông thôn từng bước được tăng cường; tất cả các thôn, xã đều có nhà văn hóa. Mạng lưới truyền thanh nông thôn được quan tâm, đầu tư, đài phát thanh - truyền hình tỉnh phủ sóng đến tất cả địa bàn trên toàn tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục trên địa bàn. Các điều kiện về ăn, ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh được cải thiện rõ rệt. Nhiều làng, xã đã trở thành làng văn hóa; các giá trị, truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc được phục hồi và phát triển, trình độ dân trí được nâng lên.

Cùng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, quá trình đô thị hóa ở Bắc Ninh cũng được quan tâm, đẩy mạnh. Ngay sau khi tái lập, tỉnh đã dành phần lớn số vốn cho việc đầu tư phát triển các đô thị, ưu tiên quy hoạch và chú trọng phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư, hình thành các thị trấn, thị tứ mới. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật xã hội nông nghiệp - nông thôn được quan tâm, xây dựng đồng bộ. Các đô thị được quy hoạch mở rộng, nâng cấp, chất lượng đô thị được nâng lên. Ở nhiều khu vực dân cư nông thôn, các làng quê ven đường quốc lộ, tỉnh lộ, khu vực có kinh tế phát triển, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 9 đô thị, gồm thành phố Bắc Ninh, thành phố Từ Sơn và 7 phường, thị trấn: Chờ (Yên Phong), Lim (Tiên Du), Phố Mới (Quế Võ), Hồ (Thuận Thành), Thứa (Lương Tài) và Nhân Thắng, Gia Bình (Gia Bình). Các đô thị đóng vai trò trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ, hành chính của tỉnh và các huyện. Tính từ năm 2010 đến năm 2020, dân số đô thị tỉnh Bắc Ninh đã tăng từ 268,5 nghìn người lên 520 nghìn người, đưa tỷ lệ đô thị hóa tăng nhanh từ 26% (năm 2010) lên 38% (năm 2021) [167]. Bắc Ninh trở thành tỉnh có tốc độ đô thị hóa cao nhất cả nước.

Quá trình đô thị hóa diễn ra tập trung nhất tại thành phố Bắc Ninh và thành phố Từ Sơn. Địa giới hành chính thành phố Bắc Ninh được mở rộng lên 82,6 km^2 trên cơ sở sáp nhập các xã Khúc Xuyên, Vạn An, Hòa Long, Phong Khê (huyện

Yên Phong), Kim Chân, Nam Sơn, Vân Dương (thị xã Quế Võ) và Khắc Niệm, Hạp Lĩnh (huyện Tiên Du) vào thành phố. Thành phố Từ Sơn sau khi được thành lập cũng đã mở rộng khu vực nội thị bao gồm diện tích các phường Châu Khê, Đình Bảng, Tân Hồng, Đồng Nguyên, Đồng Quang, Tân Hồng. Đô thị hóa cũng diễn ra nhanh chóng ở các khu vực tập trung đông dân cư, các KCN tập trung, ven đường quốc lộ 1A, 18, 38,… góp phần mở rộng đáng kể các đô thị cũng như hình thành các khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh.

Quá trình đô thị hóa ở Bắc Ninh gắn liền với sự hình thành, phát triển của các KCN. Mạng lưới đô thị mở rộng trên cơ sở xây dựng các KCN cùng hệ thống hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 10 khu đô thị, dịch vụ gắn với KCN, trong đó có 4 khu đô thị, dịch vụ (diện tích 834ha) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: VSIP, Yên Phong II, Đại Kim, Nam Sơn - Hạp Lĩnh; 6 khu đô thị, dịch vụ (diện tích 693ha) được UBND tỉnh cho phép gắn với KCN: Tiên Sơn, Yên Phong, Quế Võ, Quế Võ III, Thuận Thành II, III, Đại Đồng - Hoàn Sơn và Từ Sơn. Bên cạnh đó, nhiều làng, thôn đã chuyển thành các khu dân cư, khu phố; tỷ lệ lao động chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, làm thuê trong KCN ngày càng tăng.

Trong những năm gần đây, quá trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được gắn với quy hoạch các hành lang xanh dọc theo sông Đuống, sông Cầu. Nhiều khu đô thị được quy hoạch với mục tiêu khu đô thị xanh như: Khu Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (diện tích 590 ha); khu du lịch Phật Tích huyện Tiên Du (diện tích 2.200 ha); khu liên hợp thể thao tỉnh tại huyện Tiên Du và huyện Quế Võ (diện tích 1.340 ha); khu sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng trên địa bàn huyện Tiên Du, thành phố Từ Sơn (diện tích 1.400 ha); khu tổ hợp đô thị, du lịch văn hóa tại thị xã Thuận Thành (diện tích 2.000),… [92]. Các công trình hạ tầng đô thị cũng được đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, hiện đại hóa nông thôn.

Dự báo trong tương lai gần, quá trình đô thị hóa của Bắc Ninh sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và quy mô. Với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Bắc Ninh tập trung phấn đấu đến năm 2025, đưa tỷ lệ đô

thị hóa toàn tỉnh lên 55%. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) xác định tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp: Đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; Nâng cấp các đô thị Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành lên đô thị loại IV; Thành lập thị xã Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ, Thuận Thành và thành phố Từ Sơn [96]. Theo đồ án (điều chỉnh) quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bắc Ninh gắn với quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội, tạo thành một cực của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Bắc Ninh - Vĩnh Phúc, trở thành đô thị văn minh, hiện đại. Định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2035 của Bắc Ninh gồm 7 đô thị: Bắc Ninh (đô thị trung tâm); Thuận Thành (đô thị vệ tinh loại IV); Gia Bình - huyện Gia Bình; Thứa - huyện Lương Tài; Nhân Thắng - huyện Gia Bình; Trung Kênh - huyện Lương Tài; Cao Đức - huyện Gia Bình.

Những thành tựu của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ khi tái lập tỉnh đến nay có ý nghĩa quan trọng, góp phần đem lại sự thay đổi rõ rệt của bộ mặt nông thôn Bắc Ninh nói chung và nhiều làng quê nơi đây, đồng thời tạo tiền đề để Bắc Ninh tiếp tục phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2. BIẾN ĐỔI KINH TẾ - XÃ HỘI Ở LÀNG ĐẠI LÂM VÀ LÀNG BẤT LỰ

2.2.1. Khái quát về làng Đại Lâm và làng Bất Lự

2.2.1.1. Làng Đại Lâm

Đại Lâm (thuộc xã Tam Đa, huyện Yên Phong) là một làng Việt cổ xuất hiện từ khá sớm[1]. Làng nằm dọc bờ Nam sông Cầu, cách tỉnh lỵ Bắc Ninh 5 km về hướng Tây - Nam, huyện lỵ Yên Phong hơn 10 km về hướng Đông - Bắc; có diện tích tự nhiên khoảng 166 ha, dân số hiện nay ước tính trên 5.000 người với hơn 1.000 hộ gia đình.

Vốn là một làng cổ, lại ở vào vị trí thuận lợi trên bến dưới thuyền, gần trung tâm kinh tế thương mại là thị xã Bắc Ninh (nay là thành phố Bắc Ninh) và quốc lộ 1A, nên từ xưa các hoạt động kinh tế ở Đại Lâm đã khá sôi động, phong

[1] Căn cứ vào các tài liệu khảo cổ học, các thư tịch cổ ghi chép tại đình, chùa, nghè và theo sự tích thành hoàng làng thì từ thời Hùng Vương thứ VI, hiệu là Bách Việt (cách đây 2.300 năm) nơi đây đã là vùng đất có dân cư đông đúc

phú. Ngoài làm nông nghiệp, cấy lúa, người dân nơi đây còn kết hợp làm men, nấu rượu và chăn nuôi lợn, đặc biệt việc làm men và nấu rượu ở Đại Lâm đã nổi tiếng từ lâu đời.

"Tiếng Đại Lâm vang lừng đất Bắc
Rượu thơm ngon có tiếng dâng vua"

Không chỉ giỏi nghề nông nghiệp, nấu rượu và chăn nuôi lợn, người dân Đại Lâm còn thạo nghề trồng dâu, nuôi tằm và buôn bán,… chính vì thế nên từ xa xưa, mảnh đất Đại Lâm đã nổi danh với nhiều hoạt động kinh tế sôi động và là một trong những làng quê trù phú bậc nhất của tỉnh Bắc Ninh.

Cùng với sự đa dạng, sung túc trong đời sống kinh tế, đời sống xã hội, tinh thần của người dân ở làng cổ Đại Lâm cũng hết sức phong phú, giàu bản sắc. Theo lời các cụ cao niên trong làng, từ thời xa xưa tổ chức xã hội ở Đại Lâm đã khá quy củ, chặt chẽ. Dân đinh trong làng chia thành 6 giáp: Giáp Đông, Giáp Đoài, giáp Nam, giáp Bắc, giáp Yên, giáp Chùa. Trước cách mạng tháng Tám, dân số trong làng chỉ khoảng hơn 1.000 người với 300 hộ nhưng đã có tới 37 dòng họ. Ngoài tổ chức tộc họ, phe giáp, trong làng còn có các hội tư văn, hội hương lão, bản xã, hội đồng niên,… Thời phong kiến, Đại Lâm nổi tiếng là một làng có truyền thống văn hiến. Triều vua Tự Đức thứ 28 (1873), làng đã được phong tặng 4 chữ vàng: "Mỹ tục khả phong" (hiện nay vẫn được treo trang trọng tại tòa tiền tế của đình làng).

Cùng với sự hình thành và phát triển của cộng đồng làng xã, các nghi lễ, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo ở Đại Lâm cũng phong phú nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. Giống như ở hầu hết các làng Việt cổ khác, trong các gia đình, tộc họ, người Đại Lâm thờ ông bà, cha mẹ, tổ tiên; còn ở phạm vi làng xã, người dân thờ Thành hoàng làng. Bên cạnh đó, một bộ phận dân cư còn theo đạo Phật và tôn thờ đức Phật. Theo tài liệu văn bia lưu tại chùa Đại Lâm (Thiên Phúc Trị), ở Đại Lâm có hai ngôi chùa cổ thờ Phật là chùa Thiên Phúc và chùa Thiên Tích. Đó là những danh lam cổ tích, được nhân dân trong làng xây dựng và nhiều người thập phương và bản xã công đức tiền của để tu bổ tôn tạo từ thế kỷ XVII. Ngoài hai ngôi chùa Thiên

Tích và Thiên phúc, Đại Lâm còn có hệ thống các công trình Đình, Đền, Nghè được xây dựng từ lâu đời, tạo thành quần thể những công trình tín ngưỡng, tôn giáo đáp ứng những nhu cầu tâm linh, đồng thời chứa đựng những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư nơi đây.

Gắn liền với tập quán nông nghiệp trồng lúa nước và đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Đại Lâm là những hình thái sinh hoạt cộng đồng đặc sắc, trong đó đặc biệt phải kể đến là ngày hội truyền thống của làng. Hội làng Đại Lâm được tổ chức từ ngày 24 - 26 tháng Giêng hàng năm. Mở đầu cho ngày hội (vào Đám) là việc tế lễ rước thành hoàng làng. Đó là dịp để dân làng tạ ơn thần, kính cáo với các thần về thành quả lao động của mình qua một năm và cầu xin các thần phù hộ cho dân làng năm tới được nhân khang, vật thịnh, mùa màng tốt tươi. Dịp lễ hội có các trò chơi dân gian như đánh đu, kéo co, cướp cầu, cờ tướng, vật,… và các hoạt động văn nghệ như hát tuồng, chèo, cải lương được tổ chức vào buổi tối. Đặc biệt, hội làng Đại Lâm gắn với thần tích ba vị thánh: Nghiêm Công - Nghiêm Minh - Trị Công giúp Vua Hùng chiến thắng giặc Ân, nên cứ vào ngày hội làng, nhân dân còn tổ chức chọi gà, nấu cơm nhằm tưởng nhớ sự kiện vẻ vang này. Tuy nhiên, đặc sắc hơn cả trong mỗi dịp lễ hội truyền thống ở Đại Lâm là bơi chải. Theo lời các cụ cao niên ở làng, truyền thống đua thuyền chải giữa các xóm trong làng bắt đầu xuất hiện từ sau chiến thắng vang dội của quân dân nhà Lý trước quân xâm lược Tống (năm 1077) trên sông Như Nguyệt. Chỉ trừ những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, còn lại năm nào làng cũng tổ chức hội thi bơi chải… Nhìn chung, ngày hội làng ở Đại Lâm không chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo cộng đồng mà còn là các hoạt động giải trí, giao lưu văn hóa, thể hiện tinh thần thượng võ, đoàn kết, đồng thời thể hiện nét đẹp truyền thống của quê hương.

Bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy truyền thống lịch sử, văn hiến của quê hương, nhân dân Đại Lâm ra sức đoàn kết, nỗ lực phấn đấu trong sự nghiệp xây dựng phát triển KT - XH. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội ngày càng được quan tâm, đạt nhiều bước tiến bộ rõ rệt. Các công trình tín ngưỡng, tôn giáo được toàn dân bảo vệ,

đóng góp tiền của, công sức để tu bổ, tôn tạo phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở Đại Lâm thu hút sự tham gia đông đảo của người dân đồng thời đem lại hiệu quả kinh tế xã hội to lớn. Trong nhiều năm liền, Đại Lâm đã đạt danh hiệu Làng văn hóa cấp huyện, người dân nơi đây đã và đang đoàn kết, đồng lòng phát huy truyền thống "Mỹ tục khả phong" trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc quê hương Bắc Ninh - Kinh Bắc.

2.2.1.2. Làng Bất Lự

Làng Bất Lự xưa thuộc xã Đại Sơn ("nhất xã tam thôn", bao gồm: Bất Lự, Trung Dịch, Đông Lâu). Theo lời các cụ cao niên trong làng và những câu chuyện huyền thoại dân gian truyền lại, từ hàng ngàn năm trước, trên đất Bất Lự ngày nay đã có cư dân sinh sống. Ngọc phả thành hoàng Đại Sơn cổ và Bất Lự - Đại Sơn được lưu giữ tại Viện thông tin khoa học xã hội Việt Nam ghi rõ: từ đời Hùng Vương thứ 18 đã có cái tên *Sách Bất Lự, trang Đại Sơn*.[2] Đến thời Lê có *thôn Bất Lự,* thuộc xã Đại Sơn. Dưới thời nhà Trần, Trần Quốc Tuấn phụng mệnh vua Trần Thái Tông cầm quân đánh đuổi quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ nhất (1258), khi cùng quân sĩ hành quân qua Đại Sơn đã vào cầu thần và được các vị thành hoàng làng Bất Lự - Đại Sơn hiển ứng âm phù. Dẹp xong quân Nguyên Mông nhà Trần bình thiên hạ, Trần Thái Tông phong mỹ tự cho các ngài Đại Vương thành hoàng làng Bất Lự - Đại Sơn *"Linh ứng anh triết dương lộ anh hiển"*. Đến thời Lê, sau khi Lê Thái Tổ khởi nghiệp đánh đuổi giặc Minh xâm lược giành thắng lợi và xưng vương (1492), đã phong mỹ tự cho các vị Đại Vương thành hoàng làng Bất Lự - Đại Sơn *"Phổ tế cương nghị anh linh sắc chỉ đồng hưu vĩnh, hoàn vĩ khâm tai"* (ngày 10 tháng 3 năm Thuận Thiên thứ ba - 1430). Điều đó cho thấy công phu giúp vua cứu nước của người dân và thành hoàng đất này.

Từ sau Cách mạng tháng Tám (1945), xã Đại Sơn hợp nhất cùng hai xã Dưỡng Mông và Đồng Lạng thành xã Hoàn Sơn; Bất Lự trở thành một trong 7

[2] Theo sự tích thành hoàng Đại Sơn Bất Lự do Sử thần Nguyễn Bính, Hàn Lâm viện Đông các Đại Học Sĩ phụng soạn vào thời Hồng Phúc (1572)

thôn (làng) trong xã. Những năm 1985 - 1990, do yêu cầu sản xuất, Hợp tác xã nông nghiệp Hoàn Sơn chia làm 10 đội (trong đó có các đội núi Bất và làng Bất), dần dần hình thành 10 thôn (làng); theo đó Bất Lự được chia làm 2 đơn vị hành chính (núi Bất và làng Bất), tuy nhiên đình, chùa vẫn sinh hoạt chung.

Theo sự tích thành hoàng Đại Sơn - Bất Lự, từ thời xa xưa các cư dân cổ nơi đây đã thạo nghề canh cửi, giỏi nghề lúa nước, chăn nuôi, trồng trọt. Không những vậy, người Đại Sơn còn gồng xay, gánh xáo, chợ búa và được biết đến với nhiều nghề thủ công nghiệp như đánh đá, đục cối. Đặc biệt Bất Lự nổi tiếng với nhiều tay nghề khá đục đá kỹ thuật làm màn cửa, bậc thềm, trang trí thợ nề, thợ mộc,…

Nằm trên mảnh đất có sự gặp gỡ, giao thoa giữa tín ngưỡng dân gian Việt cổ và Phật giáo Ấn Độ từ những thế kỷ đầu công nguyên, từ rất sớm Bất Lự đã có ngôi chùa thờ phật khá uy nghi, to đẹp. Bên cạnh đó, người dân nơi đây cũng thờ thành hoàng (ba vị thành hoàng đang được thờ hiện nay là nhân vật lịch sử từ thời Hùng Vương thứ 18). Theo lời các cụ cao niên trong làng, cho đến những năm 1948 - 1949, Bất Lự vẫn còn những ngôi đình, chùa khá bề thế; tuy nhiên sau đó đình và chùa đã bị thực dân Pháp đốt phá, một số phần còn lại cũng không còn do tiêu thổ kháng chiến. Đình và chùa làng hiện nay được người dân từng bước phục dựng nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đời sống tâm linh của dân làng.

Không chỉ được biết đến với truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, Bất Lự - Đại Sơn còn là mảnh đất nổi tiếng với nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống đặc sắc, trong đó đặc biệt phải kể đến một số loại hình văn nghệ, diễn xướng dân gian như hát ả đào, chèo, hát ví, trống quân,… nổi tiếng vùng tỉnh Bắc Ninh một thời.[3] Trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, do chiến tranh kéo dài, người dân phải tập trung cho sản xuất, phục vụ chiến đấu, số lượng các nghệ nhân ngày càng ít đi,… một số loại hình diễn xướng dân gian đã bị mai một (hát ả đào, trống quân), tuy nhiên bên cạnh đó, nhiều loại hình nghệ thuật mang đậm bản sắc truyền thống vẫn được người dân nơi đây tiếp nối, phát huy (hát chèo, hát ví).

[3] Cử nhân Đỗ Trọng Vĩ (1829 - 1899) quan án sát Thái Nguyên, Đốc học Bắc Ninh

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, đặc biệt là từ những năm đầu sau tái lập tỉnh, cùng với chủ trương xây dựng Bắc Ninh trở thành một tỉnh công nghiệp, việc xây dựng KCN Tiên Sơn - KCN lớn nhất Đông Nam Á ở thời điểm đó với một phần diện tích thuộc địa bàn Bất Lự và cùng với đó là việc xây dựng tuyến giao thông quốc gia 1B (quốc lộ 1 mới) chạy qua giữa làng đã khiến cho Bất Lự được biết đến như nơi "phát tích" của quá trình công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Sau hơn 20 năm chuyển động cùng quá trình chuyển đổi, Bất Lự đã chứng kiến những sự đổi thay mạnh mẽ: từ một làng quê thuần nông, cơ cấu lao động - ngành nghề và thu nhập của người dân nơi đây có sự chuyển đổi, tăng trưởng rõ nét theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Kinh tế có bước phát triển, người dân Bất Lự cũng có điều kiện chăm lo hơn đến đời sống văn hóa xã hội, tinh thần. Các di tích như đình, chùa làng được quan tâm, đóng góp tiền của để đầu tư tôn tạo, đáp ứng nhu cầu tâm linh và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng làng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư đạt nhiều kết quả tích cực… Đó chính là những tiền đề quan trọng để Bất Lự tiếp tục vươn mình phát triển trong xu thế hội nhập sôi động hiện nay.

2.2.2. Biến đổi đời sống kinh tế

2.2.2.1. Biến đổi nghề nghiệp

Cùng với quá trình đổi mới của đất nước, đặc biệt là quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, hoạt động kinh tế ở cả hai làng Đại Lâm và Bất Lự đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ. Từ những làng quê thuần nông, làng nghề, Đại Lâm và Bất Lự đã "chuyển mình" thành những làng - đô thị với hoạt động kinh tế năng động, trong đó sản xuất hàng hóa, dịch vụ là chủ yếu.

Vốn là một làng cổ đa nghề, từ khi đất nước bước vào quá trình đổi mới, hoạt động kinh tế ở Đại Lâm đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ sang sản xuất hàng hóa với cơ cấu kinh tế mở, đa dạng, đa ngành. Ngoài trồng các cây lương thực, người dân nơi đây còn phát triển nghề chăn nuôi lợn kết hợp với nấu rượu, làm mỳ, đậu phụ, phát triển dịch vụ,…; chợ Đại Lâm là trung tâm buôn bán trao đổi hàng hóa nông sản ở địa phương.

Nhắc tới Đại Lâm, không thể không nhắc đến rượu - một "đặc sản" của làng cổ này và cũng chính là thương hiệu ẩm thực nổi tiếng nơi đây: *Đại Lâm mỹ tửu*. Không ai nhớ nghề nấu rượu có ở Đại Lâm từ bao giờ, chỉ biết rằng xưa kia, người làng khá giả và giàu có lên cũng bởi nghề này. Thời kỳ hưng thịnh của nghề, ở làng có đến bảy, tám trăm hộ gia đình nấu rượu. Không chỉ tự tay nấu rượu gạo, rượu sắn, do thuận lợi về giao thương đường sông, nhiều người ở Đại Lâm còn mua lại rượu làng Vân (Việt Yên, Bắc Giang) từ bên kia sông mang bán khắp nơi.

Tuy nhiên trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, số gia đình làm nghề nấu rượu ở Đại Lâm ngày càng giảm mạnh.

> "*Trước đây hầu như cả làng đều nấu rượu, nhưng giờ ít đi rồi. Nấu rượu vất vả mà lời lãi cũng không bao nhiêu, chẳng thể giàu lên được nên nhiều nhà đã bỏ nghề rồi".* (N.V.Đ, 68 tuổi, Đại Lâm).

Bên cạnh đó cũng còn cần phải kể đến một lý do khác: trong cơ chế thị trường, nhiều hộ gia đình chạy theo lợi nhuận, sản xuất rượu giả, rượu kém chất lượng, làm mất đi giá trị truyền thống cũng như ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương hiệu, sản phẩm làng nghề Đại Lâm. Từ danh xưng *Đại Lâm mỹ tửu*, làng nghề truyền thống này bị các cơ quan thông tin, báo chí nhắc đến như "thủ phủ rượu giả", "làng nấu rượu không bếp", "làng rượu cồn",... Điều đó khiến cho uy tín và thị phần của rượu Đại Lâm ngày càng bị giảm sút trầm trọng, nghề nấu rượu truyền thống ở đây vì thế cũng đang phải đối mặt với nguy cơ mai một dần.

Không chỉ được biết đến bởi nghề nấu rượu, từ khá sớm, các hộ gia đình ở Đại Lâm còn tận dụng sản phẩm phụ từ nghề truyền thống này để đẩy mạnh chăn nuôi lợn. Thời kỳ cao điểm, trong làng có đến bốn, năm trăm hộ nuôi lợn. Nhiều hộ do diện tích đất ở chật hẹp, còn sáng tạo bằng cách chăn nuôi lợn trên nhà cao tầng. Tuy nhiên những năm gần đây, cùng với sự giảm sút của nghề nấu rượu, số hộ chăn nuôi lợn ở Đại Lâm cũng ít đi đáng kể do nguồn thức ăn từ nghề nấu rượu không còn dồi dào như trước đây. Một bộ phận dân làng chuyển sang tập trung vào canh tác nông nghiệp, một số khác đổi nghề đi chợ, buôn bán, kinh doanh nhỏ; thanh niên trong làng thì tìm đến các khu, cụm công nghiệp để xin làm công nhân.

"*Rượu làm ra bây giờ khó tiêu thụ lắm nên còn ít nhà làm thôi. Với lại họ cũng không làm nhiều, chủ yếu cho có việc, giữ nghề và để có nguồn thức ăn nuôi lợn. Cánh thanh niên thì đa số tìm đến các KCN xin làm công nhân chứ không ở nhà nấu rượu nữa*". (N.Đ.C, 62 tuổi, Đại Lâm)

Kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS tại địa bàn cho thấy, trong bối cảnh những nghề truyền thống như nấu rượu, nuôi lợn đang dần bị mai một, người dân Đại Lâm phải tự bươn chải để tìm kiếm công ăn việc làm.

"*Bây giờ không còn nấu rượu và nuôi lợn thì thừa nhiều lao động và nhàn rỗi lắm. Bọn trẻ thì đi làm thuê, đứa nào có trình độ mới được làm ở nhà máy KCN, còn lại thì làm ruộng, đi chợ hoặc gặp ai nhờ việc gì thì làm nấy*". (N.V.C, 74 tuổi, Đại Lâm)

So với ở Đại Lâm, quá trình biến đổi nghề nghiệp và cơ cấu kinh tế ở Bất Lự diễn ra có phần đột ngột, nhanh chóng và mạnh mẽ hơn. Được ví như nơi khởi nguồn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, những động thái đầu tiên thể hiện sự tác động của quá trình này đối với Bất Lự chính là việc thu hồi và chuyển đổi một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn để phục vụ cho quy hoạch và xây dựng KCN Tiên Sơn, và tiếp sau đó là các KCN Tân Hồng - Hoàn Sơn (Theo Quyết định số 754/QĐ-UBND (7/2016) của UBND tỉnh Bắc Ninh, KCN Tân Hồng - Hoàn Sơn được sáp nhập vào KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh và đổi tên thành phân khu Tân Hồng - Hoàn Sơn) và Đại Đồng - Hoàn Sơn. Tính từ năm 1997 (thời điểm tỉnh Bắc Ninh chính thức được tái lập) đến nay, diện tích đất nông nghiệp của Bất Lự đã giảm mạnh (hơn 90%), từ 480 ha xuống còn 4,5 ha qua hai đợt thu hồi (vào các năm 1997 và 2007) để phục vụ cho việc xây dựng các KCN. Xu hướng thu hẹp đất canh tác ở Bất Lự vẫn sẽ tiếp tục trong những năm tới do trên địa bàn còn một số dự án trong quy hoạch nhưng chưa được thực hiện. Theo lời một số cán bộ thôn Bất Lự Làng, hiện nay phần diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn còn lại rất ít so với trước đây. Và trên thực tế, phần diện tích này đã nằm trong quy hoạch nên cũng không còn được bà con trong thôn sử dụng để canh tác.

Theo kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS tại làng Bất Lự, hầu hết những người tham gia trả lời đều cho biết, so với cách đây 10 năm, số diện tích

đất canh tác nông nghiệp của gia đình họ đã giảm đi đáng kể. Nhiều hộ thậm chí đã hoàn toàn không còn đất nông nghiệp. Ở thời điểm hiện tại, chỉ có một số gia đình cho biết họ vẫn còn đất canh tác, tuy nhiên diện tích không đáng kể và các hộ này cũng đã không còn sử dụng để làm nông nghiệp nữa.

> "*Nhìn chung diện tích đất nông nghiệp của các gia đình đều giảm đi rất nhiều rồi. Nhà tôi trước cũng có gần 5 sào ruộng, nhưng bây giờ thì không còn*". (L.Đ.Q, 65 tuổi, Bất Lự)

Vốn là một làng quê thuần nông, lại nằm ở trung tâm của vựa lúa vùng Kinh Bắc, việc phần lớn diện tích đất nông nghiệp ở Bất Lự bị thu hồi để chuyển sang phục vụ cho xây dựng các KCN khiến cho đa số người dân nơi đây phải chuyển đổi ngành nghề; điều đó kéo theo những thay đổi nhanh chóng trong cơ cấu kinh tế, lao động ở Bất Lự trong những năm gần đây. Kết quả khảo sát và tìm hiểu của NCS về thực trạng việc làm tại địa bàn cho thấy, các hình thức chuyển đổi nghề nghiệp của người dân ở đây khá đa dạng và cơ cấu ngành nghề của Bất Lự hiện nay mang nhiều nét tương đồng với bức tranh kinh tế ở nhiều "làng - phố" trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Hầu như các ý kiến tham gia trả lời phỏng vấn đều cho biết, đa số những gia đình trước đây làm nông nghiệp thì nay đã chuyển sang các ngành nghề khác: buôn bán, kinh doanh, cho thuê trọ, lao động giản đơn, làm thuê trong các công ty, doanh nghiệp,…

Tuy nhiên, có một thực tế dễ nhận thấy, trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, một bộ phận người dân ở hai làng, nhất là những người lớn tuổi hay vốn trước đây chỉ quen với làm nông nghiệp hoặc nghề phụ đang gặp không ít khó khăn trong việc tìm kiếm, tiếp cận cơ hội việc làm. Đa phần họ, do không bắt nhịp kịp với quá trình chuyển đổi sang kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ,… cũng như không thể tìm được việc làm trong các doanh nghiệp, công ty, trong khi không còn đất nông nghiệp hoặc nghề phụ, đã rơi vào cảnh thất nghiệp hoặc phải làm những công việc giản đơn như chạy xe ôm, giúp việc, trông trẻ,… với mức thù lao khá thấp và không ổn định. Có thể nói, việc mai một các nghề truyền thống (ở Đại Lâm) cũng như không còn đất canh tác (ở Bất Lự) đã và đang đặt ra nhiều thách thức đối với bài toán sinh kế của một bộ phận dân cư ở các làng hiện nay.

"*Những gia đình khá giả, có điều kiện thì chuyển sang kinh doanh hoặc buôn bán. Còn lại nói chung khó khăn đấy. Thì đành phải xoay đủ thứ việc sao cho có thu nhập chứ biết làm thế nào".* (T.V.T, 49 tuổi, Đại Lâm)

"*Không còn ruộng nữa thì những người như chúng tôi cũng chẳng biết làm gì. Nhiều lúc nghĩ hay cứ đi học một nghề gì đó để làm nhưng rồi cũng chẳng biết chọn nghề gì, mà học xong liệu có tìm được việc không. Các nơi bây giờ người ta thuê người trẻ khỏe, được học hành đầy đủ chứ những người già, yếu như mình thì họ thuê làm gì...*". (L.Đ.Q, 65 tuổi, Bất Lự)

Nhìn chung xu hướng chủ đạo trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người dân ở hai làng hiện nay là từ sản xuất nông nghiệp, làm nghề phụ sang buôn bán, kinh doanh, đi chợ, làm thuê trong các công ty, doanh nghiệp… Ở Bất Lự còn có thêm loại hình cho thuê nhà trọ. Đây là một hình thức chuyển đổi nghề đang khá phổ biến từ khoảng hơn 10 năm trở lại đây. Sở dĩ hoạt động kinh doanh cho thuê nhà trọ ở Bất Lự ngày càng khởi sắc là bởi làng nằm trong khu vực có 2 KCN thu hút hàng chục nghìn công nhân, lao động từ khắp các tỉnh, thành trên cả nước đến làm việc. Nhu cầu nhà ở của người lao động ngoại tỉnh luôn hiện hữu trong khi làng chỉ cách KCN chưa đến một cây số, lại có chợ họp cả ngày, rất thuận tiện cho việc đi lại, mua sắm phục vụ sinh hoạt, nên đã sớm trở thành địa điểm lý tưởng để những công nhân ở tỉnh xa tìm đến thuê trọ.

"Hiện nay ở làng có khoảng hơn một trăm hộ có hệ thống nhà trọ riêng biệt để cho thuê. Các phòng trọ khá đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khác nhau. Phòng nhỏ rộng khoảng 10m^2, cho 1 người ở, có giá khoảng 500 - 600 nghìn đồng/tháng. Phòng to hơn khoảng 12-15m^2, ở 2 người có giá từ 750-800 nghìn đồng/tháng. Có những phòng rộng có thể ở được 5-6 người, dành cho những ai muốn tiết kiệm tiền phòng và chi phí sinh hoạt. Các phòng trọ xây thành dãy dài, cứ 3-4 phòng dùng chung 1 hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh. Số công nhân ở trọ trong làng hiện nay ước chừng khoảng hơn một nghìn người". (V.V.T, 68 tuổi, trưởng thôn Bất Lự Làng)

Được biết thời gian gần đây, các công ty như Canon, Micoem,… và một số công ty khác liên tục tuyển thêm công nhân nên nhu cầu về nhà ở của công nhân ngày càng tăng cao.

"Ngày nào cũng có bốn, năm tốp đến hỏi thuê nhưng quanh khu vực chợ các phòng hầu như đã kín người. Gần đây nhiều hộ trong làng cũng đã xây thêm phòng trọ mới để cho thuê nhưng có lẽ cũng không thể đáp ứng đủ nhu cầu của các công nhân, lao động ngoại tỉnh". (V.V.T, 68 tuổi, trưởng thôn Bất Lự Làng)

Quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của người dân dẫn đến cơ cấu kinh tế ở các làng cũng có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo xu hướng từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Bảng 2.1: Nghề nghiệp của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Nghề nghiệp	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt)	170	76,5	66	29,7
2	Làm nghề	126	56,7	68	30,6
3	Công nhân - làm thuê	19	8,5	69	31,0
4	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ	57	25,6	108	48,6
5	Cán bộ, công chức, viên chức	5	2,2	9	4,0
6	Nghỉ hưu/mất sức				
7	Lao động giản đơn	8	3,6	11	4,9
8	Không nghề			8	3,6

Nguồn: Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)

Bảng 2.1 cho thấy, sự dịch chuyển cơ cấu ngành nghề mạnh nhất là nông nghiệp (bao gồm trồng trọt và chăn nuôi), làm nghề, công nhân và dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ. Vào thời điểm khảo sát (2020), số hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp ở hai làng Đại Lâm và Bất Lự đã giảm gần 50% so với khoảng hơn mười năm trước (2007), từ 76,5% xuống còn 29,7%. Tính riêng ở Đại Lâm,

số hộ làm nghề nấu rượu đã giảm gần một nửa so với trước đây; trong khi đó tỷ lệ hộ gia đình có người làm công nhân hay chuyển sang làm dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ tăng mạnh, lần lượt là 18% và gần 30% (số lao động làm công nhân và những người làm buôn bán, kinh doanh nhỏ trong các hộ gia đình tăng lên là do một bộ phận người dân trước đây làm nghề nấu rượu, nuôi lợn chuyển sang). Còn ở Bất Lự, tỷ lệ nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của địa phương giảm mạnh, tính từ năm 2007 so với thời điểm hiện tại (hầu như trong làng đã không còn hộ canh tác nông nghiệp).

> *"Hiện nay, diện tích đất nông nghiệp của Bất Lự còn khoảng gần 5 ha. Tuy nhiên, trên thực tế, nó đã được quy hoạch vào các dự án nên người dân trong làng cũng không còn ai canh tác trên đất ấy nữa".* (VVT, 68 tuổi, Trưởng thôn Bất Lự Làng).

Có thể thấy, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, cơ cấu nghề nghiệp và việc làm ở Đại Lâm và Bất Lự đã có sự chuyển đổi rõ nét từ các hoạt động nông nghiệp, làm nghề phụ là chủ yếu sang cơ cấu kinh tế mang tính chất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. So với ở Đại Lâm, những thay đổi trong bức tranh lao động, việc làm ở Bất Lự diễn ra nhanh chóng và rõ nét hơn do được thúc đẩy bởi những động thái mang tính bước ngoặt: sự thu hẹp phần lớn diện tích đất nông nghiệp - cơ sở kinh tế quan trọng của phương thức canh tác tiểu nông; đồng thời và tiếp sau đó là sự xuất hiện của các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư mới. Những biến đổi căn bản trong hoạt động nghề nghiệp của người dân ở hai làng đóng vai trò nền tảng, đồng thời là động lực đưa đến những đổi thay sâu sắc trên các phương điện đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân cư nơi đây.

2.2.2.2. Biến đổi thu nhập

Sự phân bổ lao động và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, thương mại, dịch vụ,… như đã chỉ ra ở trên dẫn đến cơ cấu nguồn thu nhập của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự cũng thay đổi theo xu hướng tương ứng:

Bảng 2.2: Những ngành nghề đóng góp chính vào thu nhập của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Nghề nghiệp	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt)	125	56,3	65	29,2
2	Làm nghề	122	54,9	72	32,4
3	Công nhân - làm thuê			77	34,6
4	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ	40	18	87	39,1
5	Cán bộ, công chức, viên chức				
6	Lao động giản đơn/Nghề nghiệp khác	10	4,5	10	4,5

Nguồn: Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)

Tại thời điểm khảo sát, tỷ lệ hộ gia đình ở hai làng có thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi và trồng trọt) và làm nghề đã giảm mạnh so với thời điểm trước năm 2007. Đồng thời số gia đình được hỏi cho biết có nguồn thu chủ yếu dựa trên các ngành nghề như công nhân - làm thuê và dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ (bao gồm cho thuê trọ) tăng đáng kể, lần lượt là 34,6% và 39,1%. Chỉ tính riêng ở Đại Lâm, tỷ lệ hộ làm nghề nấu rượu và sản xuất nông nghiệp giảm mạnh so với thời điểm từ năm 2007 trở về trước, mức giảm lần lượt là 36% và 20%. Trên thực tế, số diện tích đất canh tác của các hộ gia đình ở Đại Lâm hiện nay không có nhiều biến động so với thời điểm khoảng 10 năm trước và chỉ trừ một số ít hộ đã nhượng hoặc cho thuê ruộng, còn lại đa số các gia đình vẫn tiếp tục tham gia sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, số hộ có nguồn thu nhập chính từ hoạt động nông nghiệp ở làng hiện tại lại giảm đáng kể so với trước đây, chủ yếu là do sự thu hẹp và sụt giảm của nghề chăn nuôi lợn.

So với ở Đại Lâm, sự biến đổi trong cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình ở Bất Lự diễn ra mạnh mẽ và có phần đồng bộ hơn. Tính từ thời điểm năm 2007 trở lại đây, nguồn thu nhập chính của các gia đình ở Bất Lự đã có sự chuyển đổi đáng kể từ lĩnh vực nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp như buôn bán, kinh doanh, trong đó đặc biệt phải kể đến là hoạt động kinh doanh cho thuê

nhà trọ. Qua tìm hiểu, được biết cho thuê nhà trọ đang là một trong những kênh đem lại nguồn thu chính đối với nhiều hộ gia đình ở Bất Lự hiện nay. Và số lượng các gia đình ở đây có định hướng chuyển sang loại hình này cũng như mở rộng quy mô kinh doanh vẫn đang có xu hướng gia tăng. Theo kết quả khảo sát và tìm hiểu của NCS trong số các gia đình có thâm niên cho thuê trọ ở Bất Lự, hộ có ít cũng khoảng 6 - 7 phòng, nhiều thì có đến hơn 20 phòng. Với giá thuê bình quân mỗi phòng khoảng 650.000 - 700.000 đồng/tháng, số tiền các hộ gia đình này thu được dao động trong khoảng 6,7 triệu đồng đến trên 10 triệu đồng/tháng.

> *"Nhà tôi có 15 phòng trọ được xây dựng cách đây vài năm. Tính đến nay coi như đã thu lại đủ vốn. Số tiền cho thuê hằng tháng bây giờ là nguồn thu nhập chính của gia đình".* (V.T.N, 52 tuổi, một trong những chủ hộ có nhiều phòng trọ cho thuê ở Bất Lự. Gia đình bà vừa khánh thành thêm 10 phòng trọ mới và hiện cũng đã có người thuê hết).

Có thể thấy, khi diện tích đất canh tác nông nghiệp của địa phương đã không còn, nguồn thu nhập chính không do sản xuất nông nghiệp mang lại thì xây nhà trọ cho thuê là một trong những hoạt động cho nguồn thu đáng kể và ổn định của nhiều gia đình ở Bất Lự. Điều này, một mặt thể hiện sự nhạy bén và năng động của người dân nơi đây trong việc tìm kiếm cơ hội cũng như tạo lập sinh kế mới cho bản thân họ và gia đình, mặt khác, cho thấy sự sáng tạo và khả năng thích ứng của người nông dân Bất Lự trong bối cảnh chuyển đổi.

2.2.2.3. Biến đổi về nhà ở

Xu hướng đa dạng hóa nguồn thu nhập với sự đóng góp ngày càng tăng của các ngành nghề phi nông nghiệp giúp cho mức sống của người dân ở Đại Lâm và Bất Lự cũng không ngừng được nâng lên. Điều này được thể hiện một cách trực tiếp và rõ nét trong những thay đổi về điều kiện nhà ở và các tiện nghi sinh hoạt của người dân ở hai làng.

Kết quả phỏng vấn ở Đại Lâm và Bất Lự cho thấy, điều kiện về nhà ở của các hộ dân ở hai làng hiện nay đã có những biến đổi đáng kể so với thời điểm năm 2007. Điều này được thể hiện ở cả tiêu chí kiểu loại nhà lẫn diện tích xây dựng. Đa số những người được hỏi cho biết, khoảng hơn 10 năm trước, gia đình

họ ở trong những ngôi nhà mái ngói bán kiên cố hoặc mái bằng, còn hiện nay hầu hết nhà ở của các hộ là loại nhà kiên cố, có từ 2 tầng trở lên. Điều này kéo theo xu hướng gia tăng đáng kể về cả diện tích nhà ở cũng như không gian sinh hoạt của các hộ gia đình. Sự gia tăng này, một mặt đáp ứng nhu cầu về chỗ ở của các gia đình trong bối cảnh dân số ngày càng tăng lên, mặt khác nó còn được sử dụng vào mục đích kinh doanh cho thuê trọ. Không khó để nhận thấy, không gian sinh sống chủ đạo của người dân ở hai làng hiện nay được định dạng và đại diện bởi những dãy nhà ống cao tầng nằm san sát với lối kiến trúc hiện đại, thấp thoáng có cả những căn biệt thự sang trọng với kiểu cách thiết kế, trang trí có phần cầu kì. Mặc dù vậy, vẫn có thể dễ dàng bắt gặp hình ảnh xen giữa những ngôi nhà cao tầng, uy nghi là những mái nhà xếp ngói truyền thống bình dị và cả những dãy nhà trọ cho thuê với tường mộc, mái tôn có phần đơn giản, sơ sài. Sự đa dạng trong loại hình nhà ở của hai làng tạo nên một không gian kiến trúc pha trộn làng - phố đặc trưng ở nhiều vùng quê trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa hiện nay. Bức tranh không gian sống pha trộn, có phần "lộn xộn" đó cũng phần nào cho thấy xu hướng phân hóa ngày càng rõ nét trong đời sống (vật chất và tinh thần) của cộng đồng dân cư nông thôn trong quá trình chuyển đổi.

Kết quả khảo sát và tìm hiểu về thực trạng nhà ở tại Đại Lâm và Bất Lự trong những năm gần đây cũng cho thấy, mức độ gia tăng của loại hình nhà kiên cố ở Bất Lự cao hơn so với ở Đại Lâm. Tỷ lệ những người tham gia phỏng vấn ở Bất Lự cho biết gia đình họ cải tạo/xây mới nhà ở trong khoảng thời gian từ năm 2007 trở lại đây cao hơn so với ở Đại Lâm. Điều này có liên quan đến những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa theo phương thức hình thành và phát triển các các KCN ở Bất Lự. Cùng với sự xuất hiện và vận hành của các KCN, khu dân cư - dịch vụ, giá đất ở đây cũng tăng lên đột biến. Bước ngoặt này giúp cho rất nhiều hộ gia đình ở Bất Lự có được nguồn thu nhập đáng kể từ việc nhận đền bù/bán đất, nhờ đó có điều kiện cải tạo/xây mới nhà ở để chuyển sang những ngôi nhà kiên cố, cao tầng. Trong khi đó ở Đại Lâm - vốn là một làng cổ đa nghề, nơi người dân có đời sống sung túc từ khá sớm, sự biến đổi về điều kiện nhà ở theo hướng hiện đại hóa đã xuất hiện từ những giai đoạn

trước đó, đồng thời gắn với những thăng trầm của bức tranh kinh tế làng nghề chứ không mang tính đột ngột, mau lẹ như ở Bất Lự. Có thể nói, những biến đổi trong đời sống vật chất nói chung và biến đổi về điều kiện nhà ở nói riêng của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cho thấy sự khác biệt đáng kể về cả mức độ và tính chất, đặc biệt là ở những nơi quá trình chuyển đổi diễn ra thông qua phương thức hình thành và phát triển các KCN.

2.2.2.4. Biến đổi mức sống, cơ sở hạ tầng

Những biến đổi trong cơ cấu kinh tế và nguồn thu nhập đã giúp nâng cao đáng kể mức sống cho các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự. Điều này được thể hiện qua ý kiến tự đánh giá của người dân ở hai làng về điều kiện kinh tế cũng như mức sống của gia đình họ so với thời điểm trước năm 2007.

Bảng 2.3: Ý kiến đánh giá của người dân ở hai làng về mức sống của gia đình trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Mức sống	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Giàu	4	1,8	18	8,1
2	Khá giả			120	54
3	Trung bình	91	40,9	80	36
4	Nghèo	19	8,5	6	2,7
5	**Tổng**	**222**	**100**	**222**	**100**

Nguồn: Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)

Bảng 2.4: Đánh giá của người dân về mức sống gia đình so với thời điểm trước năm 2007

STT	Đánh giá	*Số mẫu*	*Tỷ lệ %*
1	Khá hơn rất nhiều	30	13,51
2	Khá hơn	129	58,1
3	Không khá hơn chút nào	62	27,9
4	Kém đi	3	1,3
5	Kém đi nhiều	0	
6	**Tổng**	**112**	**100**

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

So với thời điểm trước năm 2007, tỷ lệ hộ gia đình có mức sống khá giả ở cả Đại Lâm và Bất Lự đều tăng lên đáng kể (54%), đồng thời số hộ có mức sống trung bình giảm mạnh từ 40,9% xuống còn 36% và tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%. Đánh giá của các hộ dân về mức sống của gia đình họ trong tương quan so sánh giữa hai thời điểm trước và sau năm 2007 cho thấy: hơn 70% số hộ được hỏi cho rằng mức sống của gia đình khá hơn và khá hơn rất nhiều, 27,9% cho rằng mức sống không thay đổi và chỉ một số ít (1,3%) cho rằng mức sống của gia đình kém đi. Điều đó cho thấy xu hướng gia tăng thu nhập và mức sống của các hộ gia đình ở hai làng những năm qua là chủ đạo, song mức độ tăng không đồng đều giữa các hộ cũng như giữa các làng. Ở Đại Lâm, sự biến đổi về mức sống của người dân không diễn ra một cách nhanh chóng, ồ ạt, mà trái lại nhiều gia đình ở đây cho biết, mức sống của họ thay đổi không đáng kể hoặc thậm chí không bằng so với trước kia. Đa phần trong số này là các gia đình trước đây làm nghề nấu rượu và nuôi lợn với quy mô nhỏ, trong bối cảnh hiện nay, họ không có đủ vốn cũng như các nguồn lực cần thiết để bắt nhịp, chuyển đổi sang các ngành nghề, lĩnh vực khác như buôn bán, kinh doanh hay làm công nhân. Trong khi đó, ở Bất Lự, sự thay đổi về mức sống của người dân thể hiện mạnh mẽ và rõ nét hơn nhờ những chuyển biến mang tính bước ngoặt trong đời sống kinh tế, mà khởi nguồn chính là việc nhiều hộ gia đình ở đây có được một số tiền lớn từ đền bù đất nông nghiệp cũng như từ mua bán, sang nhượng đất đai khi giá đất ở đây tăng lên. Có tiền trong tay, nhiều gia đình đã chi dùng để xây, sửa nhà cửa, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt đắt tiền cũng như làm vốn đầu tư kinh doanh, buôn bán hoặc tiết kiệm.

Về đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt trong các hộ gia đình ở hai làng hiện nay cũng đã có sự thay đổi đáng kể so với trước đây (bảng 2.5).

Tại thời điểm khảo sát (2020), tỷ lệ hộ gia đình ở hai làng có các đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt hiện đại như điện thoại (cố định và di động), tivi, máy vi tính, thiết bị kết nối mạng internet, bếp ga, tủ lạnh, điều hòa, xe máy,… đều tăng lên đáng kể so với ở thời điểm trước năm 2007. Trong đó đáng chú ý số hộ sử dụng máy vi tính và các thiết bị có kết nối với mạng internet tăng khá mạnh so với trước đây (xấp xỉ 50%). Điều đó cho thấy khoảng cách giữa đô thị và nông thôn

về tiện nghi sinh hoạt trong gia đình hiện nay được thu hẹp đáng kể. Bên cạnh đó, xu thế đô thị hóa và hiện đại hóa của các phương tiện sinh hoạt trong gia đình còn là chỉ báo cho thấy đời sống văn hóa tinh thần của người dân ở các làng quê đang ngày càng đa dạng, phong phú hơn. Và điều này có tác động làm biến đổi đáng kể thói quen sử dụng thời gian rỗi cũng như hoạt động nắm bắt thông tin, giải trí của người dân nông thôn hiện nay.

Bảng 2.5: Đồ dùng, tiện nghi trong các hộ gia đình (ở Đại Lâm và Bất Lự) trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Loại đồ dùng, tiện nghi	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Điện thoại cố định	53	23,8	107	48,1
2	Điện thoại di động	14	6,3	166	74,7
3	Tivi	120	54	195	87,8
4	Máy vi tính			116	52,2
5	Thiết bị kết nối mạng Internet			105	47,2
6	Quạt điện	202	90,9	210	94,5
7	Điều hòa			99	44,5
8	Bếp ga	73	32,8	169	76,1
9	Tủ lạnh	66	29,7	138	62,1
10	Xe đạp	202	90,9	175	78,8
11	Xe máy	65	29,2	197	88,7
12	Ô tô	6	2,7	11	4,9

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Đời sống kinh tế ngày càng khởi sắc, mức sống được nâng cao còn được phản ánh rõ nét trong những đổi thay về điều kiện cơ sở hạ tầng ở hai làng. Hệ thống giao thông từng bước được hiện đại hóa. Hầu hết các tuyến đường, ngõ ở Đại Lâm và Bất Lự đều đã trải nhựa, bê tông hóa, đặc biệt là ở Bất Lự khi nhiều dự án giao thông trên địa bàn vẫn đang được triển khai và hoàn thiện nhằm phục vụ thu hút vốn đầu tư và phát triển các KCN. Bên cạnh đó, hệ thống điện lưới cũng từng bước được quan tâm, đầu tư nâng cấp đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của người dân; hệ thống đèn đường chiếu sáng được trang bị phục vụ cho nhu cầu đi lại của mọi người. Mạng lưới nước sạch, hệ

thống thu gom, xử lý rác thải từng bước được hiện đại hóa... Cùng với đó, các thiết chế như trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, sân chơi thể thao ngày càng được quan tâm, đầu tư, đáp ứng nhu cầu đời sống của người dân ở các làng.

2.2.3. Biến đổi đời sống xã hội

2.2.3.1. Sự biến động về dân cư

Cùng với tác động làm biến đổi biến sâu sắc đời sống kinh tế, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cũng cho thấy những ảnh hưởng đáng kể đối với đời sống xã hội ở hai làng, trong đó trực tiếp và rõ rệt nhất chính là sự biến động và xáo trộn về mặt dân cư. Điều này thể hiện khá rõ với trường hợp Bất Lự. Sự xuất hiện của các KCN, khu dân cư - dịch vụ, dự án đầu tư với điều kiện hạ tầng vượt trội đã nhanh chóng biến Bất Lự thành địa bàn tập trung đông đảo các tầng lớp dân cư từ khắp nơi đổ về, trong đó đa phần là những công nhân làm việc tại các nhà máy, doanh nghiệp, một số khác tìm đến để kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ,…

> *"Từ khoảng chục năm trở lại đây, số nhân khẩu trong thôn đã tăng lên đáng kể. Chỉ tính riêng công nhân thuê trọ có lẽ cũng đến cả nghìn người. Ngoài ra có nhiều người từ nơi khác đến mua đất, mua nhà khi khu dân cư dịch vụ Hoàn Sơn - Bất Lự đi vào hoạt động. Những người chuyển đến khu đô thị mới đa phần ở thành phố, thậm chí có cả ở Hà Nội".* (N.V.H, 56 tuổi, nguyên cán bộ thôn Bất Lự Làng)

So với ở Bất Lự, bức tranh dân cư ở Đại Lâm mang tính ổn định hơn và không có sự xáo trộn đáng kể. Mức độ tăng dân số cũng như lượng người từ nơi khác chuyển đến sinh sống ở đây cũng thấp hơn nhiều. Nhìn chung số nhân khẩu ở Đại Lâm có tăng lên trong khoảng mười năm trở lại đây là do một bộ phận người dân, nhất là thanh niên đang trong độ tuổi lao động đã không chọn "ly hương" để tìm kiếm cơ hội làm ăn, lập nghiệp như trước kia khi nghề nấu rượu truyền thống bị mai một. Đa số người dân hiện nay đều có tư tưởng bám làng, tìm cách chuyển sang kinh doanh tại chỗ hoặc buôn bán ở các khu vực xung quanh nhưng vẫn sinh sống ở làng. Ngoài ra cũng có một số người từ nơi khác tìm đến Đại Lâm mua đất, làm nhà sau khi có chủ trương chuyển đổi một phần

diện tích đất thuộc các dự án VAC ở khu vực rìa làng thành đất ở. Tuy nhiên, những trường hợp này không nhiều và sự có mặt của họ cũng không ảnh hưởng gì đáng kể đến đời sống của những người dân ở làng.

Như đã chỉ ra ở trên, sở dĩ số lượng dân cư ở Bất Lự có sự gia tăng nhanh chóng hơn so với ở Đại Lâm là bởi sức hút đến từ những cơ hội về nghề nghiệp và việc làm ở đây sau khi Bất Lự thực hiện sự chuyển đổi mang tính bước ngoặt trong tiến trình hiện đại hóa. Ngoài ra có thể thấy, do nằm ở vị trí trung điểm giữa thành phố Bắc Ninh và thành phố Từ Sơn, liền kề hai trục đường quốc lộ 1A và 1B, đồng thời cách không xa các trường đại học, cao đẳng như Bắc Hà, Đại học Thể dục thể thao Từ Sơn,… nên Bất Lự sớm thu hút một lượng lớn công nhân, người lao động ngoại tỉnh, học sinh, sinh viên tìm đến để thuê trọ. Theo lời một số cán bộ thôn ở Bất Lự, ước tính số người từ nơi khác chuyển đến thuê trọ, làm ăn, sinh sống ở làng thời điểm hiện tại lên tới trên một nghìn người. Tuy nhiên, đó chỉ là con số thống kê theo đăng kí, khai báo của các hộ cho thuê trọ trong làng, còn trên thực tế, số người thường xuyên có mặt ở đây có thể lớn hơn rất nhiều.

Sự biến động dân cư theo xu hướng gia tăng về số lượng cũng như đa dạng hóa về thành phần là một hệ quả, đồng thời là đặc trưng mang tính phổ biến của các làng quê trong giai đoạn chuyển mình theo định hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Điều đó phản ánh sự đa dạng trong cấu trúc kinh tế cũng như xu hướng tích tụ lao động thường thấy ở những khu vực chuyển đổi. Những biến động này, một mặt tạo ra hiệu ứng thúc đẩy quá trình chuyển đổi kinh tế, gia tăng thu nhập mạnh mẽ hơn cho người dân nơi đây, tuy nhiên mặt khác cũng gây ra những tác động và ảnh hưởng (theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực) đối với đời sống xã hội - văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng.

2.2.3.2. Về cơ cấu - liên kết làng

Cùng với mức sống, điều kiện vật chất được nâng lên, nhu cầu kết nối xã hội và giải trí của người dân ở các làng cũng từng bước được quan tâm, đẩy mạnh. Điều này thể hiện qua xu hướng ngày càng gia tăng của việc hình thành các tổ chức, câu lạc bộ (CLB), hội, nhóm,… tập hợp và thu hút đông đảo người dân ở các làng tham gia.

Bảng 2.6: Sự tham gia của người dân vào câu lạc bộ, hội, nhóm ở Đại Lâm và Bất Lự thời điểm trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Loại hình nhóm, hội	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Đồng niên	200	90,0	200	90,09
2	Đồng học	145	72,5	150	75
3	Đồng ngũ	144	72	150	75
4	Hội nghề nghiệp	5	2,5	17	8,5
5	Đội cúng, tế	25	12,5	25	12,5
6	CLB văn nghệ, thể thao	9	4,5	19	9,5
7	CLB sinh vật cảnh	10	5,0	11	5,5

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả khảo sát và phỏng vấn ở hai làng cho thấy, nhiều loại hình tổ chức, hội nhóm, CLB… được người dân ở đây tích cực tham gia hưởng ứng và duy trì hoạt động thường xuyên. Bên cạnh những nhóm, hội tập hợp dân cư theo họ tộc, đội, xóm mang tính truyền thống trước kia, ngày càng gia tăng và phổ biến loại hình hội nhóm theo mô hình các CLB, tập hợp hội viên tham gia dựa trên sở thích, thú vui, năng khiếu, lứa tuổi, đặc thù nghề nghiệp, sức khỏe,… Tất cả các thiết chế cộng đồng này đều được thành lập và hoạt động xuất phát từ chính nhu cầu của người dân ở các làng, đồng thời ngày càng cho thấy những tác động tích cực và trực tiếp đến cuộc sống của người dân nơi đây. Không chỉ tạo ra sự kết nối, tập hợp các cá nhân trong làng theo nhiều chiều quan hệ khác nhau, mà các hội nhóm, CLB còn là những nhân tố đóng vai trò đáng kể góp phần thắt chặt mạng lưới quan hệ trong cộng đồng dân cư.

> "*Bình thường thì ai làm việc người đó. Nhưng mỗi khi đến giờ tập luyện, sinh hoạt thì mọi người lại có dịp gặp gỡ, trò chuyện với nhau, thấy cũng vui*". (N.V.H, 53 tuổi, Đại Lâm)

Có thể nói, xu hướng gia tăng của các loại hình CLB, hội nhóm ở nhiều làng quê hiện nay, một mặt cho thấy những khác biệt trong đời sống (đặc biệt là các nhu cầu tinh thần) giữa khu vực nông thôn với đô thị đã và đang ngày càng được thu hẹp. Mặt khác, nó cũng thể hiện nỗ lực của người dân nông thôn hiện

đại trong việc duy trì và "tái tạo" truyền thống cố kết cộng đồng - một đặc tính vốn thường thấy trong các xã hội nông nghiệp, tuy nhiên theo những phương thức mới.

2.2.3.3. Về y tế, giáo dục

Theo kết quả khảo sát và tìm hiểu tại hai làng, trong số các loại hình tổ chức, hội nhóm đang ngày càng thu hút sự tham gia đông đảo của người dân như đã chỉ ra ở trên, thì các CLB tập luyện thể dục thể thao là những hình thức có nhiều người tham gia và phổ biến hơn cả. Điều đó phần nào cho thấy, trong bối cảnh đời sống xã hội hiện đại, người dân ở các làng quê đang ngày càng chú ý, quan tâm hơn đến vấn đề chăm sức khỏe của bản thân và gia đình họ.

Bảng 2.7: Đánh giá của người dân về vai trò của sức khỏe của bản thân và gia đình

Đơn vị tính: mẫu

STT	Tầm quan trọng	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Đặc biệt quan trọng	10	4,5	71	31,9
2	Rất quan trọng	11	5,5	23	11,5
3	Quan trọng	13	6,5	113	56,5
4	Bình thường	114	57,0	8,0	4,0
5	Không để ý	66	33,0	0	0
6	**Tổng**	**222**	**100**	**222**	**100**

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả phỏng vấn của NCS tại hai làng cho thấy, đa số người được hỏi cho biết trước đây mối quan tâm của họ đối với vấn đề sức khỏe chỉ ở mức bình thường (57,0%), thậm chí không để ý (33,0%), tuy nhiên, hiện nay hầu hết những người trả lời đều đánh giá tình trạng sức khỏe của bản thân cũng như của các thành viên trong gia đình họ là vấn đề quan trọng (56,5%), rất quan trọng (11,5%) và đặc biệt quan trọng (31,9%). Kết quả này cho thấy, vấn đề sức khỏe đã và đang ngày càng trở thành mối quan tâm, ưu tiên hàng đầu của người dân ở các làng.

"*Trước đây cũng nghe đài báo nói nhiều về tình trạng ô nhiễm môi trường và cả nguy cơ với sức khỏe, bệnh tật,… của người dân trong làng, nhưng thú thực chẳng mấy ai quan tâm đâu vì còn bận làm ăn. Bây giờ thì khác rồi, ai cũng thấy sức khỏe là quan trọng lắm. Không có sức khỏe thì chẳng làm được gì*". (N.V.A, 65 tuổi, Đại Lâm)

Trả lời câu hỏi trong năm vừa qua (2018), ông/bà có đi kiểm tra, thăm khám sức khỏe ở đâu không, hầu hết những người được hỏi ở cả hai làng đều trả lời đã từng đi kiểm tra, thăm khám sức khỏe tại các cơ sở y tế, nhà nước cũng như tư nhân. Những cơ sở y tế được người dân ở hai làng tìm đến để kiểm tra, thăm khám sức khỏe nhiều nhất là bệnh viện và trung tâm y tế tuyến huyện (60%), tiếp đến là các phòng khám tư (34,9%), bệnh viện tỉnh (27,2%) và các bệnh viện tuyến trung ương (6,8%). Điều đó cho thấy người dân ở các làng quê hiện nay ngày càng chủ động hơn trong việc quan tâm đến sức khỏe của bản thân và gia đình mình, đồng thời có sự lựa chọn các hình thức chăm sóc sức khỏe phù hợp. Nhiều người cung cấp thông tin cho biết, hằng tháng, họ đều đi khám bệnh định kỳ, nhận cấp phát thuốc điều trị ở bệnh viện đa khoa tỉnh.

"Bây giờ xã hội cũng chẳng biết thế nào. Nhiều bệnh tật lắm. Đi khám định kỳ để mình theo dõi sức khỏe, đề phòng bệnh tật, hơn nữa lại nghe thông tin, hướng dẫn, hiểu thêm về các bệnh như tim mạch, tiểu đường, huyết áp,... tôi thấy rất bổ ích". (V.V.T, 68 tuổi, Bất Lự)

Bảng 2.8: Ưu tiên đầu tư của các hộ gia đình hiện nay

Đơn vị tính: mẫu

STT	Sử dụng vào việc	*Số mẫu*	*Tỷ lệ %*
1	Xây/sửa nhà	145	72,5
2	Gửi tiết kiệm/cho vay lãi	52	26
3	Đầu tư mới hoặc mở rộng sản xuất/kinh doanh	155	77,5
4	Đầu tư cho con cái (học tập, nghề nghiệp,….)	91	45,5
5	Để dành cho con cháu	73	36,5
6	Mua sắm tiện nghi gia đình	70	35
7	Đi tham quan, du lịch	17	8,5

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Cùng với sức khỏe, vấn đề giáo dục cũng ngày càng trở thành mối quan tâm thường xuyên của người dân ở các làng. Điều đó thể hiện qua những ưu tiên đầu tư của các hộ gia đình cũng như quan điểm của họ về sự giàu có và thành đạt hiện nay.

Trả lời câu hỏi nếu có tiền gia đình sẽ sử dụng vào việc gì là chủ yếu, trong số các dự kiến được đưa ra, gần một nửa số người được được hỏi (45,5%) lựa chọn phương án đầu tư cho con cái (học tập, học nghề,...), tỷ lệ này chỉ thấp hơn tỷ lệ số người lựa chọn đầu tư mở rộng sản xuất/kinh doanh (77,5%) và xây/sửa nhà (72,5%).

Bảng 2.9: Tiêu chuẩn về sự giàu có, thành đạt trước đây và hiện nay

Đơn vị tính: mẫu

STT	Tiêu chuẩn giàu có, thành đạt	Trước đây		Hiện nay	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Nhà cao cửa rộng	183	82,4	152	76
2	Con cái ngoan ngoãn, học giỏi	150	67,5	147	66,2
3	Nhà đẹp	81	36,4	128	57,6
4	Đồ dùng sang trọng	118	53,1	120	54,0
5	Xe hơi	35	15,7	135	60,8
6	Có công ty riêng	11	4,95	90	40,5
7	Con cái học cao, thành đạt	97	43,6	164	73,8
8	Con cái làm ăn tốt	106	47,7	155	69,8

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Không chỉ quan tâm đến việc học hành của các thế hệ con cháu, coi đó là một trong những mục tiêu, tưu tiên dài hạn, đa số người dân ở hai làng (73,8%) khi được hỏi đều cho rằng tiêu chuẩn hàng đầu và quan trọng nhất của một gia đình giàu có, thành đạt là có con cái học cao, thành đạt. Tỷ lệ này tăng gần gấp 2 lần so với trước đây (43,6%). Điều đó cho thấy nhận thức của người dân ở các

làng về tầm quan trọng cũng như ý nghĩa của việc học hành, thành đạt của con cái đã được nâng lên đáng kể.

So với ở Bất Lự, số người tham gia trả lời phỏng vấn ở Đại Lâm cho biết bản thân họ và gia đình coi việc học tập, thành đạt của các thế hệ tương lai là một trong những mối quan tâm, ưu tiên hàng đầu, chiếm tỷ lệ cao hơn. Không khó để hiểu những mong muốn, kỳ vọng và cả sự trăn trở của những bậc làm cha mẹ ở làng cổ đa nghề vang danh một thủa trong bối cảnh kinh tế thị trường, đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay. Trong giai đoạn chuyển đổi, khi các nghề truyền thống như nấu rượu, chăn nuôi lợn ngày càng mai một, những lợi ích đem lại từ nguồn sinh kế truyền thống sụt giảm dần, đa số người dân ở Đại Lâm đều hiểu rằng, việc quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp học hành của con cái cần và phải được xem như một hướng đi đúng đắn và mang tính bền vững hơn cho các thế hệ tương lai. Nhiều người dân ở đây cho biết, trước kia mối quan tâm lớn nhất của đa số các gia đình là làm ăn, phát triển kinh tế. Hầu như các gia đình đều nấu rượu và nuôi lợn nên trẻ con trong làng từ khá sớm đã có thể tham gia phụ giúp bố mẹ nhiều công việc cũng như góp phần đem lại thu nhập. Khi đó nhiều nơi còn rất khó khăn thì ở Đại Lâm đã có những hộ gia đình khá giả, có của ăn của để. Có lẽ chính vì thế mà việc học hành của con trẻ đôi khi chỉ được xem là thứ yếu. Tuy nhiên, bây giờ nhiều thứ đã khác.

> "*Tôi vẫn thường bảo mấy đứa con nhà này bây giờ không nấu rượu, nuôi lợn nữa thì cố gắng mà học hành rồi sau ra kiếm việc mà làm. Thời buổi này cái gì mà chẳng cần phải học. Có muốn đi làm công nhân thì cũng phải học hết cấp ba".* (T.V.T, 49 tuổi, Đại Lâm)
>
> "*Bây giờ kinh tế cũng không đến nỗi khó khăn nên con cái nó thích học đến đâu thì mình cho chúng nó học đến đó. Học xong ra trường nếu xin được vào làm trong cơ quan nhà nước thì tốt. Chỉ sợ chúng nó không đủ sức học thôi*". (L.T.L, 47 tuổi, Bất Lự)

Có thể thấy việc định hướng cũng như tạo điều kiện tối đa cho con cái học hành đang là suy nghĩ chung của nhiều người dân ở Đại Lâm và Bất Lự. Trong

bối cảnh chuyển đổi, đa phần họ đều tin rằng việc được học tập, đào tạo bài bản là điều kiện cần thiết để con em mình có thể tìm được một công việc tốt cũng như có mức thu nhập cao hơn. Điều đó cho thấy, việc trang bị và nâng cao học vấn được người dân ở các làng xác định là một điểm tựa giúp tạo lập và ổn định cuộc sống trong bối cảnh các cơ sở nghề nghiệp và sinh kế truyền thống đã suy giảm. Mục đích và giá trị của việc học theo đó cũng mang tính thực tế hơn. Quan tâm, đầu tư con cái học hành cũng chính là biểu hiện của sự chủ động thích ứng mà người dân ở Đại Lâm và Bất Lự sử dụng để đối phó với những sự biến đổi trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Tiểu kết chương 2

Bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bắc Ninh trở thành địa chỉ hấp dẫn đầu tư với mục tiêu phát triển KT - XH theo định hướng công nghiệp, hiện đại. Ngay từ những năm đầu sau tái lập, KT - XH của tỉnh liên tục phát triển với tốc độ khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt nhiều bước phát triển đột phá, trong đó đáng chú ý là hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ và công nghiệp tập trung ở các vùng nông thôn. Hệ thống kết cấu hạ tầng được hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng nông thôn mới. Cùng với đó, quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh, phát triển nhanh chóng cả về tốc độ và quy mô; Bắc Ninh trở thành địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ đô thị hóa. Đó chính là tiền đề quan trọng để Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh phát triển KT - XH hướng đến mục tiêu trở thành đô thị trực thuộc trung ương giai đoạn tiếp theo.

Đại Lâm và Bất Lự là hai cộng đồng có điểm khác biệt về phương thức chuyển đổi trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cũng như thời gian, mức độ chịu tác động, ảnh hưởng của quá trình này. Bất Lự được ví như nơi khởi nguồn của tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Bắc Ninh, đồng thời

là địa phương đầu tiên thực hiện chuyển đổi hầu như toàn bộ diện tích đất nông nghiệp sang phục vụ cho các mục tiêu phi nông nghiệp. Trong khi đó ở Đại Lâm - vốn là một làng cổ đa nghề, từ năm 2007 trở thành khu vực giáp ranh thành phố, quá trình chuyển đổi không diễn ra một cách ồ ạt và cộng đồng dân cư nơi đây vẫn phần nào giữ được những cơ sở kinh tế, nghề nghiệp truyền thống. Mặc dù vậy, sự biến đổi trong bức tranh kinh tế xã hội ở hai làng cũng cho thấy những đặc điểm chung: cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa với sự gia tăng của các ngành nghề buôn bán, kinh doanh, dịch vụ; điều kiện thu nhập, mức sống của người dân được nâng lên; cơ sở hạ tầng, điều kiện giao thông, nhà ở được cải thiện; dân số cơ học gia tăng; nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh;… Đó chính là những tiền đề, điều kiện đưa đến những biến đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư ở hai làng.

Chương 3
BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở LÀNG ĐẠI LÂM VÀ LÀNG BẤT LỰ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA

Văn hóa làng là một thực thể phức tạp - một cấu trúc có sự đan trộn, hòa quyện của nhiều yếu tố, văn hoá làng có thể được tiếp cận, xem xét từ nhiều giác độ khác nhau, song có lẽ khó có một cách tiếp cận nào, tại cùng một thời điểm, có thể bao chứa đầy đủ những chiều cạnh và sắc thái của chỉnh thể văn hóa làng. Chính vì lẽ đó, trong chương này, NCS chỉ tập trung phân tích, làm rõ sự biến đổi ở một số khía cạnh cơ bản trong đời sống văn hóa của làng: không gian, cảnh quan; quan hệ gia đình, họ hàng, làng xã; di tích, tín ngưỡng, lễ hội và các phong tục tập quán; lối sống; tiếp cận thông tin và hoạt động giải trí;… Đây là những phương diện của văn hóa làng (bao gồm cả yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần) mà theo NCS đã và đang có những biến đổi rõ nét trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.

3.1. BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN, CẢNH QUAN LÀNG

Không gian làng là một cơ cấu văn hóa đặc biệt, có ý nghĩa biểu tượng. Từ bao đời nay hình ảnh làng quê với cây đa, bến nước, mái đình, dòng sông, những lũy tre làng, cánh đồng lúa chín,… đã trở thành yếu tố mang tính đại diện cho đặc trưng và bản sắc văn hóa Việt Nam truyền thống. Không chỉ chứa đựng hồn quê, đó còn là một phần ký ức và tâm hồn của những ai sinh ra từ làng. Trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay, không gian cảnh quan của các làng quê cũng đang chứng kiến những sự thay đổi đáng kể.

Trong quá khứ, Đại Lâm từng là một làng quê nhộn nhịp và trù phú vào bậc nhất của vùng Kinh Bắc. Nằm ven bờ Nam sông Cầu, đất đai màu mỡ, lại có địa lợi trên bến dưới thuyền, giao thương thuận tiện, nên từ khá sớm người Đại Lâm đã làm nhiều nghề như: mở xưởng nấu rượu, làm giò, bán men, chăn nuôi, trồng trọt,… Con đê sông Cầu đi ngang qua làng lúc nào cũng tấp nập, nhộn nhịp với những chiếc xe tải, công nông nườm nượp chở sắn khô về đây và chất rượu, men, đồ nấu rượu đi khắp mọi nơi. Mặc dù kinh tế của làng rất thịnh vượng, nhà cửa san

sát nhưng vẫn toát lên vẻ bình dị, mộc mạc của một vùng quê giàu truyền thống. Là một vùng đất có bề dày lịch sử - văn hóa, Đại Lâm có quần thể không gian thiêng với đầy đủ các yếu tố như đình, đền, chùa, nghè. Nơi đây, hệ thống các di tích - dấu ấn lịch sử và truyền thống của làng còn lưu giữ khá nguyên vẹn, được các thế hệ người dân, con cháu trong làng tận tâm chăm chút, rất đỗi tự hào.

Không được ưu ái những tiềm năng và thế mạnh để sớm phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp - thương mại như ở Đại Lâm, nhưng đổi lại vùng đất Bất Lự - Đại Sơn được bồi lắng bởi phù sa sông Đuống, được ví như trung tâm của vựa lúa xứ Kinh Bắc. Theo lời của các cụ cao niên trong làng và những câu chuyện huyền thoại dân gian truyền lại, trên mảnh đất này từ hàng ngàn năm trước đã có cư dân sinh sống. Giữa một vùng đồng bằng phì nhiêu, núi Bất Lự nổi lên như một ốc đảo, trở thành nơi tụ cư của cư dân nông nghiệp mà dựa vào đó người dân đã vượt qua những trận lũ lụt. Do nằm trong khu vực phù sa bồi tụ của sông Đuống, vốn hàng ngàn năm trước là vùng sình lầy, nên làng trước kia có rất nhiều ao, vũng.

"*Mỗi đường, ngõ đều có các dãy ao. Ao to, rộng lắm chứ không hẹp như bây giờ. Xung quanh làng cũng có rất nhiều ao".* (Thảo luận nhóm Bất Lự)

Cũng theo lời nhiều người dân ở làng, Bất Lự xưa có ngôi đình to, đẹp có tiếng trong vùng. Đình nằm ngay bên dòng kênh Bắc - tuyến kênh tưới chính của hệ thống thủy nông Bắc Đuống chạy qua làng, đồng thời là mạch nguồn quan trọng cho sự phát triển của sản xuất nông nghiệp của người dân nơi đây. Phía trước và hai bên đình đều có ao lớn, ở giữa có cầu quấn và bên cạnh là sở hội đồng. *"Đình sau này được tu sửa thì cũng tàm tạm. Tàm tạm thôi vì chỉ còn đình chứ cảnh quan xưa thì không còn nữa*". (Thảo luận nhóm Bất Lự)

Làng cách núi Bất một quãng đồng. Xưa kia, lúc đầu chỉ có một vài gia đình kéo nhau lên núi ở, chủ yếu là các hộ khó khăn lên đó lập nhà, lâu dần thì thành xóm. Trên núi cũng có đền, văn chỉ và cả chùa. Vào dịp lễ Hội, dân làng thường tổ chức rước từ làng lên núi. Núi Bất có rất nhiều cây cổ thụ như ràng ràng, lim, quéo, bàng, trụ,… tạo thành không gian tâm linh và thờ cúng linh thiêng của dân làng.

"Hồi nhỏ chúng tôi thường lên núi chăn trâu, cắt cỏ. Đứng trên núi mà phóng tầm mắt nhìn xuống làng thì thấy cảnh vật rất đẹp và yên bình. Cả làng khi đó chỉ lác đác vài nhà lợp ngói, còn lại xung quanh chủ yếu là nhà tranh vì còn nghèo lắm". (Thảo luận nhóm Bất Lự)

Từ khi có KCN về làng, đất đai có giá cũng khiến cho nhiều ao hồ, mương máng ở làng trước kia bị san lấp, thu hẹp để làm nhà ở. Thậm chí những chỗ vốn là đất hoang, bờ bụi cũng được người dân cải tạo, chiếm dụng để làm đất ở hoặc buôn bán, kinh doanh.

"*Các ao, hồ trong làng bây giờ hầu như đã bị lấn chiếm, san lấp cả. Kể cả các ao, vũng ở rìa làng hay ở hai bên đường vào làng cũng bị người ta lấp đi để làm nhà hoặc xây dựng cửa hàng kinh doanh, buôn bán"*. (V.V.Đ, 65 tuổi, Bất Lự)

Khu vực trước đây là cánh đồng nối giữa làng với núi Bất cũng đã được chuyển đổi một phần đáng kể diện tích để phục vụ cho xây dựng các dự án hạ tầng, khu dân cư - dịch vụ, nhà ở giãn dân,… Điều đó khiến cho không gian giữa làng và núi đã không còn chia tách rõ như trước kia. Nếu không phải là người làng thì cũng khó mà phân biệt được đâu là làng, đâu là núi.

"Chỗ đường nhựa to đi ngang chợ vốn trước kia là cánh đồng đấy. Bây giờ thì nhà cửa san sát, hàng quán đủ loại có khác gì thành phố đâu. Đường làng, ngõ xóm bây giờ cũng được đổ bê tông, thẳng hàng thẳng lối chứ không vòng vèo, uốn lượn như trước". (V.V.T, 68 tuổi, Bất Lự)

Ở Đại Lâm, mặc dù không chứng kiến những cơn "sốt" đất như ở Bất Lự do không có các KCN, khu dân cư mới, tuy nhiên những năm gần đây, do sức ép của việc gia tăng dân số, một phần diện tích đất nông nghiệp của làng cũng đã bị thu hẹp, chuyển đổi thành đất ở. Cùng với đó, nhiều phần đất nằm xen kẽ giữa các ngõ, xóm hoặc ở khu vực quanh làng trước kia hiện nay cũng đã được các hộ gia đình dân tận dụng làm nhà để ở hoặc để kinh doanh, buôn bán.

"*Sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa, nhiều gia đình đã chuyển sang mô hình sản xuất VAC. Nhưng mấy năm gần đây, do nhu cầu đất ở tăng lên, một số hộ đã chuyển đổi thành đất thổ cư để bán cho người làng hoặc người từ nơi khác đến mua* ". (N.V.L, 40 tuổi, Đại Lâm)

Có thể nói, những động thái đầu tiên thể hiện sự biến đổi trong bức tranh không gian, cảnh quan ở Đại Lâm và Bất Lự dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa chính là xu hướng thu hẹp dần, thậm chí biến mất của những yếu tố vốn đặc trưng trưng cho đời sống nông nghiệp, nông thôn như đất sản xuất nông nghiệp, các ao hồ, đầm vũng, mương máng,… Thay vào đó là sự gia tăng, chiếm chỗ của đất ở và đất phục vụ cho mục đích kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ. Diện mạo mới mẻ và năng động này là kết quả, đồng thời là biểu hiện của một cấu trúc KT - XH mới đang dần được định hình và chuyển dịch theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh không gian cư trú truyền thống đã được hình thành từ lâu, ở Đại Lâm và Bất Lự còn có sự xuất hiện của những hình thức quần tụ dân cư mới, đó là các khu dân cư - dịch vụ, khu nhà ở giãn dân theo quy hoạch, hay khu vực tập trung dân cư theo nghề nghiệp như các hộ làm kinh doanh, dịch vụ, trang trại,… Ở Bất Lự, cùng với việc chuyển đổi gần như toàn bộ diện tích đất nông nghiệp để phục vụ cho xây dựng KCN Tiên Sơn và tiếp sau đó là KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, từ năm 2012, tỉnh Bắc Ninh cũng đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ thôn Bất Lự với tổng diện tích theo quy hoạch lên tới 3.843,8m^2. Cùng với đó là hệ thống cơ sở hạ tầng bao gồm đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, đèn điện chiếu sáng, khu cây xanh,… (UBND tỉnh Bắc Ninh: Quyết định số 1143 ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ thôn Bất Lự và thôn Móng Làng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du). Sự xuất hiện của các dự án này đã khiến cho cánh đồng nối giữa làng và núi Bất trước kia trở thành khu vực dân cư đông đúc và sầm uất với hệ thống đường giao thông, đèn chiếu sáng, cây xanh giống như ở các đô thị. Hai bên đường là những dãy nhà cao tầng, cửa hàng, quán xá kinh doanh, buôn bán nhộn nhịp với đầy đủ những mặt hàng, dịch vụ, tiện ích vốn thường thấy ở các khu vực đô thị. Tất cả những điều đó, với đa phần người nông dân sinh ra, lớn lên và gắn bó với mảnh đất thuần nông này, chỉ khoảng mươi năm trước là những thứ "chẳng bao giờ có thể tưởng tượng được" như lời một dân ở làng chia sẻ.

Mặc dù không chứng kiến sự biến đổi đến mức chẳng thể tưởng tượng như ở Bất Lự, song không gian cảnh quan ở làng Đại Lâm trong những năm gần đây cũng đã và đang có những đổi thay rõ rệt. Trong đó, dễ nhận thấy là sự xuất hiện của những cụm dân cư mới ở khu vực cánh đồng phía Nam làng; điều này khiến cho phạm vi không gian cư trú của làng được mở rộng hơn so với trước kia. Nhiều người dân ở làng cho biết, khu vực này trước đây vốn là đất canh tác nông nghiệp, sau khi dồn điền đổi thửa được một số gia đình sử dụng sản xuất theo mô hình VAC. Vài năm gần đây do nhu cầu đất ở tăng lên, nhiều hộ đã san lấp, chuyển đổi một phần thành đất thổ cư, làm nhà để ở.

Có thể thấy, sự xuất hiện của những khu dân cư dịch vụ mới, những xóm mới ở Đại Lâm và Bất Lự khiến cho không gian, cảnh quan ở các làng không còn mang nét trầm mặc, bình dị, đậm chất thôn dã xưa kia, mà trở nên năng động, nhộn nhịp với những sắc thái và nhịp điệu của đời sống công nghiệp, hiện đại.

Bên cạnh sự xuất hiện của những hình thức quần tụ dân cư mới, không gian của các làng cũng có sự biến đổi đáng kể bởi sự góp mặt của các công trình công cộng như cơ quan, trường học, nhà văn hóa, sân chơi, hệ thống kết cấu hạ tầng, đường giao thông mới,… Điều này được thể hiện khá rõ với trường hợp Bất Lự. Cùng với việc xây dựng các KCN, hệ thống kết cấu hạ tầng, giao thông trên địa bàn cũng được đầu tư quy hoạch, mở rộng, hiện đại hóa một cách đồng bộ. Đi trên con đường nhựa phẳng phiu với hệ thống đèn cao áp, cây xanh theo tiêu chuẩn đô thị dẫn vào làng, thật khó tin trước kia nó chỉ là một con đường đất nhỏ, nằm vắt qua những dãy ao hồ trải dài, như lời một người dân ở Bất Lự cho biết. Cách đó không xa là trụ sở làm việc của Đảng ủy, UBND xã và ngôi trường học ba tầng vừa được xây mới, khang trang, hiện đại. Đó chính là những điểm nhấn khiến cho không gian của làng quê Bất Lự mang dáng vẻ của các khu vực dân cư đô thị.

Ở Đại Lâm không gian công cộng của làng những năm gần đây cũng chứng kiến sự đổi thay đáng kể với sự xuất hiện của nhiều công trình hạ tầng, công trình phục vụ nhu cầu dân sinh như Dự án thu gom, xử lý nước thải, sân chơi thể thao, hệ thống đường làng, đường ngõ xóm, mương rãnh được bê tông hóa,…

Dáng dấp đô thị, tươi mới của ngôi làng cổ được thể hiện ở tổ hợp nhà văn hóa, trường mầm non và nhà tập luyện thể dục thể thao được xây dựng khá bề thế, tọa lạc trên một khu đất bằng phẳng, rộng rãi với diện tích lên đến hàng trăm mét vuông. Theo lời người dân ở đây, khu đất ấy vốn trước kia là ao làng và một phần đất nông nghiệp đã được san lấp. Những công trình này góp phần đem lại cho Đại Lâm một diện mạo mới, khang trang và hiện đại hơn.

Cùng với sự biến đổi không gian, cảnh quan chung ở hai làng, không gian cư trú và sinh hoạt của các hộ gia đình ở đây cũng có nhiều thay đổi so với trước kia. Điều này được thể hiện khá rõ với trường hợp Bất Lự. Từ khi có sự xuất hiện của dự án khu dân cư dịch vụ, khu nhà ở giãn dân, nhiều người dân trong làng đã chuyển ra sinh sống trong các khu vực này. Tại đây, nhà ở và không gian sinh hoạt của các hộ gia đình, từ quy hoạch, thiết kế đến bài trí đều mang phong cách kiến trúc đô thị, hiện đại. Qua tìm hiểu, NCS được biết, đa phần những người dân trong làng chuyển tới sinh sống ở các khu dân cư mới đều là những người/hộ gia đình có điều kiện về kinh tế, trong đó có nhiều người đến nơi ở mới để thuận tiện hơn cho công việc buôn bán, kinh doanh. Với những gia đình ở trong làng, nhờ có được một khoản tiền đáng kể từ đền bù đất, trước sức ép của việc gia tăng nhân khẩu, cộng với mong muốn có được một ngôi nhà khang trang, to đẹp từ lâu, nên đa phần trong số họ đều đã cải tạo/xây dựng mới nhà ở theo lối thiết kế hiện đại với nhiều tầng, phòng riêng để sử dụng hoặc kết hợp cho thuê trọ.

Ở Đại Lâm, mặc dù không chứng kiến sự biến đổi mạnh mẽ và nhanh chóng như ở Bất Lự, tuy nhiên trong những năm gần đây, cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế, không gian cư trú và sinh hoạt của các hộ gia đình cũng đã có những đổi thay rõ nét. Xưa kia, dân làng quần tụ ven đê sông Cầu theo cấu trúc dạng răng lược, các ngôi nhà được xây bám dọc theo lối ngõ nối từ triền đê xuống, chủ yếu quay hướng Nam/Đông Nam, nằm sát nhau và hầu như không có diện tích vườn.

"*Trước đây, nhà ở chủ yếu là tường gạch lớp ngói mũi thô, đầu ngói nhọn hình tam giác được xây theo lối kiến trúc nhà truyền thống. Đa phần các*

ngôi nhà được xây dựng từ những năm 1980, tuy không phải là nhà cổ nhưng cũng toát lên được vẻ bình dị, mộc mạc của một làng quê". (N.V.A, 65 tuổi, Đại Lâm)

Kết quả khảo sát và tìm hiểu của NCS về thực trạng nhà ở tại Đại Lâm cho thấy, đa số người dân được hỏi cho biết gia đình họ đang ở trong những ngôi nhà mái bằng, có từ 2 - 3 tầng trở lên và hầu hết các ngôi nhà đều được xây mới/cải tạo trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây. Nhiều gia đình cho biết, sau khi xây/sửa nhà, một phần diện tích vốn trước đây là sân và bếp đã được chuyển đổi thành không gian sinh hoạt ở trong nhà. Điều này nhằm hướng đến giải quyết nhu cầu về nhà ở khi số lượng nhân khẩu ngày càng tăng lên, đồng thời tận dụng phần diện tích sân, bếp vốn trước kia được dùng để nấu rượu hay nuôi lợn. Dân số tăng nhanh trong bối cảnh các ngành nghề buôn bán, kinh doanh ngày càng phát đạt cũng khiến cho các gia đình có xu hướng mua đất, làm nhà bám sát ra mặt đê hơn. Không khó để nhận thấy, không gian chủ đạo dọc theo tuyến đê, đồng thời là trục đường chính đi qua làng Đại Lâm hiện nay là những dãy nhà cao tầng nằm san sát, hệ thống các cửa hàng, cửa hiệu, quán xá kinh doanh, bày bán đa dạng các mặt hàng, sản phẩm. Những ngôi nhà mái ngói cũ chỉ còn lác đác nằm khuất trong những con ngõ nhỏ, có vẻ "lẻ loi" bên cạnh những ngôi nhà bề thế, khang trang.

Có thể thấy, cùng với những biến đổi sâu sắc và mạnh mẽ của đời sống KT - XH, không gian, cảnh quan ở hai làng cũng có những biến đổi rõ nét. Điều này được thể hiện ở xu hướng thu hẹp, giảm thiểu của các yếu tố nông nghiệp, tự nhiên (đất đai canh tác, ao hồ, đầm vũng,…) và thay vào đó là sự gia tăng, chiếm chỗ của những hình thức quần tụ dân cư mới, các công trình dân sinh hiện đại: khu, cụm dân cư mới, trường học, nhà văn hóa, sân chơi,… Điều đó khiến cho ranh giới giữa không gian cư trú và không gian sản xuất - sự phân định vốn đặc trưng và khá rõ nét ở các làng quê xưa, thì hiện nay trở nên mờ nhạt hơn rất nhiều. Làng quê cũng không còn mang nét trầm mặc, bình dị trước kia mà đã khoác lên mình vẻ năng động, nhộn nhịp thường thấy ở các khu vực đô thị.

Không gian cư trú và sinh hoạt của các hộ gia đình có nhiều biến đổi theo xu hướng đô thị hóa và hiện đại hóa. Cùng với sự mở rộng, gia tăng của diện tích

nhà ở, những ưu tiên trong lựa chọn địa điểm cư trú của nhiều hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự đã chuyển từ trong làng đến những nơi thuận tiện, phù hợp hơn cho các hoạt động buôn bán, kinh doanh. Nhìn chung, không gian, cảnh quan ở các làng hiện nay có sự đan xen, pha trộn giữa làng và phố, nông thôn và đô thị, truyền thống và hiện đại. Bức tranh phong phú với nhiều mảng màu, sắc thái đan xen ấy phản ánh một cấu trúc KT - XH đang chuyển đổi, đa dạng hóa theo hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Tất cả điều đó cũng đã tác động và ảnh hưởng đáng kể đến những mối quan hệ xã hội và mạng lưới kết nối của người dân ở hai làng, trên các chiều cạnh: gia đình, họ hàng và làng xã.

3.2. BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIA ĐÌNH, HỌ HÀNG, LÀNG XÃ

3.2.1. Biến đổi trong quan hệ gia đình

Gia đình và quan hệ gia đình là những yếu tố văn hóa - xã hội đặc trưng, thể hiện một cách tiêu biểu và tập trung những đặc tính của đời sống xã hội và văn hóa ở các làng quê. Trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ, sâu sắc của đời sống kinh tế xã hội, mối quan hệ gia đình ở các làng quê cũng chứng kiến những đổi thay rõ nét. Đại Lâm và Bất Lự không phải là trường hợp ngoại lệ.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn về cảm nhận của người dân ở hai làng đối với các mối quan hệ trong gia đình ở thời điểm hiện tại so với trước kia cho thấy, đa số các ý kiến đều cho rằng không có sự khác biệt đáng kể. Mặc dù vậy, số người cho rằng quan hệ gia đình hiện nay "ít gần gũi hơn" so với trước đây chiếm tỷ lệ cao hơn so với số ý kiến đánh giá "gần gũi hơn" đối với các quan hệ này. Hầu hết những người tham gia trả lời ở cả hai làng đều có chung nhận xét: so với trước kia, sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình đang có chiều hướng giảm đi. Điều này thể hiện ở thời gian cũng như những hoạt động chung có sự tham gia của các thành viên trong gia đình như trò chuyện, xem ti vi, ăn cơm cùng nhau,… ngày càng ít đi. Lý giải thực trạng này, nhiều người dân ở hai làng cho biết, trong bối cảnh hiện nay, mọi người đều bận rộn hơn với công việc, mối quan tâm của mình: bố mẹ thì lo làm ăn, con cái tập trung cho việc học hành,… nên ít có thời gian gần gũi, trò chuyện, hỏi han như trước. Bên cạnh đó, có thể thấy, việc không gian sinh hoạt của nhiều hộ gia đình hiện nay được mở

rộng hơn và được phân chia để mỗi thành viên đều có phòng riêng, tách biệt với nhau cũng góp phần kéo giãn khảng cách, làm giảm sự gần gũi giữa các thành viên trong gia đình.

Trên thực tế, không gian cư trú, sinh hoạt của các hộ gia đình ngày càng gia tăng, nhưng sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình - một dạng không gian kết nối trong mỗi ngôi nhà dường như lại trở nên mờ nhạt và lỏng lẻo hơn. Điều này bắt nguồn từ việc các gia đình, nhất là những hộ có điều kiện kinh tế, sau khi xây/sửa nhà hoặc chuyển đến nơi ở mới đều cố gắng sao cho các thành viên trong gia đình có được phòng riêng để sử dụng. Xu hướng riêng tư hóa không gian sống của các thành viên/thế hệ trong gia đình đồng nghĩa với những hoạt động chung với sự góp mặt của đầy đủ các thành viên dần trở nên ít đi, nhường chỗ cho những ưu tiên và sở thích cá nhân. Nói cách khác, sự phân mảnh trong không gian sinh hoạt của mỗi gia đình hiện nay khiến cho sự giao tiếp, kết nối giữa các thành viên, thế hệ trong gia đình ngày càng trở nên suy giảm.

> "*So với trước đây thì nhà ở bây giờ rộng rãi, thoải mái hơn hẳn. Hai đứa con tôi còn đang đi học nhưng chúng nó cũng đã có phòng riêng. Đi học về là đứa lớn đứa bé chui tót lên phòng, có khi đến đến bữa cơm bố mẹ phải gọi mãi mới xuống ăn*". (T.V.T, 49 tuổi, Đại Lâm)

Bên cạnh xu hướng cá nhân hóa trong không gian sinh hoạt thì sự bận rộn của các thành viên cũng là nhân tố có tác động đáng kể đến mối liên hệ và sợi dây gắn kết trong mỗi gia đình. Kết quả tìm hiểu và phỏng vấn của NCS ở hai làng cho thấy, cùng với mức độ bận rộn của các thành viên trong gia đình có xu hướng tăng lên thì thời gian dành cho những hoạt động chung của gia đình ngày càng eo hẹp, thưa thớt hơn. Người lớn thì bận bịu với công việc để lo toan cho cuộc sống, còn con cái tập trung và dành thời gian cho việc học hành; điều đó khiến cho những bữa cơm chung, những cuộc trò chuyện, xem ti vi cùng nhau,… của các thành viên trong gia đình ngày càng ít đi. Rõ ràng là sự bận rộn và mối quan tâm riêng của mỗi thành viên trong gia đình có xu hướng gia tăng đã khiến cho những sinh hoạt chung - yếu tố quan trọng hàng đầu giúp duy trì, thúc đẩy sự gắn kết giữa các thành viên/thế hệ dưới một mái nhà bị ảnh hưởng đáng kể.

Một trong những nguyên nhân cơ bản khiến cho các hoạt động chung có ý nghĩa gắn kết các thành viên trong gia đình như những bữa cơm với sự tham gia của đông đủ mọi người, cùng nhau xem ti vi, trò chuyện,… ngày càng trở nên ít đi là do xu hướng da dạng hóa về lao động, nghề nghiệp ở các làng hiện nay. Kết quả khảo sát và phỏng vấn người dân về mức độ thường xuyên ăn cơm cùng nhau hay cùng xem tivi, trò chuyện chia sẻ,… của các gia đình ở hai làng hiện nay cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá của người dân ở các làng. Ở Đại Lâm, nơi có một bộ phận người dân vẫn kiên trì bám trụ với nghề làm nông nghiệp và nấu rượu truyền thống, đồng thời có bước chuyển đổi nghề nghiệp diễn ra chậm hơn so với ở Bất Lự, số lượng ý kiến tham gia trả lời cho biết mức độ thường xuyên ăn cơm cùng nhau, xem ti vi hay dành thời gian trò chuyện, hỏi han,… giữa các thành viên trong gia đình chiếm tỷ lệ cao hơn. Tỷ lệ này có mối tương quan đồng thuận với cảm nhận của họ về các mối liên hệ trong gia đình như đã chỉ ra ở trên: số người ở Đại Lâm cho rằng mối quan hệ gia đình hiện nay "gần gũi hơn" so với trước kia chiếm tỷ lệ cao hơn. Trong khi đó, ở Bất Lự, xu hướng đa dạng hóa mạnh mẽ về nghề nghiệp với sự gia tăng đáng kể của các lĩnh vực kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ khiến cho mỗi người dân dường như tham gia vào một quỹ đạo công việc khác nhau, với sự khác biệt tương đối về thời gian, không gian, cường độ,… Điều này đã tác động và ảnh hưởng đáng kể đến nền nếp sinh hoạt của các gia đình, trong đó có việc giảm dần của các hoạt động như ăn cơm cùng nhau, xem ti vi chung hay trò chuyện, hỏi han giữa các thành viên,… Có thể nói, quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm, trong đó chứa đựng sự phân hóa và khác biệt về tính chất, thời gian và phạm vi lao động của người dân so với trước kia là một trong những tác nhân sâu xa dẫn đến sự biến đổi trong các mối quan hệ gia đình ở hai làng hiện nay.

Ngoài ra, kết quả phỏng vấn và tìm hiểu của NCS tại các làng cũng cho thấy, những biến đổi trong quan hệ gia đình có tác động và ảnh hưởng khác nhau đối với mỗi thành viên cũng như giữa các thế hệ. Đa số những người trẻ tuổi hoặc/và là lao động chính trong gia đình tham gia trả lời đều cho rằng không có sự khác biệt nhiều trong quan hệ gia đình hiện nay so với trước đây, hoặc nếu có thì chỉ ở mức không đáng kể. Trong khi đó, những người trung niên và lớn tuổi

cảm nhận về sự suy giảm của sợi dây gắn kết gia đình một cách rõ rệt hơn, đồng thời chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi sự thay đổi trong các mối quan hệ này. Điều này có lẽ bắt nguồn từ việc đa phần những người trẻ hoặc giữ vai trò lao động chính trong gia đình đã thích ứng và bắt nhịp khá nhanh với sự chuyển đổi. Và thực tế xu hướng đa dạng hóa cơ cấu kinh - xã hội theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đem lại cho họ cơ hội thu nhập và việc làm tốt, giúp họ "đổi đời". Trong khi đó, những người lớn tuổi phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức trong điều kiện mới: khó tìm kiếm việc làm phù hợp, cảm giác bị phụ thuộc, bị bỏ lại phía sau,… Tất cả những điều đó cùng với sự suy giảm của sợi dây gắn bó, liên kết giữa các thành viên trong gia đình đã thực sự trở thành vấn đề cần quan tâm ở một bộ phận của lớp người già, lớn tuổi ở các làng hiện nay.

3.2.2. Biến đổi trong quan hệ họ hàng

Đối với người Việt, dòng họ mang nghĩa giống như một gia đình lớn. Trong phạm vi làng, quan hệ họ hàng thực chất là sự nối dài và mở rộng của các quan hệ gia đình, là mạng lưới kết nối mang tính huyết thống, liên thế hệ. Chính vì lẽ đó, các thành viên trong họ có mối liên hệ và gắn bó chặt chẽ với nhau. Và trên thực tế, vai trò của dòng họ trong làng xã truyền thống là hết sức quan trọng nên không hiếm khi làng cũng được đồng nhất với họ (gia tộc). Cùng với sự biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc của đời sống KT - XH, quan hệ họ hàng ở các làng quê hiện nay cũng đang chứng kiến những đổi thay rõ nét.

Giống như ở hầu hết các làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ, Đại Lâm và Bất Lự cũng tồn tại các dòng họ. Quan hệ giữa các thành viên trong dòng họ và quan hệ giữa các dòng họ với nhau tạo thành mạng lưới kết nối xã hội hết sức bền chặt ở trong làng. Hàng năm, các dòng họ ở Đại Lâm và Bất Lự tổ chức những hoạt động như: họp họ, giỗ tổ, biểu dương, tôn vinh khen thưởng những con cháu có đóng góp hay thành tích đặc biệt trong học tập, công tác,… Đó cũng là dịp để các thành viên, các gia đình có dịp gặp gỡ, tề tựu, giúp thắt chặt hơn mối quan hệ họ hàng.

Theo kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS ở hai làng, đa số người được hỏi đều cho biết, các sinh hoạt dòng họ hiện nay diễn ra ở mức độ "thường

xuyên hơn" so với trước kia, đồng thời các khoản kinh phí mỗi hộ gia đình tham gia đóng góp nhằm duy trì những hoạt động do dòng họ tổ chức cũng tăng lên. Lý giải điều này, đa số các ý kiến trả lời đều có chung nhận định: trong bối cảnh hiện nay, khi đời sống kinh tế của mỗi gia đình được nâng lên, thì dòng họ cũng có thêm điều kiện huy để huy động nguồn lực đồng thời quan tâm, chú trọng hơn đến các hoạt động như xây dựng, tu sửa nhà thờ họ, góp quỹ họ, xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài,… nhằm củng cố và bồi đắp những truyền thống tốt đẹp của gia tộc.

Kết quả khảo sát tại địa bàn cũng cho thấy, mức độ gia tăng của các sinh hoạt dòng họ và kinh phí đóng góp cho các hoạt động này không đồng đều ở hai làng. Điều này thể hiện ở tỷ lệ ý kiến cho biết mức độ sinh hoạt dòng họ hiện nay "thường xuyên hơn" so với trước đây ở Bất Lự cao hơn so với ở Đại Lâm. Có thể thấy, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo định hướng công nghiệp, dịch vụ một cách nhanh chóng, đồng bộ khiến cho mức thu nhập của các gia đình ở Bất Lự được cải thiện đáng kể. Theo đó các gia đình cũng có điều kiện để đóng góp, ủng hộ nhiều hơn về vật chất cho các hoạt động chung của dòng họ như một cách thể hiện sự trân trọng cũng như nỗ lực giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của gia tộc. Ở Đại Lâm, mặc dù chứng kiến những bước tiến bộ của đời sống kinh tế trong những năm gần đây, tuy nhiên sự thay đổi này không mang tính đột biến và đồng đều, nên nhìn chung nguồn lực cũng như hoạt động đóng góp quỹ họ, chi tiêu cho các sinh hoạt dòng họ tăng lên không đáng kể so với trước đây. Có thể thấy, sự khởi sắc của đời sống kinh tế ở các làng quê trong quá trình chuyển đổi là một trong những tác nhân góp phần thúc đẩy xu hướng gia tăng của các sinh hoạt dòng họ, qua đó tác động đến mối quan hệ dòng họ ở các làng hiện nay.

Mặc dù hoạt động của dòng họ và mức độ đóng góp kinh phí của các gia đình cho những hoạt động này có xu hướng tăng lên, tuy nhiên, quy mô cũng như số lượng thành viên tham gia trong những sự kiện của dòng họ những năm gần đây lại có chiều hướng giảm. Sở dĩ có thực tế này là bởi trong bối cảnh hiện nay, đa số các gia đình đều bận rộn, nên mặc dù tích cực đóng góp cho các hoạt

động của dòng họ nhưng họ thường xuyên vắng mặt hoặc chỉ cử đại diện tham gia khi có các sự kiện, chỉ trừ những dịp đặc biệt. Ngoài ra quy mô và số lượng thành viên tham gia các hoạt động dòng họ giảm còn do việc tổ chức ăn uống trong những dịp này ngày càng ít đi. Kết quả khảo sát và tìm hiểu tại địa bàn cho thấy, đa số những người thường xuyên tham gia các hoạt động của dòng họ ở cả hai làng đều là những người lớn tuổi. Tuy nhiên, có một điểm đáng chú ý, đó là sự phân biệt giữa nam giới và phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động của dòng họ ở cả hai làng không còn rõ rệt. Nếu như trước kia thành viên góp mặt trong các sự kiện của dòng họ chủ yếu là nam giới, thì hiện nay sự xuất hiện của các thành viên là nữ giới ngày càng thường xuyên và phổ biến hơn, thậm chí có cả những người con gái đã lập gia đình hoặc/và định cư ở nơi khác.

> "*Thỉnh thoảng vào những dịp lễ, Tết hoặc đặc biệt lắm thì bà con họ mạc xa gần mới tụ họp đông đủ được với nhau, chứ bình thường thì khó lắm, vì hầu như ai cũng bận cả. Tham gia các hoạt động bây giờ vẫn chủ yếu là người lớn và người già, chứ cánh thanh niên thì ít. Việc tổ chức ăn uống cũng ít đi rồi và cũng không làm to như trước".* (N.T.T, 67 tuổi, Đại Lâm)

Mặc dù các hoạt động, sinh hoạt dòng họ ở hai làng vẫn được duy trì, tuy nhiên vai trò của dòng họ cũng như sự gắn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên, gia đình trong họ có xu hướng giảm so với trước đây.

Trong cộng đồng làng truyền thống, vai trò của dòng họ được thể hiện hết sức rõ nét, đặc biệt là mỗi khi các gia đình trong họ có công việc quan trọng, tuy nhiên hiện nay, vai trò này ngày càng trở nên mờ nhạt hơn. Kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS ở cả hai làng cho thấy, mặc dù các gia đình vẫn tham vấn ý kiến của dòng họ khi có công việc lớn như tang ma, cưới xin,… tuy nhiên đó chỉ được xem là một kênh để tham khảo chứ không có ý nghĩa quyết định. Ngoài ra, khi được hỏi ý kiến đánh giá về sự gắn kết của dòng họ hiện nay so với trước đây, đa số người tham gia trả lời đều cho rằng mức độ ràng buộc giữa các thành viên trong họ có xu hướng giảm đi. Điều này được thể hiện một phần ở sự nhờ cậy và giúp đỡ nhau của các gia đình trong những dịp có công việc quan trọng như đã kể ra ở trên. Nếu trước đây việc huy động cũng như nhận được sự chung

tay góp sức của dòng họ đối với các gia đình khi có công việc là một điều hiển nhiên và những sự chia sẻ này có vai trò khá quan trọng, thì hiện nay sự tham gia của dòng họ nếu có cũng chỉ là thứ yếu.

Bảng 3.1: Mức độ dựa vào sự trợ giúp của họ hàng mỗi khi có công việc của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với thời điểm trước năm 2007

Đơn vị tính: lần

Hoạt động	Mức độ	Đại Lâm		Bất Lự	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hiện nay	Thường xuyên	20	17,8	14	12,7
	Thỉnh thoảng	76	67,8	84	76,3
	Ít khi	16	14,4	12	10,0
	Tổng	***112***	***100,0***	***110***	***100,0***
Trước năm 2007	Thường xuyên	69	61,6	66	60
	Thỉnh thoảng	36	32,1	34	30,9
	Ít khi	7	6,3	10	9,1
	Tổng	***112***	***100,0***	***110***	***100,0***

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả khảo sát mức độ nhờ vả sự giúp đỡ của họ hàng mỗi khi có công việc của các hộ gia đình ở cả hai làng cho thấy, so với thời điểm 10 năm trở về trước, tỷ lệ tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người họ hàng mỗi khi có công việc của các gia đình hiện nay đã giảm đáng kể. Đa số người được hỏi (60%) cho biết, thời điểm năm 2007 trở về trước, họ "thường xuyên" nhờ vả họ hàng; 35,5% "thỉnh thoảng" và chỉ có khoảng hơn 8,0% cho biết "ít khi". Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, số người cho biết "thường xuyên" nhờ đến họ hàng mỗi khi có công việc chỉ chiếm 17%; khoảng 80% người được hỏi cho biết "thỉnh thoảng", trong khi đó tỷ lệ những người cho biết "ít khi" nhờ đến họ hàng lên đến 14%. So với ở Bất Lự, số người ở Đại Lâm cho biết họ "thường xuyên" tìm kiếm sự trợ giúp từ họ hàng mỗi khi có công việc lớn chiếm tỷ lệ cao hơn (20% so với 14%). Điều đó phần nào cho thấy, thời gian chịu tác động và mức độ biến đổi của đời sống KT - XH trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa có ảnh hưởng nhất định đến mối liên hệ họ hàng ở các làng quê hiện nay. Ở những nơi sớm chịu tác động của quá trình đô thị hóa, đồng thời có các điều kiện KT - XH

biến đổi càng sâu sắc thì xu hướng giảm dần của sự gắn kết họ hàng càng thể hiện rõ nét hơn.

3.2.3. Biến đổi trong quan hệ xóm giềng, làng xã

Cùng với sợi dây liên kết họ hàng, người Việt còn có mối liên hệ gắn bó khác: quan hệ hàng xóm láng giềng. Thực tế lịch sử chứng minh, quan hệ gần gũi "tối lửa tắt đèn" có nhau dựa trên nền tảng mỗi thành viên trong cộng đồng đều hướng tới số đông và hướng tới những thành viên khác là một truyền thống tốt đẹp được nhiều thế hệ người Việt gìn giữ và phát huy. Chính tinh thần đoàn kết, gắn bó keo sơn ấy là nguồn sức mạnh to lớn giúp người Việt Nam có thể chống chọi và giành thắng lợi trong các cuộc giao tranh với những kẻ thù ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ được nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Tuy nhiên trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa hiện nay, cùng với những biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc của đời sống KT - XH, mối quan hệ hàng xóm láng giềng cũng đang chịu tác động và ảnh hưởng không nhỏ.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cảm nhận của người dân ở hai làng về mối quan hệ hàng xóm, láng giềng hiện nay so với thời điểm hơn 10 năm trước (2007) cho thấy, đa số người được hỏi cho rằng mối quan hệ này "kém thân thiện", "ít gần gũi" hơn. Mặc dù vậy mức độ suy giảm của mối quan hệ này qua những ý kiến đánh giá của người dân ở hai làng có sự khác biệt nhất định. Điều này thể hiện ở tỷ lệ người tham gia trả lời cho rằng quan hệ hàng xóm láng giềng hiện nay kém thân thiện hơn ở Bất Lự cao hơn so với ở Đại Lâm; ngược lại, số người được hỏi đánh giá mối quan hệ này "không thay đổi" hoặc "thân thiện hơn" ở Đại Lâm lại cao hơn.

Nguyên nhân chủ yếu khiến cho mối quan hệ hàng xóm láng giềng ở hai làng hiện nay trở nên xa cách, kém thân thiện hơn chính là xu hướng giảm dần của hoạt động gặp gỡ, thăm hỏi giữa những người dân cũng như các hộ gia đình. Kết quả khảo sát và tìm hiểu của NCS về mức độ gặp gỡ, trò chuyện với hàng xóm láng giềng của người dân ở các làng hiện nay so với trước kia cho thấy, đa số những người được hỏi cho biết thời gian và tần suất gặp gỡ giữa họ với những người hàng xóm láng giềng giảm đi đáng kể so với trước kia. Và cũng tương tự

như với mức độ suy giảm của mối quan hệ hàng xóm láng giềng, xu hướng giảm của hoạt động tiếp xúc, trò chuyện của người dân ở hai làng cũng có sự khác nhau. Số lượng người tham gia trả lời cho biết hoạt động gặp gỡ giữa họ và những người hàng xóm láng giềng giảm đi ở Bất Lự chiếm tỷ lệ cao hơn so với ở Đại Lâm; trong khi đó, số ý kiến cho rằng các hoạt động này hiện nay "không thay đổi" thậm chí có phần tăng lên so với trước kia ở Đại Lâm lại chiếm tỷ lệ cao hơn.

Có thể thấy mối tương quan đồng thuận nhất định giữa xu hướng suy giảm quan hệ hàng xóm láng giềng với sự tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các làng hiện nay. Điều này được thể hiện khi xem xét mức độ xa cách và ít thân thiện của mối quan hệ này trong tương quan với thời gian cũng như mức độ biến đổi của đời sống KT - XH ở hai làng. Tại Bất Lự, nơi quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc hơn so với Đại Lâm, cảm nhận về sự xa cách, ít thân thiện trong mối quan hệ hàng xóm láng giềng của người dân cũng rõ ràng hơn; ngược lại số người ở Đại Lâm cho rằng mối quan hệ này vẫn được duy trì so với trước đây lại chiếm tỷ lệ cao hơn.

Trên thực tế, xu hướng giảm dần của hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc giữa những người hàng xóm láng giềng có mối liên hệ với những biến đổi trong đời sống kinh tế, xã hội của người dân ở các làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Trong đó, rào cản dễ nhận thấy nhất là việc đa số các gia đình hiện nay đều xây nhà theo kiểu "kín cổng cao tường", điều này khiến cho hoạt động qua lại, gặp gỡ giữa những người hàng xóm láng giềng đã bị hạn chế đáng kể. Trước đây, người dân ở các làng có thể dễ dàng sang nhà nhau để hỏi han, thăm nom khi có việc hoặc thậm chí chỉ uống nước, trò chuyện lúc rảnh rỗi, thì hiện nay những hoạt động đó đã ít đi nhiều. Bên cạnh đó có thể thấy, quá trình chuyển đổi nghề nghiệp khiến cho nhiều người trở nên bận rộn với công việc riêng, ít thời gian rảnh rỗi hơn để gặp gỡ, thăm hỏi nhau như trước kia… Có thể nói, những biến đổi trong đời sống kinh tế và nghề nghiệp là nguyên nhân sâu xa đưa đến sự suy giảm của mối quan hệ hàng xóm láng giềng ở các làng quê hiện nay. Những ngôi nhà kín cổng cao tường biệt lập, sự eo hẹp về thời gian,.... là

những rào cơ bản cản khiến cho sợi dây liên hệ, kết nối giữa những người hàng xóm láng giềng đang ngày càng trở nên lỏng lẻo, mờ nhạt.

Những biến đổi trong quan hệ xóm làng còn được thể hiện ở sự giảm dần của việc thường xuyên tìm kiếm sự giúp đỡ cũng như hỗ trợ nhau của các gia đình mỗi khi có công việc quan trọng, thời điểm hiện tại (2020) so với trước kia. Kết quả khảo sát và phỏng vấn tại hai làng cho thấy, so với thời điểm từ năm 2007 trở về trước, mức độ thường xuyên nhờ vả sự giúp đỡ của hàng xóm khi có công việc quan trọng của các hộ gia đình hiện nay đã giảm đáng kể (từ hơn 70% xuống còn gần 15%); đồng thời số người trả lời cho biết chỉ thỉnh thoảng và ít khi nhờ vào hàng xóm, dân làng tăng lên đáng kể.

Bảng 3.2: Mức độ dựa vào sự trợ giúp của hàng xóm khi có công việc của các gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với trước năm 2007

Đơn vị tính: lần

Hoạt động	Mức độ	Đại Lâm		Bất Lự	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hiện nay	Thường xuyên	18	16,0	11	10
	Thỉnh thoảng	80	71,5	83	75,5
	Ít khi	14	12,5	16	14,5
	Tổng	***112***	***100,0***	***110***	***100,0***
Trước năm 2007	Thường xuyên	73	65,2	72	65,5
	Thỉnh thoảng	33	29,4	31	28,2
	Ít khi	6	5,3	7	6,3
	Tổng	***112***	***100,0***	***110***	***100,0***

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và phỏng vấn cũng cho thấy, mức độ giảm của việc thường xuyên tìm kiếm sự giúp đỡ từ hàng xóm láng giềng của các gia đình ở hai làng có sự khác biệt nhất định. Ở Bất Lự, xu hướng này diễn ra nhanh và rõ nét hơn so với tại Đại Lâm, chỉ 11% số người được hỏi ở đây cho biết họ thường xuyên nhờ đến sự giúp đỡ của hàng xóm khi có công việc trong khi tỷ lệ này ở Đại Lâm là 18%. Điều đó cho thấy việc giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau giữa những người hàng xóm láng giềng có sự tương quan với thời gian cũng như mức động chịu tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở hai làng hiện nay.

Bất Lự là nơi có quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra sớm, theo phương thức hình thành, phát triển các KCN. Điều này khiến cho quá trình chuyển đổi KT - XH theo hướng đô thị, hiện đại ở đây diễn ra hết sức mau lẹ, đồng thời mức sống của người dân được nâng lên đáng kể. Cùng với lối sống ngày càng đô thị hóa rõ nét, mạng lưới dịch vụ đa dạng luôn sẵn sàng phục vụ bất kể ngày đêm, các gia đình ở đây dần có thói quen chuyển sang sử dụng các dịch vụ, tiện ích sẵn có mỗi khi gia đình có công việc, thay vì tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ từ những người hàng xóm láng giềng như trước kia. Trong khi đó ở Đại Lâm, quá trình chuyển đổi không diễn ra theo cách "đột ngột" như ở Bất Lự, đời sống KT - XH của người dân mặc dù có nét khởi sắc, song cơ bản vẫn được duy trì và ổn định trên những nền tảng truyền thống, ở đây sợi dây gắn kết hàng xóm láng giềng cũng như tinh thần tương trợ lẫn nhau giữa các gia đình mỗi khi có công việc vẫn thể hiện khá rõ.

Bên cạnh sự suy giảm của quan hệ hàng xóm, láng giềng dựa trên tiêu chí thường xuyên gặp gỡ hay mức độ tương trợ lẫn nhau của các gia đình, kết quả khảo sát và phỏng vấn ở hai làng cũng cho thấy, xu hướng gia tăng sự kết nối giữa các cá nhân thông qua những hình thức như CLB, hội, nhóm… Như đã phân tích ở phần trước, đây là những hình thức thu hút, tập hợp dân cư không hoàn toàn dựa trên cơ sở nghề nghiệp hay sản xuất, mà theo sở thích, lứa tuổi, điều kiện thời gian, sức khỏe,… như CLB tổ tôm điếm, CLB bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, CLB văn nghệ. Trong đó, phổ biến hơn cả là các CLB văn nghệ và luyện tập thể dục thể thao. Đối tượng tham gia các CLB, hội, nhóm khá đa dạng, ở nhiều lứa tuổi khác nhau, tuy nhiên đông đảo nhất là những người thuộc nhóm trên 55 tuổi. Đây là bộ phận dân cư có khá nhiều thời gian nhàn rỗi do không còn sản xuất nông nghiệp/làm nghề phụ hoặc tham gia công tác nhưng đã nghỉ hưu. Sự xuất hiện và ngày càng phổ biến của các hình thức tổ chức như CLB, hội, nhóm ở hai làng, một mặt cho thấy những bước tiến của đời sống vật chất và xu hướng đô thị hóa trong nhu cầu giải trí của người dân; mặt khác thể hiện nhu cầu kết nối xã hội của các cộng đồng dân cư nơi đây trong bối cảnh những liên kết xã hội truyền thống đang suy giảm do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

"*Trước đây còn công tác thì ít có thời gian gặp gỡ hay tham gia các hoạt động cùng với mọi người lắm. Nhưng giờ nghỉ hưu rồi, có nhiều thời gian nên cứ thấy CLB, hội nhóm nào phù hợp là tôi đăng ký tham gia.* (V.V.Đ, 65 tuổi, Bất Lự)

Có thể thấy, bên cạnh sự suy giảm của các liên kết xã hội truyền thống, các phương thức kết nối cộng đồng mới dựa trên nhu cầu và điều kiện cá nhân lại có xu hướng gia tăng ở các làng quê trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đặc biệt ở những nơi có sự chuyển đổi kinh tế, xã hội diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Kết quả khảo sát và phỏng vấn ở hai làng cho thấy, số lượng các CLB, hội, nhóm cũng như tỷ lệ người tham gia ở Bất Lự đều cao hơn so với ở Đại Lâm. Điều đó phần nào cho thấy nhu cầu cũng như các phương thức kết nối xã hội mới ở những nơi có mức độ tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa càng lớn thì càng thể hiện rõ nét. Có thể nói, xu hướng gia tăng kết nối xã hội dưới hình thức các CLB, hội nhóm ở hai làng hiện nay thực chất là sự hồi sinh của truyền thống cộng đồng làng xã, nhưng trong dạng thức và phiên bản mới. Nó có ý nghĩa như điểm tựa về mặt tinh thần giúp cho cộng đồng dân cư ở các làng có thể bám trụ cũng như thích ứng trong thời kỳ chuyển đổi mạnh mẽ do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

3.3. BIẾN ĐỔI DI TÍCH, TÍN NGƯỠNG, LỄ HỘI VÀ CÁC PHONG TỤC, TẬP QUÁN

3.3.1. Biến đổi di tích

Cũng giống như hầu hết các làng Việt vùng châu thổ Bắc Bộ, Đại Lâm và Bất Lự có quần thể di tích lâu đời và đa dạng, bao gồm đình, đền, chùa, miếu,… Đó là những không gian thiêng được các cộng đồng dân cư nơi đây đặc biệt trân trọng và nỗ lực bảo lưu và hiện đều được xếp hạng là những di tích lịch sử - văn hóa thời hiện đại. Trải qua thời gian với những biến cố thăng trầm của lịch sử, nhiều di tích đã bị xuống cấp, thậm chí đã bị phá hỏng, chỉ còn tồn tại trong ký ức của những người dân ở làng, tuy nhiên cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế, mong muốn được khôi phục và "tái tạo" phần hồn, biểu tượng truyền

thống vẻ vang của cộng đồng làng, nhiều công trình đã được trùng tu, phục hồi trên nền di tích cũ.

Đại Lâm được biết đến với quần thể di tích bề thế và đa dạng, bao gồm hai ngôi chùa cổ (Thiên Tích Tự và Thiên Phúc Tự), Đình, Đền, Nghè Đại Lâm được xây dựng từ lâu đời, xứng tầm "danh lam cổ tích". Những công trình này không chỉ là chứng tích cho bề dày lịch sử của ngôi làng cổ ngàn năm tuổi, mà còn là không gian lắng đọng những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư nơi đây. Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quần thể di tích thiêng, người dân Đại Lâm luôn nỗ lực chăm lo, gìn giữ, bảo tồn như những tài sản tinh thần để truyền lại cho các thế hệ sau.

> "*Khi đời sống người dân khấm khá dần lên, tất cả mọi người đều có chung suy nghĩ cần phải tu bổ, phục dựng các di tích của làng sao cho thật khang trang, bề thế, tương xứng với những truyền thống và giá trị của nó*". (N.T.B, 60 tuổi, Đại Lâm)

Tại thời điểm NCS có mặt ở Đại Lâm để tìm hiểu về các di tích của làng, Chùa Thiên Tích đang được tu bổ đồng thời được mở rộng thêm. Ngôi chùa với diện mạo mới khi hoàn thành sẽ vươn ra mặt đê chứ không nằm sâu trong chân đê như trước. Một cán bộ ban công tác mặt trận ở Đại Lâm cho biết, sau khi được xây thêm, to đẹp rộng rãi hơn, ngôi chùa không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh ngày càng tăng lên của người dân mà còn là nơi tổ chức nhiều hoạt động chung của làng.

Cũng tương tự như ở Đại Lâm, khi điều kiện về thu nhập và mức sống không ngừng được nâng lên, người dân Bất Lự ngày càng có ý thức quan tâm, chú trọng hơn đến việc gìn giữ, trùng tu và tôn tạo hệ thống di tích của làng; coi đó như những những biểu tượng của truyền thống văn hiến quê hương, là niềm tự hào cần được bảo lưu và trao truyền cho các thế hệ con cháu.

Năm 2016, sau nhiều nỗ lực đóng góp công sức và tiền của để trùng tu, phục dựng, người dân Bất Lự vui mừng đón nhận bằng công nhận di tích cho ngôi đình làng. Nhiều người ở Bất Lự kể lại rằng, làng xưa kia có ngôi đình cổ to, đẹp nổi tiếng trong vùng, đó là tiềm tự hào đồng thời là tài sản tinh thần to lớn, có ý nghĩa

hết sức thiêng liêng đối với người dân nơi đây. Tuy nhiên, trải qua chiến tranh, loạn lạc, ngôi đình xưa đã bị phá hủy gần như hoàn toàn. Những năm gần đây, người dân Bất Lự đã chung tay, vận động đóng góp tiền của để xây dựng lại đình. Mặc dù không thể tái tạo lại hoàn toàn nét kiến trúc cổ xưa, nhưng bằng những vật liệu xây dựng hiện đại, ngôi đình vẫn giữ được dáng vẻ uy nghi, trang trọng của một công trình kiến trúc có ý nghĩa tâm linh theo tâm nguyện của người dân.

"*Khôi phục lại ngôi đình là nguyện vọng thiết tha và cũng là nhu cầu của tất cả mọi người. Đó là điều ai nấy cũng mong muốn từ lâu nhưng đến bây giờ mới có điều kiện thực hiện".* (V.V.Đ, 65 tuổi, Bất Lự)

Đình Bất Lự được được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là một sự kiện trọng đại, là niềm tự hào chung của cộng đồng dân cư nơi đây. Ngày đón nhận Bằng di tích, các tầng lớp nhân dân địa phương và nhiều người dân Bất Lự đang sinh sống, lập nghiệp ở xa cũng đều tề tựu đông đủ, hòa trong niềm vui của mảnh đất quê hương.

Có thể thấy, cùng với sự khởi sắc trong đời sống kinh tế, người dân ở hai làng ngày càng quan tâm chăm lo, phục dựng và bảo tồn hệ thống các di tích của quê hương, coi đó như những tài sản tinh thần vô giá để trao truyền cho các thế hệ con cháu mai sau. Điều đó khiến cho quần thể di tích ở các làng khoác lên mình một diện mạo mới, đồng thời ngày càng thể hiện vai trò, ý nghĩa đặc biệt trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư nơi đây. Hiện nay, hệ thống các di tích đình, chùa, đền, nghè,… của hai làng đều tọa lạc ở những vị trí trang trọng, nổi bật trong không gian làng, rất thuận tiện cho việc cúng lễ, tổ chức các sinh hoạt cộng đồng của người dân cũng như phục vụ nhu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách thập phương.

3.3.2. Biến đổi tín ngưỡng, lễ hội

Cùng với nỗ lực phục dựng và mở mang các quần thể di tích, nhiều truyền thống và quy định trước kia liên quan đến việc thực hành các nghi lễ ở những không gian thiêng này cũng được người dân hai làng coi trọng, đề cao.

Vốn là những làng Việt cổ, từ xa xưa Đại Lâm và Bất Lự đã có nhiều lễ tiết độc đáo. Bên cạnh ngày vào đám, ở hai làng còn có những ngày lễ khác trải

đều trong năm: lễ sinh nhật, chọn quan đám, du xuân; lễ thượng điền, hạ điền, xuân tế, kỳ yên,… Đó là những nghi lễ được cộng đồng dân cư ở các làng hết sức chú trọng, đồng thời mong muốn bảo lưu như một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của làng. Trong những năm bao cấp, đời sống khó khăn, các lễ tiết bao gồm cả lễ hội làng không thực sự được tổ chức chu đáo. Làng chỉ giữ lại một số lễ tiết chính và các nghi lễ cũng được đơn giản hóa nhiều do kinh phí hết sức eo hẹp. Từ sau khi đất nước đổi mới, đặc biệt là từ khi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, đời sống kinh tế có nhiều khởi sắc, bên cạnh việc quan tâm, chăm lo hơn cho các di tích, người dân ở các làng cũng rất chú trọng việc phục hồi và bảo tồn các lễ tiết sao cho tiếp nối và phát huy được truyền thống của cộng đồng. Đặc biệt trong những năm gần đây, khi thu nhập, mức sống của người dân không ngừng được nâng lên, các lễ tiết theo đó cũng được phục dựng, tổ chức trang trọng hơn với nguồn kinh phí dồi dào hơn, các trang phục, đồ lễ, tiền công đức,… ngày càng đầy đủ và đẹp hơn.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS ở hai làng cho thấy, chi phí cho việc thờ cúng cũng như tham gia các lễ tiết của mỗi hộ gia đình ngày càng trở thành nguồn chi thường xuyên và được nâng lên. Đồng thời người dân cũng có ý thức chủ động hơn trong việc khôi phục các thực hành tín ngưỡng truyền thống. Điều này được thể hiện ở số lượng người tham gia ngày càng tăng cũng như mức độ trang trọng, chu đáo được nâng lên đáng kể. Nếu trước đây đa số người dân ở hai làng chỉ ra đình, chùa thắp hương hoặc đến các di tích vào những dịp như hội hè, có công việc, thì hiện nay việc đi lễ chùa, lễ đền, thăm các di tích đã trở thành hoạt động bình thường của nhiều người dân, không phân biệt già trẻ, trai gái và có thể diễn ra vào bất cứ thời gian nào mà không nhất thiết phải là ngày lễ, tết, khi có công việc,…

Bên cạnh sự tiếp nối và trở lại với các yếu tố truyền thống, việc tổ chức các lễ tiết cũng như thực hành nghi lễ ở hai làng cũng có đã có sự thay đổi theo hướng giản lược hơn về quy mô cũng như thời gian so với trước kia. Nhiều lễ tiết chính như lễ thượng điền, hạ điền, chọn quan đám,… vẫn được thực hiện nhưng thời gian đã được rút ngắn hơn; đồng thời các thành phần tham chủ yếu

mang tính đại diện với đa phần là các cụ cao tuổi, thành viên ban quản lý di tích, thành viên đội tế,…

Trong số những lễ tiết truyền thống thì lễ hội làng vẫn luôn là một nghi lễ đặc biệt, được cộng đồng dân cư ở các làng coi trọng, mong muốn bảo tồn, phát triển như một phần không thể thiếu cho diện mạo và đặc trưng của làng. Nhìn chung, lễ hội làng ở Đại Lâm và Bất Lự là hình thái sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiêu biểu cho đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở các làng quê Bắc Bộ gắn liền với tập quán nông nghiệp trồng lúa nước. Những năm gần đây, cùng với sự biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc của đời sống KT - XH và của các quần thể di tích, lễ hội truyền thống ở hai làng cũng chứng kiến những đổi thay rõ nét.

Hội làng ở Bất Lự và Đại Lâm đều diễn ra vào tháng Giêng (âm lịch) hằng năm. Đó là thời điểm công việc nhà nông đã cơ bản hoàn tất. Lễ hội làng thường mở đầu với các hoạt động dâng hương, lễ tế, rước thành hoàng làng diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, thành kính. Bên cạnh đó là các trò chơi dân gian tiêu biểu, đặc sắc, các hoạt động vui chơi giải trí, văn nghệ, thể dục thể thao,… Có thể thấy, lễ hội làng truyền thống ở Đại Lâm và Bất Lự không chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng đặc sắc mà còn là dịp để giao lưu văn hóa, thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng. Ngày hội làng kết tinh những nét đẹp văn hóa tiêu biểu, trở thành không gian cộng cảm, kết nối quá khứ - hiện tại, đồng thời có vị trí, vai trò đặc biệt trong đời sống tinh thần của người dân ở hai làng.

Cùng với những biến đổi mạnh mẽ của đời sống KT - XH, đặc biệt là điều kiện vật chất và mức sống của người dân ngày càng được nâng lên, lễ hội truyền thống ở hai làng, một mặt, vẫn duy trì và thể hiện đậm nét bản sắc truyền thống, mặt khác, các hoạt động, nghi lễ trong lễ hội cũng được tổ chức chu đáo, đầy đủ hơn nhờ nguồn kinh phí huy động được từ sự đóng góp và ủng hộ của người dân ngày càng gia tăng. Ở phần hội, bên cạnh những trò chơi dân gian truyền thống cũng đã được bổ sung thêm nhiều hoạt động, trò chơi mới, mang hơi thở cuộc sống đương đại.

"Trong một thời gian dài trước đây, nhất là những năm bao cấp, do điều kiện kinh tế lúc ấy rất khó khăn nên việc tổ chức hội làng cũng có phần

đơn giản. Mọi người bàn với nhau chỉ giữ lại một số hoạt động chính; các nghi lễ cũng được rút gọn đi nhiều. Tuy nhiên những năm gần đây, khi đời sống khấm khá hơn, dân làng cũng rất chú trọng đến việc phục hồi và tổ chức lễ hội sao cho nó tiếp nối được truyền thống của các cụ để lại". (L.Đ.Q, 65 tuổi, Bất Lự)

Có thể thấy, trong ngày hội làng ở Đại Lâm và Bất Lự, các nghi lễ và trò vui truyền thống nhìn chung vẫn được duy trì, tiếp nối. Lễ tế được thực hiện bởi Ban tế, gồm các cụ ông trong làng. Trang phục của các thành viên trong ban tế gồm áo dài, mũ quan, hia với hai màu xanh, đỏ. Bên cạnh đó, các cụ trong đội dâng hương diện áo dài, đội khăn xếp và cũng được phân biệt bởi những màu sắc khác nhau. Về phần hội, ngoài những trò vui, trò chơi dân gian đặc sắc như cờ tướng, đấu vật, chọi gà, bắt vịt, đập niêu, kéo co,... nhiều hoạt động vui chơi, giải trí khác cũng đã được tổ chức trong dịp hội làng: hát chèo, hát quan họ, cải lương; thi đấu, biểu diễn các môn thể dục, thể thao như cầu lông, bóng chuyền, thể dục dưỡng sinh,… Đó là những nét mới dễ nhận thấy trong tổ chức lễ hội truyền thống ở hai làng hiện nay.

"*Nhìn chung hội làng vẫn tiếp nối và duy trì các hoạt động đã có từ thời các cụ. Ngoài ra, do nguồn kinh phí tổ chức được nâng lên nên lễ hội cũng đã được đưa thêm vào nhiều trò vui mới, chẳng hạn như các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn nghệ, thi đấu thể thao… và đặc biệt là sự trở lại của môn bơi chải truyền thống*". (N.T.B, 60 tuổi, Đại Lâm)

Bên cạnh việc bảo lưu, tiếp nối các yếu tố truyền thống, lễ hội ở hai làng cũng đã có những thay đổi so với trước đây. Nhiều nghi lễ diễn ra trong lễ hội đã được rút ngắn về thời gian, đồng thời có sự phân công, chuyên môn hóa về đối tượng, thành phần tham gia (chẳng hạn như đội tế, dâng hương, rước kiệu,...). Bên cạnh đó, lễ hội được bổ sung, tăng cường thêm nhiều trò vui, hoạt động giải trí mang tính cập nhật với bối cảnh xã hội hiện đại như giao lưu, trình diễn văn nghệ, thể dục thể thao,… Những năm gần đây, lễ hội ở các làng được tổ chức theo thể thức: cứ 5 năm diễn ra trọng thể một lần (năm chính hội/năm chẵn). Trong năm đó, ngoài lễ tế, người dân ở các làng còn tổ chức rước thánh và nhiều

hoạt động, trò vui đặc sắc khác, đồng thời mời khách thập phương và những người dân làng đang sinh sống, làm ăn ở xa về chơi hội.

> "*Hiện nay hoạt động rước kiệu và bơi chải 5 năm mới được tổ chức một lần, đó là năm chính hội. Đám rước ngày càng được tổ chức quy mô hơn. Trang phục của của đoàn rước, đội tế cũng như các đồ phục vụ cũng đã được đầu tư thay mới nhiều. Các trò chơi thì ngoài đấu vật, chọi gà, cờ tướng, hát quan họ, cải lương đã có từ ngày trước, bây giờ có thêm bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, thể dục dưỡng sinh,…*" (N.T.B, 60 tuổi, Đại Lâm)

Bên cạnh sự bổ sung những hoạt động, trò vui mới mang tính cập nhật, chứa đựng hơi thở cuộc sống đương đại, lễ hội ở các làng còn chứng kiến sự tham gia ngày càng đông đảo các thành phần, tầng lớp dân cư vào các khâu từ tổ chức, phục vụ đến chơi hội,… Việc tổ chức lễ hội truyền thống hằng năm ở các làng, nhất là vào những năm chẵn, không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của hai giới các cụ hay những người dân ở làng mà còn có sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể như ban mặt trận Tổ quốc, hội cựu chiến binh, phụ nữ, đoàn thanh niên,... trong thôn, xã. Điều đó cho thấy ý nghĩa, tầm quan trọng và giá trị bao trùm của lễ hội truyền thống trong đời sống của các tầng lớp dân cư ở hai làng trong bối cảnh hiện nay.

Cũng nhờ bảo lưu và gìn giữ được những nét đặc sắc của văn hóa truyền thống, đồng thời có sự mở rộng với nhiều trò vui, hoạt động giải trí mới nên hội làng ở Đại Lâm và Bất Lự thu hút được sự quan tâm, tham gia của đông đảo của các tầng lớp dân cư nơi đây. Kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS ở cả hai làng cho thấy, hầu hết những người được hỏi đều cho biết họ thường xuyên tham gia vào các dịp hội làng. Những người tham gia tổ chức lễ hội và thực hiện tế lễ đa phần là người dân gốc ở làng, còn những người từ nơi khác chuyển đến làm ăn, sinh sống ở làng thì chủ yếu đóng góp kinh phí, cúng lễ, công đức và chơi hội. Bên cạnh đó, cũng có sự khác biệt giữa các nhóm tuổi khi tham dự hội làng. Những người thuộc nhóm tuổi từ trung niên trở lên thường tham gia vào thực hiện các nghi lễ (đội tế, dâng hương,…), trong khi đó thanh niên và trẻ em lại bị thu hút nhiều hơn bởi các hoạt động giải trí, trò chơi trong phần hội. Mặc dù vậy,

hầu hết người dân ở hai làng, nhất là nhóm người trung niên, lớn tuổi đều cho biết, tuy cuộc sống hiện nay đã có nhiều thay đổi so với trước kia, nhưng mỗi khi tham gia vào không gian lễ hội, họ vẫn cảm nhận được sự thân thiện, gắn kết giữa người với người như trước kia.

"*Trong những ngày diễn ra lễ hội làng, mọi người đều có cảm giác gắn bó, cởi mở với nhau hơn. Nhất là khi thắp hương, cúng lễ ở đình hay tham dự các trò vui được tổ chức trong dịp lễ hội. Tuy nhiên sau đó, khi trở lại đời sống thường nhật thì không còn cảm giác đó nữa, mọi người không còn cởi mở hay vồn vã với nhau như vậy nữa".* (N.V.L, 40 tuổi, Đại Lâm)

Bảng 3.3: Ý kiến của người dân về những thay đổi trong việc tổ chức cũng như trong các hoạt động diễn ra ở lễ hội làng hiện nay so với trước đây

Đơn vị tính: mẫu

STT	Ý kiến đánh giá	*Số mẫu*	*Tỷ lệ %*
1	Lễ hội vẫn được tổ chức như truyền thống	146	65,7
2	Lễ hội có một số thay đổi so với truyền thống	63	28,3
3	Lễ hội thay đổi hẳn so với truyền thống	13	5,8
4	Ý kiến khác (ghi rõ):	0	0
5	***Tổng***	***222***	***100***

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cảm nhận của người dân đối với những thay đổi trong việc tổ chức lễ hội hiện nay so với trước kia ở cả hai làng cho thấy, đa số (65,76%) người được hỏi cho biết lễ hội vẫn được tổ chức như truyền thống, chỉ có 28,37% số người đánh giá lễ hội có một số thay đổi so với trước đây. Điều đó cho thấy, với đa số người dân ở các làng, sự biến đổi không phải vấn đề thu hút sự quan tâm, chú ý; họ tham gia vào lễ hội và các hoạt động ở đó như một nhu cầu văn hóa tự thân và có cảm giác gắn bó, phấn khởi cũng như tự hào với sinh hoạt cộng đồng truyền thống này. Có thể nói, lễ hội là dịp để những người dân ở các làng gắn kết với nhau và cùng kết nối với các giá trị, truyền thống của cộng đồng.

3.3.3. Biến đổi phong tục, tập quán

Là những làng quê cổ có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa, Đại Lâm và Bất Lự có những phong tục tập quán vừa hội tụ những nét văn hóa đặc trưng của các làng quê đồng bằng Bắc Bộ, của vùng đất Kinh Bắc văn hiến, đồng thời chứa đựng bản sắc riêng gắn với sự hình thành và phát triển của các làng. Các phong tục tập quán này hiện nay, một mặt vẫn được coi trọng, duy trì song mặt khác cũng đang có sự biến đổi theo xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa để phù hợp với những điều kiện và lối sống mới của người dân ở các làng.

Đối với những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước nói chung, trong đó có người Việt, các phong tục, tập quán truyền thống liên quan đến việc cưới, việc tang luôn có ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt. Các phong tục, tập quán này thường gắn với nhiều nghi lễ khác nhau và trên thực tế, tùy thuộc vào truyền thống văn hóa và điều kiện sinh sống cụ thể ở mỗi vùng, miền mà các nghi lễ được thể hiện theo cách khác nhau, song nhìn chung nó mang đậm nét bản sắc văn hóa của cộng đồng, được bảo lưu và tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mặc dù vậy, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ, sự biến đổi sâu sắc trong mọi mặt đời sống, nhất là trong lối sống của cộng đồng dân cư nông thôn ở nước ta hiện nay, việc tổ chức cưới xin, tang ma ở nhiều làng quê Việt Nam cũng đã và đang có nhiều biến đổi. Điều đó cũng diễn ra tương tự với trường hợp Đại Lâm và Bất Lự (bảng 3.4).

Để tìm hiểu về sự biến đổi của các phong tục, tập quán thông qua hoạt động tổ chức tang ma, cưới hỏi ở hai làng, NCS đưa ra một số gợi ý để người dân lựa chọn. Kết quả khảo sát cho thấy, đối với việc tổ chức đám cưới, cảm nhận của những người tham gia về sự thay đổi ở hai làng có sự khác biệt nhất định. Điều này được thể hiện ở việc đa số người được hỏi ở Đại Lâm cho biết họ "không đồng ý" với quan điểm *Đám cưới ít thủ tục, nghi lễ hơn* và *Tổ chức ăn uống ít hơn*, trong khi đó ở Bất Lự, phần lớn những người tham gia trả lời "đồng ý" với nhận định trên.

Bảng 3.4: Ý kiến của người dân về sự thay đổi của các phong tục tập quán (cưới xin, tang ma) ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay so với trước đây

Đơn vị tính: mẫu

STT	Các phong tục tập quán	Đồng ý		Không đồng ý	
		Số mẫu	Tỷ lệ %	Số mẫu	Tỷ lệ %
1	Đám cưới, đám ma ít thủ tục, nghi lễ hơn	40	18,0	143	64,4
2	Kinh phí tổ chức ít tốn kém hơn	17	7,6	125	56,3
3	Tổ chức ăn uống ít hơn	33	14,8	152	68,4
4	Nhiều hoạt động mới được bổ sung hơn	93	41,8	57	25,6
5	Nhiều công việc sử dụng dịch vụ hơn	126	56,7	40	18,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

"*Trước đây hay hiện nay thì tang ma, cưới hỏi đều được xem là những công việc quan trọng của các gia đình, thế nên được tổ chức khá chu đáo với đầy đủ các thủ tục, nghi lễ. Việc việc ăn uống, cỗ bàn trong những dịp như vậy vẫn được các gia đình hết sức coi trọng*". (N.V.Đ, 68 tuổi, Đại Lâm)

Có thể thấy, so với ở Bất Lự, việc ăn uống trong các đám cưới hiện nay ở Đại Lâm được tổ chức kéo dài và quy mô hơn. Sở dĩ như vậy là bởi đa số người dân ở đây đều cho rằng, việc làm cỗ là một phần quan trọng của đám cưới; đồng thời số lượng thực khách được mời là người trong họ, người làng cũng đông hơn so với ở Bất Lự. Điều này bắt nguồn một phần từ sự khác biệt về cơ sở kinh tế, xã hội ở hai làng. Ở Đại Lâm mặc dù có bước chuyển đổi nhất định về lao động, nghề nghiệp, song một bộ phận đáng kể người dân vẫn tham gia sản xuất nông nghiệp, làm nghề phụ và sinh sống tại địa phương. Chính vì lẽ đó sợi dây gắn kết hàng xóm, láng giềng, những người cùng làng ở đây vẫn khá chặt chẽ. Việc các gia đình làm cỗ trọng thị để mời họ hàng, làng xóm khi tổ chức cưới hỏi không chỉ có ý nghĩa như một thông lệ truyền thống, mà còn góp phần thúc đẩy, thắt chặt hơn mối quan hệ làng xã.

So với ở Đại Lâm, số lượng thực khách được các gia đình ở Bất Lự mời đến dự tiệc cưới ít hơn, đó là những người có mối quan hệ thực sự thân thiết với

gia chủ chứ không mang tính đại trà như trước kia. Chính vì lẽ đó, khách mời dự đám cưới chủ yếu là họ hàng, bạn bè thân thiết hay đồng nghiệp với cô dâu/chú rể,… Số lượng khách mời và quy mô đám cưới tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi gia đình. Thường thì những nhà có cô dâu/chú rể hoặc người nhà làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước,… có số lượng khách mời đông hơn so với những gia đình chủ yếu làm kinh doanh, buôn bán nhỏ hay làm tự do.

Đối với những gợi ý còn lại, nhìn chung có sự tương đồng trong đánh giá của người dân ở cả hai làng. Đa số người được hỏi ở cả Đại Lâm và Bất Lự đều cho biết họ "không đồng ý" với quan điểm cho rằng đám cưới hiện nay có *kinh phí tổ chức ít tốn kém hơn*, đồng thời "đồng ý" với các nhận định *có nhiều hoạt động mới được bổ sung hơn* và *nhiều công việc sử dụng dịch vụ hơn*. Ngoài ra hầu hết những người tham gia trả lời phỏng vấn đều cho biết một số thủ tục, nghi lễ trong đám cưới như xem ngày, lễ hỏi, lễ cưới và lại mặt,… hiện nay vẫn được coi trọng, duy trì.

Có thể thấy, mặc dù nhiều thủ tục, lễ nghi trong đám cưới đã được rút gọn và như trường hợp ở Bất Lự, hoạt động ăn uống linh đình, kéo dài trong nhiều ngày cũng đã giảm đáng kể, tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa với kinh phí tổ chức đám cưới ở các làng cũng giảm đi so với trước đây. Kết quả khảo sát và phỏng vấn ở cả hai làng cho thấy, đa số (56,3%) người tham gia trả lời câu hỏi "không đồng ý" với ý kiến cho rằng *kinh phí tổ chức đám cưới hiện nay ít hơn so với trước kia*. Điều này bắt nguồn một phần từ sự gia tăng chung của giá cả thị trường, do đó hầu như các chi phí hiện nay đều ở mức cao hơn so với trước đây; mặt khác do xu hướng tăng lên của việc sử dụng các dịch vụ khi tổ chức đám của người dân ở hai làng hiện nay. Điều này thể hiện khá rõ ở Bất Lự, nơi đời sống KT - XH của người dân chịu tác động và ảnh hưởng rõ nét của lối sống và thói quen tiêu dùng đô thị.

Về địa điểm, không gian tổ chức đám cưới, lựa chọn của đa số người dân ở cả hai làng hiện nay vẫn là tại các gia đình. Bên cạnh đó, cũng đã xuất hiện hình thức tổ chức đám cưới tại nhà văn hóa thôn hay tại các nhà hàng, khách sạn (chủ yếu với những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả). Trên thực tế, nhiều gia

đình tổ chức theo kiểu kết hợp: đón khách, mời nước, cử hành hôn lễ tại gia đình và mời thực khách dự tiệc cưới tại nhà hàng, khách sạn, nhà văn hóa,... Những năm gần đây, xu hướng tổ chức đám cưới tại nhà hàng, khách sạn hay nhà văn hóa của người dân ở hai làng tăng lên do điều kiện về kinh tế của các hộ gia đình ngày càng được cải thiện; mặt khác do nhiều hoạt động, công việc liên quan đến đám cưới được dịch vụ hóa, làm thuê trọn gói,… đem lại sự tiện lợi đáng kể. Ngoài ra, cũng phải kể đến một lý do quan trọng khác: không gian của các hộ gia đình hiện nay ngày càng bị thu hẹp, không thực sự thuận tiện cho việc tổ chức một sự kiện với số lượng người tham dự đông như đám cưới.

Cùng với xu hướng tổ chức đám cưới ở ngoài phạm vi không gian gia đình, việc làm cỗ cưới cũng như thời gian diễn ra đám cưới ở các làng cũng có những thay đổi so với trước kia. Điều này được thể hiện ở việc ngày càng có nhiều gia đình thuê người làm cỗ thay vì tự tổ chức nấu cỗ như trước đây, nhất là khi các đám cưới được tổ chức ở nhà hàng, khách sạn hay nhà văn hóa. Bên cạnh đó, thời gian diễn ra đám cưới cũng đã có sự rút ngắn so với trước đây. Thường thì các đám cưới diễn ra trong hai ngày, một ngày hôm trước "dựng rạp" (chủ yếu tại các gia đình) và một ngày lễ chính, bao gồm hôn lễ và tiệc cưới (có thể được tổ chức tại gia đình hoặc ở các nhà hàng, khách sạn, nhà văn hóa).

Có thể thấy, các đám cưới ở hai làng hiện nay có sự biến đổi rõ nét theo xu hướng đô thị hóa, với nhiều công việc, hoạt động được thực hiện thông qua phương thức dịch vụ hóa. Không gian tổ chức đám cưới có sự dịch chuyển từ phạm vi gia đình sang các địa điểm, không gian công cộng hoặc có tính chất dịch vụ, thương mại. Việc làm cỗ cưới cũng được các gia đình thuê một phần/trọn gói thay vì tự làm như trước kia; thời gian diễn ra đám cưới rút ngắn hơn. Những thay đổi này là kết quả, đồng thời là biểu hiện của điều kiện KT - XH và lối sống đang có sự chuyển hóa sâu sắc do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở hai làng. Sự đa dạng hóa cơ cấu kinh tế với xu hướng gia tăng các ngành nghề công nghiệp, thương mại, dịch vụ, một mặt góp phần cải thiện đáng kể thu nhập và mức sống, mặt khác kéo theo lối sống công nghiệp hóa và đô thị hóa gắn liền với các dịch vụ, tiện ích. Điều này phần nào được thể hiện ở sự

khác nhau trong cảm nhận của người dân ở hai làng về những biến đổi của việc tổ chức đám cưới hiện nay so với trước kia. So với ở Đại Lâm, số người tham gia trả lời ở Bất Lự cho rằng đám cưới hiện nay "thay đổi nhiều" so với trước kia chiếm tỷ lệ cao hơn. Trong khi đó, tỷ lệ số người cho rằng đám cưới hiện nay "ít thay đổi" hoặc "thay đổi không đáng kể" ở Đại Lâm lại cao hơn. Điều đó cho thấy xu hướng và mức độ dịch vụ hóa của các đám cưới ở hai làng hiện nay có sự tương quan đồng thuận với thời gian cũng như mức độ chịu tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các làng.

Tương tự như với việc tổ chức đám cưới, cảm nhận của người dân ở hai làng về sự thay đổi trong việc tổ chức đám ma hiện nay so với trước kia có sự khác biệt đáng kể. Điều này được thể hiện qua những ý kiến của họ đối với các gợi ý *Đám ma ít thủ tục, lễ nghi hơn* và *Tổ chức ăn uống ít hơn*. Đa số những người tham gia trả lời ở Đại Lâm cho biết họ "không đồng ý" với nhận định này, trong khi đó phần lớn những người được hỏi ở Bất Lự lại đồng tình với gợi ý được nêu ra.

"Việc làm cỗ, ăn uống trong đám tang bây giờ vẫn được các gia đình coi trọng đấy những cũng không được như trước đâu. Ngày trước, sau khi đưa người mất ra đồng xong, các gia đình vẫn làm cơm để mời mọi người, nhưng bây giờ thì ít lắm, chủ yếu gói gọn trong gia đình, họ hàng thân thiết, chứ dân làng hay khách có mấy ai ở lại ăn đâu". (L.Đ.A, 52 tuổi, Bất Lự)

Kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS tại địa bàn cũng cho thấy, mặc dù các đám ma ở hai làng hiện nay có ít thủ tục hơn so với trước kia, tuy nhiên, một số nghi lễ như chọn giờ nhập quan, lễ nhập quan, lễ hạ huyệt, lễ phục hồn, mời nhà sư tụng kinh, lễ phát tang, đọc điếu văn (ở Bất Lự còn nghi thức cử nhạc của ban nhạc lễ),… vẫn được người dân ở các làng chú trọng, duy trì. Đồng thời nơi tổ chức tang lễ chủ yếu vẫn là tại các gia đình. Nhiều người dân cho biết, mặc dù hiện nay không gian của các gia đình có phần bị thu hẹp, nhưng rất ít khi những nhà có việc tang nhờ đến nhà hàng xóm hay không gian công cộng để tổ chức.

Nhìn chung, việc tổ chức tang lễ ở hai làng hiện nay không có nhiều thay đổi so với trước đây. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát và phỏng vấn của NCS tại

địa bàn, hoạt động ăn uống trong các đám tang ở hai làng hiện nay có sự khác biệt đáng kể. Trong khi ở Đại Lâm việc tổ chức ăn uống tại nhà đám vẫn được duy trì và khá coi trọng thì ở Bất Lự hoạt động này có xu hướng giảm dần. Nhiều người dân ở Bất Lự cho biết, trước kia, trong các đám tang, hầu như những người đến viếng đều ở lại ăn cơm, hộ nào chưa có người tham dự còn được gia chủ bảo con cháu đến tận nhà để mời. Tuy nhiên, hiện nay phong tục này đã không còn được duy trì, người dân trong làng cũng chủ yếu đến chia buồn, phúng viếng mà ít khi ở lại ăn uống, chỉ trừ trường hợp là họ hàng thân thích. Chính vì lẽ đó việc tổ chức ăn uống trong các đám tang ở đây giảm đáng kể và chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình, họ hàng gần,…

Có thể thấy cùng với những biến đổi sâu sắc của đời sống KT - XH do tác động, ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, việc tổ chức đám cưới, đám tang ở Đại Lâm và Bất Lự cũng cho thấy sự thay đổi so với trước kia. Mặc dù người dân ở hai làng vẫn coi trọng, duy trì nhiều thủ tục, lễ nghi truyền thống, nhưng nhìn chung đã có sự thu gọn nhiều nghi lễ phức tạp, rườm rà không còn phù hợp; thời gian diễn ra cũng được rút ngắn hơn. Đặc biệt việc tổ chức ăn uống trong các đám cưới, đám tang có xu hướng giảm. Một điều dễ nhận thấy, vai trò của mối quan hệ hàng xóm, láng giềng, họ hàng trong những sự kiện đặc biệt này có phần mờ nhạt hơn so với trước kia; thay vào đó là sự xuất hiện và ngày càng phổ biến của các yếu tố, hoạt động mang tính dịch vụ, thương mại,…

Mặc dù đều có sự biến đổi nói chung, nhưng có thể thấy, xu hướng và mức độ thay đổi của các phong tục cưới xin, tang ma ở Đại Lâm và Bất Lự có sự khác nhau, liên quan đến điều kiện KT - XH của các làng. Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, đa số người được hỏi ở cả hai làng cho rằng, các đám cưới, đám tang hiện nay ít thủ tục, lễ nghi hơn; tuy nhiên trong khi phần lớn những người được hỏi ở Bất Lự cho biết việc tổ chức ăn uống trong những dịp này đã giảm đáng kể, thì đa số ý kiến trả lời ở Đại Lâm lại "không đồng ý" với nhận định trên. Bên cạnh đó, xu hướng sử dụng các hoạt động dịch vụ trong các đám cưới, đám tang ở Bất Lự cũng thể hiện rõ nét và phổ biến hơn so với ở Đại Lâm… Có thể thấy, những biến đổi trong việc tổ chức cưới xin, tang ma hiện

nay ở các làng có sự tương quan đồng thuận với mức độ tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đối với đời sống của các cộng đồng dân cư nơi đây. Bất Lự là địa bàn có quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra sớm dẫn đến sự chuyển đổi KT - XH mạnh mẽ, sâu sắc theo hướng công nghiệp, đô thị, hiện đại; và như đã phân tích ở phần trước, sự suy giảm đáng kể của nền tảng KT - XH nông nghiệp, nông thôn là lý do khiến cho vai trò và dấu ấn của mối liên hệ họ hàng, làng xã trong các hoạt động cưới xin, ma chay ở đây trở nên mờ nhạt. Ngược lại, ở Đại Lâm, mặc dù cũng chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, tuy nhiên những cơ sở KT - XH truyền thống ở đây vẫn được bảo lưu và duy trì khá vững chắc, điều đó giúp cho những mối quan hệ trong "xã hội làng" truyền thống (hàng xóm, láng giềng, họ hàng,…) vẫn là yếu tố chi phối đáng kể đối với việc tổ chức đám cưới, đám tang ở đây; đồng thời sự xuất hiện của các yếu tố dịch vụ trong những hoạt động này cũng khá hạn chế.

3.4. BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG, TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÍ

3.4.1. Biến đổi lối sống

Lối sống là một khái niệm rộng, được tiếp cận, nghiên cứu từ nhiều góc độ, chuyên ngành khác nhau, chính vì lẽ đó mà đến nay có rất nhiều cách hiểu và định nghĩa khác nhau về lối sống. Tuy nhiên, dù định nghĩa theo góc độ nào thì một cách chung nhất, có thể hiểu lối sống là toàn bộ hoạt động sống của con người, bao gồm phương thức sinh sống, quan hệ xã hội, niềm tin, mong muốn,… được bộc lộ qua các hoạt động, thói quen hàng ngày. Từ bình diện cộng đồng, lối sống có mối quan hệ biện chứng với các điều kiện KT - XH cụ thể, nó có tính ổn định tương đối và thể hiện những đặc trưng, phong cách riêng của cộng đồng đó. Với tính cách là toàn bộ các phương thức sinh sống, tư duy và giao tiếp của cá nhân, cộng đồng, lối sống chính là một bộ phận, một phương diện cơ bản và quan trọng của văn hóa, không hiếm khi nó được đồng nhất với văn hóa. Chính vì lẽ đó trong phạm vi luận án này, NCS chỉ đề cập đến lối sống ở những khía cạnh biểu hiện hằng ngày của nó như nếp sống, cách sinh hoạt, ứng xử của người dân ở Đại Lâm và Bất Lự thông qua những quan sát và trải nghiệm thực tế ở hai làng.

Cùng với những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, cơ cấu KT - XH ở hai làng đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp, hiện đại với những phương thức sinh kế, quan hệ xã hội, các dịch vụ, tiện ích thường thấy ở khu vực đô thị. Điều này kéo theo những thay đổi rõ nét trong nếp nghĩ, sinh hoạt thường nhật, thị hiếu,… của người dân ở hai làng.

3.4.1.1. Lối sống độc lập, khép kín

Cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế là sự xuất hiện ngày càng nhiều những ngôi nhà cao tầng kiên cố với lối kiến trúc hiện đại, khép kín ở hai làng. Điều này khiến cho không gian làng - yếu tố vốn chứa đựng tính cộng đồng và kết nối bị chia tách, phân tán đáng kể so với trước kia. Những ngôi nhà cao tầng uy nghi, "kín cổng cao tường" một mặt khiến cho các làng mang dáng dấp của đô thị, nhưng mặt khác cũng khép lại nhiều mối quan hệ cộng đồng - sợi dây liên kết vốn được xem là đặc trưng của xã hội nông nghiệp, nông thôn.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn ở hai làng cho thấy, sợi dây liên kết, gắn bó giữa những người hàng xóm, láng giềng ở các làng hiện nay đã trở nên mờ nhạt và lỏng lẻo đáng kể so với trước kia. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là chính là việc gặp gỡ, tiếp xúc hay trò chuyện giữa người dân/các hộ gia đình ngày càng có xu hướng giảm. Cũng theo kết quả khảo sát, lý do cơ bản đưa đến sự suy giảm này là hầu hết mọi người hiện nay đều khá bận rộn với công việc cũng như có những mối quan tâm riêng. Nếu trước đây phần lớn người dân trong làng đều tham gia sản xuất nông nghiệp hoặc làm nghề, do đó thường xuyên có dịp gặp gỡ, trò chuyện, thì hiện nay việc tiếp xúc, hỏi han nhau đã ít đi đáng kể.

> *"Trước kia các gia đình trong xóm thường hay sang nhà nhau chơi, có khi chỉ để uống chén nước chè, nói dăm ba câu chuyện. Nhưng giờ mỗi người mỗi việc, ít qua lại nhà nhau lắm. Như tôi đây, thú thực đi làm về chỉ muốn nghỉ ngơi"*. (N.V.B, 60 tuổi, Đại Lâm)

Lối sống độc lập, khép kín của người dân ở các làng còn thể hiện ở sự giảm dần của việc tìm kiếm sự giúp đỡ cũng như hoạt động tương trợ lẫn nhau giữa những người hàng xóm, họ hàng hiện nay so với trước kia. Kết quả khảo sát và phỏng vấn tại hai làng cho thấy, việc tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ từ những

người láng giềng, họ hàng của các gia đình mỗi khi có công việc quan trọng hiện nay có xu hướng giảm đáng kể. Điều này, bắt nguồn một phần từ sự xa cách, ít thân thiện hơn giữa những người láng giềng hay họ hàng trong bối cảnh chuyển đổi như đã phân tích ở phần trước. Bên cạnh đó còn lý do quan trọng khác: khi mức sống ngày càng được nâng lên đồng thời các hoạt động dịch vụ, thương mại không ngừng phát triển, người dân ở các làng có xu hướng lựa chọn sử dụng các dịch vụ, tiện ích có sẵn thay vì tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người láng giềng hay họ hàng như trước kia.

Lối sống khép kín còn diễn ra ngay trong từng gia đình khi sự giao tiếp, kết nối giữa các thành viên/thế hệ đang giảm dần; đồng thời con cái ngày càng có mong muốn được sống tự lập, thoát ly khỏi bố mẹ. Cùng với xu hướng cá nhân hóa không gian sinh hoạt gia đình, sự giảm dần của những hoạt động chung giữa các thành viên như trò chuyện, ăn cơm, xem ti vi cùng nhau, hỏi han chia sẻ,… sợi dây gắn kết giữa các thành viên/thế hệ dưới một mái nhà ngày càng trở nên lỏng lẻo, mờ nhạt. Bên cạnh đó, có thể thấy, nhịp sống, lối sống đô thị hóa với những bận rộn, lo toan cũng khiến cho việc gần gũi, hỏi han giữa con cái với bố mẹ, ông bà hay những người láng giềng, họ hàng ngày càng giảm đi. Ngoài ra, nhiều người trẻ hiện nay sau khi xây dựng gia đình có nguyện vọng được bố mẹ chia đất cho ở riêng để được tự do, thoải mái hơn cũng như phù hợp với lối sống, công việc của họ.

Có thể thấy, quan điểm sống đề cao sự độc lập, riêng tư cá nhân của người dân ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay bắt nguồn sự chuyển đổi mạnh mẽ của các điều kiện KT - XH, và kéo theo đó là sự thay đổi về mức sống, lối sống của một bộ phận dân cư ở hai làng. Cùng với sự xuất hiện của những ngôi nhà kiên cố, kín cổng cao tường, việc qua lại thăm hỏi, chuyện trò lúc rảnh rỗi, động viên khi có công việc, gặp khó khăn,… giữa những người hàng xóm, láng giềng ngày càng trở nên thưa vắng. Phương châm sống kiểu “ai biết việc người nấy” vốn xa lạ với cộng đồng làng xưa thì hiện nay đang trở nên phổ biến. Bên cạnh đó, dễ nhận thấy sự phát triển của mạng lưới dịch vụ, hàng hóa mà ở đó mọi người người đều có thể dễ dàng tiếp cận ở các làng hiện nay khiến cho người dân ở

không còn phải thường xuyên tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người hàng xóm, họ hàng mỗi có công việc như trước kia. Điều này cùng với sự xa cách, kém thân thiện hơn trong mối quan hệ xóm giềng, làng xã như đã chỉ ra ở phần trước khiến cho sợi dây gắn kết cộng đồng trở nên mờ nhạt, đồng thời thúc đẩy xu hướng sống đề cao sự độc lập, tự chủ trong bối cảnh đô thị hóa.

Ngoài ra, sự biến động về mặt dân cư ở các làng, trong đó có một bộ phận đáng kể người dân là những người từ nơi khác chuyển đến, cũng là lý do khiến cho mối quan hệ xóm giềng, làng xã ngày càng trở nên giảm sút. Có thể thấy, mối quan hệ giữa những người dân gốc ở làng với người từ nơi khác chuyển đến có "khoảng cách" nhất định do sự khác biệt về nghề nghiệp, lối sống, những mối quan tâm chung trong phạm vi cộng đồng,... Điều này thể hiện khá rõ với trường hợp làng Bất Lự, nơi có số lượng dân cư là người từ nơi khác chuyển đến sinh sống, làm việc lên tới hàng nghìn người. Và trên thực tế sự thiếu hòa hợp giữa những người từ địa phương khác chuyển đến với những người dân gốc ở làng không chỉ tác động đến bầu không khí ở làng nói chung mà nó còn ảnh hưởng tới quan hệ giữa những người dân gốc ở làng với nhau.

> "*Từ khi có KCN, khu nhà ở dịch vụ, nhiều người từ nơi khác chuyển đến làm công nhân hay kinh doanh, buôn bán lắm. Cũng có khi họ mua đất hay thuê trọ ngay bên cạnh mình, nhưng thú thực cũng không biết nhiều về nhau lắm. Nếu có tình cờ gặp nhau thì cũng chỉ gật đầu, chào hỏi xã giao thôi chứ không mấy khi qua lại chuyện trò vì mình cũng đâu có biết họ thế nào. Ngay như người làng với nhau bây giờ cũng ít sang nhà như trước*". (L.Đ.Q, 65 tuổi, Bất Lự)

Lối sống độc lập, khép kín của người dân ở các làng hiện nay, một mặt, cho thấy sự suy giảm của mạng lưới gắn kết cộng đồng - yếu tố được xem là đặc trưng mang tính bản sắc của xã hội nông nghiệp, nông thôn truyền thống; mặt khác, cho thấy xu hướng đô thị hóa trong nếp sống, sinh hoạt của một bộ phận dân cư ở hai làng hiện nay. Những động thái nói trên bắt nguồn từ sự biến đổi sâu sắc của nền tảng KT - XH ở các làng do tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

3.4.1.2. Gia tăng các kết nối cộng đồng

Bên cạnh sự suy giảm của các quan hệ xã hội truyền thống - mạng lưới kết nối được định hình trên nền tảng KT - XH nông nghiệp, nông thôn, là sự gia tăng các mối liên hệ, kết nối cộng đồng trong điều kiện KT - XH mới ở các làng hiện nay. Điều này được thể hiện ở sự tăng lên của các hình thức tổ chức như CLB, hội, nhóm,… ở hai làng, thu hút đông đảo người dân tham gia. Kết quả khảo sát và phỏng vấn tại địa bàn cho thấy, hầu hết những người được hỏi cho biết bản thân họ tham gia một/một vài hội nhóm, CLB ở làng. Hình thức của các CLB, hội nhóm này khá đa dạng, dựa trên nhu cầu, năng khiếu, sở thích chung của người dân trong làng, chẳng hạn như các CLB thể thao (bóng đá, cầu lông, bóng bàn, dưỡng sinh, gym,…), CLB Nghệ thuật (quan họ, cải lương, khiêu vũ,…), CLB giải trí (hội cờ, tổ tôm điếm, sinh vật cảnh,…); các hội nhóm, tổ chức liên quan đến di tích, tín ngưỡng, lễ hội (ban quản lý di tích, đội tế, rước kiệu,…) và nhiều hình thức hội, nhóm khác (hội đồng niên, hội đồng học, hội đồng ngũ,…).

> "*Hiện nay các CLB, hội nhóm trong làng đông lắm. Ngoài một số hội đã được thành lập và duy trì từ ngày trước, thì đa số bây giờ là các CLB văn nghệ, thể dục thể thao, được thành lập theo nhu cầu và sở thích của mọi người. Có nhiều người tham gia cùng lúc mấy CLB, hội nhóm ấy chứ".* (V.V.Đ, 65 tuổi, Bất Lự)

Việc tham gia sinh hoạt trong các CLB, hội nhóm giúp cho mọi người có có cơ hội tiếp xúc, gần gũi, từ đó gắn bó, thân thiết với nhau hơn. Thành phần của các CLB, hội nhóm không chỉ có những người là dân gốc hoặc sinh sống lâu năm ở các làng, mà còn có cả những người mới từ nơi khác chuyển đến.

Có thể nói, việc hình thành và gia tăng mạng lưới kết nối xã hội thông qua các hình thức CLB, hội nhóm là kết quả đồng thời là biểu hiện của quá trình chuyển đổi KT - XH ở các làng hiện nay. Sự đa dạng hóa trong bức tranh nghề nghiệp, lao động - dân cư,… đã tạo cơ sở cho sự đa dạng hóa các phương thức cũng như chiều cạnh kết nối. Đồng thời, quá trình chuyển đổi KT - XH theo xu hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các làng cũng tạo tiền đề cho sự xuất hiện của những hình thức kết nối xã hội mới, các loại hình giải trí mới, vốn

thường thấy ở khu vực đô thị: các CLB văn nghệ, thể thao thành lập dựa trên nhu cầu, sở thích cá nhân.

Sự gia tăng kết nối xã hội thông qua hình thức các CLB, hội nhóm của người dân ở hai làng hiện nay chứa đựng tinh thần của truyền thống gắn kết cộng đồng - làng xã trước kia, nhưng trong một phiên bản và phương thức mới. Hầu hết những người tham gia thảo luận và trả lời phỏng vấn ở hai làng cho biết, họ trân trọng cũng như tiếc nuối những giá trị văn hóa của cộng đồng làng đang dần bị mai một như tinh thần đoàn kết, lối sống nghĩa tình, tương thân tương ái,...; đồng thời khẳng định sự cần thiết phải giữ gìn và bảo tồn những nét đẹp truyền thống đó. Sự hình thành và phát triển của mô hình các CLB, hội nhóm ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay, một mặt góp phần bảo tồn mạng lưới cố kết xóm làng truyền thống trong bối cảnh KT - XH đã có nhiều biến đổi; mặt khác góp phần thúc đẩy sự mở rộng, gia tăng mạng lưới liên kết xã hội ở các làng quê trong trên những nền tảng KT - XH mới trong bối cảnh chuyển đổi.

Việc người dân ở các làng tham gia sinh hoạt trong nhiều CLB, hội nhóm khác nhau khiến cho họ cùng lúc được định vị trong các mối liên hệ xã hội khác nhau. Điều này một mặt thúc đẩy sự cố kết bền chặt của cộng đồng làng, mặt khác duy trì và bảo lưu được những nét văn hóa đặc trưng của làng trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa. Nó cũng cho thấy sự "hồi sinh" và tiếp nối của truyền thống gắn kết cộng đồng làng xã trong bối cảnh mới - đó nguồn sức mạnh nội sinh, đồng thời là điểm tựa cho cộng đồng trước những thách thức và xung lực của quá trình chuyển đổi.

3.4.1.3. Lối sống tiêu dùng gắn với các dịch vụ, tiện ích

Cùng với những bước chuyển mạnh mẽ của đời sống KT - XH, nếp sinh hoạt, tiêu dùng của người dân ở hai làng cũng có sự biến đổi rõ nét với sự xuất hiện của nhiều dịch vụ, tiện ích. Các loại hình kinh doanh không ngừng được mở rộng, đa dạng hóa khiến cho người dân ở các làng có thói quen sử dụng các dịch vụ có sẵn, cần gì là có thể đi mua chứ không còn phải chạy sang hàng xóm nhờ vả hay vay mượn như trước đây. Thói quen tiêu dùng gắn với các dịch vụ, tiện ích phần nào được thể hiện ở sự phát triển của mạng lưới chợ, các cửa hàng, cửa

hiệu cũng như hệ thống các loại hình dịch vụ đa dạng ở hai làng hiện nay. Ngoài chợ chính họp cả ngày, có nhiều điểm chợ tạm, tự phát nằm dọc theo triền đê (đồng thời là trục giao thông chính qua làng ở Đại Lâm) hay nằm rải rác, xen kẽ tại các điểm tập trung dân cư mới (ở Bất Lự). Ở đây gần như có đầy đủ các mặt hàng, sản phẩm được bày bán, từ đồ gia dụng, điện tử, thời trang, vật liệu xây dựng đến lương thực, thực phẩm (được sơ chế hoặc chế biến sẵn), rau quả,… đáp ứng mọi nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của người dân ở các làng. Nhiều người đi chợ ở các làng cho biết, không chỉ phục vụ đa dạng các mặt hàng tại chỗ, nếu khách mua quen hoặc có nhu cầu lớn, có thể gọi điện thoại để đặt trước để có thể được "ship" đến tận nơi theo yêu cầu.

Bảng 3.5: Mức độ sử dụng các loại hình dịch vụ của người dân

Đơn vị tính: mẫu

TT	Các loại dịch vụ	Mức độ sử dụng							
		Thường xuyên		***Không thường xuyên***		***Hiếm khi***		***Không bao giờ***	
		Số mẫu	Tỷ lệ %	Số mẫu	%	Số mẫu	Tỷ lệ %	Số mẫu	Tỷ lệ %
1	Phòng khám tư nhân			28	12,6	63	28,3	33	14,8
2	Dịch vụ internet	102	45,9	15	6,7			27	12,1
3	Nhà hàng	36	16,2	25	11,2	38	17,1	34	15,3
4	Quán ăn sáng	122	54,9	29	13,0	27	12,1	3	1,3
5	Quán cà phê - giải khát	22	0,9	43	19,3	74	33,3	9	4,0
6	Sửa chữa bảo dưỡng ô tô - xe máy	24	10,8	93	41,8	11	4,9		
7	Chụp ảnh - quay phim			65	29,2	19	8,5	15	6,7
8	Nấu cỗ			17	7,65	10	4,5	56	25,2
9	Tổ chức sự kiện (Cưới xin, tang ma, tân gia, giỗ chạp, mừng thọ,…)	12	5,4	14	6,3	7	3,1	73	32,8
10	Trang điểm					6	2,7	91	
11	Dịch vụ cho thuê ô tô			11	4,9			95	42,7

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020).*

Có thể thấy, nhiều loại hình dịch vụ hiện đại vốn thường gắn với đời sống đô thị thì hiện nay cũng đã có mặt ở hai làng: dịch vụ internet, thẩm mỹ, trang

điểm - quay phim, quán ăn sáng, giải khát, nhà hàng, sửa chữa bảo dưỡng ô tô - xe máy, photocopy, điện thoại di động - laptop, cầm đồ, cho thuê xe tự lái, dịch vụ tư vấn bất động sản, tổ chức sự kiện,…

Kết quả khảo sát và phỏng vấn người dân về mức độ sử dụng các loại hình dịch vụ ở hai làng hiện nay cho thấy, đa số những người được hỏi cho biết họ đã từng sử dụng các loại dịch vụ như: internet, nhà hàng, quán ăn sáng, quán cà phê - giải khát, sửa chữa bảo dưỡng ô tô - xe máy, chụp ảnh - quay phim, tổ chức sự kiện, trang điểm, dịch vụ cho thuê ô tô,… Trong đó các loại hình dịch vụ được người dân ở hai làng sử dụng ở mức độ thường xuyên nhiều nhất là internet (45,9%) và quán ăn sáng (54,9%). Ở mức độ không thường xuyên, các loại hình dịch vụ được nhiều người dân trong làng lựa chọn là: sửa chữa, bảo dưỡng ô tô xe máy (41,8%); chụp ảnh - quay phim (29,2%); quán cà phê - giải khát (19,3%);… Cũng theo kết quả khảo sát và phỏng vấn, nhiều hộ gia đình cho biết họ thường lựa chọn các dịch vụ mỗi khi gia đình có công việc quan trọng.

> "*Trước đây cần gì, thiếu gì vẫn chạy ù sang hàng xóm hỏi mượn hoặc vay tạm. Bây giờ thì không phải như thế nữa rồi, mình cần cái gì mà ngoài chợ hay các cửa hàng chẳng có, cứ việc ra đó mua thôi".* (N.V.L, 40 tuổi, Đại Lâm)

Thói quen tiêu dùng gắn với các dịch vụ, tiện ích còn được thể hiện qua sự lựa chọn và đánh giá của người dân ở hai làng về nguồn giúp đỡ của gia đình họ mỗi khi có công việc.

Bảng 3.6: Nguồn giúp đỡ chủ yếu của người dân khi gia đình có công việc

STT	Nguồn giúp đỡ	Hiện nay								Trước năm 2007							
		P	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*	*P*	*(%)*
1	Chính quyền địa phương			2	0,9	23	10,3	26	11,7			2	0,9			44	19,8
2	Các đoàn thể					22	9,9	25	11,2	2	0,9	4	1,8	3	1,35	41	18,4
3	Anh, chị, em ruột	75	33,7	9	4,0					86	38,7	7	3,1				
4	Họ hàng	51	22,9	13	5,8	6	2,7			58	26,1	11	4,9	1	0,4		
5	Hàng xóm	58	26,1	16	7,2	5	2,2			66	29,7	15	6,7				
6	Bạn bè	67	30,1	11	4,9	5	2,2			67	30,1	14	6,3	1	0,4		
7	Thuê dịch vụ	29	13,0			3	1,3	4	1,8	23	10,3	7	3,1			3	1,3

Thường xuyên Thỉnh thoảng Ít khi Không bao giờ

P: Số mẫu

(%): Tỷ lệ phần trăm

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, những nguồn giúp đỡ chủ yếu, thường xuyên của các hộ gia đình mỗi khi có công việc quan trọng (cưới xin, ma chay, giỗ chạp,…) là anh, chị, em ruột (33,7%), hàng xóm (26,1%), bạn bè (30,1%) và họ hàng (22,9%), thuê dịch vụ (20%). Như vậy, bên cạnh các nguồn trợ giúp truyền thống (người nhà, họ hàng, bạn bè, hàng xóm), thuê dịch vụ là một lựa chọn được người dân ở các làng ngày càng quan tâm mỗi khi gia đình có công việc quan trọng. Điều đó cho thấy các hoạt động dịch vụ cũng như thói quen tiêu dùng gắn với loại hình này đang dần trở nên phổ biến cũng như đóng vai trò không nhỏ trong đời sống của người dân ở các làng. Lối sống, thói quen này là kết quả đồng thời là sự phản ánh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa ở hai làng, trong đó các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ,… ngày càng gia tăng đáng kể. Mặt khác nó cũng cho thấy, quan hệ thị trường, mua bán đang từng bước được mở rộng, gia tăng ảnh hưởng và thậm chí có phần lấn át các mối quan hệ truyền thống trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi ở các làng hiện nay. Trên thực tế, sự phát triển và mở rộng của các loại hình dịch vụ, tiện ích ở hai làng hiện nay không chỉ đưa đến những thay đổi trong thói quen sinh hoạt và tiêu dùng của người dân, mà còn đóng vai trò là động lực, góp phần giúp đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao mức sống và thu nhập cho các cộng đồng dân cư nơi đây.

3.4.1.4. Lối sống gấp, đề cao sự hưởng thụ và các giá trị vật chất

Kết quả thảo luận và phỏng vấn ở hai làng cho thấy, bên cạnh ý thức giữ gìn truyền thống làng xã, duy trì lối sống giản dị của đa phần người dân ở hai làng hiện nay, xuất hiện một bộ phận dân cư với sự thay đổi rõ rệt trong lối sống, sinh hoạt, trong đó đáng chú ý là những biểu hiện sống gấp, đề cao thái quá sự hưởng thụ, các giá trị vật chất,... Điều này bắt nguồn một phần từ sự phát triển nhanh chóng của mạng lưới dịch vụ, hàng hóa ở các làng như đã đề cập ở phần trước; mặt khác, do cách không xa các đô thị lớn (thành phố Bắc Ninh, thành phố Từ Sơn, Thủ đô Hà Nội,…) nên nhìn chung những sản phẩm và xu hướng tiêu dùng, giải trí thể hiện "đẳng cấp" đều được một bộ phận dân cư ở các làng, nhất là giới trẻ cập nhật và hấp thu khá nhanh chóng. Ngoài ra có thể thấy, khi điều kiện kinh tế và mức thu nhập được nâng lên đáng kể, một bộ phận người dân

ở các làng có tâm lý sống hưởng thụ, sống gấp để bù đắp lại những vất vả, thiếu thốn trước kia.

> "*Ngày xưa làm ruộng, ăn còn chẳng đủ, mấy ai dám mơ sẽ có lúc mình được cầm tiền tỷ trong tay đâu. Thế mà ở làng bây giờ không ít gia đình chỉ sau một đêm đã trở thành tỷ phú. Có tiền, nhiều người nghĩ đến chuyện xây nhà, mua sắm này nọ,... cho bõ những tháng ngày chui rúc chật chội, khó khăn".* (L.Đ.Q, 65 tuổi, Bất Lự)

Trong quá trình quan sát, tìm hiểu về đời sống KT - XH ở các làng, NCS thường xuyên bắt gặp hình ảnh những nhóm người tụ tập tán gẫu, nói chuyện phiếm ở các quán nước ven đường hay trong các quán cà phê, bia hơi, quán nhậu,… Điều này diễn ra phổ biến hơn với trường hợp ở Bất Lự. Nhiều người dân ở đây cho biết, đa phần các đối tượng hay tham gia tụ tập, lêu lổng là những thanh niên thất nghiệp hoặc không có công việc cụ thể; nhiều người trong số họ cho rằng bản thân chưa tìm được việc làm phù hợp, đáp ứng yêu cầu. Có thể thấy, phần đông những người này đều thuộc các gia đình có điều kiện kinh tế, nên việc đi làm đối với họ không phải là vấn đề bức thiết. Trên thực tế, sau khi các KCN đi vào hoạt động, nhiều thanh niên và người dân ở đây đã xin vào làm công nhân trong các doanh nghiệp, nhà máy,… nhưng chỉ được một thời gian, một số đã bỏ việc vì cho rằng lao động trong KCN vất vả, bó buộc thời gian trong khi thu nhập lại thấp. Nhiều người có suy nghĩ, với tiềm lực kinh tế của gia đình, họ có thể tự đứng ra để kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ,… đem lại thu nhập đáng kể một cách dễ dàng và nhàn nhã hơn.

Có thể thấy, việc một bộ phận dân cư ở hai làng, trong đó nhiều người là thanh niên có biểu hiện của lối sống thích hưởng thụ, ngại lao động, có thói quen giết thời gian bằng việc ngồi các quán café, internet "cày" game, tụ tập ăn chơi hay yêu thích những đồ dùng hàng hiệu, đắt tiền như một cách để thể hiện đẳng cấp của bản thân,… đã tác động và ảnh hưởng rõ nét đến đến bức tranh lối sống cũng như đời sống xã hội của các cộng đồng dân cư ở hai làng.

> *"Nhiều nhà sau khi có tiền đền bù đất thì giàu lên đấy, nhưng con cái lại sinh ra lêu lổng, đua đòi ăn chơi rồi "dính" vào cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá, dẫn đến nợ nần chồng chất. Cuối cùng bao nhiêu tiền bạc tài sản đều*

đội nón ra đi đến mức phải đi ở nhờ nhà người thân, họ hàng". (V.V.T, 68 tuổi, Bất Lự)

Lối sống gấp, thích hưởng thụ cũng như đề cao quá mức các giá trị vật chất của một bộ phận dân cư là hiện tượng xuất hiện ở cả Đại Lâm và Bất Lự, tuy nhiên mức độ biểu hiện và ảnh hưởng của nó đến bức tranh lối sống của cộng đồng dân cư ở hai làng có sự khác nhau. Ở Đại Lâm do không chứng kiến bước chuyển đổi đột ngột về KT - XH, đặc biệt là về thu nhập và mức sống của người dân như ở Bất Lự; đồng thời, như đã phân tích, ở đây vẫn chịu sự ảnh hưởng và chi phối đậm nét của nền tảng văn hóa - xã hội truyền thống, nhất là mối liên hệ láng giềng, họ hàng, làng xã,… nên sự biến đổi về lối sống cũng như xu hướng sống gấp, đề cao sự hưởng thụ và các giá trị vật chất không diễn ra nhanh và rõ nét như ở Bất Lự. Điều đó cho thấy những biến đổi về lối sống nói chung, cũng như sự xuất hiện và phát triển của xu hướng sống gấp, đề cao sự hưởng thụ, các giá trị vật chất ở các làng có mối tương quan với thời gian và mức độ chịu tác động, ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

3.4.2. Biến đổi trong tiếp cận thông tin và hoạt động giải trí

3.4.2.1. Biến đổi trong tiếp cận thông tin

Trong bối cảnh hiện nay, việc tiếp cận thông tin của người dân ở các làng đã được mở động và đa dạng hơn đáng kể so với trước kia. Bên cạnh các phương tiện thông tin, tuyên truyền công cộng như đài truyền thanh, khẩu hiệu, pano, áp phích, băng vượt đường, các buổi họp dân,… đáp ứng nhu cầu cập nhật và đa dạng hóa trong tiếp nhận thông tin của người dân, hệ thống các phương tiện thông tin trong mỗi gia đình cũng ngày càng được phát triển và cải thiện đáng kể (bảng 3.7).

Kết quả khảo sát và phỏng vấn tại hai làng cho thấy, so với thời điểm trước năm 2007, tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng điện thoại (cố định và di động), tivi, máy vi tính, các thiết bị có kết nối với internet tăng lên đáng kể, trong đó tăng mạnh nhất là số gia đình sử dụng điện thoại di động (từ 8,5% lên 65,7%) và ti vi (từ 55,4% lên 87,8%). Đáng chú ý, tại thời điểm khảo sát (năm 2020), số người dân được hỏi cho biết thường xuyên sử dụng dịch vụ internet đạt tỷ lệ hơn 45%. Điều đó cho thấy việc tiếp cận thông tin của người dân và các hộ gia đình ở cả hai làng đang ngày càng trở nên nhanh chóng và tiện lợi hơn.

Bảng 3.7: Đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt trong các hộ gia đình trước và sau năm 2007

Đơn vị tính: mẫu

STT	Đồ dùng, tiện nghi	Trước năm 2007		Sau năm 2007	
		Số mẫu	***Tỷ lệ %***	***Số mẫu***	***Tỷ lệ %***
1	Điện thoại cố định	80	36,0	110	49,5
2	Điện thoại di động	19	8,5	146	65,7
3	Tivi	123	55,4	195	87,8
4	Máy vi tính	18	8,1	47	21,1
5	Thiết bị kết nối mạng Internet	11	4,9	67	30,1
6	Quạt điện	189	85,1	203	91,4
7	Điều hòa	9	4,0	44	19,8
8	Bếp ga	71	31,9	148	66,6
9	Tủ lạnh	80	36,0	157	70,7
10	Xe đạp	196	88,2	175	78,8
11	Xe máy	94	42,3	189	85,1
12	Ô tô	9	4,05	14	6,3

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Cũng theo các kết quả khảo sát, tỷ lệ số người được hỏi ở cả hai làng cho biết thường xem tivi và đọc sách, báo vào thời gian rảnh rỗi tăng lên đáng kể so với trước đây, từ 44,1% lên 68,9%. Ngược lại, số người tham gia trả lời phỏng vấn có thói quen nghe đài vào những lúc rảnh rỗi giảm dần (từ 10,36 xuống 8,5%). Điều đó cho thấy các hình thức tiếp cận thông tin của người dân ở hai làng ngày càng phong phú và mang tính cập nhật hơn so với trước kia.

Bảng 3.8: Các nguồn tiếp cận thông tin chủ yếu của của người dân ở hai làng

Đơn vị tính: mẫu

STT	**Nguồn thông tin**	Số mẫu	Tỷ lệ %
1	Tivi	180	81,0
2	Rađiô	78	35,1
3	Internet	26	11,7
4	Đọc sách, báo	22	9,9
5	Thông qua bạn bè, người thân	200	90,0
6	Qua người làng	115	51,8
7	Hội viên sinh hoạt chung trong các CLB, hội, nhóm,…	19	8,5
8	Đối tác làm ăn	58	26,1

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Đáng chú ý, theo kết quả khảo sát và phỏng vấn, những nguồn tiếp cận thông tin chủ yếu và thường xuyên của nhiều người dân ở cả hai làng hiện nay là bạn bè, người thân (90,0%), người làng (51,8%). Điều đó cho thấy, bên cạnh những nguồn tiếp cận thông tin khá phổ biến như tivi, nghe đài, đối tác làm ăn, đọc sách báo, internet,… thì mạng lưới họ hàng, bạn bè, hàng xóm vẫn là những kênh tiếp cận thông tin chủ đạo, đóng vai trò quan trọng trong công việc cũng như cuộc sống của người dân ở các làng hiện nay.

Có thể thấy cùng với mức sống không ngừng được nâng lên, các đồ dùng, phương tiện sinh hoạt trong gia đình ngày càng tiện nghi, đầy đủ, nguồn tiếp cận thông tin của người dân ở hai làng cũng từng bước được đa dạng hóa theo hướng hiện đại và cập nhật hơn. Điều đó một mặt giúp cho các cộng đồng dân cư nơi đây có thêm nhiều lựa chọn cũng như chủ động hơn trong việc tiếp cận các nguồn thông tin phục vụ cuộc sống; mặt khác cho thấy nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của người dân ở các làng đang có sự tiệm cận với đời sống thông tin của các cư dân đô thị. Mặc dù vậy, các mối quan hệ xã hội truyền thống như xóm giềng, làng xã vẫn là những kênh lưu chuyển và lan tỏa thông tin quan trọng trong cộng đồng dân cư ở hai làng. Điều đó làm nên diện mạo đa dạng với sự pha trộn giữa các yếu tố hiện đại và truyền thống trong đời sống thông tin của cộng đồng dân cư ở các làng quê hiện nay.

3.4.2.2. Biến đổi trong các hoạt động giải trí

Bảng 3.9: Các hoạt động giải trí và sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân ở Đại Lâm và Bất Lự trước đây và hiện nay

Đơn vị tính: mẫu

STT	Hoạt động	Trước đây		Hiện nay	
		Số mẫu	Tỷ lệ %	Số mẫu	Tỷ lệ %
1	Xem ti vi, đọc sách báo	98	44,1	153	68,9
2	Nghe đài	23	10,3	19	8,5
3	Làm việc nhà	146	65,7	146	65,7
4	Chơi thể thao	10	4,5	20	9,0
5	Sang hàng xóm chơi	140	63,0	110	49,5
6	Gặp bạn bè	136	61,2	130	58,5

Nguồn: *Kết quả khảo sát địa bàn nghiên cứu của NCS (2020)*

Kết quả khảo sát và phỏng vấn ở hai làng cho thấy, đa số người được hỏi cho biết hoạt động giải trí và sử dụng thời gian nhàn rỗi chủ yếu của họ hiện nay là xem tivi, đọc sách báo (68,9%), làm việc nhà (65,7%), sang nhà hàng xóm chơi (49,5%), gặp gỡ bạn bè (58,5%). Có thể thấy, so với trước đây, các hoạt động giải trí thông qua hình thức xem tivi, đọc sách báo của người dân tăng lên đáng kể (gần 25%), ngược lại các hoạt động như nghe đài, sang hàng xóm chơi, gặp bạn bè vào những lúc rảnh rỗi của người dân ở hai làng lại có xu hướng giảm.

Cũng theo kết quả khảo sát, việc lựa chọn loại hình, phương tiện giải trí của người dân ở hai làng có liên quan đến các yếu tố như độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, giới tính,… Chẳng hạn, đa số người tham gia trả lời cho biết thường sử dụng thời gian nhàn rỗi để đọc sách báo là các cán bộ, viên chức nhà nước hay những người đã nghỉ hưu. Bên cạnh đó, hầu hết những người trả lời có thói quen nghe đài vào lúc rảnh rỗi đều thuộc nhóm trung niên/cao tuổi. Ngoài ra, số người thường xuyên sử dụng thời gian nhàn rỗi để đọc sách báo là nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nữ giới…

Có thể thấy, cùng với các hoạt động xem tivi, làm việc nhà, gặp gỡ bạn bè,... thì sang nhà hàng xóm chơi và tham gia sinh hoạt trong các CLB thể thao là những hình thức giải trí khá phổ biến của người dân ở các làng hiện nay. Mặc dù vậy, có sự khác biệt về mức độ cũng như xu hướng của hai loại hình hoạt động này: trong khi tham gia sinh hoạt, tập luyện trong các CLB thể dục thể thao ngày càng trở thành lựa chọn phổ biến của người dân ở cả hai làng, thì việc sang nhà hàng xóm chơi có xu hướng giảm (điều này thể hiện khá rõ với trường hợp ở Bất Lự).

Thói quen sang nhà nhau chơi lúc rảnh rỗi của người dân ở hai làng ngày càng giảm là do xu hướng sống khép kín, ít quan hệ giao tiếp đang dần trở nên phổ biến cùng với tâm lý ngại "làm phiền" người khác. Các kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, phần lớn những người cho biết vẫn giữ thói quen sang nhà hàng xóm chơi lúc rảnh rỗi đều thuộc nhóm lớn tuổi, đã nghỉ hưu hoặc vẫn làm nông nghiệp/nghề phụ. Trong khi đó, số người thường xuyên tập luyện thể dục, thể thao ở cả Đại Lâm và Bất Lự đều có xu hướng gia tăng. Trên thực tế, hầu hết

những người được hỏi ở hai làng đều cho biết, việc tham gia tập luyện thể dục thể thao là một trong những hình thức giải trí phổ biến của người dân hiện nay.

> "*Phong trào luyện tập thể dục, thể thao những năm gần đây phát triển khá mạnh, thu hút đông đảo người dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Ngoài những môn thể thao truyền thống của làng như vật, cờ tướng, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,… thì hiện nay xuất hiện thêm nhiều môn mới như thể dục dưỡng sinh, khiêu vũ, gym… Hoạt động của các CLB thể thao cũng được tổ chức khá bài bản, quy củ*". (V.V.T, 68 tuổi, Bất Lự)

Bên cạnh các hoạt động nói trên, những năm gần đây, một bộ phận người dân ở hai làng còn lựa chọn đi dạo phố hoặc đi chơi, mua sắm tại các trung tâm thương mại, siêu thị vào lúc rảnh rỗi và coi đó như một hình thức giải trí, tiêu khiển. Các kết quả khảo sát và phỏng vấn tại địa bàn cho thấy, bộ phận dân cư này chủ yếu là thanh niên hoặc các gia đình trẻ có điều kiện về kinh tế. Họ có thu vui đi mua sắm hoặc đôi khi chỉ là dạo chơi tại các khu vực đô thị, trung tâm thương mại - giải trí vào những lúc rảnh rỗi, buổi tối hoặc các ngày nghỉ, lễ,…

> "*Vợ chồng tôi đều làm nhà nước. Hai cháu còn nhỏ, đang đi học mẫu giáo nên bình thường bố mẹ vẫn nhờ ông bà nội giúp đỡ việc đưa đón đi học, thậm chí có hôm ông bà còn cho ăn. Nhà có ô tô nên thỉnh thoảng buổi tối cả nhà lại chở nhau xuống thành phố, đi dạo hoặc vào các siêu thị, trung tâm thương mại chơi, mua gì thì mua hoặc cho trẻ con vào khu vui chơi, chạy nhảy để thay đổi không khí*". (N.T.N, 39 tuổi, Đại Lâm)

Ngoài ra, có thể thấy, hình thức giải trí của người dân ở hai làng thông qua hoạt động tham quan du lịch có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Kết quả khảo sát và phỏng vấn người dân về hoạt động tham quan du lịch trong vòng 3 năm trở lại đây cho thấy, đa số những người được hỏi cho biết đã từng đi tham quan, du lịch ngắn ngày. Hình thức đi tham quan du lịch chủ yếu hiện nay là đi theo tour với gia đình hoặc với các hội nhóm, CLB mà họ đang tham gia sinh hoạt. Thời gian của các chuyến tham quan du lịch thường từ 2 - 3 ngày, với những điểm đến phổ biến: bãi biển, danh lam thắng cảnh, địa điểm tôn giáo,… nhằm thỏa mãn nhu cầu nghỉ dưỡng, thư giãn, trải nghiệm thiên thiên hay nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của người dân.

Có thể thấy, hoạt động giải trí của người dân ở hai làng hiện nay ngày càng trở nên đa dạng, phong phú hơn với những yếu tố, sắc thái mang tính đô thị, hiện đại. Điều này bắt nguồn một phần từ sự đa dạng trong cơ cấu KT - XH và mức sống, lối sống của cộng động dân cư ở các làng trong quá trình chuyển đổi. Đồng thời cho thấy sự rút ngắn khoảng cách giữa các cộng đồng dân cư nông thôn với khu vực đô thị do tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Tiểu kết chương 3

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, trong đó đáng chú ý là việc chuyển một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp sang phục vụ cho các mục tiêu phi nông nghiệp đã tác động và ảnh hưởng đưa đến những biến đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư ở hai làng hiện nay. Sự thu hẹp của diện tích đất nông nghiệp và đi cùng với đó là sự xuất hiện của những hình thức tập trung dân cư mới với những khu đô thị, những xóm - phố mới; hệ thống đường giao thông được quy hoạch rộng rãi, những công trình dân sinh hiện đại, khang trang,… khiến cho Đại Lâm và Bất Lự mang dáng dấp của các đô thị. Cùng với sự biến đổi của cảnh quan không gian làng, không gian sinh hoạt của các gia đình có xu hướng cá nhân hóa, đề cao sự độc lập và riêng tư. Trong không gian ấy, sợi dây gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và rộng hơn là mối quan hệ họ hàng, làng xóm cũng đang ngày càng trở nên giảm sút, lỏng lẻo.

Hệ thống di tích, tín ngưỡng, lễ hội và các phong tục, tập quán cũng có những sự biến đổi đáng kể. Quần thể di tích bao gồm đình, đền, chùa, miếu, các cơ sở thờ tự,… ngày càng được quan tâm, đầu tư tôn tạo cũng như đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân ở các làng. Gắn với các di tích, lễ hội truyền thống vẫn là hoạt động thu hút sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng dân cư nơi đây; bên cạnh những nghi lễ và trò vui được duy trì, tiếp nối từ truyền thống, lễ hội hiện nay đã được cập nhật, bổ sung thêm nhiều hoạt động mới, mang hơi thở cuộc sống đương đại. Các phong tục, tập quán như cưới xin, ma chay,… vẫn là những hoạt động được người dân các làng hết sức coi trọng, tuy nhiên đã có sự giản lược đáng kể về thời gian tổ chức cũng như một số thủ tục, lễ nghi.

Một bộ phận người dân ngày càng thoát ly khỏi cuộc sống nông nghiệp, dần trở thành những thị dân với mạng lưới các dịch vụ, tiện ích ngày càng phát triển đã đưa đến những biến đổi đáng kể trong lối sống cũng như nhu cầu hưởng thụ văn hóa ở các làng. Trong đó đáng chú ý là lối sống độc lập, khép kín, đề cao sự tự do cá nhân ngày càng phổ biến; xu hướng sống gấp, coi trọng sự hưởng thụ và giá trị vật chất gia tăng. Hoạt động tiếp cận thông tin và giải trí của người dân ngày càng được đa đạng hóa với các phương tiện, loại hình vốn gắn liền với đời sống của cư dân đô thị như thiết bị nghe, nhìn có kết nối internet, các hội nhóm, CLB thể thao, văn nghệ, hoạt động tham quan du lịch,…

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác nhau trong việc thích nghi và bắt nhịp với những biến đổi của người dân thuộc các nhóm lứa tuổi và nghề nghiệp ở hai làng. Nhìn chung những người trẻ tuổi, làm nghề kinh doanh, buôn bán, dịch vụ,… tỏ ra thích ứng với sự biến đổi nhanh hơn so với những người lớn tuổi, vốn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, làm nghề phụ. Ngoài ra, thời gian, mức độ và phương thức chuyển đổi cũng là những yếu tố tác động dẫn tới sự khác biệt trong xu thế biến đổi văn hóa ở hai làng hiện nay.

Chương 4
BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG ĐẠI LÂM VÀ BẤT LỰ: XU HƯỚNG, SỰ THÍCH ỨNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

4.1. MỘT SỐ XU HƯỚNG CƠ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở HAI LÀNG

4.1.1. Sự tiếp nối và sáng tạo những giá trị truyền thống

Từ thực trạng biến đổi văn hóa ở hai làng những năm qua có thể thấy sự tiếp nối, phục hồi và sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống là xu hướng nổi bật. Điều này thể hiện ngày càng rõ khi đời sống vật chất và mức thu nhập của người dân ở các làng có sự khởi sắc và ổn định hơn. Sự hồi sinh của các yếu tố văn hóa truyền thống đồng thời có sự tái cấu trúc các giá trị của quá khứ nhằm hướng đến sự tương hợp với nền cảnh đời sống đương đại trong bức tranh văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê trong bối cảnh chuyển đổi là vấn đề đã được đề cập và thảo luận trong nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học ở cả trong và ngoài nước. Học giả Lương Văn Hy (1992), trong khi nhấn mạnh sự tái cấu trúc về văn hóa của người nông dân ở các làng quê miền Bắc Việt Nam gắn với quá trình cải cách kinh tế, cho rằng điều đó được thể hiện một cách khá tập trung và rõ nét trong việc khôi phục, tăng cường cũng như cập nhật và sáng tạo các nghi lễ,... Sự biến đổi này nhằm hướng đến sự phù hợp với nền cảnh xã hội đương đại và tâm thức văn hóa đã có nhiều biến đổi. Các tác giả Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương (2016) khi tập trung khắc hoạ những biến đổi trong bức tranh văn hóa ở làng ven đô trong quá trình đô thị hóa cũng nhấn mạnh các thành tố văn hóa ở làng, nhất là ở các di tích lễ hội, có sự tiếp nối, phục hồi và làm mới từ nền tảng truyền thống để phù hợp cũng như có chỗ đứng vững chắc trong bối cảnh làng quê hiện đại với những nhu cầu và động thái mới. Như vậy, sự tiếp nối, phục hồi và sáng tạo các yếu tố, giá trị văn hóa truyền thống trong bức tranh văn hóa ở các làng quê trong bối cảnh chuyển đổi là xu hướng mang tính phổ biến. Điều này cũng được thể hiện trong bức tranh biến đổi văn hóa ở hai làng Đại Lâm và Bất Lự.

Xu hướng tiếp nối và sáng tạo từ những giá trị truyền thống trong bức tranh biến đổi văn hóa ở hai làng thể hiện rõ nét, một mặt ở nỗ lực phục dựng hệ thống các di tích, lễ hội và phong tục, tập quán; mặt khác, ở sự tái tạo các yếu tố truyền thống, đồng thời có sự bổ sung những giá trị văn hóa mới mang tính cập nhật hơn, chuyển tải hơi thở của cuộc sống đương đại.

Cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế và mong muốn giữ gìn, bảo lưu các giá trị truyền thống của người dân, hệ thống các di tích bao gồm đình, chùa, đền, miếu,… ở Đại Lâm và Bất Lự không ngừng được quan tâm đầu tư tu bổ, phục dựng, làm mới cũng như ngày càng thể hiện vai trò, ý nghĩa quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân nơi đây. Gắn với quần thể di tích, các hoạt động thực hành tín ngưỡng cũng ngày càng được chú trọng và thu hút sự tham gia đông đảo nhiều thành phần, tầng lớp dân cư ở các làng. Cùng với đó, các lễ hội, phong tục, tập quán như may chay, cưới xin,… cũng được người dân ở hai làng hết sức coi trọng, duy trì, coi đó như những nét văn hóa thể hiện bản sắc của cộng đồng.

Có thể thấy trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi, các yếu tố văn hóa truyền thống ở Đại Lâm và Bất Lự cũng có những sự điều chỉnh, cải biến để phù hợp với điều kiện và lối sống mới. Diện tích đất nông nghiệp và đất thổ cư ngày càng bị thu hẹp trong khi nhu cầu đất ở, đất để kinh doanh, buôn bán không ngừng tăng lên khiến cho không gian của các di tích bị thu hẹp một phần, không còn rộng rãi, thoáng mở như trước kia; ở Bất Lự, khuôn viên của đình và chùa nằm lẫn trong khu dân cư, thậm chí phải chia sẻ với không gian nhà ở của người dân và một số công trình dân sinh của làng. Bên cạnh đó, việc tu bổ, phục dựng, làm mới nhiều hạng mục, công trình ở các đình, chùa, đền, miếu hiện nay, một mặt khiến cho quần thể di tích trở nên bề thế, khang trang hơn nhưng mặt khác cũng ít nhiều làm giảm đi dáng vẻ cổ kính, lâu đời của những không gian thiêng vốn được xem như những mảnh hồn làng. Việc tổ chức các hoạt động cưới xin, ma chay được rút gọn, giản lược hơn về mặt thủ tục, thời gian, đồng thời có sự xuất hiện của nhiều yếu tố mang tính dịch vụ, thị trường… để phù hợp hơn với lối sống và công việc của người dân trong bối cảnh hiện nay.

Cùng với sự phục hồi, tái cấu trúc các giá trị văn hóa truyền thống là sự xuất hiện những yếu tố, sắc thái văn hóa mới - sản phẩm đồng thời là biểu hiện quá trình chuyển đổi kinh tế, xã hội theo xu hướng công nghiệp, đô thị hiện đại. Nổi lên trong bức tranh không gian làng cũng như không gian sinh hoạt của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay là hệ thống đường giao thông được quy hoạch rộng rãi, những dãy nhà ống cao tầng với lối kiến trúc hiện đại, những cửa hàng tấp nập người mua bán giống như ở các khu vực đô thị. Cùng với đó, nhiều hoạt động, hình thức giải trí vốn gắn liền với đời sống của cư dân đô thị như tham gia sinh hoạt trong các CLB, hội nhóm thể thao, văn nghệ, tham quan du lịch, mua sắm,… ngày càng trở nên quen thuộc với cộng đồng dân cư nơi đây. Ngoài ra, lối sống, thói quen sinh hoạt mang phong cách hiện đại như ăn nhậu tại các hàng quán, uống café, chơi game, sử dụng các thiết bị công nghệ có kết nối internet,… cũng đang dần trở nên phổ biến ở hai làng.

Xu hướng phục hồi và sáng tạo các yếu tố văn hóa truyền thống ở Đại Lâm và Bất Lự bắt nguồn từ nhu cầu giữ gìn và bảo lưu các giá trị văn hóa đặc trưng, mang tính bản bản sắc của cộng đồng dân cư nơi đây trong bối cảnh đời sống KT - XH có nhiều biến đổi mạnh mẽ. Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, ngày càng có nhiều người dân ở hai làng tham gia vào hoạt động thực hành tín ngưỡng tại các di tích cũng như tham dự lễ hội truyền thống ở làng. Lý do chủ yếu thu hút họ đến với các sinh hoạt cộng đồng này là tâm lý hướng về cội nguồn, tổ tiên cũng như nhu cầu mở rộng giao lưu, giải trí,... Điều đó phần nào cho thấy người dân ở các làng ngày càng nhận thức rõ ràng hơn về vai trò, ý nghĩa của các giá trị truyền thống, cũng như mong muốn bảo lưu những nét đẹp văn hóa của cộng đồng. Bên cạnh đó, có thể thấy, cùng với mức sống được nâng lên, lối sống của một bộ phận dân cư có sự biến đổi theo xu hướng đô thị hóa, các yếu tố văn hóa truyền thống cũng có sự điều chỉnh và làm mới để phù hợp hơn với điều kiện KT - XH chuyển đổi. Tuy nhiên, tất cả những sự cải biến và làm mới đó, mà thực chất là sự bổ sung nhằm sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới, phải phù hợp và nhận được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư ở làng và quan trọng hơn cả, nó vẫn thể hiện sự tiếp nối mạch nguồn, dòng chảy văn hóa truyền thống.

Có thể thấy, quá trình bảo lưu và tiếp nối các giá trị văn hóa truyền thống ở hai làng luôn gắn liền với sự điều chỉnh, cải biến cũng như sáng tạo mới để hình thành nên những yếu tố văn hóa mới tương hợp và đáp ứng yêu cầu của cộng đồng làng trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi. Sự sáng tạo và bổ sung này, một mặt góp phần thúc đẩy đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư ở hai làng ngày càng đa dạng và phong phú hơn; mặt khác giúp cho dòng chảy văn hóa truyền thống của cộng đồng làng diễn ra trong sự kết nối, liền mạch, không bị đứt gãy. Trên thực tế, việc lựa chọn bảo lưu cũng như cải biến, sáng tạo các yếu tố văn hóa truyền thống luôn diễn ra trong sự chủ động của người dân ở các làng, đồng thời các yếu tố, sắc thái văn hóa mới cũng cho thấy sự kết nối và hòa hợp với truyền thống văn hóa của các cộng đồng dân cư nơi đây.

4.1.2. Xu hướng đa dạng hóa thành phần tham gia trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng

Cùng với xu hướng tiếp nối và sáng tạo từ các yếu tố văn hóa truyền thống, ngày càng có đông đảo người dân thuộc mọi thành phần, tầng lớp dân cư ở hai làng tham gia vào các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Điều này thể hiện khá rõ ở hoạt động thực hành tín ngưỡng tại các di tích hay trong các lễ tiết, lễ hội ở hai làng. Những sinh hoạt văn hóa truyền thống này thu hút không chỉ người dân ở các làng, không phân biệt nghề nghiệp, tuổi tác tham gia, mà còn thường xuyên có sự góp mặt của những người dân ở khu vực lân cận hay khách thập phương tham dự.

Xu hướng đa dạng hóa thành phần tham gia trong các hoạt động văn hóa truyền thống ở Đại Lâm và Bất Lự chủ yếu do nhu cầu tinh thần của người dân ở hai làng ngày càng tăng lên trong bối cảnh đời sống kinh tế, nhất là thu nhập và mức sống không ngừng được cải thiện. Kết quả phỏng vấn cho thấy, đa số người được hỏi cho biết mục đích chủ yếu của họ khi tham gia các hoạt động thực hành tín ngưỡng hay vui chơi trong dịp lễ hội là để thỏa mãn nhu cầu tâm linh cũng như như giải trí của bản thân. Có thể hấy, cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế, sự đầy đủ hơn trong việc thỏa mãn các nhu cầu về vật chất thì các nhu cầu tinh thần, đặc biệt nhu cầu của đời sống tâm linh của người dân ở hai làng cũng

ngày càng có xu hướng gia tăng. Người dân ở các làng tìm đến các yếu tố, hoạt động tâm linh như một phương thức để giải tỏa cũng như tìm kiếm chỗ dựa về mặt tinh thần trong bối cảnh xã hội hiện đại vốn tiềm ẩn không ít những sự bấp bênh và rủi ro.

Xu hướng gia tăng và ngày càng có sự tham gia đông đảo của các thành phần, tầng lớp dân cư trong các hoạt động văn hóa truyền thống cũng cho thấy mạng lưới kết nối và quan hệ xã hội của người dân ở hai làng ngày đang càng được mở rộng. Cùng với sự gia tăng của các hoạt động buôn bán, kinh doanh, mạng lưới quan hệ xã hội của người dân ở hai làng ngày càng được mở rộng hơn, không chỉ trong phạm vi làng xã mà còn ở các khu vực xung quanh cũng như những địa phương, vùng miền khác. Mỗi khi có sự kiện quan trọng của làng, đặc biệt là dịp diễn ra lễ hội truyền thống, họ thường mời bạn bè, đồng nghiệp, đối tác là người ở nơi khác đến chung vui. Ngoài ra, trong những dịp đặc biệt này, nhiều người vốn là dân gốc ở làng nhưng đi làm ăn, lập nghiệp ở xa cũng tranh thủ sắp xếp công việc, thời gian để về tham dự.

> *"Thường thì vào dịp hội làng, các gia đình hay cá nhân vẫn mời thêm bạn bè, người quen hay đồng nghiệp là người ở nơi khác đến ăn cơm, chơi hội. Ngoài ra còn có nhiều người là dân gốc ở làng nhưng đi làm ăn, sinh sống ở xa cũng tìm về mỗi khi làng mở hội".* (N.V.H, 53 tuổi, Đại Lâm)

Có thể thấy, các hoạt động văn hóa truyền thống ở hai làng hiện nay, đặc biệt là lễ hội làng thu hút một bộ phận dân cư khá đông đảo thuộc tầng lớp thanh niên tham gia. Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, có khá đông người trẻ, trong độ tuổi thanh niên cho biết họ quan tâm đến các hoạt động văn hóa truyền thống của cộng đồng, cũng như thường xuyên góp mặt trong những sự kiện này. Đối với họ, việc tham tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng chủ yếu mang ý nghĩa giải trí, đồng thời là cơ hội để gặp gỡ, giao lưu, mở rộng mạng lưới kết nối xã hội. Sự góp mặt của đông đảo tầng lớp thanh niên cho thấy hoạt động văn hóa truyền thống ngày càng trở thành mối quan tâm chung, công việc chung của các thế hệ người dân chứ không chỉ là nhiệm vụ, trách nhiệm của một nhóm người, ví như như những người cao tuổi ở các làng như trước đây.

Sự đa dạng hóa thành phần tham gia có tác động và ảnh hưởng nhất định góp phần thúc đẩy việc mở rộng cũng như phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống ở hai làng. Điều này thể hiện khá rõ thông qua việc đóng góp, công đức của người dân (ở cả trong và ngoài làng) hướng đến duy trì và phát triển các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Thực tế cho thấy, cùng với sự khang trang, bề thế của các di tích, sự tham gia của đông đảo người dân góp phần làm cho các hoạt động văn hóa truyền thống được tổ chức ngày càng chu đáo, quy mô hơn; việc đóng góp, công đức cho các di tích, lễ hội cũng không ngừng được đa dạng hóa. Bên cạnh sự hỗ trợ của các cấp chính quyền cho những di tích đã được công nhận danh hiệu di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, quần thể di tích và các hoạt động văn hóa truyền thống ở Đại Lâm và Bất Lự còn thường xuyên nhận được sự ủng hộ của các tầng lớp dân cư, trong đó bao gồm cả những cá nhân/hộ gia đình đang thuê trọ, làm ăn sinh sống ở các làng hay khách thập phương. Hình thức đóng góp, ủng hộ đa dạng (theo cá nhân, gia đình, hội nhóm…) với mức độ khác nhau, song đều xuất phát từ mong muốn góp phần vào bảo vệ, duy trì những di sản truyền thống của cộng đồng làng.

Việc ngày càng có sự tham gia đông đảo của các thành phần, tầng lớp dân cư ở hai làng cho thấy vai trò, ý nghĩa của các sinh hoạt văn hóa truyền thống đối với đáp ứng nhu cầu giải trí, tinh thần của người dân trong bối cảnh KT - XH mới; mặt khác, nó phản ánh xu hướng mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới kết nối xã hội của các cộng đồng dân cư nơi đây. Bên cạnh đó, sự tham gia đông đảo, tích cực của các thành phần, tầng lớp dân cư không chỉ ở trong phạm vi làng cũng đóng vai trò là chất xúc tác, góp phần thúc đẩy việc mở rộng quy mô cũng như nâng cao tính trang trọng, chu đáo của các hoạt động văn hóa truyền thống ở các làng hiện nay.

4.1.3. Xu hướng gia tăng nhu cầu và các hoạt động liên quan đến văn hóa tâm linh

Trong xu thế tiếp nối các yếu tố văn hóa truyền thống với sự gia tăng và tham gia đông đảo của người dân hai làng hiện nay, có sự nổi lên rõ nét của nhu cầu và các yếu tố liên quan đến đời sống văn hóa tâm linh của cộng đồng dân cư

ở hai làng. Điều này được thể hiện trên cả bình diện cộng đồng cũng như trong phạm vi các gia đình, dòng họ. Kết quả phỏng vấn ở hai làng cho thấy, hầu hết những người được hỏi cho biết họ thường xuyên tham gia vào các hoạt động cúng lễ và đóng góp cho việc tu bổ, phục dựng các di tích, công trình thờ tự của dòng họ cũng như thực hiện hoạt động tín ngưỡng tại gia đình.

Những lý do chủ yếu của người dân ở hai làng khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng tại cộng đồng cũng như trong gia đình hiện nay là: thể hiện sự biết ơn đối với tổ tiên, giáo dục ý thức uống nước nhớ nguồn cho các thế hệ con cháu, tin rằng có thờ có thiêng, có kiêng có lành... Bên cạnh đó, một bộ phận người dân tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng ở làng để thể hiện trách nhiệm bản thân đối với cộng đồng. Điều đó cho thấy, xu hướng gia tăng của các hoạt động liên quan đến đời sống tâm linh của người dân hai làng hiện nay chủ yếu được thúc đẩy bởi những nhu cầu, nguyện vọng của mỗi cá nhân và gia đình khi tham gia thực hành các nghi lễ.

Có thể thấy, việc người dân ở Đại Lâm và Bất Lự ngày càng quan tâm tới hoạt động thực hành tín ngưỡng tại các di tích hay cúng lễ trong gia đình, dòng họ trước hết bắt nguồn từ tâm lý "uống nước nhớ nguồn", biết ơn các vị thánh thần và tổ tiên đã phù hộ, bảo vệ cho cuộc sống của dân làng. Tâm lý hướng về cội nguồn với lòng biết ơn và tự hào khiến cho việc chăm sóc các di tích, cơ sở thờ tự cũng như hoạt động thờ cúng trong cộng đồng làng nói chung và trong các gia đình, dòng họ nói riêng ngày càng được quan tâm với sự chu đáo, cẩn thận, tỉ mỉ hơn. Ngoài ra, khi đời sống kinh tế, vật chất ngày càng được cải thiện, người dân ở hai làng cũng có điều kiện để chăm lo cho việc tu bổ, tôn tạo các di tích, cơ sở thờ tự một cách thiết thực hơn nhằm thể hiện trách nhiệm đối với việc gìn giữ, bảo lưu các giá trị truyền thống của cộng đồng, gia tộc.

Bên cạnh tâm lý hướng về cội nguồn, việc chú trọng chăm lo các di tích cũng như hoạt động thực hành tín ngưỡng còn được người dân ở các làng xem như phương thức để giáo dục và truyền lại cho các thế hệ con cháu ý thức và niềm tự hào về những giá trị truyền thống của cộng đồng. Trong bối cảnh kinh tế, xã hội chuyển đổi với sự suy giảm rõ rệt của các mối quan hệ cộng đồng hiện

nay, nhiều người dân, nhất là những người lớn tuổi bày tỏ sự tiếc nuối, đồng thời mong muốn giáo dục cho các thế hệ con cháu ý thức gắn bó cũng như niềm tự hào về truyền thống như một thứ tài sản tinh thần của cộng đồng làng xã. Không khó để nhận thấy, trong các hoạt động tham quan hay thực hành tín ngưỡng của nhiều gia đình ở hai làng hiện nay, sự xuất hiện của đông đủ các thành viên hay sự góp mặt mang tính đại diện cho các thế hệ trong cùng một gia đình ngày càng trở nên thường xuyên hơn.

Trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, xã hội với không ít những rủi ro và bấp bênh, các hoạt động văn hóa tâm linh có nghĩa như điểm tựa về mặt tinh thần, là nơi người dân ở các làng gửi gắm niềm tin, mong muốn về một cuộc sống bình an, phát đạt. Điều đó khiến cho việc thắp hương, cúng lễ tại các đình, chùa, đền, miếu hay đóng góp tu bổ, sửa sang các di tích, cơ sở thờ tự,… của người dân ở hai làng ngày càng trở nên thường xuyên hơn, thu hút đông đảo mọi người tham gia. Ở khía cạnh khác, việc ngày càng có nhiều người dân tìm đến với các yếu tố văn hóa tâm linh, cầu mong sự phù hộ, che chở cũng như để giảm bớt những lo lắng cho thấy ý nghĩa thực tế và thường nhật của các thực hành tín ngưỡng truyền thống trong bối cảnh cuộc sống đương đại. Mặt khác, nó cũng cho thấy sự kết nối của các giá trị di sản truyền thống với cuộc sống hiện đại và những mong muốn có phần thực dụng của người dân ở các làng hiện nay.

Trong bối cảnh đời sống xã hội hiện đại, việc tham gia các thực hành tín ngưỡng, nhất là hoạt động cúng lễ ở các di tích của người dân ở hai làng mang nhiều mục đích khác nhau với đối tượng ngày càng được đa dạng hóa: những người kinh doanh, buôn bán cầu mong cho việc làm ăn được thuận lợi, phát đạt; những người cao tuổi mong cầu sức khỏe, an bình, cháu con thành đạt; những người trẻ cầu cho việc học hành, tình duyên, công việc gặp nhiều nhiều may mắn, hanh thông,… Điều đó khiến cho các di tích như đình, chùa, đền, miếu trở thành điểm đến thường xuyên của đông đảo các tầng lớp dân cư trong làng, không kể vào ngày thường hay dịp lễ, tết; các nghi lễ theo đó cũng được tổ chức chu đáo, trang trọng hơn so với trước đây. Nhìn chung các hoạt động thực hành tín ngưỡng ngày càng trở thành nhu cầu gắn với cuộc sống thường nhật của

người dân ở các làng; các di tích - không gian thiêng của làng do đó cũng trở nên gần gũi, có ý nghĩa thiết thực hơn với đời sống của đông đảo người dân trong bối cảnh chuyển đổi.

Từ thực tế đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng dân cư ở hai làng Đại Lâm và Bất Lự cho thấy, cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế, mức sống ngày càng được nâng lên, người dân ở các làng cũng ngày càng quan tâm, chú trọng hơn đến đời sống tâm linh của bản thân và cộng đồng, việc thực hành tín ngưỡng tại các gia đình cũng như tại quần thể di tích của làng theo đó cũng không ngừng gia tăng, có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của cộng đồng làng. Thực tế này cũng khá tương đồng với nhiều kết quả nghiên cứu về đời sống tinh thần của người nông dân ở các làng quê trong bối cảnh chuyển đổi, công nghiệp hóa và đô thị hóa (Lê Hồng Lý (2005), Nguyễn Thị Phương Châm (2009, 2016),… Trên nền tảng sinh kế mới với sự gia tăng của các hoạt động buôn bán, kinh doanh, dịch vụ cũng như các điều kiện, tiện ích vật chất ngày càng được đáp ứng, trang bị đầy đủ hơn, người dân ở Đại Lâm và Bất Lự cũng ngày càng đầu tư nhiều hơn, tìm đến thường xuyên hơn với các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh, ở phạm vi cộng đồng cũng như trong các gia đình, dòng họ. Điều đó cho thấy các giá trị tín ngưỡng, tâm linh đang ngày càng đóng vai trò to lớn trong bức tranh đời sống tinh thần của người nông dân ở làng trong bối cảnh chuyển đổi.

4.1.4. Xu hướng giao lưu, hội nhập văn hoá nông thôn và văn hóa đô thị

Xét trong tiến trình phát triển, sự mở rộng giao lưu và tiếp biến giữa văn hóa nông thôn với văn hóa đô thị là một xu hướng mang tính tất yếu. Trong hiện thực phát triển xã hội, nông thôn và đô thị có mối quan hệ khăng khít với nhau: thường thì các khu vực nông thôn luôn gắn liền với một khu vực trung tâm của nó là những vùng đô thị, hay chí ít cũng mang những nét căn bản của đô thị. Mặt khác, văn hóa nông thôn và văn hóa đô thị là hai phạm trù được xác định bởi những đặc trưng, giá trị cơ bản khác biệt, chính vì lẽ đó nên khi "gặp gỡ", văn hóa nông thôn và văn hóa đô thị đã có sự tiếp biến lẫn nhau.

Đại Lâm và Bất Lự nằm cách không xa các trung tâm đô thị lớn như thành phố Bắc Ninh, thành phố Từ Sơn, thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, nhờ có hệ

thống kết cấu hạ tầng, giao thông ngày càng phát triển, hiện đại hóa, hoạt động giao lưu, buôn bán, trao đổi của người dân ở hai làng với các khu vực đô thị, nhất là thành phố Bắc Ninh và thành phố Từ Sơn không ngừng được đẩy mạnh. Đó là những tiền đề để văn hóa hai làng ngày càng được mở rộng giao lưu, tiếp xúc với những yếu tố, sắc thái văn hóa đô thị, trở nên đa dạng, năng động và hiện đại hơn.

Dáng dấp đô thị thể hiện khá rõ trong không gian cảnh quan làng và kiến trúc nhà ở của các hộ gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự. Phổ biến trong bức tranh không gian làng nói chung cũng như không gian cư trú của các hộ gia đình ở hai làng là những ngôi nhà cao tầng hình ống, nằm san sát với kiểu dáng hiện đại, điều này thể hiện đặc biệt rõ với trường hợp Bất Lự. Khi giá đất tăng lên, nhiều hộ dân ở đây đã chia nhỏ phần đất ở của gia đình để bán đi lấy vốn làm ăn hoặc làm nhà cho con cái ở riêng cũng như xây nhà trọ cho thuê,… khiến cho diện tích đất ở của các hộ gia đình ngày càng bị thu hẹp. Những ngôi nhà truyền thống rộng rãi vốn đặc trưng cho các làng quê trước kia hiện nay chỉ còn lại khá ít. Điều đó một mặt cho thấy kiểu kiến trúc nhà ở vốn quen thuộc với không gian đô thị thì hiện nay đang dần trở thành lựa chọn phổ biến của người dân ở các làng quê trong bối diện tích đất đai ngày càng bị thu hẹp; mặt khác phản ánh sự thay đổi trong quan niệm và ưu tiên của người dân nông thôn đối với lựa chọn không gian sinh hoạt gia đình hiện nay so với trước kia. Sự xuất hiện của những ngôi nhà cao tầng kiên cố đem lại vẻ năng động, hiện đại hơn, "mở" hơn cho không gian ở các làng nhưng cũng làm giảm đi đáng kể vẻ giản dị, thanh bình vốn có của các làng quê xưa.

Trong không gian mang dáng dấp phố thị năng động ấy, các mối quan hệ xã hội cũng ngày càng thể hiện sự độc lập, mang tính cá nhân hơn và dựa trên những nguyên tắc rõ ràng. Điều này bắt nguồn một phần từ sự đa dạng trong cấu trúc dân cư ở hai làng hiện nay, nhất là với trường hợp Bất Lự. Cùng với quá trình chuyển đổi kinh tế, xã hội, nhiều thành phần, tầng lớp dân cư khác nhau, trong đó đa phần là những người từ nơi khác tìm đến thuê trọ, kinh doanh, làm thuê,… thường xuyên có mặt ở làng khiến cho tính thuần nhất về dân cư ở đây ngày càng giảm. Cùng với đó, sợi dây lên kết, gắn bó giữa những người hàng

xóm, láng giềng, họ hàng dần trở nên lỏng lẻo cũng ít nhiều ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong cộng đồng. Ngoài ra có thể thấy, trong bối cảnh người dân ngày càng quen thuộc hơn với các hoạt động kinh doanh, buôn bán, làm thuê cho các công ty, doanh nghiệp,… yêu cầu về tính cạnh tranh và sự rõ ràng, minh bạch cũng thể hiện rõ hơn chứ không đơn thuần chỉ là sự nhường nhịn, "chín bỏ làm mười" như trước kia.

Xu hướng tiếp biến các yếu tố, đặc trưng trong văn hóa đô thị cũng thể hiện khá rõ trong bức tranh lối sống, nếp sống của người dân ở hai làng. Tác phong khẩn trương, tuân thủ giờ giấc và coi trọng tính hiệu quả cũng là đặc điểm dễ nhận thấy khi một bộ phận dân cư ở các làng chuyển hẳn sang làm kinh doanh, làm công nhân trong các KCN. Đó đồng thời là bức tranh lối sống đa dạng, "mở" hơn và gắn liền với các yếu tố dịch vụ, thị trường. Ngoài ra, sự năng động, nhạy bén và chủ động tiếp nhận những yếu tố mới để làm phong phú thêm cho cuộc sống cũng là một biểu hiện dễ thấy trong lối sống của cộng đồng dân cư hai làng hiện nay.

Cùng với lối sống năng động, hiện đại là sự đa dạng các loại hình, tiện nghi phục vụ cho nhu cầu tiếp cận thông tin cũng như các hoạt động giải trí của người dân ở hai làng. Kết quả khảo sát và phỏng vấn tại địa bàn cho thấy, các phương tiện nghe nhìn hiện đại như tivi, máy vi tính, điện thoại di động có kết nối với mạng internet,… đã trở thành những thiết bị, đồ dùng quen thuộc trong các gia đình ở Đại Lâm và Bất Lự. Bên cạnh đó, việc sử dụng thời gian nhàn rỗi thông qua các hoạt động tập luyện tập thể thao, văn nghệ hay tham gia sinh hoạt trong các CLB, hội nhóm của người dân ngày càng trở nên phổ biến. Một bộ phận dân cư có điều kiện kinh tế, nhất là giới trẻ thường xuyên lựa chọn đi tham quan, vui chơi, mua sắm vào những lúc có thời gian rảnh rỗi,… Điều đó cho thấy các loại hình và phương thức nắm bắt, trao đổi thông tin cũng như các hoạt động giải trí vốn thường thấy ở các khu vực đô thị đang ngày càng trở nên quen thuộc với người dân ở các làng.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động góp phần thúc đẩy đời sống tinh thần của người dân ở hai làng ngày càng đa dạng, phong phú, hiện đại, sự du nhập

của các yếu tố văn hóa đô thị cũng cho thấy những ảnh hưởng nhất định đến đời sống của cộng đồng dân cư nơi đây. Trong đó, dễ nhận thấy lối sống khép kín, đề cao sự riêng tư cá nhân góp phần nới rộng thêm khoảng cách giữa những người láng giềng, họ hàng cũng như trong các mối quan hệ cộng đồng làng xã. Bên cạnh đó, thói quen sinh hoạt gắn với các dịch vụ, tiện ích hiện đại phần nào làm phai nhạt đi nét tính cách giản dị, thanh đạm thường thấy của người dân ở các làng quê, cũng như dẫn đến xu hướng coi trọng quá mức các giá trị vật chất đang xuất hiện trong một bộ một phận dân cư ở hai làng hiện nay. Ở một mức độ nhất định, đời sống vật chất với những tiện nghi vật chất, đồ dùng, hàng hiệu đắt tiền đã được một bộ phận người dân ở hai làng xem như là một giá trị, là tiêu chí để đánh giá và khẳng định đẳng cấp cuộc sống và sự thành đạt đã gây ra những hệ quả nhất định cũng như có ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong cộng đồng làng hiện nay.

4.2. SỰ THÍCH ỨNG VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ HAI LÀNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI

Từ bức tranh biến đổi văn hóa đa chiều, phức tạp ở Đại Lâm và Bất Lự, không khó để nhận thấy dấu ấn và vai trò của người dân ở hai làng đối với các xu hướng cũng như tính chất, mức độ của sự biến đổi. Bị đặt vào bối cảnh chuyển đổi KT - XH một cách đột ngột và có phần "bất đắc dĩ", nhưng những người dân nơi đây đã nhanh chóng cho thấy năng lực thích ứng của mình khi từng bước bắt nhịp, thích nghi và tự điều chỉnh trong vòng xoáy chuyển đổi, để từ đó không những bám trụ và tồn tại được trong điều kiện mới, mà còn xoay chuyển tình thế, tạo ra lợi ích cũng như cơ hội phát triển cho bản thân và cộng đồng.

Khả năng thích nghi và tự điều chỉnh của người dân ở hai làng thể hiện trước hết và rõ nét hơn cả ở việc họ đã nhanh chóng tìm ra những phương thức sinh kế mới trong bối cảnh đất nông nghiệp và nghề nông, nghề phụ bị suy giảm hoặc không còn. Điều này càng thể hiện rõ với trường hợp Bất Lự. Sau khi nhận được tiền đề bù đất, sớm nhận thấy nhu cầu thuê nhà trọ của những người công nhân, lao động làm việc trong các khu công nghiệp trên địa bàn và khu vực lân

cận, nhiều người dân ở đây đã mạnh dạn đầu tư xây dựng phòng trọ để cho thuê, đem lại nguồn thu nhập tốt và ổn định. Cùng với đó, nhiều gia đình đã phát triển, mở rộng hoạt động buôn bán, kinh doanh các mặt hàng, dịch vụ hướng đến phục vụ, đáp ứng nhu cầu các đối tượng là người lao động ở địa phương khác đang làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, thuê trọ trong làng. Điều này khiến cho cơ cấu lao động, ngành nghề ở Bất Lự có sự chuyển đổi rõ nét, từ vùng quê thuần nông trở thành khu vực có các hoạt động kinh tế năng động với xu hướng gia tăng mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ…

Ở Đại Lâm, sau khi nghề nấu rượu và nuôi lợn suy giảm, đồng thời làng trở thành địa bàn giáp ranh thành phố, trên nền tảng thế mạnh của một làng quê có truyền thống thương nghiệp, nhiều người dân ở đây đã chuyển sang tập trung vào kinh doanh, buôn bán các mặt hàng như lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng hướng đến khu vực thành phố Bắc Ninh như một thị trường tiềm năng. Một bộ phận người dân trong độ tuổi lao động, đủ sức khỏe thì chuyển sang làm công nhân trong các khu công nghiệp, làm nghề dịch vụ vận tải, chở khách, trông trẻ, giúp việc,… Nhìn chung, người dân ở hai làng đã khá nhanh nhạy và sáng tạo để tìm ra hướng đi trong bối cảnh chuyển đổi dựa trên những thế mạnh truyền thống cũng như những điều kiện và nguồn lực từ chính quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Họ đã biến những thách thức thành cơ hội để không chỉ tạo lập cuộc sống ổn định mà còn qua đó nâng cao, phát triển đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Năng lực thích ứng và tự điều chỉnh của người dân hai làng còn thể hiện trong những nỗ lực phục dựng và duy trì hệ thống di tích cũng như các thực hành văn hóa truyền thống của cộng đồng. Có thể nói, quá trình biến đổi của các yếu tố văn hóa ở hai làng mang đậm dấu ấn của các chủ thể văn hóa - cộng đồng dân cư nơi đây với mong muốn phục dựng và tái tạo các yếu tố văn hóa truyền thống sao cho tương hợp với bối cảnh đời sống đang có những đổi thay sâu sắc đồng thời vẫn duy trì, chứa đựng những nét văn hóa đặc trưng được xem là bản sắc của cộng đồng. Trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ tiết, lễ hội, người dân hai làng đã rất linh hoạt, chủ động để các thực hành văn hóa diễn ra phù hợp

với điều kiện thực tế nhưng mặt khác vẫn đảm bảo sự duy trì, tiếp nối được các nét văn hóa truyền thống của làng. Các hoạt động, nghi lễ, thực hành tín ngưỡng diễn ra trong lễ hội hay tại các di tích đều có sự chủ động, lựa chọn của dân làng sao cho phù hợp với bối cảnh hiện đại hóa, mặt khác vẫn đảm bảo sự tiếp nối và bảo lưu những yếu tố truyền thống như mong muốn của họ. Đối với việc phục dựng, làm mới hệ thống các di tích cũng như thu hút đông đảo mọi người tham gia thực hành tín ngưỡng tại đây, người dân cũng rất chủ động, nhanh nhạy trong việc tận dụng, tranh thủ các nguồn đầu tư, hỗ trợ từ phía nhà nước, sự chung tay đóng góp của người dân và cộng đồng để gia tăng nguồn lực cho việc tu bổ, chỉnh chang các không gian thiêng của làng.

Nhìn vào những biến đổi về lối sống và các phong tục, tập quán của cộng đồng làng trong điều kiện KT - XH mới, có thể thấy, một mặt người dân ở Đại Lâm và Bất Lự có sự tiếp thu và hội nhập với đời sống, lối sống đô thị đặc trưng bởi các tiện nghi vật chất, sự đề cao riêng tư cá nhân; mặt khác vẫn nỗ lực bảo lưu, duy trì truyền thống làng xã cũng như coi trọng các giá trị mang tính cộng đồng. Những giá trị truyền thống đó có vai trò như những điểm tựa giúp cộng đồng làng trụ vững và ổn định trước những xung lực của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; việc bảo lưu và giữ gìn các giá trị, bản sắc truyền thống có ý nghĩa như phương thức tự vệ của cộng đồng làng trước những đổi thay mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi như nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra. Kết hợp yếu tố truyền thống với sự chủ động tiếp nhận các yếu tố hiện đại cũng là phương thức phổ biến trong tiếp cận thông tin và các hoạt động giải trí, sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân ở hai làng trong điều kiện mới. Khi sự gắn kết cộng đồng thông qua các mối liên hệ gia đình, hàng xóm bị giảm sút, người dân hai làng đã tái thiết lập các kết nối cá nhân thông qua hình thức tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, hội nhóm dựa trên sở thích, lứa tuổi,…

Trong bối cảnh đời sống hiện đại với sự đa dạng, phong phú các yếu tố, loại hình dịch vụ, người dân ở hai làng bên cạnh việc chú trọng, tiếp nối các phong tục, tập quán truyền thống như ma chay, cưới xin,… đã có sự điều chỉnh cũng như bổ sung những yếu tố mới mang tính dịch vụ, thị trường trong các thực hành văn hóa

này. Điều này giúp cho họ, một mặt bảo lưu được bản sắc truyền thống, mặt khác tạo ra được sự hòa hợp giữa vốn văn hóa cổ truyền với những điều kiện và bối cảnh của đời sống đương đại. Đặc biệt với người dân ở Đại Lâm, các phong tục, tập quán như cưới xin, tang ma vẫn đóng vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống của cộng đồng. Các kết quả khảo sát và phỏng vấn ở đây cho thấy, vai trò của các dòng họ, cộng đồng làng trong mỗi dịp diễn ra các sự kiện này vẫn thể hiện rất rõ nét; việc mời khách, tổ chức ăn uống, cỗ bàn trong những đám cưới, đám tang vẫn được các gia đình, dòng họ rất chú trọng. Có thể nói, đối mặt với quá trình chuyển đổi, người dân ở hai làng đã cho thấy năng lực thích nghi và tự điều chỉnh văn hóa để từ đó một mặt bảo lưu, giữ gìn các giá trị truyền thống của cộng đồng, mặt khác chuyển hóa các yếu tố của quá trình biến đổi để tạo ra những kết quả tích cực cũng như đem lại lợi ích cho cuộc sống của cá nhân và cộng đồng. Có lẽ chính vì thế mà nhìn chung, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa có tác động tích cực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân ở hai làng. Đa số người dân ở cả Đại Lâm và Bất Lự khi được hỏi đều tự đánh giá cuộc sống của họ ở mức khá, giàu hơn so với trước kia.

Có thể nói trong bối cảnh phải đối mặt với những thay đổi sâu sắc và toàn diện của đời sống do những tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, người dân hai làng đã cho thấy năng lực thích ứng và tự điều chỉnh để phù hợp cũng như tạo ra những lợi ích phục vụ cho đời sống từ quá trình này. Hay có thể nói người dân ở hai làng đã tỏ ra linh hoạt và chủ động trong việc ứng phó với những biến đổi. Kết quả này tương đồng với nhiều nghiên cứu đi trước về người nông dân ở các làng quê trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Tác giả Đào Thế Tuấn (2008) nhận xét, người nông dân đã nhạy bén trước cơ chế mới, sáng tạo và dựa trên những tiềm lực - nguồn vốn văn hóa của mình để ứng phó hiệu quả với làn sóng đô thị hóa và công nghiệp hóa. Các tác giả Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương (2016) cũng cho rằng, đối mặt với quá trình đô thị hóa người nông dân ở làng không hề thụ động và xem mình là nạn nhân mà tỏ ra linh hoạt, chủ động trong việc ứng phó với sự thay đổi, biết cách xoay chuyển tình thế để tạo ra những lợi

ích cho cộng đồng và cá nhân họ. Có thể nói, trong bối cảnh chuyển đổi KT - XH mạnh mẽ và sâu sắc, người dân ở Đại Lâm và Bất Lự, trên nền tảng truyền thống vẫn tìm được "lối đi" cho mình, thể hiện năng lực thích ứng và tự điều chỉnh trước những xung lực của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Nhìn chung, đa số họ đều bắt nhịp và hòa hợp được với dòng chảy của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, trở thành bộ phận dân cư đại diện cho cộng đồng làng trong bối cảnh KT - XH hiện đại.

4.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở HAI LÀNG

4.3.1. Sinh kế bền vững và những xáo trộn trong đời sống dân cư

Có thể thấy cùng với sự thu hẹp của đất canh tác, sự suy giảm của các ngành nghề nông nghiệp và nghề phụ, người dân ở Đại Lâm và Bất Lự đã khá linh hoạt, năng động trong việc chuyển đổi sang những ngành nghề mới, đa dạng hóa các phương thức sinh kế, trong đó đáng chú ý là sự gia tăng của các hoạt động buôn bán, kinh doanh, dịch vụ cho nguồn thu nhập đáng kể và ổn định.

Sau khi các dự án khu công nghiệp, khu dân cư - dịch vụ trên địa bàn đi vào hoạt động, người dân Bất Lự đã nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu thuê trọ của những công nhân, lao động đang làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, đồng thời chuyển sang xây dựng các phòng trọ cho thuê. Trên thực tế nghề cho thuê trọ trở thành kênh cho thu nhập khá ổn định của nhiều hộ gia đình ở Bất Lự. Bên cạnh cho thuê nhà trọ, nhiều người dân và hộ gia đình ở đây chuyển sang kinh doanh, buôn bán các mặt hàng, dịch vụ hướng đến phục vụ đối tượng là những người đang thuê trọ ở làng. Ngoài ra, một bộ phận dân cư ở làng đang trong độ tuổi lao động và có đủ sức khỏe đã xin vào làm trong các khu công nghiệp, doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn. Có thể nói, sự linh hoạt, chủ động của người dân ở Bất Lự đã giúp cho họ tìm ra hướng đi trong việc tạo lập phương thức sinh kế mới, sớm thích ứng cũng như giảm thiểu những áp lực trong bối cảnh chuyển đổi, từ đó đem lại cuộc sống sung túc, đầy đủ hơn cho bản thân và cộng đồng.

Ở Đại Lâm, một làng cổ vốn có truyền thống thương nghiệp, việc chuyển đổi sang các ngành nghề liên quan đến kinh doanh, buôn bán vốn không xa lạ gì

với cộng đồng dân cư nơi đây. Kể từ khi đất nước chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường, cùng với sự suy giảm của thương hiệu rượu Đại Lâm cũng như sức ép cạnh tranh từ các mặt hàng được sản xuất theo quy trình công nghiệp, hiện đại, và đặc biệt là khi địa giới hành chính của thành phố Bắc Ninh được mở rộng, Đại Lâm trở thành địa bàn giáp ranh đô thị, người dân ở đây đã nhanh chóng chuyển đổi mặt hàng và phương thức kinh doanh, buôn bán, trong đó có nhiều gia đình đã thôi nghề nấu rượu, chuyển sang đi chợ, mổ lợn hoặc lấy thịt lợn ở các nơi đem phân phối, buôn bán ở các chợ xung quanh, nhất là ở khu vực thành phố Bắc Ninh. Bên cạnh đó, nhiều người dân và gia đình ở đây đã chuyển sang kinh doanh, buôn bán rượu thành phẩm cũng như đồ dùng, nguyên liệu để nấu rượu, vật liệu xây dựng,…

Quá trình chuyển đổi cho thấy sự năng động và chủ động thích nghi của người dân ở hai làng trong việc tìm kiếm và tạo lập phương thức sinh kế mới để có thể tồn tại trong bối cảnh mới khi các sinh kế truyền thống đã không còn, qua đó góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của những người dân ở làng. Mặc dù vậy, có thể thấy so với những phương thức sinh kế truyền thống gắn với đất nông nghiệp cũng như các nghề phụ trước kia, tính bền vững của những ngành nghề, công việc làm ăn mới vẫn là điều tạo ra nhiều băn khoăn, trăn trở cho người dân ở các làng.

Trên thực tế, số lượng các gia đình ở Bất Lự chuyển sang kinh doanh cho thuê trọ và số lượng phòng trọ ở đây vẫn đang không ngừng gia tăng; mặt khác, các phòng trọ ngày càng được nâng cấp, tiện nghi hơn và thu hút một số lượng đáng kể người thuê trọ trên địa bàn, đồng thời đóng vai trò là kênh thu nhập chính của nhiều hộ gia đình ở đây. Tuy nhiên có thể thấy, về lâu dài nguồn khách thuê trọ ở đây không mang tính ổn định, bền vững do số lượng công nhân và người lao động phụ thuộc vào nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn; và thường thì sự gắn bó giữa lao động phổ thông với các đơn vị doanh nghiệp không thực sự được lâu dài. Theo lời cán bộ thôn và người dân ở Bất Lự, nhu cầu tuyển dụng và số lượng lao động của các công ty, doanh nghiệp luôn mang tính "tương đối" vì còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố: yêu

cầu sản xuất, thị trường; và việc họ có tiếp tục duy trì hay mở rộng sản xuất về lâu dài hay không thì cũng không thể biết được. Trong khi đó, việc ngày càng có nhiều gia đình chuyển sang xây dựng nhà trọ cho thuê đôi khi đã dẫn đến tình trạng cung vượt quá cầu, chính vì thế tốc độ phủ kín phòng trọ đang có dấu hiệu chậm dần, việc tìm được người thuê trọ mất nhiều thời gian hơn so với trước đây. Ngoài ra, khi nguồn cung tăng cũng dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các hộ gia đình, đòi hỏi việc thường xuyên nâng cấp, hiện đại hóa các phòng trọ trong khi giá cả cũng phải mang tính "cạnh tranh" hơn. Điều này đã tạo ra những áp lực và khó khăn cho các hộ gia đình hiện đang kinh doanh cho thuê trọ ở Bất Lự.

Không chỉ kinh doanh cho thuê trọ, nhiều ngành nghề, công việc khác cũng đang đứng trước thách thức về yêu cầu về tính ổn định, bền vững ở Bất Lự trong bối cảnh hiện nay. Sau khi các dự án khu công nghiệp, khu dân cư - dịch vụ đi vào vận hành, khai thác, nhiều người dân ở Bất Lự cũng đã lựa chọn vào làm công nhân trong các công ty, doanh nghiệp, nhưng sau một thời gian, số lượng này giảm dần vì nhiều người không đáp ứng được yêu cầu công việc phải làm ca đêm, cũng như mong muốn được ở nhà để ở nhà tự đầu tư buôn bán, kinh doanh riêng. Trên thực tế, có khá nhiều người dân ở Bất Lự, mà đa phần trong đó là những lao động trẻ đi làm công nhân trong các khu công nghiệp được vài năm thì thôi việc, hoặc sau khi xây dựng gia đình thì không tiếp tục lựa chọn gắn bó nữa. Ngoài ra các công việc mang tính thời vụ, ngành nghề tự do như xây dựng, lao động giúp việc, xe ôm, taxi, trông giữ trẻ,… cũng cho thấy tính kém ổn định và khó có thể nói là một phương thức sinh kế lâu dài của dân trong bối cảnh hiện nay.

Ở Đại Lâm sau khi trở thành địa bàn giáp ranh thành phố, nhiều người dân đã nhanh nhạy chủ động, tiếp cận với thị trường đầy tiềm năng này để buôn bán, cung cấp các loại mặt hàng như thịt lợn, rượu nấu và các loại lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác,… Tuy nhiên có thể thấy, trong những năm gần đây, thị trường tiêu thụ các mặt hàng này đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức do các nguồn cung không ngừng tăng lên, các siêu thị, cửa hàng thực phẩm với những thương hiệu lớn xuất hiện ngày càng nhiều, điều đó khiến cho việc buôn bán, kinh doanh của người dân ở đây cũng bị ảnh hưởng đáng kể, các mặt hàng

tiêu thụ chậm, ít hơn so với trước kia. Trước thực tế này, nhiều hộ gia đình ở Đại Lâm cũng đã tính đến những phương án chuyển đổi khi có điều kiện phù hợp.

Có thể nói nhiều phương thức sinh kế mới được người dân ở hai làng "sáng tạo" ra đã đóng góp hiệu quả đáng kể cho việc ổn định cuộc sống trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi, tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa nói chung, sự phát triển của thị trường và nền kinh tế, một số ngành nghề đang cho thấy có dấu hiệu "chững lại" hoặc thậm chí có phần suy giảm do nguồn "cung" vượt quá cầu cũng như do sự cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường… Điều này phần nào cho thấy những thách thức đối với tính bền vững của các phương thức sinh kế mới, đồng thời đặt ra không ít khó khăn cho việc tạo lập cuộc sống ổn định lâu dài của cộng đồng dân cư ở hai làng trong bối cảnh chuyển đổi.

Bên cạnh bức tranh sinh kế, đời sống dân cư ở hai làng cũng có những đổi thay đáng kể theo xu hướng đa dạng hóa các thành phần, tầng lớp dân cư. Điều này được thể hiện đặc biệt rõ đối với trường hợp Bất Lự. Theo lời của một cán bộ thôn ở đây, ước tính hiện số người từ nơi khác chuyển đến thuê trọ cũng như định cư ở Bất Lự lên đến con số hàng nghìn người. Trong đó đa phần là công nhân, người lao động đang làm việc trong các khu công nghiệp, những người từ nơi khác chuyển đến để kinh doanh buôn bán, một số là học sinh, sinh viên. Điều đó khiến cho bức tranh dân cư Bất Lự trở nên hết sức đa dạng và sôi động, mức độ chuyển dịch, cơ động cao, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến việc quản lý cũng như các mối quan hệ xã hội ở làng.

Các thành phần dân cư ở làng được đa dạng hóa và không ngừng gia tăng đã ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội và mạng lưới kết nối ở làng. Nếu trước kia các quan hệ và liên kết xã hội ở làng khá chặt chẽ, có vai trò như "bộ khung" cho sự vận hành của đời sống cộng đồng làng thì hiện nay sự đa dạng và chuyển dịch dân cư liên tục khiến cho các kết nối và quan hệ xã hội trong cộng đồng trở nên lỏng lẻo hơn và dễ bị đứt gãy. Điều này một mặt tạo ra khoảng cách xã hội, mặt khác góp phần thúc đẩy lối sống độc lập với tâm lý "ai biết việc người nấy", dẫn đến tình trạng "ra đường thấy đám thanh niên cũng khó để biết là con cái nhà ai" như lời một số người dân ở Bất Lự chia sẻ. Có thể thấy, mạng lưới liên

kết dân cư bị ảnh hưởng cũng chi phối đáng kể đến mối quan hệ, tương tác, những hành vi ứng xử của người dân ở làng; sự gắn kết cộng đồng theo đó cũng trở nên lỏng lẻo, mờ nhạt hơn.

Sự gia tăng số lượng và các thành phần dân cư, trong đó đa phần là công nhân và lao động làm thuê từ địa phương khác cũng cũng đã gây ra những ảnh hưởng, áp lực nhất định đối với các điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất ở làng. Dân cư đông đúc, đôi khi dẫn đến sự "quá tải" đã kéo theo tình trạng rác thải, nhất là rác thải sinh hoạt gia tăng, gây ảnh hưởng đáng kể đến vấn đề vệ sinh môi trường. Đi cùng với đó là những phức tạp trong việc quản lý cũng như không ít vấn đề nảy sinh từ trong các nhà trọ, xóm trọ; những va chạm giữa những người dân gốc ở làng với những người từ nơi khác đến, giữa những người đến thuê trọ với nhau do những sự khác biệt về lối sống, hành vi, ứng xử,…

Có thể nói sự gia tăng và đa dạng hóa các thành phần dân cư một mặt đem đến những tác động và thay đổi tích cực trong cuộc sống của người dân ở các làng, nhưng mặt khác cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức trong việc quản lý cũng như ổn định cuộc sống của cộng đồng dân cư nơi đây.

4.3.2. Quan hệ cộng đồng và sự ganh đua mang tính thể hiện

Cùng với những thay đổi về đời sống kinh tế, xã hội theo xu hướng công nghiệp hóa và đô thi hóa, các mối quan hệ gia đình, hàng xóm, láng giềng cũng như các quan hệ xã hội trên bình diện cộng đồng ở Đại Lâm và Bất Lự cũng đã có những sự đổi thay rõ nét. Lối sống khép kín, đề cao sự độc lập, các giá trị vật chất trong bối cảnh đời sống kinh tế hết sức đa dạng, sôi động hiện nay đã làm nảy sinh không ít những mâu thuẫn, va chạm liên quan đến hoạt động kinh doanh, buôn bán, đất đai,… khiến cho mối quan hệ xóm làng có những lúc trở nên căng thẳng, xa cách. Sự thân mật gần gũi, tính gắn kết, chia sẻ cộng đồng làng xã vốn là đặc trưng trong đời sống xã hội làng đã và đang dần bị phai nhạt.

Quá trình chuyển đổi KT - XH ở hai làng, một mặt đưa đến sự hình thành lối sống công nghiệp, thị trường mà ở đó đôi khi có sự đề cao thái quá lối sống hưởng thụ và các giá trị vật chất, tuy nhiên mặt khác, nó cũng tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển các phương thức tập hợp, kết nối xã hội mới (thông

qua các CLB, hội, nhóm), điều này không chỉ giúp cho việc củng cố mạng lưới liên kết trong cộng đồng làng xã, mà còn góp phần tạo ra "điểm tựa" vững chắc cho làng trước những tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa. Trong bối cảnh đó, tâm lý đề cao thể diện và sự ganh đua kiểu "con gà ghét nhau tiếng gáy" - nét tính cách vốn được xem là gắn liền với người tiểu nông xưa cũng đã có lúc, có nơi trỗi dậy, dẫn đến những sự cạnh tranh mang tính thể hiện của một bộ phận người dân ở các làng. Những sự ganh đua như vậy mặc dù không đến mức gay gắt và không làm ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ cộng đồng làng xã, tuy nhiên ở mức độ nào đó, nó cũng có tác động đến các mối quan hệ xã hội cũng như cuộc sống của người dân ở hai làng.

Sự biến đổi kinh tế, xã hội diễn ra nhanh chóng, có phần đột ngột, đặc biệt là với trường hợp ở Bất Lự đã đặt các cộng đồng làng vào một bối cảnh mới chưa từng có mà ở đó những ưu tiên và sự quan tâm của người dân phần lớn đều liên quan đến các hoạt động kinh doanh, buôn bán, xây dựng nhà cửa, đất đai, thu nhập, việc làm,… Có thể thấy, những yếu tố này gắn bó chặt chẽ với lợi ích của các cá nhân, hộ gia đình ở hai làng nên cũng dễ dẫn đến những "khúc mắc", va chạm, tranh chấp. Ví như việc có sự nhìn ngó, so đo giữa các hộ gia đình cùng kinh doanh, buôn bán một loại mặt hàng hay cung cấp cùng một loại dịch vụ,…

Bên cạnh sự nhìn ngó, so bì liên quan đến câu chuyện làm ăn, thu nhập, có thể thấy tâm lý cạnh tranh của người dân ở các làng hiện nay thể hiện thông qua sự ưu tiên và kỳ vọng của họ đối với việc học hành của con cái, mong muốn về nghề nghiệp việc làm, xây dựng nhà cửa hay trong việc thể hiện vai trò, trách nhiệm đối với các hoạt động chung của cộng đồng.

Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, đa số người dân ở hai làng có mong muốn và coi trọng việc xây dựng mới/chỉnh trang nhà cửa, coi đó là một trong những ưu tiên hàng đầu khi có điều kiện hay nguồn lực về kinh tế. Đáng chú ý, việc xây dựng nhà ở kiên cố, cao tầng của nhiều người dân hai làng hiện nay ngoài mục đích chủ yếu là giải quyết nhu cầu về chỗ ở và trong trường hợp Bất Lự là kết hợp một phần với kinh doanh cho thuê trọ, còn liên quan đến những lý do khác không hẳn vì yêu cầu sử dụng: do có điều kiện về kinh tế và vì "bây giờ

người ta đều như thế cả". Thậm chí trong một số trường hợp, việc phải cố xây dựng nhà cửa sao cho "bằng anh bằng em" đã tạo ra những áp lực không đáng có, ảnh hưởng đến nguồn lực kinh tế của gia đình, thực tế có một số gia đình trẻ mới ở riêng, sau khi xây nhà xong phải đối mặt với khó khăn, nợ nần.

Nhu cầu thể hiện còn được bộc lộ một phần thông qua việc tham gia đóng góp cho những hoạt động chung của làng hay dòng họ như công đức để xây dựng, tu bổ các di tích, tổ chức lễ hội làng, đóng quỹ họ,... Trong đó việc công đức vào các di tích, lễ hội của làng vốn từ lâu đã trở thành hoạt động bình thường và tự nhiên nhưng đôi khi cũng tạo ra sự nhìn ngó giữa các cá nhân, gia đình, dòng họ. Nhiều gia đình không chỉ muốn có phần đóng góp trội hơn để phục vụ cho việc tu bổ, phục dựng các di tích, lễ hội của làng, mà còn mong muốn có đại diện của gia tộc tham gia trong các ban quản lý di tích, tổ chức lễ hội,… và xem đó như một cách thể hiện vai trò và trách nhiệm đối công việc chung của cộng đồng. Điều này đôi khi cũng tạo ra tâm lý so bì, "ganh đua" giữa các gia đình, dòng họ.

Như đã đề cập ở phần trước, kết quả khảo sát và phỏng vấn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của người dân ở Bất Lự cho thấy, một bộ phận thanh niên ở làng sau một thời gian ngắn vào làm công nhân tại các khu không nghiệp đã rời bỏ công việc và không có ý định quay trở lại. Qua tìm hiểu, NCS được biết, nhiều người trong số họ có suy nghĩ gia đình có điều kiện cũng như trong bối cảnh hiện nay làm giàu không khó nên muốn được chu cấp vốn để tự đứng ra làm ăn, kinh doanh riêng, nói cách khác muốn được làm "chủ" chứ không bằng lòng với việc đi làm thuê. Trên thực tế, mặc dù có một số người trẻ ở làng, bằng sự năng động, nhạy bén đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh và bước đầu đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa với sự đảm bảo cho thành công của những người khác, nhất là trong bối cảnh họ chưa được đào tạo bài bản cũng như không có kinh nghiệm trong những lĩnh vực mình lựa chọn. Trong khi đó bộ phận thanh niên trong độ tuổi lao động nhưng vẫn chưa tìm được công việc như ý này lại bắt nhịp khá nhanh với lối sống đua đòi, chơi bời, hưởng thụ,… dẫn đến những nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến giải quyết việc làm cũng như giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

4.3.3. An ninh trật tự và ô nhiễm môi trường

Bên cạnh tác động tích cực góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao mức sống cho người dân, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh ở nhiều vùng nông thôn cũng cho thấy những vấn đề phức tạp nảy sinh, trong đó đáng chú ý là tình trạng gia tăng các tệ nạn xã hội và vấn nạn ô nhiễm môi trường. Đó là những "hệ lụy" của các vùng nông nghiệp, nông thôn trong quá trình chuyển đổi theo định hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa mà nhiều công trình nghiên cứu đi trước đã chỉ ra. Những tìm hiểu của NCS tại Đại Lâm và Bất Lự cũng cho thấy hai làng đang phải đối mặt với vấn đề tương tự. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị ở Đại Lâm và Bất Lự những năm qua đang bộc lộ nhiều vấn đề xã hội cần quan tâm, đặc biệt đối với trường hợp làng Bất Lự khi tiến trình hiện đại hóa ở làng quê thuần nông này được thực hiện thông qua phương thức hình thành và phát triển các KCN.

Cùng với mức thu nhập được được nâng lên đáng kể, đặc biệt là với số tiền đền bù đất mà theo như lời của nhiều người dân ở Bất Lự "có nằm mơ cũng chẳng dám tin", nhiều hộ gia đình đã "không tiếc tay" chi dùng vào việc xây/sửa nhà cửa, mua sắm các đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt hiện đại để cải thiện đời sống vật chất cũng như "bù đắp" lại những ngày tháng khó khăn, thiếu thốn. Ở Đại Lâm, mặc dù xu hướng sử dụng nguồn lực kinh tế để phục vụ cho nâng cao mức sống không thể hiện rõ nét như ở Bất Lự, tuy nhiên, cùng với sự khởi sắc của đời sống kinh tế, nhiều người dân ở làng cũng đã nghĩ đến chuyển sửa sang, cải tạo nhà cửa cho phù hợp với bối cảnh dân số đang ngày càng gia tăng.

Thực trạng trên đưa đến những biến đổi không nhỏ trong lối sống cũng như hệ giá trị của người dân ở các làng: thói quen sống hưởng thụ, nhu cầu về các giá trị vật chất có xu hướng gia tăng; nhà lầu xe hơi và những đồ dùng, tiện nghi đắt tiền trở thành tiêu chí của cuộc sống văn minh, thành đạt;… Điều đó đòi hỏi sự định hướng kịp thời nhằm tránh nguy cơ dẫn đến "tha hóa" hệ giá trị, chuẩn mực mà thực tế chứng minh đó chính là nguyên nhân sâu xa làm nảy sinh các tượng tiêu cực trong xã hội. Trên thực tế, các tệ nạn xã hội chưa thực sự trở thành vấn đề "nổi cộm" ở địa phương, song rõ ràng đã và đang có dấu hiệu gia tăng, phức tạp

hơn trong những năm gần đây. Nhiều hiện tượng như nghiện hút ma túy, trộm cắp, cờ bạc, chơi lô đề, cá độ bóng đá, hoạt động tín dụng đen,… vốn trước đây xa lạ với đa phần người dân ở các làng thì hiện nay cũng đã xuất hiện.

Trên thực tế, sự thay đổi trong lối sống của người dân, nhất là lối sống của một bộ phận thanh niên theo xu hướng thị trường, đề cao sự hưởng thụ và các giá trị vật chất, cùng với đó là sự bận rộn, ít có thời gian gần gũi, bảo ban con cái của nhiều bậc cha mẹ trong khi lại sẵn sàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của chúng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc nhiều thanh, thiếu niên sa vào các hành vi lệch lạc, tệ nạn xã hội hiện nay. So với ở Đại Lâm, vấn đề tệ nạn xã hội nói chung cũng như hiện tượng thanh niên vướng vào các tệ nạn này ở Bất Lự có xu hướng gia tăng và biểu hiện rõ ràng hơn trong những năm gần đây. Điều đó phần nào cho thấy, ở những nơi chịu sự tác động sớm và mạnh hơn của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa thì nguy cơ xâm nhập, ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội cũng thể hiện rõ nét hơn. Ngoài ra có thể thấy, do nằm giữa hai khu vực đô thị phát triển là thành phố Bắc Ninh và thành phố Từ Sơn, đồng thời là địa bàn có nhiều KCN lớn với hàng ngàn công nhân và người lao động ngoại tỉnh thuê trọ, nên Bất Lự là mảnh đất tiềm năng cho sự du nhập của các tệ nạn xã hội. Và thực tế cũng cho thấy, các hiện tượng tiêu cực, mặt trái của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa du nhập vào đây nhanh hơn, biểu hiện phức tạp hơn so với ở những địa phương khác.

> *"Từ khi có nhiều người ở nơi khác đến thuê trọ và điều kiện kinh tế của các gia đình khá lên thì đúng là tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội cũng có phức tạp hơn. Các hiện tượng như nghiện hút, lô đề cờ bạc, nợ nần, vay lãi, gây gổ mất trật tự xã hội,… bây giờ mới thấy nhiều chứ trước đây ít lắm"*. (L.Đ.A, 52 tuổi, Bất Lự)

Bên cạnh sự gia tăng của các tệ nạn xã hội, tình trạng ô nhiễm môi trường ở hai làng cũng là một vấn đề "nổi cộm" dễ nhận thấy trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các làng hiện nay.

Làng Đại Lâm vốn nổi tiếng với nghề nấu rượu và nuôi lợn. Đó là những ngành nghề chủ đạo đóng góp vào sự phát triển kinh tế cho địa phương, tuy nhiên bên cạnh đó, nó cũng là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi sinh cho làng. Có thời

kỳ hầu như các gia đình ở Đại Lâm đều tham gia nấu rượu và nuôi lợn, tuy nhiên chỉ có khoảng một phần ba số hộ dân xây dựng được hệ thống hầm khí biogas xử lý chất thải, còn lại đều xả trực tiếp ra hệ thống cống rãnh, ao mương mà không qua xử lý dẫn đến môi trường và không khí quanh làng bị ô nhiễm trầm trọng.

Tuy nhiên ở thời điểm NCS tìm hiểu và khảo sát tại làng nghề Đại Lâm thì tình trạng ô nhiễm ở đây đã được cải thiện đáng để. Một cán bộ ban mặt trận ở đây cho biết, từ năm 2007, tỉnh Bắc Ninh đã đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch công suất 1300m^3/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu nước sạch sinh hoạt của 70% số hộ dân ở làng. Tiếp đó, năm 2009, Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường tỉnh đã phối hợp với huyện Yên Phong, xã Tam Đa triển khai dự án thu gom, xử lý nước thải ở Đại Lâm với tổng kinh phí 5,5 tỷ đồng. Dự án đã xây dựng rãnh thoát nước ở 25 ngõ, 10 nhánh với tổng chiều dài 4.448m; 634 hố ga, bể lắng nước thải; đào đắp 1.033m kênh tập trung nước thải, 492m kênh điều hòa sinh học bảo đảm nước sau khi đưa qua đây đủ tiêu chuẩn tưới cho cây trồng; triển khai lắp đặt một trạm bơm cuối kênh điều hòa để đưa nước sau khi xử lý lắng, lọc lên đồng ruộng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Với việc xây dựng đồng bộ các hạng mục cung cấp nước sạch, xử lý nước thải từ quá trình sản xuất rượu và chăn nuôi, tình trạng ô nhiễm môi trường ở làng nghề Đại Lâm đã được hạn chế đáng kể.

Mặc dù không phải đối mặt với bài toán ô nhiễm môi sinh giống như ở Đại Lâm, song do là địa bàn thường xuyên tập trung số lượng lớn công nhân, người lao động từ nơi khác đến thuê trọ, sinh sống, nên từ nhiều năm nay lượng rác thải sinh hoạt ở Bất Lự đã tăng đột biến. Tại thời điểm NCS thực hiện khảo sát và phỏng vấn ở làng, không khó để nhận thấy nhiều địa điểm như rìa đường, góc chợ, rác thải chất thành đống, có nơi rác tràn xuống hệ thống kênh mương, gây ảnh hưởng đến mỹ quan cũng như ô nhiễm môi trường. Nhiều người cho biết, những năm gần đây vấn đề rác thải sinh hoạt ngày càng trở thành nỗi bức xúc, ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống, sinh hoạt của người dân trong làng.

Không chỉ gây ô nhiễm không khí, rác thải còn ảnh hưởng tới hệ thống mạch nước ngầm khiến nhiều giếng khoan trong khu vực bị bẩn đục, ngả màu vàng. Mỗi khi trời mưa to, rác nhiều xảy ra lún, sụt, tràn xuống các kênh mương

bên cạnh gây ách tắc dòng chảy. Tìm hiểu vấn đề này, NCS được một cán bộ xã Hoàn Sơn cho biết, từ năm 2013, sau khi tiến hành khảo sát thực tế, UBND xã đã kiến nghị lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hỗ trợ, tìm giải pháp khắc phục. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện sau đó đã hợp đồng với công ty môi trường thu gom và xử lý tại chỗ bằng cách phun thuốc khử mùi, rắc vôi bột sau đó phủ bạt kín. Tình trạng ô nhiễm được khắc phục một phần. Mặc dù vậy, nhiều người dân sinh sống ở đây cho rằng, việc xử lý rác sinh hoạt tại chỗ chỉ là giải pháp tình thế, đồng thời mong muốn UBND huyện và các đơn vị chức năng cần có biện pháp xử lý vấn đề rác thải ở địa phương một cách triệt để nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường như hiện nay.

Trong bối cảnh phải đối mặt với nguy cơ và hậu quả của vấn nạn ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, người dân ở Bất Lự đã có nhiều nỗ lực và cách làm hay nhằm huy động sự chung sức, tham gia của cả cộng đồng để cùng nhau bảo vệ, gìn giữ môi trường sinh thái của làng sanh - sạch - đẹp. Hằng tháng, Ban công tác Mặt trận ở đây đều tổ chức một buổi lao động tập thể, huy động bà con dân làng tham gia làm vệ sinh công cộng. Tất cả mọi người ở trong làng, từ già đến trẻ, đều dành thời gian quét dọn đường làng ngõ xóm, phát quang bụi rậm, thu vớt rác thải ở các hồ, ao,.. đồng thời tự ý thức, nhắc nhở nhau giữ gìn vệ sinh chung. Trong các gia đình, người lớn có trách nhiệm bảo ban, hướng dẫn con trẻ vứt rác đúng nơi quy định,… Ngày làm vệ sinh công cộng cũng là thời gian bà con gặp gỡ, giao lưu với nhau, góp phần củng cố thêm sự gắn kết tình làng nghĩa xóm.

4.4. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Từ việc tìm hiểu những biến đổi về văn hóa ở hai làng Đại Lâm và Bất Lự, luận án đề xuất một số kiến nghị nhằm phát huy những yếu tố tích cực và giảm thiểu những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân hai làng hiện nay.

4.4.1. Đối với các cấp chính quyền địa phương

Việc chuyển dịch lao động cần được tính toán, xây dựng kế hoạch phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong quá trình này công tác đào tạo nghề cũng như định hướng nghề nghiệp, việc làm cho người dân gắn với đặc thù lao

động trên địa bàn đóng vai trò quan trọng. Trên thực tế, một bộ phận đáng kể người dân ở các làng sau khi không còn ruộng đất (ở Bất Lự) và thôi làm nghề phụ (nấu rượu, chăn nuôi lợn ở Đại Lâm) đã gặp phải khó khăn trong tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp mà một phần nguyên nhân bắt nguồn từ công tác hỗ trợ đào tạo nghề chưa hiệu quả, thực chất.

Cần chú trọng hơn nữa việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng ở các làng để tạo điều kiện cho đông đảo người dân có cơ hội gặp gỡ, giao lưu nhằm củng cố sự gắn bó, đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Thực tế chứng minh các hoạt động này có vai trò rất đáng kể trong việc gắn kết cộng đồng, gắn kết dân làng với cán bộ lãnh đạo thôn xã, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, đồng thời đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao của người dân ở các làng.

Cần từng bước nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ và người dân ở các làng vai trò, ý nghĩa của các giá trị truyền thống, các di sản văn hóa ở địa phương. Từ đó có ý thức và hành động đúng đối với việc kế thừa, bảo tồn giá trị của hệ thống các thể di tích, lễ hội, thực hành tín ngưỡng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền các chủ trương, quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trên địa bàn dân cư.

Việc thực hiện các chính sách, pháp luật, quy định liên quan đến đất đai cần được triển khai, thực hiện nghiêm túc, có sự giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm nếu có vi phạm, tránh để xảy ra tình trạng chiếm dụng đất trái phép hoặc sử dụng đất không đúng mục đích hiện vẫn còn diễn ra ở các làng.

Cần định hình các tiêu chí để nhận diện và phân biệt ranh giới giữa mê tín dị đoan và các thực hành tín ngưỡng mang bản sắc văn hóa truyền thống tại các di tích, cơ sở tôn giáo, thờ tự,… trên địa bàn. Các tiêu chí được xây dựng dựa trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan quản lý, chuyên môn, tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học cũng như truyền thống, tập quán của địa phương. Đây là việc làm cần thiết để chấn chỉnh, lành mạnh hóa các hoạt động tín ngưỡng ở các làng, đồng thời giữ gìn, phát huy được những nét đẹp văn truyền thống của cộng đồng.

Cần xây dựng quy hoạch điểm tập kết rác thải có quy mô phù hợp ở các

làng. Các điểm tập kết rác thải cần đáp ứng yêu cầu thuận tiện cho việc đổ, xả rác của người dân cũng như cho việc thu gom, vận chuyển. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh thôn xóm, để rác đúng chỗ, đúng nơi quy định; phát huy và nhân rộng mô hình giữ gìn vệ sinh cộng đồng ở Bất Lự, hàng tuần/tháng các xóm, ngõ thực hiện việc dọn dẹp vệ sinh tập trung, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tăng cường sự gắn kết cộng đồng cũng như giáo dục thế hệ thanh thiếu niên về việc giữ gìn xanh - sạch - đẹp làng xã.

Vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao ý thức của người dân về vấn đề này cần được quan tâm, chú trọng hơn. Tích cực thực hiện tuyên truyền pháp luật, hướng dẫn về vệ sinh an toàn thực phẩm; có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm theo chủ đề thông qua hệ thống băng rôn, khẩu hiệu, tờ tin ở các khu vực chợ (cả chợ chính và chợ tạm). Thực tế ở hai làng hiện nay, ngoài chợ chính còn rất nhiều chợ tạm, điểm tập trung bán hàng tự phát hoạt động không thực sự đảm bảo về vệ sinh, an toàn, ảnh hưởng đến quyền lợi và sức khỏe của người dân. Ngoài ra các hoạt động tuyên truyền phòng chống hàng giả, hàng kém chất lượng cũng cần được quan tâm hơn. Với đặc thù về địa bàn và dân cư, nhất là ở Bất Lự khi có một số lượng lượng lớn công nhân và lao động làm thuê trong các KCN thuê trọ, nhu cầu và lượng hàng hóa lưu chuyển lớn dễ làm phát sinh vấn đề hàng giả, hàng nhái.

Cần thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, kỹ thuật mới cho bộ phận người dân vẫn tham gia sản xuất nông nghiệp ở các làng, trong đó chủ yếu là những hộ gia đình ở Đại Lâm hiện vẫn duy trì nghề nấu rượu và chăn nuôi lợn theo phương pháp truyền thống cho hiệu quả thấp đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề vệ sinh môi trường.

Việc nắm bắt thông tin và quản lý những người thuê trọ ở các làng, nhất là ở Bất Lự cần được quan tâm, chú trọng. Cán bộ thôn và người dân cần phối hợp lập danh sách những người đang người thuê trọ tại các gia đình với những thông tin cơ bản: quê quán, số CMND, nơi làm việc, công việc cụ thể… cũng như

thường xuyên cập nhật nếu có thay đổi để phục vụ hiệu quả cho việc quản lý cũng như phòng ngừa nguy cơ nảy sinh liên quan đến vấn đề an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội.

Công tác bảo vệ an ninh, tuyên truyền nhằm ngăn ngừa, đề phòng các tệ nạn xã hội cần được quan tâm, tăng cường. Thiết lập cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin phù hợp, hiệu quả giữa lực lượng chức năng với các tổ chức, nhóm hội, CLB và từng gia đình trong việc truyên truyền, phổ biến kiến thức cũng như theo dõi, nắm bắt thông tin liên quan phục vụ cho việc bảo đảm, giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn.

4.4.2. Đối với người dân ở hai làng

Cần quan tâm chú trọng đến mối liên hệ và sự gắn kết cộng đồng, trong đó việc thường xuyên chăm lo, củng cố các mối quan hệ trong gia đình, xóm giềng, họ hàng đóng vai trò quan trọng. Trong bối cảnh kinh tế, xã hội hiện nay, mối liên hệ cộng đồng, sự qua lại tương trợ lẫn nhau dường như bị xem nhẹ, dẫn tới suy giảm đáng kể.

Phát huy tính tự quản cũng như nâng cao vai trò của các thiết chế như hội nhóm, CLB trong việc xây dựng lối sống lành mạnh, hiện đại văn minh. Có cơ chế phối hợp giữa các CLB, hội nhóm với bộ máy chính quyền và các đoàn thể trong thôn xã nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, giữ gìn an ninh, trật tự trong cộng đồng.

Cần nâng cao nhận thức, hiểu biết về nghề nghiệp, việc làm trong bối cảnh chuyển đổi. Các gia đình, cá nhân cần trang bị những kiến thức cũng như có sự định hướng đúng đắn, phù hợp đối với việc tìm kiếm, chuyển đổi nghề nghiệp hiện nay.

Cần có nhận thức đúng về việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, lễ hội, hoạt động tín ngưỡng truyền thống của làng. Thực tế hiện nay, việc tu bổ phục dựng các di tích, lễ hội, thực hành tín ngưỡng ở Đại Lâm và Bất Lự dường như mới chỉ chú trọng đến mặt "phát triển" mà chưa nhìn nhận đúng mức việc bảo tồn vốn cổ, giữ gìn giá trị lịch sử của các di tích, lễ hội. Điều này dẫn đến xu hướng đặt nặng về mặt "lượng", xây dựng và tổ chức sao cho hoành tráng, ấn

tượng chứ chưa thực sự quan tâm đến nét truyền thống, bản sắc của các di sản và hoạt động văn hóa.

Việc tu sửa, xây mới các di tích cũng như mở rộng hoạt động lễ hội, hoạt động tín ngưỡng cần có sự phối hợp, tham vấn cơ quan chuyên môn, đơn vị quản lý cũng như các chuyên gia, các nhà khoa học một cách thận trọng, tránh để xảy ra những sai sót, làm ảnh hưởng đến giá trị, ý nghĩa văn hóa của công trình, lễ hội sau khi được phục dựng, mở rộng.

Nên nhìn nhận một cách đúng đắn về bản chất và ý nghĩa của hoạt động đóng góp, công đức vào các di tích, lễ hội ở làng hiện nay. Trên thực tế, một bộ phận dân cư ở các làng coi việc đóng góp phục vụ cho việc tu bổ, phục dựng các di tích hay tổ chức lễ hội truyền thống hiện nay là một cách để thể hiện bản thân, gia đình hay dòng họ, dẫn đến những hiệu ứng không tốt đối với hoạt động này cũng như ảnh hưởng nhất định đến mối quan hệ làng xã.

Tiểu kết chương 4

Quá trình biến đổi văn hóa ở hai làng do tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cho thấy, những thay đổi trong đời sống kinh tế, mức sống cũng như trong cấu trúc xã hội và dân cư ở hai làng đóng vai trò là tiền đề và tác nhân quan trọng đưa đến sự biến đổi về mặt văn hóa của các cộng đồng dân cư nơi đây. Những phương thức sinh kế mới, sự xáo trộn và gia tăng các thành phần, tầng lớp dân cư tạo thành nền cảnh chủ đạo dẫn tới những thay đổi trong đời sống của cộng đồng làng, từ lối sống, nếp sống đến các thị hiếu, thực hành tín ngưỡng,… Trong bối cảnh ấy, vai trò và dấu ấn của người dân ở hai làng - những chủ thể văn hóa được thể hiện rõ nét thông qua năng lực thích nghi và tự điều chỉnh văn hóa. Đối mặt với những thay đổi sâu sắc của đời sống KT - XH, người dân ở hai làng đã chủ động, linh hoạt, xoay xở nhằm không chỉ thích ứng với bối cảnh mới, mà còn tranh thủ, tận dụng những yếu tố và nguồn lực sẵn có từ quá trình biến đổi để đem lại những lợi ích thiết thực cho cá nhân và cộng đồng.

Sự biến đổi về văn hóa của các cộng đồng dân cư ở Đại Lâm và Bất Lự do tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa những năm

qua diễn ra đa dạng, phức tạp với nhiều xu hướng đan xen. Trong đó, các yếu tố văn hóa truyền thống, một mặt vẫn được bảo lưu, tiếp nối, mặt khác đã có sự điều chỉnh, cải biến và đi cùng với đó là sự xuất hiện những yếu tố, sắc thái văn hóa mới gắn với lối sống công nghiệp, hiện đại. Điều này được thể hiện khá rõ ở hệ thống các di tích, lễ hội và hoạt động thực hành tín ngưỡng của người dân ở hai làng. Sự tiếp nối và tái tạo các yếu tố truyền thống cũng như sự góp mặt của các yếu tố văn hóa mới khiến cho bức tranh văn hóa của cộng đồng dân cư hai làng ngày càng trở nên đa dạng, phong phú hơn.

Các hoạt động văn hóa truyền thống như lễ tiết, lễ hội, thực hành tín ngưỡng,… ngày càng thu hút sự tham gia đông đảo của các thành phần, tầng lớp dân cư, ở cả trong làng và ngoài làng. Điều này, một mặt cho thấy nhu cầu giải trí và văn hóa tinh thần của người dân ở các làng đang ngày càng tăng lên, mặt khác biểu hiện mạng lưới kết nối và quan hệ xã hội của cộng đồng dân cư nơi đây không ngừng được mở rộng. Xu hướng này cũng cho thấy ý nghĩa của các hoạt động văn hóa truyền thống trong việc đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân ở hai làng trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi. Đồng thời, nó đóng vai trò là chất xúc tác, "đòn bẩy" giúp cho các sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở hai làng ngày càng được quan tâm, chú trọng, được tổ chức với quy mô mở rộng lớn hơn và chu đáo hơn.

Quá trình biến đổi văn hóa ở Đại Lâm và Bất Lự cũng cho thấy xu hướng gia tăng của nhu cầu và những yếu tố liên quan đến đời sống tâm linh của người dân nơi đây, trên bình diện cộng đồng cũng như trong các gia đình, dòng họ. Việc người dân ngày càng quan tâm, chú trọng hoạt động thực hành tín ngưỡng tại các di tích, hay cúng lễ trong các gia đình, dòng họ, một mặt bắt nguồn từ tâm lý hướng về tổ tiên, mặt khác được xem như phương thức để giáo dục, trao truyền ý thức và niềm tự hào về cội nguồn cho các thế hệ con cháu. Xu hướng gia tăng của các yếu tố văn hóa tâm linh cũng thấy vai trò "điểm tựa tinh thần" của các giá trị truyền thống đối với cuộc sống của cộng đồng dân cư ở các làng, đồng thời thể hiện sự kết nối giữa những di dản truyền thống với nhu cầu và cuộc sống thường nhật của người dân trong bối cảnh KT - XH chuyển đổi.

Trong sự đa dạng, phong phú của bức tranh văn hóa ở Đại Lâm và Bất Lự hiện nay có sự xuất hiện của nhiều yếu tố, sắc thái văn hóa có nguồn gốc từ đô thị. Nổi lên trong đó là không gian kiến trúc nhà ở theo phong cách hiện đại; lối sống công nghiệp, thị trường, đề cao sự độc lập và riêng tư cá nhân gắn với các yếu tố dịch vụ, tiện nghi hiện đại; người dân ngày càng tích cực, chủ động hơn trong tham gia kết nối vào gia mạng vào lưới các quan hệ xã hội… Sự mở rộng giao lưu, tiếp biến các yếu tố văn hóa đô thị khiến cho bức tranh văn hóa ở hai làng mang diện mạo hiện đại và năng động hơn.

Quá trình biến đổi văn hóa của cộng đồng dân cư hai làng với nhiều xu hướng đan xen, bên cạnh những tác động và hiệu ứng tích cực cũng làm nảy sinh một số vấn đề cần quan tâm: sinh kế bền vững của người dân trong bối cảnh chuyển đổi, những xáo trộn trong đời sống dân cư; vấn nạn ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải sinh hoạt; sự suy giảm của những mối quan hệ láng giềng, họ hàng, làng xã và đi cùng với đó là những sự cạnh tranh mang tính thể hiện; vấn đề an ninh, trật tự, nguy cơ nảy sinh tệ nạn xã hội trong bối cảnh đời sống xã hội, dân cư có nhiều xáo trộn,…

Tất cả những điều đó đặt ra thách thức đối với việc xây dựng, lành mạnh hóa đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng dân cư ở hai làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

KẾT LUẬN

1. Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh những năm qua đã và đang tạo ra những bước phát triển đột phá. Đáng chú ý trong đó là sự gia tăng của các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ và công nghiệp tập trung ở các vùng nông thôn. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cũng góp phần đẩy nhanh việc hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên phạm vi toàn tỉnh.

Ở các làng quê, nhất là những nơi bị lấy đi một phần đáng kể diện tích đất nông nghiệp để chuyển sang phục vụ cho xây dựng các KCN, khu chế xuất, khu đô thị,… quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa đến những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế, xã hội: cơ cấu lao động, nghề nghiệp chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa với sự gia tăng đáng kể của các hoạt động buôn bán, kinh doanh, dịch vụ, qua đó giúp nâng cao thu nhập và mức sống; điều kiện hạ tầng, giao thông, nhà ở được cải thiện; dân số cơ học gia tăng cũng như nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh. Đó chính là những tiền đề, điều kiện đưa đến sự biến đổi về văn hóa của các cộng đồng dân cư nơi đây.

2. Cùng với những biến đổi về đời sống kinh tế, xã hội là những chuyển biến trong bức tranh văn hóa, tinh thần của cộng đồng dân cư ở các làng quê. Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp đáng kể và đi cùng với đó sự xuất hiện của những hình thức tập trung dân cư mới, hệ thống kết cấu hạ tầng, những công trình dân sinh,… khiến cho làng quê mang dáng dấp của các đô thị, năng động và hiện đại hơn. Trong không gian ấy, mối quan hệ gắn kết truyền thống trong gia đình, họ hàng, làng xóm có biểu hiện giảm sút, lỏng lẻo. Các di tích, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán, một mặt vẫn được hết sức coi trọng tiếp nối và bảo lưu, mặt khác đã có sự cải biến, cập nhật, bổ sung thêm nhiều yếu tố văn hóa mới mang hơi thở cuộc sống đương đại. Lối sống và nhu cầu hưởng thụ văn hóa có nhiều thay đổi khi một bộ phận người dân ở làng ngày càng thoát ly khỏi nông nghiệp, trong đó đáng chú ý là xu hướng sống độc lập, khép kín, đề cao sự tự do cá nhân và có phần coi trọng các giá trị vật chất. Hoạt động tiếp cận thông tin và giải trí ngày càng đa dạng, hiện đại hơn với các phương tiện, loại hình vốn thường thấy ở các khu vực đô thị.

Thực tế nghiên cứu ở hai làng Đại Lâm và Bất Lự cho thấy, có sự khác nhau về khả năng bắt nhịp cũng như thích ứng với biến đổi của người dân ở các nhóm tuổi, nghề nghiệp. Những người trẻ tuổi, làm nghề kinh doanh, buôn bán, dịch vụ,… tỏ ra thích ứng với sự biến động nhanh hơn so với những người lớn tuổi, vốn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, làm nghề phụ. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, mức độ, thời gian tác động và phương thức chuyển đổi của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đưa đến những khác biệt trong các chiều kích biến đổi về văn hóa ở hai làng: Bất Lự nằm trên địa bàn có các KCN, đồng thời có quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa lâu hơn dẫn đến sự biến đổi diễn ra đậm nét hơn. Ở Đại Lâm, nơi vẫn duy trì được những cơ sở KT - XH truyền thống, một bộ phận người dân vẫn gắn bó với sản xuất nông nghiệp và làm nghề phụ, thành phần dân cư khá thuần nhất thì những sắc thái văn hóa truyền thống được bảo lưu, thể hiện khá rõ nét.

3. Sự biến đổi văn hóa ở các làng quê do tác động và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra phức tạp, đa tuyến với nhiều xu hướng đan xen. Trong đó, các yếu tố văn hóa truyền thống, một mặt vẫn được bảo lưu, tiếp nối, mặt khác đã có sự điều chỉnh, cải biến để phù hợp hơn với điều kiện KT - XH hiện đại; đi cùng với đó là sự xuất hiện những yếu tố, sắc thái văn hóa mới gắn với lối sống công nghiệp, thị trường. Các hoạt động văn hóa truyền thống như lễ tiết, lễ hội, thực hành tín ngưỡng tại các di tích,… ngày càng thu hút sự tham gia đông đảo của nhiều thành phần, tầng lớp dân cư, ở cả trong làng và ngoài làng. Quá trình biến đổi văn hóa ở Đại Lâm và Bất Lự cũng cho thấy xu hướng gia tăng của nhu cầu và những yếu tố liên quan đến đời sống tâm linh của người dân hai làng, trên bình diện cộng đồng cũng như trong các gia đình, dòng họ. Ngoài ra, có thể thấy, trong sự đa dạng, phong phú của bức tranh văn hóa ở hai làng hiện nay có sự xuất hiện của nhiều yếu tố, sắc thái văn hóa có nguồn gốc từ đô thị; điều đó khiến cho bức tranh văn hóa ở hai làng mang một diện mạo hiện đại và năng động hơn.

Quá trình biến đổi văn hóa ở hai làng cho thấy sự năng động, chủ động thích ứng và tự điều chỉnh của những người dân nơi đây trong việc bắt nhịp và hòa nhập với vòng xoáy chuyển đổi, với bối cảnh và những điều kiện mới của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa để từ đó tìm kiếm và tạo ra những lợi ích

phục vụ cho nhu cầu đời sống: từ việc "lợi dụng" những điều kiện KT - XH mới để đa dạng hóa các phương thức sinh kế, nâng cao thu nhập và mức sống đến tranh thủ các nguồn lực nhằm phục dựng và bảo lưu các di tích, lễ tiết, lễ hội cũng như các thực hành văn hóa truyền thống của cộng đồng. Đối mặt với quá trình chuyển đổi, các chủ thể văn hóa ở hai làng đã rất linh hoạt, chủ động xoay xở để khắc phục những khó khăn, tìm kiếm và nắm bắt các cơ hội để đem lại lợi ích cho bản thân và cộng đồng.

Có thể thấy, các xu hướng biến đổi văn hóa ở Đại Lâm và Bất Lự đan xen, hòa quyện vào nhau, nhưng không diễn ra đồng hướng với cùng một mức độ ở các làng; thậm chí trong cùng một xu hướng, các phương diện và chiều cạnh cũng không đồng đều, "đồng thuận" với nhau. Sự đa dạng, đa tuyến và phức tạp của quá trình biến đổi tạo nên diện mạo văn hóa có sự đan xen, pha trộn, chuyển hóa giữa các yếu tố cũ và mới, truyền thống và hiện đại, quen thuộc mà mới mẻ - nét đặc trưng thường thấy trong bức tranh văn hóa của các cộng đồng dân cư nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, không khó để nhận thấy trong bức tranh bức tranh biến đổi đa dạng, phức tạp với sự đan xen và trộn lẫn giữa những xu hướng và hình thái của sự biến đổi, các sắc thái văn hóa truyền thống của cộng đồng làng vẫn hiện hữu, bền bỉ, vững chắc, đóng vài trò nền tảng, chi phối các yếu tố và sắc thái văn hóa làng trong bối cảnh đương đại.

Quá trình biến đổi văn hóa của cộng đồng dân cư ở các làng quê, bên cạnh những yếu tố tích cực, cũng cho thấy những tác động, ảnh hưởng không mong muốn và nảy sinh nhiều vấn đề bất cập cần quan tâm. Nổi lên trong đó là những vấn đề liên quan đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bài toán giải quyết việc làm, tạo lập sinh kế bền vững cho người dân ở các làng sau khi bị thu hồi đất sản xuất, tình trạng ô nhiễm môi trường, sự giảm sút của các mối quan hệ cộng đồng cũng như vấn đề an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong bối cảnh dân cư có nhiều xáo trộn,… Thực trạng trên đặt ra nhiều thách thức đối với việc thực hiện định hướng mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; củng cố, xây dựng đời sống văn hóa của các cộng đồng dân cư nông thôn cũng như bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống hướng đến xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trịnh Vương Cường (2014), "Biến đổi văn hóa nông thôn giai đoạn hiện nay: một số biểu hiện và xu hướng", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận,* ISSN 0868 - 3247, 4(125), tr.56-61
2. Trịnh Vương Cường (2015), "Biến đổi cơ cấu nghề nghiệp và tác động của nó đến văn hóa nông thôn hiện nay", *Tạp chí Giáo dục lý luận,* ISSN 0868 - 3492, (230), tr.77-80
3. Trịnh Vương Cường (2019), "Biến đổi lối sống nông thôn, nông dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Việt Nam hội nhập, ISSN 2525 - 250X, (118), tr.41-47*
4. Trịnh Vương Cường (2019), "Biến đổi văn hóa làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa", *Tạp chí Giáo dục lý luận,* ISSN 0868 - 3492, (299), tr.32-38
5. Trịnh Vương Cường (2020), "Những nhân tố tác động đến biến đổi văn hóa làng trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa", *Tạp chí Việt Nam hội nhập, ISSN 2525 - 250X, (141), tr.37-44*
6. Trịnh Vương Cường (2021), "Biến đổi cơ cấu xã hội nghề nghiệp và tác động của nó đến văn hóa nông thôn hiện nay", *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, ISSN 1859 – 4965, (39), tr.27 - 30*
7. Trịnh Vương Cường (2021), "Những biến đổi cơ bản trong văn hóa làng hiện nay", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, ISSN 0866 – 8655, (482), tr.28-32*
8. Trịnh Vương Cường (2021), "Tác động của biến đổi cơ cấu xã hội nghề nghiệp đến văn hóa làng hiện nay", *Tạp chí Giáo dục và xã hội, ISSN 1859 – 3917, (11), tr.381 - 386*
9. Trịnh Vương Cường (2022), "Xu hướng biến đổi văn hóa làng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, ISSN 2354 – 1040, (84), tr.69-76*

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Tài liệu tiếng Việt**

1. Đào Duy Anh (2015), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới (tái bản theo nguyên bản năm 1938), Hà Nội.
2. Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Khánh (2014), "Biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (6), (79), tr.87-94.
3. A.X.Caromin (2010), *Văn hóa học*, (Bản dịch của Hoàng Vinh), St Peterburg, Moscow, Krasnoda.
4. A.A.A.Radughi (Chủ biên) (2014), *Văn hóa học Những bài giảng*, Viện văn hóa Thông tin, Hà Nội, Bản dịch của Vũ Đình Phòng, Từ Thị Loan hiệu đính.
5. Nguyễn Duy Bắc (2008), *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Từ điển bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.
6. Hoàng Chí Bảo (2017), *Biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm đổi mới*, tại trang, http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=bd35c16e-8089-4056-9248-e0c1d7a31d1d&groupId=13025, [truy cập 21/3/2020].
7. Trần Văn Bính (1998), *Văn hóa trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương (2016), *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa: trường hợp làng Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đặng Kim Chi (Chủ biên) (2005), *Làng nghề Việt Nam và môi trường*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
11. Phạm Quỳnh Chinh (2016), *Văn hoá làng trong quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Chủ nghĩa xã

hội khoa học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
13. Nguyễn Đức Cao (2018), *Báo cáo tổng kết 20 năm xây dựng phát triển các khu công nghiệp Bắc Ninh,* tại trang http://izabacninh.gov.vn/xem-tin-tuc/20-ban-quan-ly-cac-kcn-bac-ninh-50/bao-cao-tong-ket-20-nam-xay-dung-phat-trien-cac-kcn-bac-ninh-6055.html, [truy cập ngày 18/1/2020].
14. Phạm Hùng Cường (2014), *Làng xã truyền thống Việt Nam: bảo tồn và phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
15. Trần Cường, Hải Yến (2020), *Tổng kết công tác giảm nghèo giai đoạn 2016-2020,* tại trang http://bacninhtv.vn/tin-tuc-n10396/tong-ket-cong-tac-giam-ngheo-giai-doan-20162020.html, [truy cập ngày 15/2/2021].
16. Nguyễn Văn Dân (2009), *Con người và văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Phan Đại Doãn (2001), *Làng Việt Nam - một số vấn đề kinh tế - xã hội - văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Phan Đại Doãn (2004), *Mấy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đinh Xuân Dũng (Chủ biên) (2005), *Xây dựng làng văn hóa ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Hà Nội.
21. Phạm Xuân Đại (2014), "Xóm ở làng quê Bắc Bộ qua các thời kỳ lịch sử", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (8/81), tr.69-78.
22. Bùi Xuân Đính (1998), *Bàn thêm về mối quan hệ giữa làng và xã qua qui mô cấp xã thời phong kiến*, trong Đinh Xuân Lâm, Dương Lan Hải (chủ biên), *Nghiên cứu Việt Nam, một số vấn đề lịch sử kinh tế-xã hội- văn hoá*, Hà Nội, Nxb Thế giới, Hà Nội.

23. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2009), *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai (Hà Nội) - truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Lê Quý Đức (2003), *Các giải pháp phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
26. Ngô Văn Giá (2007), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Phan Hồng Giang (2005), *Đời sống văn hóa ở nông thôn đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
28. Thân Thị Hạnh (2016), "Văn hóa làng vùng đồng bằng Bắc Bộ", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (1/98), tr.62-69.
29. Mai Văn Hai, Ngô Ngọc Thắng (2003), "Về sự biến đổi mô hình phong tục hôn nhân ở châu thổ sông Hồng qua mấy thập niên gần đây", *Tạp chí xã hội học* (2), tr.28-35.
30. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2005), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
31. Mai Văn Hai (2007), *Gia đình, dòng họ - những giá trị cơ bản của văn hóa làng xã Việt Nam*, tại trang http://www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 02/8/2020].
32. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2018), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Lê Hân (2001),"Ô nhiễm làng nghề ở Bắc Ninh - Cái chết được báo trước", *Báo Diễn đàn doanh nghiệp*, ngày 14/6/2001.
34. Vũ Thị Phương Hậu (20118), *Một số biến đổi trong văn hóa làng ở đồng bằng Bắc Bộ*, tại trang http://lyluanchinhtri.vn, [truy cập 28/3/2020].
35. Vũ Thị Hiên (2018), *Sự biến đổi của văn hóa làng trong quá trình đô thị hóa*, tại trang http://www.vusta.vn, [truy cập 16/8/2020].
36. Lê Thị Hiển (2019), *Một dòng văn hóa vật thể ven sông Cầu*, tại trang http://www.vusta.vn, [truy cập ngày 15/8/2020].

37. Diệp Đình Hoa (Chủ biên) (2000), *Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Lưu Khương Hoa (2016), *Lối sống thanh niên nông thôn ngoại thành Hà Nội hiện nay (qua khảo sát trường hợp xã Cổ Loa huyện Đông Anh và xã Thụy Hương huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Lê Như Hoa (2003), *Bản sắc dân tộc trong lối sống hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
40. Tô Thị Mai Hoa (2017), *Tập trung đầu tư, phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới*, tại trang http://syt.bacninh.gov.vn, [truy cập ngày 5/11/2020].
41. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), *Văn hóa trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay*, Hà Nội.
42. Tô Duy Hợp (1997), *Xã hội học nông thôn* (tài liệu tham khảo nước ngoài), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Tô Duy Hợp (Chủ biên) (2000), *Sự biến đổi của làng - xã Việt Nam hiện nay ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Tô Duy Hợp (2003), *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Đỗ Danh Huấn (2010), "Làng Việt - đối tượng nghiên cứu của khu vực học", *Tạp chí Khoa học*, (26), tr.15-23.
46. Nguyễn Thị Huệ (2018), *Biến đổi giá trị văn hóa làng, xã trong quá trình đô thị hóa*, tại trang http://vhnt.org.vn, [truy cập 18/8/2020].
47. Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
48. Đỗ Huy (2002), *Nhận diện văn hóa Việt Nam và sự biến đổi của nó trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đỗ Huy (2008), *Lối sống dân tộc - hiện đại, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.

50. Vũ Tuấn Huy (2004), *Xu hướng gia đình ngày nay (Một vài đặc điểm từ nghiên cứu thực nghiệm tại Hải Dương)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Huyên (2003), "Lối sống của người Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hóa", *Tạp chí Triết học*, (12), tr.29-34.
52. Nguyễn Văn Huyên (2005), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
53. Nguyễn Đắc Hưng (2017), *Văn hóa làng và nhân cách người Việt*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đào Thị Minh Hương, Đặng Xuân Thanh (2003), "Thích nghi văn hóa-xã hội: mô hình lý thuyết hợp nhất", *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, (6), tr.52-62.
55. Phan Thị Mai Hương (2010), *Những biến đổi tâm lý của cư dân vùng ven đô trong quá trình đô thị hóa*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
56. Thanh Hương (2018), *Bắc Ninh bảo tồn phát huy giá trị văn hóa của các lễ hội truyền thống*, tại trang http://dantocmiennui.vn, [truy cập ngày 15/1/2020].
57. Chu Thu Hường (2021), *Biến đổi không gian làng Đồng Kỵ (Từ Sơn – Bắc Ninh)*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
58. Huyện Yên Phong (2016), *Di tích lịch sử văn hóa,* tại trang http://yenphong.bacninh.gov.vn/news/-/details/22336/di-tich-lich-su-van-hoa, [truy cập 25/5/2020].
59. Lương Văn Hy, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Quyển 1, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
60. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Làng văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
61. Nguyễn Xuân Kính (2002), "Nghề và làng nghề với chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, (3), tr.15-18.
62. Bùi Thị Lan (2007), *Giải quyết những vấn đề xã hội nảy sinh từ việc thu hồi đất nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa và phát triển khu công nghiệp*

ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

63. Lê Thị Lan (2015), "Tư tưởng làng xã ở Việt Nam", *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam*, (3/88), tr.31-39.
64. Ngô Văn Lệ (2010), *Văn hóa tộc người - truyền thống và biến đổi*, Nxb Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.
65. Phan Đăng Long (2010), "Một số yếu tố tác động đến biến đổi văn hóa đô thị Hà Nội từ 1986 đến nay", in trong *Công trình phát triển bền vững thủ đô Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
66. Lê Hồng Lý (2007), "Làng nghề, phố nghề trogn bối cảnh toàn cầu hóa", *Tạp chí văn hóa dân gian*, (1), tr.25-30.
67. Lê Hồng Lý (2008), *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội, tín ngưỡng*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
68. Nguyễn Hữu Minh (2003), "Đô thị hóa và phát triển nông thôn ở Việt Nam - một số vấn đề cần quan tâm nghiên cứu", *Tạp chí Xã hội học*, (3), tr.15-20.
69. Nguyễn Hữu Minh (Chủ nhiệm) (2003), *Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa*, Báo cáo đề tài khoa học cấp viện, Viện Xã hội học, Hà Nội.
70. Nguyễn Hữu Minh và cộng sự (2005), "Biến đổi kinh tế - xã hội ở vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa", *Tạp chí Xã hội học*, (1), tr.56-64.
71. Phạm Xuân Nam (2005), *Văn hoá vì phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Phạm Xuân Nam (2008), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
73. Lê Viết Nga (Chủ biên) (2013), *Di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Bắc Ninh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
74. Nguyễn Đức Nghinh (2002), "Làng xã cổ truyền Việt Nam ở Bắc Bộ trên đường chuyển biến", trong *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia xuất bản, Hà Nội.
75. Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
76. Nguyễn Quang Ngọc (2017), *Quan hệ nhà nước làng xã: quá trình lịch sử và bài học kinh nghiệm*, tại trang http://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/724-

quan-he-nha-nuoc--lang-xa-qua-trinh-lich-su-va-bai-hoc-kinh-nghiem, [truy cập 05/11/2020].

77. Phan Ngọc (2005), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
78. Nhiều tác giả (2008), *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp những vấn đề đặt ra*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
79. Papine Philippe và Oliver Tessier (Chủ biên) (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
80. Piere Gourou (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, *Hội Khoa học lịch sử Việt Nam*, Viện Viễn đông Bác Cổ Pháp, Nxb Trẻ, Hà Nội.
81. Phùng Hữu Phú (2017), *Đô thị hóa ở Việt Nam - từ góc nhìn nông nghiệp, nông thôn, nông dân*, tại trang http://baochinhphu.vn, [truy cập ngày 22/8/2020].
82. Bùi Thị Kim Phương (2010), *Từ làng đến phố: Đô thị hóa và quá trình chuyển đổi lối sống ở một làng ven đô Hà Nội (trường hợp phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)*, Luận văn Thạc sĩ, Trung tâm thông tin Thư viện Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
83. Nguyễn Thị Phương (2020), *Biến đổi của gia đình nông thôn trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay*, tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/, [truy cập ngày 21/6/2021].
84. Lương Hồng Quang, Nguyễn Tuấn Anh và Phạm Nam Thanh (2000), "Thực trạng văn hóa nông thôn đương đại và những xu hướng biến đổi", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (7), tr.15 - 23, (8), tr.55-61.
85. Lương Hồng Quang (Chủ biên) (2011), *Câu chuyện làng Giang (các khuynh hướng, giá trị và khuôn mẫu trong một xã hội đang biến đổi)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
86. Nguyễn Trung Quế (1994), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
87. Nguyễn Văn Quyết (2013), *Nghiên cứu sự biến đổi văn hóa của các cộng động nông nghiệp - nông thôn trong quá trình phát triển các khu công nghiệp (thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Đồng Nai)*, (Luận án tiến

sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam).

88. Phạm Văn Quyết (2012), "Những biến đổi của xã hội nông thôn Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Khoa học*, (28), tr.234-243.
89. Nguyễn Sĩ (2007), *Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Bắc Ninh từ năm 1986 đến nay: thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
90. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Nam Sơn (2009), "Biến đổi cơ cấu xã hội và tác động của nó đến nông dân, nông thôn hiện nay", *Tạp chí Cộng sản*, (804), tr.23-28.
92. Phan Thái Sơn (2020), *Bắc Ninh tạo đột phá trong quy hoạch hạ tầng đô thị*, tại trang https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/bac-ninh-tao-dot-pha-trong-quy-hoach-ha-tang-do-thi--613698, [truy cập 16/1/2021].
93. Nguyễn Văn Sửu (2014), *Công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam: trường hợp một làng ven đô Hà Nội*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
94. Phan Thanh Tá (2012), *Văn hóa cổ truyền trong làng xã Việt Nam hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
95. H.Tâm, L.Khải (2021), *Bắc Ninh trong tốp đầu cả nước chỉ số về tiếp cận, phổ cập giáo dục*, tại trang http://bacninhtv.vn/tin-tuc-n11034/bac-ninh-trong-top-dau-ca-nuoc-chi-so-ve-tiep-can-pho-cap-giao-duc.html, [truy cập ngày 19/4/2021].
96. H.Tâm, L.Khải (2021), *Bắc Ninh nâng tỷ lệ đô thị hóa lên 55%*, tại trang http://bacninhtv.vn/tin-tuc-n10521/nam-2025-bac-ninh-nang-ty-le-do-thi-hoa-len-55.html, [truy cập 16/1/2021].
97. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
98. Bùi Đình Thanh (2002), "Góp phần tìm hiểu lý thuyết cơ cấu - chức năng", *Tạp chí Xã hội học*, (4), tr.13-19.

99. Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu (2005), *Phong tục làng xóm Việt Nam*, Nxb Phương Đông, Cà Mau.

100. Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường (2009), *Tác động của đô thị hóa - công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

101. Nguyễn Văn Thắng (2016), *Biến đổi văn hóa ở nông thôn giai đoạn 2011 - 2020*, tại trang http://vhnt.org.vn, [truy cập 25/4/2020].

102. Võ Văn Thắng (2006), *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay (từ góc độ văn hóa truyền thống dân tộc)*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.

103. Khổng Văn Thắng (2018), *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay*, tại trang https://tcnn.vn/news/detail/39533/Giai_phap_phat_trien_nguon_nhan_luc_o_tinh_Bac_Ninh_trong_giai_doan_hien_nayall.html, [truy cập 18/6/2020].

104. Trần Ngọc Thêm (2008), *Tính cộng đồng và tính tự trị: hai đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam*, trong *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

105. Trần Ngọc Thêm (2013), *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tái bản lần thứ 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

106. Hoàng Bá Thịnh (2008), *Công nghiệp hóa nông thôn và những biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

107. Ngô Đức Thịnh, Phan Đăng Nhật (Đồng chủ biên) (2000), *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

108. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

109. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

110. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong Đổi mới và hội nhập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

111. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

112. Đinh Khắc Thuân (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

113. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chị thị số 24/2005/CT-TTg ngày 26/8/2005 về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa XI về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*, Hà Nội.

114. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 Phê duyệt đồ án chung quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

115. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 15, 16, 17*, Hà Nội.

116. Tổng cục Thống kê (2018), *Infographic: Dân số cả nước đạt 93,7 triệu người trong năm 2017*, tại trang http://hanoimoi.com.vn/Infographic/Xa-hoi/887924/infographic-dan-so-ca-nuoc-dat-937-trieu-nguoi-trong-nam-2017, [truy cập 24/01/2020].

117. Nguyễn Thị Huyền Trang (2015), "Hoạt động của các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2005 - 2012", *Tạp chí Khoa học*, (1/66), tr.60-69

118. Tôn Nữ Quỳnh Trân (Chủ biên) (1999), *Văn hóa làng xã trước sự thách thức của đô thị hóa tại thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

119. Trương Xuân Trường (2003), "Một số biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn vùng châu thổ sông Hồng hiện nay", *Tạp chí Xã hội học*, (3/83), tr.28-41.

120. T.T (2019), *Bắc Ninh vùng đất của lễ hội và di tích*, tại trang http://tapchidulich.net.vn/bac-ninh-vung-dat-cua-le-hoi-va-di-tich.html, [truy cập 15/9/2020].

121. Nguyễn Đình Tuấn (2007), "Một số biến đổi trong quan hệ ứng xử và sử dụng thời gian rỗi của người dân vùng chuyển đổi từ xã thành phường", *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 4/2007, tr.34-41.

122. Nguyễn Đình Tuấn (2012), "Quan hệ gia đình ven đô dưới tác động của đô thị hóa (Nghiên cứu trường hợp tại Định Công, Hoàng Mai và Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội)", *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, (5), tr.28-34.

123. Nguyễn Đình Tuấn (2013), *Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng đô thị hóa: nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh*

Khai, Hà Nội, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

124. Nguyễn Ngọc Tuấn (2003), *Những vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường vùng ven các đô thị lớn trong quá trình phát triển bền vững*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
125. Nguyễn Thanh Tuấn (2006), *Biến đổi văn hóa đô thị Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa t6hông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
126. Đào Thế Tuấn (2010), *Đô thị hóa và đô thị hóa ven đô Hà Nội*, Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, Hà Nội, 2010.
127. Đinh Công Tuấn (2016), *Biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội.
128. Trần Văn Túy (2017), *Bắc Ninh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để bước vào chu kỳ phát triển mới*, tại trang http://www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập 06/11/2020].
129. Lê Thị Tuyết (2014), *Sự biến đổi của lối sống làng xã vùng châu thổ Bắc Bộ (Qua nghiên cứu trường hợp làng Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Khoa Văn hoá học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
130. UBND tỉnh Bắc Ninh (2013), *Báo cáo tổng hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Văn bản báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy, tháng 3/2013.
131. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2012), *Quyết định số 1143 ngày 18 tháng 01 năm 2012 Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ thôn Bất Lự và thôn Móng Làng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du*, Bắc Ninh.
132. Lê Ngọc Văn (2007), "Mô hình tìm hiểu và quyết định hôn nhân ở nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới", *Tạp chí Xã hội học*, (3), tr.24-36.

133. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Xã hội học (2004), *Những nghiên cứu chọn lọc về xã hội học nông thôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

134. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn háo ở nước ta*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

135. Huỳnh Khái Vinh (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn mực giá trị xã hội,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

136. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học, Hà Nội.

137. Trần Quốc Vượng (2007), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

138. Đỗ Trọng Vỹ (1997), *Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

139. Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Anh**

140. B Hillman: *The rise of the community in rural China: Village politics, cultural identity and Religious Revival in a Hui Hamlet*, The China journal, No.51.

141. Halpern, Joel M.: *The Changing village Community*, Englewood Cliffs, N.J: :Prentice Hall, 1967.

142. Hùng, Nguyễn Gia (2016), *fte cult of village guardian deities in contemporary Vietnam: the re-invention of a tradition,* Doctor of Philosophy thesis, School of Humanities and Social Inquiry, University of Wollongong, 2016

143. Hy V. Luong: *Revolution in the Village: Tradition and Transformation in North Vietnam, 1925-1988*, Honolulu: University of Hawaii Press, 1992.

144. Hy V. Luong (edited): *Postwar Vietnam: dynamics of a Transforming society*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore and Rowman & Littlefield Publishers. Inc, 2003.

145. K.Harada: *The Village in Transition: Development and Cultural, Economic, and Social Changes in Mae Kampong Village, Chiang Mai, Thailand*,

Proceedings of International Conference on Science, Technology, Humanities and Business Management, 29-30 July 2016, Bangkok.

146. M Guo, I Chi và M Silverstein (2012): *The Structure of Intergenerational Relations in Rural China: A Latent Class Analysis,* Journal of Marriage and Family, 74, 1114-1128.
147. Manning Nash (1955), *Som Notes on Village Industrialization in South and East Asia*, Economic Development and Cultural Change, Vol.3, No.3, pp.271-277.
148. Muhammad Shahzad, Muhammad Nadir Shahzad, Summer Fatima, Shahid Hussain và Touqeer (2015), *Impact of modernization and changing traditional values of rural setup in district khushab*, The Explorer Islamabad: Journal of Social Sciences, Vol-1, Issue (10):394-397.
149. Nguyen Tuan Anh - Annuska Derks, *Vietnamese villages in the contex globalization*, Social Sciences Information Review, Vol.7, No.2, June, 2013.
150. Published (2011), *Vietnamese Kinship: Structural Principles and the Socialist Transformation in Northern Vietnam*, https://www.cambridge.org/core/journals/journal-of-asian-studies/article/vietnamese-kinship-structural-principles-and-the-socialist-transformation-in-northern-vietnam - Published online: 01 March 2011, date 15/4/2017.
151. Qiu Fengxian**,** *Analysis on Intergenerational Conflict in Daily Life in Rural Area A Case of Li Village in Northern Anhui* (2014) China Agricultural University Journal of Social Sciences Edition, 2014 -04.
152. R Malik and M Ali, *The Impact of Urbanization on Agriculture Sector: A Case Study of Peshawar, Pakistan*, Journal of Resources Development and Management, An International Peer-reviewed Journal, Vol.8, 2015.
153. Rigg, Jonathan, *More than the soil: rural change in SE Asia,* London: New York: Routledge: 2014.
154. Rigg, Jonathan, *Redefining the village and rural life: lessons from Southeast Asia,* The Geographical, Vol.160, No.2 (July 1994), pp.123-135.

155. Scott, James C.: *The moral economy of the Peasant: Rebillion and Subsistence in Southeast Asia*, New Haven: Yale University Press, 1976.
156. Scott, James C.: *Weapon of the Weak: Everyday forms of Peasant resistance*, New Haven: Yale University Press, 1985.
157. Winthrop, Robert H (1991), *Dictionary of concepts in Cultural Anthropology* [Từ điển các khái niệm nhân học văn hóa], New York: Greenwood Press.
158. Zaidi, Hafeez, S.M.: *The village cultural in transition*, East-West Center Press, Honolulu, 1970.
159. Zhao Shuang (2010): *The Change of Family Intergenerational Relationship in Rural China:the Combination of Cultural and Structural Approach*, Youth Studies, 2010-01
160. Zhao Shuang (2012), *The Structure of Intergenerational Relations in Rural China: A Latent Class Analysis*.

*** Website**

161. https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU-123/20159/1/7.pdf) - truy cập 16/1/2016.
162. https://vi.wikipedia.org/Biến_đổi_xã_hội - truy cập 25/1/2018
163. https://vi.wikipedia.org/wiki/Toàn_cầu_hóa - truy cập 18/1/2018
164. http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-hoc-ung-dung/van-hoa-do-thi/372-ton-nu-quynh-tran-van-hoa-lang-xa-trong-do-thi-hoa.html - truy cập 12/4/2017
165. http://www.vusta.vn/vi/news/Trao-doi-Thao-luan/Su-bien-doi-cua-van-hoa-lang-trong-qua-trinh-do-thi-hoa-49098.html - truy cập 18/5/2017
166. https://www.tapchicongsan.org.vn//bien-doi-cua-gia-dinh-nong-thon-trong-qua-trinh-xay-dung-nong-thon-moi-hien-nay.aspx - truy cập 16/1/2021
167. http://www.baobacninh.com.vn/vi/web/bbn/chi-tiet-giao-thong-xay-dung/-/details/20182/phan-au-nang-ty-le-o-thi-hoa-cua-tinh-nam-2020-at-khoang38 - truy cập 16/11/2020

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VIỆN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

PHIẾU PHỎNG VẤN HỘ GIA ĐÌNH

Đề tài: **BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG Ở BẮC NINH HIỆN NAY**

Thưa ông/bà!

Để góp phần tìm hiểu những thay đổi trong đời sống văn hóa và đưa ra một số kiến nghị nhằm xây dựng đời sống văn hóa của người dân ở các làng quê, chúng tôi tiến hành cuộc khảo sát đề tài "*Biến đổi văn hóa làng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay*".

Hộ gia đình ông/bà là một trong nhiều hộ được chọn ngẫu nhiên để phỏng vấn về các vấn đề liên quan. Chúng tôi cam kết toàn bộ nội dung cuộc phỏng vấn sẽ được giữ kín và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

*** Thông tin định danh**:

Họ và tên chủ hộ: .....

Tuổi:.....

Thôn, xã:.....

(*** Lưu ý**: Các thông tin tên, tuổi, địa chỉ,… của người tham gia khảo sát hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng làm tư liệu của người nghiên cứu đề tài).

A. THAY ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ

A1. Nghề nghiệp của ông (bà) trước năm 2007 và sau năm 2007 là gì?
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Nghề nghiệp	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt)		
2	Làm nghề		
3	Công nhân - làm thuê		
4	Thủ công nghiệp		
5	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ		
6	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh lớn		
7	Cán bộ, công chức, viên chức		
8	Quân đội, công an		
9	Nghỉ hưu/mất sức		
10	Lao động giản đơn		
11	Cho thuê nhà trọ		
12	Không nghề		
13	Nghề nghiệp khác (ghi rõ)		

A2. Gia đình ông (bà) đã và đang có đất sản xuất nông nghiệp không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Đã từng có ☐
2. Đang có ☐
3. Chưa bao giờ ☐

A2.a. Nếu đang có thì diện tích đất nông nghiệp hiện nay so với trước năm 2007 như thế nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Tăng lên nhiều ☐
2. Tăng lên ít ☐
3. Như cũ ☐
4. Giảm ít ☐
5. Giảm nhiều ☐

A2.b. Nếu đã từng có đất nông nghiệp thì tại sao hiện nay không còn? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Do nhà nước thu hồi phục vụ các mục tiêu phát triển công nghiệp, đô thị ☐
2. Do gia đình không có nhu cầu nên trả/cho/bán ☐
3. Lý do khác (ghi rõ):…….
   …….

A3. Ông (bà) vui lòng cho biết thông tin về thực trạng nhà ở của gia đình. *(Đánh dấu X vào ô tương ứng) (Có thể lựa chọn nhiều phương án).*

STT	Loại nhà	Diện tích (m2)	Năm xây/sửa nhà
1	Biệt thự		
2	Nhà từ 2 tầng trở lên		
3	Nhà mái bằng		
4	Nhà mái ngói		
5	Nhà có chia phòng riêng cho các thành viên trong gia đình		
6	Khác (ghi cụ thể):		

A4. Ông (bà) vui lòng cho biết diện tích các loại đất của gia đình (đất ở, đất canh tác, đất vườn, đất kinh doanh,…) trước đây và hiện nay?

STT	Loại đất	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Tổng diện tích đất thổ cư		
2	Tổng diện tích đất canh tác		
3	Đất vườn (nếu có)		
4	Đất kinh doanh, nhà xưởng (nếu có)		

A5. Nơi ở của ông (bà) có những loại hình dịch vụ nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng) (có thể chọn nhiều phương án)*

1. Kinh doanh vàng bạc ☐
2. Phòng khám tư nhân ☐
3. Khách sạn - nhà nghỉ ☐
4. Dịch vụ internet (games) ☐
5. Trang điểm - quay phim ☐
6. Quán ăn sáng ☐
7. Nhà hàng ☐
8. Quán giải khát ☐
9. Sửa chữa bảo dưỡng ô tô - xe máy ☐
10. Photocopy ☐
11. Cầm đồ ☐

A6. Ông (bà) vui lòng cho biết những ngành nghề nào dưới đây đóng góp chính vào nguồn thu nhập của gia đình? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng) (có thể chọn nhiều phương án).*

STT	Nghề nghiệp	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt)		
2	Làm nghề		
3	Công nhân - làm thuê		
4	Thủ công nghiệp		
5	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh nhỏ		
6	Dịch vụ, buôn bán, kinh doanh lớn		
7	Cán bộ, công chức, viên chức		
8	Quân đội, công an		
9	Nghỉ hưu/mất sức		
10	Lao động giản đơn		
11	Cho thuê nhà trọ		
12	Nghề nghiệp khác (ghi rõ)		

A7. Ông (bà) có thể ước tính thu nhập của cả gia đình trong 1 năm? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

Số tiền	Trước năm 2007	Sau năm 2007
Dưới 5 triệu đồng		
Từ 5 triệu - dưới 10 triệu		
Từ 10 triệu - dưới 15 triệu		
Từ 15 triệu - dưới 20 triệu		
Từ 20 triệu - dưới 25 triệu		
Từ 25 triệu - dưới 30 triệu		
Từ 30 triệu - dưới 40triệu		
Từ 40 triệu trở lên		

A8. Ông (bà) tự đánh giá thế nào về mức sống của gia đình (thời điểm trước năm 2007 và hiện nay)? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

STT	Mức sống	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Giàu		
2	Khá giả		
3	Trung bình		
4	Nghèo		

A9. Ông (bà) có đánh giá mức sống của gia đình hiện nay so với mức sống của gia đình thời điểm trước năm 2007 như thế nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Khá hơn rất nhiều ☐
2. Khá hơn ☐
3. Không khá hơn chút nào ☐
4. Kém đi ☐
5. Kém đi nhiều ☐

B. THAY ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

B1. Ông (bà) đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của sức khỏe đối với bản thân cũng như đối với các thành viên khác trong gia đình? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

STT	Tầm quan trọng	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Đặcbiệt quan trọng		
2	Rất quan trọng		
3	Quan trọng		
4	Bình thường		
5	Không để ý		

B2. Trong năm vừa qua, Ông (bà) có đi kiểm tra, thăm khám sức khỏe ở đâu không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Phòng khám tư ☐
2. Bệnh viện tư ☐
3. Bệnh viện, Trung tâm y tế huyện ☐
4. Bệnh viện tỉnh ☐
5. Bệnh viện Trung ương ☐
6. Không phải đi khám ☐

B3. Nếu có tiền, gia đình ông (bà) sẽ sử dụng vào việc gì là chủ yếu *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)* (có thể chọn nhiều phương án)

1. Xây/sửa nhà ☐
2. Gửi tiết kiệm/cho vay lãi ☐
3. Đầu tư mới hoặc mở rộng sản xuất/kinh doanh ☐
4. Đầu tư cho con cái (học tập, nghề nghiệp,….) ☐
5. Dể dành cho con cháu ☐
6. Mua sắm tiện nghi gia đình ☐
7. Đi tham quan, du lịch ☐
8. Khác (ghi rõ):……..

B4. Theo Ông (bà) tiêu chuẩn về sự giàu có, thành đạt trước đây và hiện nay là thế nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)* (Có thể lựa chọn nhiều phương án)

STT	Tiêu chuẩn giàu có, thành đạt	Trước đây	Hiện nay
1	Nhà cao cửa rộng		
2	Con cái ngoan ngoãn, học giỏi		
3	Nhà đẹp		
4	Đồ dùng sang trọng		
5	Xe hơi		
6	Có công ty riêng		
7	Con cái học cao, thành đạt		
8	Con cái làm ăn tốt		
9	Khác (ghi rõ):		

B5. Ông (bà) đã chọn vợ (chồng) của mình theo những tiêu chuẩn nào? Và theo Ông (bà) những tiêu chuẩn nào hiện nay được thanh niên địa phương quan tâm khi lựa chọn vợ/chồng? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)* (có thể lựa chọn nhiều phương án)

STT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn lựa chọn của ông (bà)	Tiêu chuẩn lựa chọn của thanh niên địa phương
1	Hình thức đẹp		
2	Khỏe mạnh		
3	Con nhà khá giả		
4	Con nhà gia giáo		
5	Có học vấn		
6	Biết làm kinh tế		
7	Nghề nghiệp ổn định		
8	Chăm chỉ		
9	Người tốt		
10	Vì yêu người ấy		
11	Gần nhà		

C. THAY ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

C1. Ông (bà) thường tham gia các lễ hội nào trong năm? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Hội đình ☐
2. Hội chùa ☐
3. Hội đền ☐
4. Lễ hội khác (ghi rõ):……

C2: Ông (bà) đánh giá thế nào về việc tổ chức của các lễ hội ở làng hiện nay so với trước đây? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Lễ hội vẫn được tổ chức như truyền thống ☐
2. Lễ hội có một số thay đổi so với truyền thống ☐
3. Lễ hội thay đổi hẳn so với truyền thống ☐
4. Ý kiến khác (ghi rõ):…….

C3. Ông (bà) có thường xuyên tham gia các hoạt động dưới đây không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

1. Giỗ họ ☐
2. Đóng góp quỹ họ ☐
3. Cúng lễ tại gia đình ☐
4. Khuyến học họ ☐
5. Hỗ trợ vốn, nghề nghiệp trong họ ☐
6. Cúng lễ tại đình, chùa, đền, miếu,... ☐

C4. Hiện nay và trước năm 2007 mỗi khi gia đình có việc quan trọng (cưới xin, tang ma...), ông (bà) thường nhờ sự giúp đỡ từ những nguồn dưới đây ở mức độ nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

STT	Nguồn giúp đỡ	Hiện nay				Trước năm 2007			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không bao giờ	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không bao giờ
1	Chính quyền địa phương								
2	Các đoàn thể								
3	Anh chị em ruột								
4	Họ hàng								
5	Hàng xóm								
6	Bạn bè								
7	Thuê dịch vụ								
8	Nguồn giúp đỡ khác (ghi rõ):								

C5. So với trước năm 2007, ông (bà) thấy các phong tục, tập quán ở địa phương hiện nay như thế nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

STT	Các phong tục tập quán	Đồng ý	Không đồng ý
1	Đám cưới, đám ma ít thủ tục, nghi lễ hơn		
2	Kinh phí tổ chức ít tốn kém hơn		
3	Tổ chức ăn uống ít hơn		

4	Nhiều hoạt động mới được bổ sung hơn		
5	Nhiều công việc sử dụng dịch vụ hơn		
6	Khác (ghi rõ):		

C6. Ông (bà) cho biết những đồ dùng, tiện nghi nào gia đình sử dụng trước năm 2007 và hiện nay? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*(có thể lựa chọn nhiều phương án)

STT	Đồ dùng, tiện nghi	Trước năm 2007	Sau năm 2007
1	Điện thoại cố định		
2	Điện thoại di động		
3	Tivi		
4	Máy vi tính		
5	Thiết bị kết nối mạng Internet		
6	Quạt điện		
7	Điều hòa		
8	Bếp ga		
9	Tủ lạnh		
10	Xe đạp		
11	Xe máy		
12	Ô tô		

C7. Ông (bà) có thường xuyên sử dụng các dịch vụ dưới đây không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)(có thể lựa chọn nhiều phương án)*

STT	Các dịch vụ	Mức độ sử dụng			
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Phòng khám tư nhân				
2	Dịch vụ internet				
3	Nhà hàng				
4	Quán ăn sáng				
5	Quán cà phê - giải khát				
6	Sửa chữa bảo dưỡng ô tô - xe máy				
7	Chụp ảnh - quay phim				
8	Nấu cỗ				
9	Tổ chức sự kiện (Cưới xin, tang ma, tân gia, giỗ chạp, mừng thọ,…)				
10	Trang điểm				
11	Dịch vụ cho thuê ô tô				
12	Khác (ghi rõ):				

C8. Mức độ hài lòng của ông bà đối với hoạt động của các phương tiện thông tin và các địa điểm sinh hoạt văn hóa tại địa phương? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng)*

STT	Các loại hình thông tin	Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Không để ý
1	Đài truyền thanh				
2	Khẩu hiệu				
3	Pa nô				
4	Áp phích				
5	Nhà văn hóa				
6	Sân chơi thể thao, văn nghệ				
7	Điểm bưu điện, thư viện,…				

C9. Ông (bà) thường tiếp nhận thông tin từ các nguồn nào dưới đây? (Đánh dấu X vào ô tương ứng) (có thể lựa chọn nhiều phương án).

1. Tivi ☐
2. Rađiô ☐
3. Internet ☐
4. Đọc sách, báo ☐
5. Thông qua bạn bè, người dân ☐
6. Qua người làng ☐
7. Hội viên sinh hoạt chung trong các Câu lạc bộ, hội, nhóm,… ☐
8. Đối tác làm ăn ☐
9. Khác (ghi rõ):……

C9. Những lúc rảnh rỗi Ông (bà) thường làm gì (trước đây và hiện nay)? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng).*

STT	Hoạt động	Trước đây	Hiện nay
1	Xem ti vi, đọc sách báo		
2	Đọc báo		
3	Nghe đài		
4	Làm việc nhà		
5	Chơi thể thao		
6	Sang hàng xóm chơi		
7	Gặp bạn bè		
8	Khác (ghi rõ):		

C10. Ông (bà) có tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, hội, nhóm,… nào không (thời điểm trước năm 2007 và hiện nay). *(Đánh dấu X vào ô tương ứng).*

STT	Hình thức sinh hoạt	Trước 2007	Hiện nay
1	Đồng niên		
2	Đồng học		
3	Đồng ngũ		
4	Hội nghề nghiệp		
5	Đội cúng, tế		
6	CLB văn nghệ		
7	CLB thể thao		
8	CLB sinh vật cảnh		
9	Khác (ghi rõ)		

C11. Trong 3 năm gần đây, ông (bà) có đi tham quan, du lịch ở đâu không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng).*

STT	Hoạt động	Thời gian		Hình thức tổ chức	
		Ngắn ngày	Dài ngày	Tự túc	Công ty du lịch
1	Tham quan du lịch nước ngoài				
2	Tham quan, du lịch trong nước				

C12. Ông (bà) có thường xuyên tham gia vào các hoạt động dưới đây không? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng) (có thể lựa chọn nhiều phương án)*

1. Đóng góp tu bổ các di tích ☐
2. Đóng góp tu bổ các công trình thờ tự của dòng họ ☐
3. Các hoạt động cúng, lễ ở làng và dòng họ ☐

C13. Theo ông bà, các hoạt động cúng, lễ ở làng và dòng họ hiện nay thay đổi so với trước đây thế nào? *(Đánh dấu X vào ô tương ứng).*

1. Không thay đổi ☐
2. Đơn giản hơn ☐
3. Đa dạng hơn ☐
4. Người dân (trong họ) tham gia đông hơn ☐
5. Nhiều hoạt động dịch vụ hơn ☐
6. Kinh phí tổ chức (đóng góp) được nâng lên ☐

C14. Theo ông (bà) lý do khi tham gia các hoạt động cúng, lễ ở làng (và ở dòng họ) của người dân là gì? *(Đánh dấu X vào ôtương ứng) (có thể lựa chọn nhiều phương án)*

1. Hướng về tổ tiên ☐
2. Vì điều kiện kinh tế khá giả hơn ☐
3. Vì tin rằng có thờ có thiêng, có kiêng có lành ☐
4. Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng ☐
5. Để tư tưởng, tâm lý được yên tâm, thoải mái ☐
6. Giáo dục ý thức uống nước nhớ nguồn, giá trị văn hóa cho con cháu ☐
7. Khác (ghi rõ):……

Phụ lục 2

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN CHÍNH

1. LÀNG BẤT LỰ

Số TT	Họ và tên	Tuổi	Nghề nghiệp/Công việc
1	Vũ Xuân Thường	53	Bí thư Chi bộ
2	Lê Đức Quyền	65	Nghỉ hưu
3	Dương Văn Quyền	38	Làm thuê
4	Lê Đức Lương	40	Bán hàng cơm
5	Lê Thị Thủy	54	Làm đậu
6	Lê Đức Anh	52	Công nhân
7	Vũ Thị Nguyệt	52	Cho thuê nhà trọ
8	Vũ Văn Tích	68	Trưởng thôn Bất Lự Làng
9	Vũ Văn Đức	65	Nghỉ hưu
10	Lê Thị Liễu	47	Cán bộ phụ nữ

2. LÀNG ĐẠI LÂM

Số TT	Họ và tên	Tuổi	Nghề nghiệp/Công việc
1	Nguyễn Văn Linh	40	Kinh doanh tự do
2	Nguyễn Tiến Nam	39	Công chức nhà nước
3	Nguyễn Văn Đán	68	Làm ruộng
4	Ngô Văn Cự	74	Làm ruộng
5	Nguyễn Thị Thêm	67	Bán Hàng
6	Nguyễn Tiến Bộ	60	Nghỉ hưu
7	Trần Văn Tuyến	49	Buôn bán
8	Ngô Văn Họp	53	Lao động tự do
9	Nguyễn Văn A	65	Làm ruộng
10	Ngô Văn Kết	66	Làm ruộng

Phụ lục 3

SƠ ĐỒ LÀNG ĐẠI LÂM

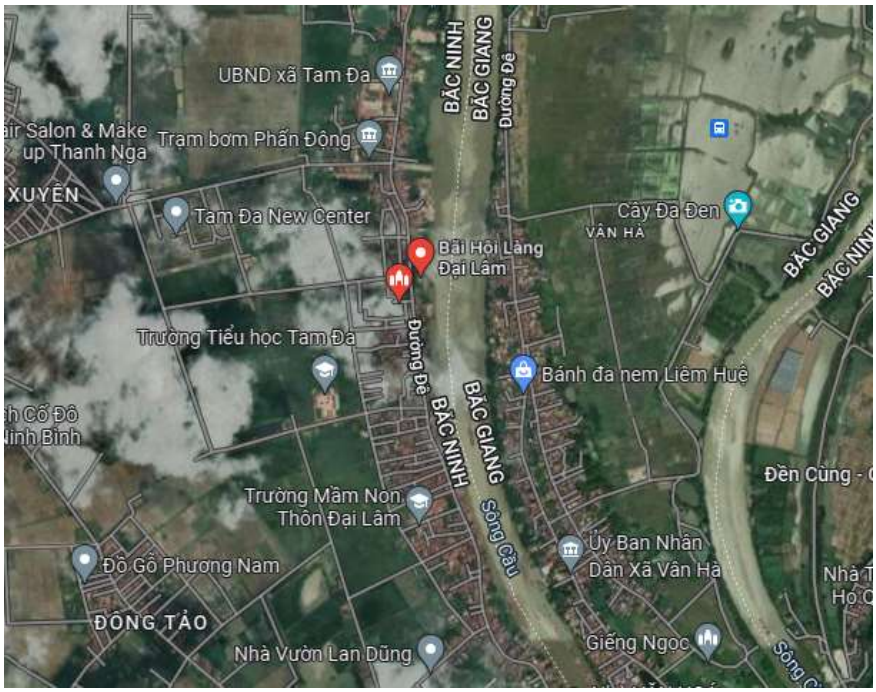

Nguồn: Lấy từ Mapgoogle ngày 15/2/2022

SƠ ĐỒ LÀNG BẤT LỰ

Nguồn: Lấy từ Mapgoogle ngày 15/2/2022

Phụ lục 4
MỘT SỐ HÌNH ẢNH

Ảnh 1: Không gian, cảnh quan bình dị, khoáng đạt của làng cổ Đại Lâm bên bờ Nam sông Cầu - NCS, 2019

Ảnh 2: Một góc làng cổ Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 3: Khu vực cổng làng Bất Lự mang dáng dấp của đô thị - NCS, 2020

Ảnh 4: Hệ thống đường giao thông ở Bất Lự được quy hoạch, rải nhựa rộng rãi, hiện đại - NCS, 2020

Ảnh 5: Nghề nấu rượu vẫn được một bộ phận người dân ở Đại Lâm duy trì - NCS, 2019

Ảnh 6: Một khu nhà trọ mới được khánh thành ở Bất Lự - NCS, 2020

Ảnh 7: Trục đường chính ở Bất Lự nhộn nhịp hoạt động mua bán với các loại hàng hóa, dịch vụ đa dạng - NCS 2020

Ảnh 8: Một góc chợ Bất Lự - NCS, 2020

Ảnh 9: Nhiều loại dịch vụ, tiện ích hiện đại có mặt ở Bất Lự - NCS, 2020

Ảnh 10: Trục đường chính đi qua Đại Lâm với những dãy nhà cao tầng và các cửa hàng buôn bán tấp nập - NCS, 2020

Ảnh 11: Các di tích ở Đại Lâm thường xuyên được tu bổ, tôn tạo - NCS, 2019

Ảnh 12: Chùa Thiên Tích (Thiên Tích tự) ở Đại Lâm đang trong giai đoạn được trùng tu, mở rộng - NCS, 2019

Ảnh 13: Chùa Thiên Tích (Đại Lâm) sau khi được mở rộng sẽ "vươn" ra mặt đê - NCS, 2019

Ảnh 14: Đình làng Bất Lự nằm xen cạnh không gian những ngôi nhà cao tầng khang trang - NCS, 2020

Ảnh 15: Nhà Bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ trong khuôn viên đình làng Bất Lự - NCS, 2020

Ảnh 15: Đình Bất Lự khánh thành và được công nhận danh hiệu Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2016 - NCS, 2020

Ảnh 16: Đội tế làng Bất Lự và đại diện lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương - NCS (ảnh chụp lại), 2020

Ảnh 17: Quang cảnh hội vật làng Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 18: Hội làng Đại Lâm bên cạnh những trò vui truyền thống có thêm nhiều trò chơi mới, hiện đại - NCS, 2019

Ảnh 19: Một góc lễ hội làng Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 20: Liên hoan văn nghệ trong dịp hội làng truyền thống ở Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 21: Thi đấu cầu lông trong dịp hội làng ở Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 22: Các câu lạc bộ thể dục thể thao thu hút đông đảo người dân tham gia ở Đại Lâm - NCS, 2019

Ảnh 23: Bãi rác trung chuyển gây ô nhiễm ở gần khu dân cư Bất Lự - NCS, 2018